

Giải Mật

Contents

Giải Mật	1
1. Chương 1	2
2. Chương 1-2	3
3. Chương 1-3	5
4. Chương 2	8
5. Chương 2-2	11
6. Chương 2-3	15
7. Chương 2-4	18
8. Chương 2-5	20
9. Chương 2-6	25
10. Chương 2-7	30
11. Chương 2-8	34
12. Chương 2-9	36
13. Chương 2-10	40
14. Chương 3-1	45
15. Chương 3-2	46
16. Chương 3-3	49
17. Chương 3-4	55
18. Chương 3-5	58
19. Chương 3-6	59
20. Chương 3-7	61
21. Chương 3-8	65
22. Chương 4-1	69
23. Chương 4-2	72
24. Chương 4-3	74
25. Chương 4-4	77
26. Chương 4-5	81
27. Chương 4-6	83
28. Chương 4-7	86
29. Chương 5-1	88
30. Chương 5-2	91
31. Chương 5-3	94
32. Chương 5-4	98
33. Chương 5-5	101
34. Chương 5-6	103
35. Chương 5-7: Chương Ngoài: Sổ Tay Của Kim Trân	108

Giải Mật



Giới thiệu

Thể loại: Trinh thám Dịch giả: Sơn Lê Năm xuất bản: 3/2010 Một câu truyện kể về cuộc đời của một t

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/giai-mat>

1. Chương 1

Đã bao giờ bạn sống trong một thế giới hoàn toàn tách biệt với thế giới bên ngoài? Một thế giới nằm sâu dưới 701 tầng đất. Ở đó, họ - những con người không có tên mà chỉ biết đến nhau qua các ký hiệu, không nói năng mà chỉ hành động, không rơi lệ nhưng vẫn đầy bi thương, không nói cười nhưng tràn đầy cảm xúc... trong thế giới tưởng chừng câm lặng này cũng có biết bao chuyện xảy ra, có tiếng cười, và có cả những giọt nước mắt của tình người, tình yêu cuộc sống.

Năm 1873 có một người ngồi thuyền đi Tây tầm sư học đạo, người ấy là con út đời thứ bảy của dòng họ Dung - một nhà buôn muối nổi tiếng khắp vùng Giang Nam - tên gọi là Dung Tự Lai, sang đến trời tây, anh đổi tên thành John Lily. Về sau, mọi người nói, cái vị mặn ăm ướt truyền đời trên người nhà họ Dung bắt đầu bị bàn tay người này làm cho đổi vị, đổi thành hương vị có học tinh khiết trong lành, có cả chí khí của người quân tử yêu nước, cứu nước. Tất nhiên điều ấy không tách khỏi việc đi Tây của anh. Nhưng hỏi ấy, mục đích của nhà họ Dung cử anh đi Tây không phải muốn anh làm thay đổi sự nghiệp truyền đời của tổ tông, mà chỉ để kéo dài tuổi thọ của bà cụ cố họ Dung. Thời trẻ, bà cụ là cái máy đẻ, trong vòng mấy chục năm đã sản sinh cho dòng họ chín trai bảy gái, ai cũng phương trưởng, sự nghiệp thành đạt, lập những chiến công hiển hách cho sự hưng thịnh của dòng họ, đặt nền móng vững chắc cho địa vị tối thượng của bà cụ trong gia tộc. Tuổi thọ của bà cụ được kéo dài là bởi con cháu tôn sùng, nhưng sống không nhẹ nhàng, nhất là về đêm có biết bao nhiêu giấc mộng phức tạp bám lấy bà, làm bà kinh hoàng kêu thét lên như một cô bé. Ban ngày bà cụ vẫn còn sợ hãi. Ác mộng giày vò bà cụ, con cháu và vàng bạc của cải trong nhà trở thành vật bóc gỡ ác mộng cho bà, khói hương nghi ngút thường bị tiếng kêu thất thanh của bà làm cho kinh hoàng run rẩy. Sáng nào cũng vậy, trong khuôn viên nhà họ Dung cũng có một vài vị nhân sĩ trí thức đến giải mộng cho bà cụ, lâu dần, trình độ cao thấp của họ cũng hiện rõ.

Trong số những người đến giải mộng, bà cụ tin nhất một thanh niên phiêu bạt từ trời Tây đến thị trấn Đồng, ông Tây trẻ này có thể đọc chính xác những gì mà bà đã thấy trong giấc mộng, có lúc anh còn dự báo, thậm chí nói đến chuyện phải trái của những nhân vật trong mộng. Có điều, cái vẻ trẻ trung của anh đã quyết định công việc của anh một cách thật nhẹ nhàng. Nói như các bậc cao niên: cái miệng không lông, làm gì cũng không chắc. Thuật giải mộng của anh coi như đạt yêu cầu, nhưng thuật dịch mộng thì sai sót khá nhiều, hành sự như bùa chú ma quỷ, lúc đúng lúc sai. Cụ thể, mộng trước nửa đêm còn tạm được, những giấc mộng sau nửa đêm, gồm cả mộng trong mộng, anh ta hoàn toàn bó tay. Anh cũng nói, anh không chuyên học cái thuật này của ông nội, mà chỉ mắt thấy tai nghe, cố ý hay vô tình học lỏm một chút vậy thôi, học nghiệp dư, trình độ cũng nghiệp dư. Bà cụ mở bức tường giả ra, để lộ một bức tường đầy những bạc nén, khẩn cầu anh mời ông nội của anh đến, câu trả lời là không thể. Bởi ông nội của anh có dư tiền của, từ lâu không còn hứng thú với vàng bạc châu báu; thứ hai, ông nội của anh tuổi đã cao, chuyện vượt ngàn trùng dương có thể làm ông sợ hãi. Nhưng ông Tây trẻ này vẫn có thể chỉ cho bà cụ một con đường, đấy là cử người đi học.

Trong trường hợp một người không hạ mình trước một người, dường như đây là lối thoát duy nhất.

Công việc sau đây là, chọn một người lí tưởng trong số con cháu đông đúc. Người này phải đạt hai yêu cầu: phải hiếu thuận với bà cố, sẵn sàng vì thế mà nhảy vào lửa; thứ hai, thông minh hiếu học, chỉ trong một thời gian ngắn có thể học được thuật giải mộng và dịch mộng, phải vận dụng thành thạo. Trải qua nhiều lần tuyển chọn, cậu thanh niên Dung Tự Lai hai mươi tuổi có phần trội hơn. Vậy là, Dung Tự Lai cầm thư giới thiệu của ông Tây trẻ viết cho ông nội, vai gánh trọng trách kéo dài tuổi thọ cho bà cố, đi ngày đi đêm, bắt đầu vượt biển, tầm sư học đạo. Một tháng sau, trong một đêm giông tố, chiếc tàu thủy chở Dung Tự Lai vẫn lênh đênh trên Đại Tây dương, bà cố nằm mơ thấy chiếc tàu bị gió bão nuốt xuống đáy biển, đứa cháu chết trong bụng cá, trong giấc mộng bà buồn đau vô hạn, buồn đau tuyệt vọng trong mộng dẫn đến buồn đau tuyệt vọng thật sự, khiến bà cố không còn tỉnh mộng, cứ thế đi gặp Diêm vương. Sau một chặng đường gian nan vất vả, Dung Tự Lai đến được với vị đại sư giải mộng, rất chân thành đệ trình thư giới thiệu. Cùng lúc ấy, vị đại sư giải mộng trao cho anh một bức thư, thư báo hung tin bà cố đã qua đời. So với người, thư đi nhanh, đến trước cũng là việc hợp tình hợp lí.

Vị đại sư tuổi ngoài tám mươi đang ở bước đường cùng của nghề truyền giáo, ánh mắt nhọn như mũi tên đủ để bắn hạ con chim đang bay, nhìn người từ phương xa đến, bằng lòng nhận con người xa lạ này làm học trò. Nhưng Dung Tự Lai lại nghĩ khác, bà cố đã chết, học cũng mất công, cho nên anh chỉ lãnh ý đại sư, nhưng trong bụng lại định ngày để đi nơi khác. Trong thời gian chờ để đi, anh kết giao với một người đồng hương trong trường học của đại sư, người đồng hương này đưa anh lên nghe giảng mấy bài, vậy là anh từ bỏ ý định đi khỏi nơi này, bởi anh phát hiện ở đây có nhiều điều đáng học. Anh ở lại với người đồng hương, ban ngày học hình, học toán và phương trình thức với một người Slave và một người Thổ Nhĩ Kỳ, buổi tối học dự thính âm nhạc người cháu của một vị người Bahir. Vì say mê học, thời gian qua nhanh, khi anh nhận ra mình phải về thì đã qua bảy mùa xuân thu. Chớm thu năm 1880, Tự Lai lên tàu về nước cùng mấy chục sọt nho mới hái, về đến nhà đã là mùa đông, nho ở trong khoang tàu đã ủ thành rượu.

Nói như người thị trấn Đồng, bảy năm nhưng trong nhà họ Dung không có gì thay đổi, nhà họ Dung vẫn là nhà họ Dung, buôn muối vẫn buôn muối, người hưng vượng vẫn là người hưng vượng, của cải như nước vẫn là của cải như nước. Thay đổi duy nhất là, người con đi Tây học đã về, nay không còn nhỏ, không những có thêm cái tên lạ hoắc: John Lily. Hơn thế, còn có thêm nhiều tật, ví dụ búi tóc trên đầu không còn, cái áo dài trên người nay đã thành ghilê, thích uống thứ rượu đỏ như máu, lúc nói chuyện thảnh thơi lại có thêm những tiếng như tiếng chim, vãn vãn. Kì quặc hơn nữa là, anh không ngửi quen cái mùi mặn của muối, đây là điều kì quặc nhất. Ra bến tàu hoặc đến cửa hàng, hễ ngửi thấy mùi muối mặn là nôn khan, có lúc còn nôn ra nước vàng. Hậu duệ của nghề buôn muối nhưng lại không ngửi quen mùi muối, đây là điều kì lạ, kì lạ như người không trông thấy người. Tuy nhiên, Tự Lai biết rõ tại sao - vì những ngày anh phiêu bạt bên trời Tây, mấy bận rơi xuống nước, bị nước biển mặn làm cho sống đi chết lại, dấu ấn đau khổ khắc sâu vào xương cốt, thậm chí sau đây, anh đi tàu biển không thể không ngậm mấy cánh chè mới có thể miễn cưỡng qua nổi. Nhưng đã nói thì nói cho rõ, có qua nổi hay không là một chuyện, không quen mùi muối mặn làm thế nào để nổi nghiệp cha? Không thể làm ông chủ mà miệng cứ luôn luôn phải ngậm lá chè.

Đúng là sự việc thay đổi không thể lường nổi.

Trước khi đi tầm sư học đạo, bà cố đã nói, chờ đến ngày anh học thành nghề trở về, số bạc giấu trong tường sẽ là phần thưởng cho lòng hiếu thảo của anh. Về sau, anh dựa vào số bạc ấy để lập nghiệp. Anh lên thành phố C của tỉnh xây dựng một cái trường học rất mẫu mực, gọi tên là Trường dạy toán Lily.

Đây là tiền thân của Trường đại học N. rất nổi tiếng.

2. Chương 1-2

Sự nổi tiếng của Trường đại học N. bắt đầu từ trường dạy toán Lily.

Người đầu tiên đưa lại danh tiếng cho trường là John Lily. Ông làm cái chuyện động trời là chiêu sinh cả những nữ học sinh, đúng là việc kinh động thể gian, lập tức làm cho trường nổi tiếng. Trong mấy năm đầu, có cảm giác trường này giống như một trường Tây, ai đến thành phố này cũng phải đi xem trường, xem cho

thoả thích con mắt, giống như đi chơi cô đầu. Theo kể lại, trong xã hội phong kiến, chỉ với cái cơ tuyến nữ sinh, cũng đủ san phẳng nhà trường. Tại sao không? Có nhiều cách nói, cứ như cách nói trong gia phả dòng họ Dung, có thể đáng tin nhất. Gia phả họ Dung kín đáo chỉ ra rằng, những người con gái đầu tiên vào trường học đều là hậu duệ của dòng họ. Như vậy có nghĩa là, tôi giẫm đạp lên bản thân tôi, liệu các người còn nói gì nào? Đây là điều diệu kì làm cho trường dạy toán bị chữ rửa nhưng không bị đổ. Giống như đứa trẻ gào khóc, trường dạy toán Lily bị người đời tát cho khóc to hơn.

Người thứ hai đưa lại danh vọng cho nhà trường cũng là người nhà họ Dung: một cô cháu gái của John Lily, kết tinh của người anh cả của J. Lily ở độ tuổi sáu mươi với nàng hầu. Cô gái này có cái đầu hỏ vừa tròn vừa to, nhưng chứa đựng trong đầu không phải là bã đậu, mà là những mưu kế thần diệu. Từ nhỏ cô tỏ ra thông minh khác người, nhất là làm các phép tính dài và thuật diễn toán. Mười một tuổi đi học, mười hai tuổi có thể cộng trừ nhân chia trên bàn tính, tính nhanh ai cũng phải phục, chỉ cần nhổ xong một bãi nước bọt cô đã tính nhẩm xong hai con tính nhân chia bốn chữ số. Những đề toán khó đến tay cô đều giải quyết một cách nhanh chóng, khiến người ra đề phải thất vọng, ngỡ rằng cô ta chưa hề nghe thấy đề toán ấy. Một ông thầy bói mù chuyên sờ đầu đoán số, đã đoán số cho cô, nói chớp mũi cô cũng có óc, chín chín tám mươi mốt năm mới có một kì nhân như thế này. Năm mười bảy tuổi, cô cùng người anh họ con bà cô du học ở Đại học Cambridge, chuyến tàu thủy đi vào bến Luân Đôn sương mù dày đặc, ông anh họ vốn lấy thơ phú làm thú tiêu khiển tao nhã, bỗng trào ý thơ, cảm hứng trước lớp sương mù, xuất khẩu thành thơ:

Dựa vào sức mạnh đại dương

Ta đến đây

Ta đến đây

Ta đến đây

Sương mù không che khuất vẻ hoa lệ.

Cô em họ bị tiếng ngâm thơ của ông anh làm tỉnh giấc, cặp mắt ngái ngủ nhìn cái đồng hồ quả quýt vỏ vàng, cô bật lên một câu: “Chúng ta đi mất ba mươi chín ngày và bảy tiếng đồng hồ.”

Sau đấy hai anh em như bước vào một con đường đã định, lần lượt hỏi đáp.

Anh hỏi: “Ba mươi chín ngày bảy tiếng đồng hồ bằng...”

Cô em trả lời: “Chín trăm bốn mươi ba tiếng đồng hồ.”

Anh hỏi: “Chín trăm bốn mươi ba tiếng đồng hồ bằng...”

Cô em: “Năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi phút.”

Anh hỏi: “Năm mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi phút bằng...”

Cô em: “Ba triệu ba trăm chín mươi tư ngàn tám trăm giây.”

Tưởng chừng trò chơi này là một phần trong cuộc sống của hai anh em, ai cũng coi cô là cái bàn tính không cần dụng tay, cũng có lúc họ dùng đến. Trò chơi ấy trong cuộc sống khiến cho tài năng và giá trị của cô nổi trội, theo đó mọi người gọi cô là Cái bàn tính. Bởi cái đầu cô rất lớn, cho nên có người gọi cô là Cái bàn tính đầu to, nhưng sự thật thì, thuật toán của cô còn cao siêu hơn bất cứ một cái bàn tính nào. Tưởng chừng như cô đã thu hết khả năng tính toán làm ăn của nhiều đời trong dòng họ Dung vào đầu óc mình, mang ý nghĩa lượng biến thành chất.

Trong thời gian ở Cambridge, cô vẫn giữ được cái tư chất bẩm sinh lại phát lộ thêm những tư chất mới, ví dụ học ngôn ngữ. Bạn bè phải nghiêng răng nghiêng lợi để học, còn cô chỉ cần tìm một đứa bạn người nước ngoài đến ở cùng phòng, thử vài lần là có thể giải quyết vấn đề. Chừng như mỗi học kì lại đổi một bạn ở chung, cho đến khi kết thúc học kì, chắc chắn cô đã có thêm một ngoại ngữ, nói không thua kém gì bạn cùng phòng. Rõ ràng, về phương pháp học không có gì đặc biệt, chỉ là phương pháp thông thường mọi người vẫn học. Kì lạ là kết quả. Như vậy, trong mấy năm học cô biết thêm bảy ngôn ngữ nước ngoài, hơn nữa, thứ tiếng nước ngoài nào cô cũng đọc và viết thành thạo. Một hôm, trong sân trường, cô gặp một cô gái tóc màu tro, cô gái này hỏi chuyện gì đó, cô nghe không hiểu, nói với cô gái kia bằng bảy thứ tiếng, nhưng vẫn

không hiểu nhau. Thì ra cô gái này vừa từ Miland đến, chỉ biết nói tiếng Ý. Biết vậy, cô mời cô gái kia về ở cùng phòng một học kì. Ngay trong học kì ấy, cô bắt đầu thiết kế cầu toán học Newton.

Cầu toán học Newton là một cảnh quan đẹp của thành phố Cambridge, cầu được ghép bằng bảy nghìn một trăm bảy mươi bảy thanh gỗ lớn bé khác nhau, có mười ngàn hai trăm chín mươi chín chỗ nối, nếu tính mỗi chỗ nối có một cái đỉnh, vậy ít nhất có mười ngàn hai trăm chín mươi chín cái đỉnh. Nhưng Newton đổ tất cả đỉnh xuống sông, toàn bộ cây cầu không có một cái đỉnh nào, đó là sự kì diệu của toán học. Bao nhiêu năm nay, những nhân vật tài giỏi của khoa toán trường Cambridge đều mơ ước tìm lời giải cho bài toán cây cầu, nói một cách khác, làm một cây cầu như cây cầu toán học trên trang giấy. Nhưng chưa một ai làm được. Có rất nhiều người thiết kế ra một cây cầu nhưng phải dùng hàng ngàn cái đỉnh mới có được hiệu quả như cây cầu kia, chỉ một số ít người giảm được số đỉnh xuống còn ít nhất dưới một ngàn chiếc đỉnh. Có một người Bằng Đảo nói, anh ta lập được thành tích tốt nhất trong lịch sử là đã giảm số đỉnh xuống còn năm trăm sáu mươi một chiếc. Tiến sĩ toán nổi tiếng Pedro Almo, đảm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng thẩm định cây cầu toán học Newton đưa ra cam kết, nếu ai có thể giảm được số lượng đỉnh theo cơ số trên đây, dù chỉ là một cái, sẽ được vinh dự trực tiếp nhận học vị Tiến sĩ toán của Đại học Cambridge. Về sau cô em họ đã nhận học vị tiến sĩ của Đại học Cambridge theo cách đó, vì cô đã thiết kế được cây cầu toán học chỉ dùng ba trăm tám mươi tám cái đỉnh sắt. Trong lễ phong học vị tiến sĩ, cô đã dùng tiếng Ý để nói lời cảm ơn, nhằm chứng tỏ chỉ trong một thời gian ngắn nhất cô đã nắm vững được thêm một ngôn ngữ.

Đây là năm thứ năm cô vào Đại học Cambridge, lúc ấy mới hai mươi hai tuổi.

Năm sau, có hai anh em muốn đưa con người lên trời, đến Cambridge gặp cô em, họ có lí tưởng và quyết tâm cao, đưa cô sang Mỹ. Hai năm sau, ở một vùng nông thôn bang Caroline Bắc, con người đã thành công đưa được một cái máy bay lên bầu trời xanh. Trong bụng chiếc máy bay ấy có một tấm biển màu xám, khắc tên những nhân vật chủ yếu và thời gian thiết kế, chế tạo chiếc máy bay này. Trong đó, dòng thứ tư khắc như sau: Người thiết kế cánh máy bay: Dung Bàn tính Lily, người thành phố C, Trung Quốc.

Dung Bàn tính Lily là tên Tây của cô, trong gia phả nhà họ Dung, cô tên là Dung Ấu Anh, là hậu duệ đời thứ tám dòng họ Dung. Còn hai người đưa cô sang Mỹ là người đầu tiên trong lịch sử chế tạo máy bay, anh em Wright.

Máy bay đã đưa tên tuổi của cô lên trời, cô cũng đã đưa tên trường mẹ lên trời. Sau cách mạng Tân Hợi, nhận thấy tổ quốc Trung Hoa có cơ hội chấn hưng, thậm chí cô đã từ bỏ tình yêu đã qua nhiều năm, dứt khoát về nước, nhận chức Chủ nhiệm khoa toán của trường mẹ. Lúc ấy, trường dạy toán Lily đã đổi tên thành trường đại học N. Mùa hè năm 1913, Chủ tịch Hội đồng thẩm định cầu toán học Newton, tiến sĩ Pedro Almo, nhà toán học nổi tiếng, đem theo mô hình cây cầu toán học Newton có ba trăm tám mươi tám cái đỉnh do Dung Ấu Anh thiết kế, xuất hiện ở Trường đại học N. Điều ấy đã đưa lại cho Đại học N một vinh dự, cũng có thể nói tiến sĩ Pedro Almo là người thứ ba đưa lại tiếng tăm cho Đại học N.

Một ngày tháng Mười năm 1943, quân Nhật đưa ngọn lửa chiến tranh đến khuôn viên Đại học N, mô hình một phần hai trăm năm mươi của cây cầu toán học Newton - báu vật của thế giới - do tiến sĩ Pedro Almo tặng, bị thiêu trong ngọn lửa dã man và ngu xuẩn. Nhưng hai mươi chín năm trước, tức một năm sau ngày tiến sĩ Pedro Almo thăm Đại học N, chủ nhân thiết kế cây cầu đã từ biệt cõi đời, năm ấy mới bốn mươi tuổi.

3. Chương 1-3

Cô em họ, hoặc Dung Ấu Anh, hoặc Dung bàn tính Lily, hoặc Bàn tính đầu to, chết trên bàn để.

Đã qua bao nhiêu năm, những người tận mắt chứng kiến nàng dễ, nay cũng không còn, nhưng quá trình sinh nở vô cùng gian khổ giống như một cuộc chiến tranh khủng khiếp, trở thành truyền thuyết cho các thế hệ, truyền thuyết càng ngày càng được tinh luyện và trở nên kinh điển, giống như một câu thành ngữ. Khỏi phải nói, đây là một lần sinh nở xé tim xé phổi, kêu gào thảm thiết kéo dài suốt hai ngày hai đêm, mùi tanh

của máu đặc tràn khắp lối đi của bệnh viện, bay cả ra ngoài phố. Bác sĩ dùng mọi biện pháp tiên tiến của thời bấy giờ và cả những cách ngu xuẩn nhất, nhưng đầu đứa bé đen trùi vẫn lúc ẩn lúc hiện, hành lang trước phòng đẻ những người nhà họ Dung và họ Lâm cha của đứa bé, mỗi lúc một đông, về sau, mỗi lúc một ít đi, chỉ còn lại hai chị hầu gái. Vì những người kiên cường nhất cũng phải sợ hãi sự nguy hiểm sinh sản kéo dài, niềm vui sinh sản bị nỗi sợ hãi của cái chết bao phủ, giữa cái sống và cái chết bị thời gian đau khổ vô tình thay đổi. Cuối cùng thì ông J. Lily cũng xuất hiện nơi hành lang, mà cũng là người cuối cùng rời nơi này, trước khi rời, ông buông một câu:

“Đứa nhỏ này sinh ra không phải là đế vương thì cũng là ma quỷ!”

“Tám chín phần mười không sinh được.” Bác sĩ nói.

“Sinh được.”

“Không sinh được.”

“Anh không hiểu cô ta, cô ta là người không bình thường.”

“Nhưng những người phụ nữ mà tôi hiểu, sinh con ra đều là kì tích.”

“Cô ta vốn là người sáng tạo kì tích.”

Ông J. Lily nói xong rồi bỏ đi.

Bác sĩ ngăn ông ta lại:

“Đây là bệnh viện, ông phải nghe theo tôi, nếu không sinh được thì thế nào?”

Ông Lily không nói gì. Bác sĩ tiến thêm một bước:

“Người mẹ và đứa bé thì giữ ai?”

Ông Lily nói rất kiên quyết:

“Tất nhiên là giữ người mẹ.”

Nhưng trước một sinh mệnh đang bị đe dọa, lời của ông J. Lily làm sao có thể bảo đảm? Trời sáng, sản phụ lại qua một đêm vật vã giãy giụa, yếu đến mức không còn sức, rơi vào hôn mê. Bác sĩ dùng nước đá làm cho sản phụ tỉnh lại, lại tiêm thuốc kích thích liều cao, chuẩn bị cho cố gắng cuối cùng. Bác sĩ bày tỏ rõ ràng, nếu lần này không được sẽ hi sinh đứa nhỏ để giữ người mẹ. Nhưng kết quả ngược lại ý muốn, bởi sản phụ trong tiếng kêu gào tuyệt vọng cuối cùng, lá gan bị vỡ. Vậy là vào lúc sự sống của đứa bé ngàn cân treo sợi tóc, bác sĩ phải mổ để cứu lấy nó.

Đứa bé giành được quyền ra đời bằng việc đánh đổi sinh mệnh của người mẹ, mọi người có thể thấy được sự bí mật ra đời đầy khó khăn của nó. Lúc nó ra đời, tất cả những người có mặt đều kinh ngạc, cái đầu nó còn lớn hơn cả vai. Để so sánh, đầu mẹ nó chỉ có thể rất bé, đầu nhỏ sinh đầu lớn, hơn nữa cái đầu nhỏ năm ấy đã ngoài bốn mươi. Nếu muốn sinh ra một đứa bé có đầu to như vậy, e rằng chỉ có một con đường chết. Có nhiều chuyện ở đời không sao hiểu nổi, một phụ nữ có thể đưa một khối sắt thép nặng hàng mấy tấn lên trời, nhưng lại bó tay trước một khối thịt của chính bản thân.

Đứa bé ra đời, tuy nhà họ Lâm đặt đủ thứ tên cho nó, tên thường gọi, tên khai sinh, tên hiệu, có mấy cái tên kèm chữ Lâm. Nhưng sau đấy mọi người nhận ra, tất cả những cái tên đều vô ích, vì cái đầu to của nó, lại thêm quá trình ra đời đầy khó khăn nguy hiểm, nên tự nó đã có biệt danh: Quỷ đầu to.

Quỷ đầu to!

Quỷ đầu to!

Gọi nó như thế thật sự đã đời.

Quỷ đầu to!

Quỷ đầu to!

Người quen người lạ đều gọi nó như thế.

Trăm người, ngàn người đều gọi nó như thế.

Điều làm mọi người khó tin là, Quỷ đầu to bị mọi người gọi, cuối cùng biến thành quỷ, con quỷ không chuyện ác nào không làm, con quỷ không nơi nào không đến. Nhà họ Lâm ở thành phố này thuộc loại giàu có nhất nhì, tài sản rải rác một con phố dài mười dặm. Nhưng từ ngày có Quỷ đầu to, con phố dài bắt đầu ngấn dần, tài sản cứ hao dần vì phải trả nợ cho quỷ. Nếu không có người đàn bà trắng hoa độc ác mượn dao giết chết Quỷ đầu to, sợ rằng nhà họ Lâm không còn nổi một mảnh đất trú chân. Nghe nói, Quỷ đầu to mười hai tuổi bước ra xã hội, chết năm hai mươi hai tuổi, trong mười năm ít nhất hơn chục lần can án, chơi đến hơn trăm cô gái, số tiền đánh bạc có thể chất cao như núi, rải thành đường. Con người vì nhân loại lập công ngàn thu, được người đời ngợi ca là tài nữ, cuối cùng để lại cho đời một đứa con gây nên biết bao nhiêu tội ác, không sao tưởng tượng nổi.

Quỷ đầu to ra ma ít lâu, nhà họ Lâm vừa được thở phào nhẹ nhõm, lại bị một người đàn bà bí ẩn quấy rối. Người đàn bà này từ một tỉnh khác đến, gặp mặt chủ nhân nhà họ Lâm, không nói năng gì cứ vậy quỳ thụp xuống, ngón tay chỉ vào cái bụng lùm lùm, khóc lóc kêu lên: đây là nòi giống nhà ông! Người nhà họ Lâm nghĩ bụng, số gái Quỷ đầu to chơi khi còn sống phải dùng mấy cái thuyền cũng không chở hết, nhưng cũng chưa thấy chị nào vác cái bụng đến nhà bắt vạ, hơn nữa, chị này lại là người tỉnh khác, càng đáng ngờ, khiến cả nhà tức lắm. Vậy là, ông chủ đá chị ta ra khỏi cửa. Chị này nghĩ rằng sẽ bị trụ thai, vậy lại hay, không ngờ toàn thân chị đau đớn, chỗ cần đau không thấy ra nước, chị ta đâm mạnh vào đấy mấy cái, nhưng vẫn không việc gì, chị ta tức giận ngồi giữa phố khóc lóc kêu gào. Người xem đứng vòng trong vòng ngoài, có người động lòng trắc ẩn, bảo chị ta đến Trường đại học N để xem có may mắn hơn không, ở đấy có người nhà của Quỷ đầu to. Vậy là chị này tỏ ra đau đớn lảo đảo đến Trường đại học N, quỳ trước mặt ông J. Lily. Suốt đời ông Lily đi tìm chân lí, kiên trì giáo dục con người, nhân tình đạo lí truyền thống và hiện tại đều có, đều đầy đủ, ông giữ người đàn bà này lại, chọn ngày và sai con là Dung Tiểu Lai - mọi người quen gọi là Lily con - lặng lẽ đưa về quê cũ là thị trấn Đồng.

Cơ ngơi nhà họ Dung chiếm đến một nửa thị trấn Đồng, tòa ngang dãy dọc, nhưng tường bong sơn tróc tỏ ra là một gia đình trên bước đường suy vi, chứng tỏ đang biến đổi theo thời gian. Với một ý nghĩa nào đó, kể từ ngày ông J. Lily mở trường trên tỉnh, con cháu nhà họ Dung tiếp tục vào trường học hành, cảnh tượng phồn vinh ở quê cũ nhất định phải suy giảm. Những người ra đi không còn ai về để thừa kế sự nghiệp của cha ông là một nguyên nhân, nguyên nhân khác là thời đại không còn, chính phủ thực hiện quản lý thống nhất nghề muối, coi như ngăn chặn con đường làm giàu của dòng họ Dung. Ngăn chặn thì ngăn chặn. Đây là thái độ của ông J. Lily chủ soái của đa số người họ Dung, là bộ phận người họ Dung tôn sùng khoa học, đi tìm chân lí, không thích tiền bạc tài sản, không say mê với đời sống bá vương, không quan tâm đến sự hưng vong của tổ nghiệp, sự chìm nổi của dòng họ. Gần mười năm, dòng họ Dung suy vong không giảm, nguyên nhân không nói ra, nhưng sự thật lại được phơi bày ngay trước cửa. Đây là tấm hoành phi có bốn chữ thép vàng: Bắc phiệt hữu công. Đằng sau đây là chuyện thế này: khi quân Bắc phiệt đánh đến thành phố C, ông J. Lily thấy đám học sinh trường mình tràn cả ra phố quyên góp cho quân Bắc phiệt, ông rất cảm động, ngay trong đêm về thị trấn Đồng, bán bến tàu và nửa con phố tổ tiên để lại, mua một thuyền vũ khí tặng quân Bắc phiệt. Sau đấy ông được thưởng tấm hoành phi kia. Bởi vậy, một thời gia đình họ Dung có thêm vinh dự là gia đình yêu nước cứu nước. Nhưng chỉ ít lâu sau, vị tướng quân nổi tiếng của quân Bắc phiệt đã từng múa bút viết tấm hoành phi kia, trở thành tên tội phạm, bị Chính phủ Quốc Dân yết thị bêu tên, không khỏi bao trùm lên tấm hoành phi một màu ảm đạm. Về sau, chính phủ làm hoành phi mới, cũng những chữ ấy, cũng thiếp vàng, có điều thay đổi thư pháp, yêu cầu gia đình họ Dung thay đổi, nhưng bị ông J. Lily từ chối. Từ đấy, dòng họ Dung và chính phủ không hợp nhau, buôn bán cầm chắc suy thoái. Suy thoái thì suy thoái, tấm hoành phi vẫn treo kia, thậm chí ông J. Lily còn nói, ông còn sống ngày nào, không ai được hạ tấm hoành phi xuống.

Suy thoái càng thêm suy thoái.

Vậy là, trong đại gia đình họ Dung trước kia, nam nữ đồng đường, già trẻ cùng nhau, chủ tớ đông đủ, nói cười vui vẻ, nay trở nên vắng bóng người, không còn ồn ào, hơn nữa, bóng người và giọng nói hiện có chỉ là của ông chủ, nữ nhiều, tớ đông hơn chủ, âm dương không điều hoà, rõ ràng đã xảy ra hiện tượng bất thường, âm dương không cân bằng, trời và người không hoà hợp. Người ít đi, nhất là những người thích ồn ào, trong khuôn viên tỏ ra trống trải, chim về làm tổ trên cành cây, nhện dăng mùng trước cửa, lối đi rêu phong cỏ mọc, khúc quanh hun hút, chim nhà đã bay đi, hòn giả sơn biến thành núi thật, vườn hoa biến

thành bãi hoang, vườn sau biến thành mê cung. Nếu nói khuôn viên nhà họ Dung được bài trí khéo léo, rất khí thế, là một thiên tử văn đẹp, hình tan nhưng ý không tan, vậy thì ngày nay nó như là một bản thảo sơ sài, chỉ trừ một vài chỗ ngòi bút xuất thần như vốn có, phần lớn còn phải chờ được sửa sang, bởi quá rối rắm. Chắc chắn nơi này sẽ là một chỗ lí tưởng để đem giấu một cô gái hoang không tên, không thân phận.

Nhưng để bác trai và bác gái thu nhận, anh Lily con cũng phải động não suy nghĩ. Khi truyền nhân đời thứ bảy của dòng họ Dung qua đời, chỉ còn lại ông J. Lily nhưng lại ở trên tỉnh. Anh cả và chị dâu hiện tại là những chủ nhân rất xứng đáng của dòng họ Dung tại thị trấn Đồng. Nhưng anh cả tuổi đã cao, bị trúng phong, trở nên mất trí, suốt ngày nằm trên giường bệnh, giống như một cái đồ dùng biết nói, mọi quyền uy từ lâu đã chuyển vào tay bà vợ. Nếu nói cái bụng chị kia là nghiệp chướng do Quỷ đầu to gây nên, vậy hai bác của Lily con thực chất cũng là ông bà của cái nghiệp chướng kia. Nhưng nếu nói rõ ra, khác nào cưỡi áo cho người xem lưng, chỉ thêm xấu hổ. Nghĩ đến chuyện bác dâu sùng đạo Phật, anh Lily con chùng như trong bụng đã định sẵn. Anh đưa cô gái vào nơi bà bác niệm Phật, trong khói hương nghi ngút cùng với tiếng mõ đều đều, Lily con và bác gái một hỏi một trả lời:

“Cô ấy là ai?”

“Một người con gái không tên.”

“Có gì nói nhanh lên, để tôi còn tụng kinh.”

“Cô ấy mang bầu.”

“Tôi không phải là bà đỡ, đến tìm tôi làm gì?”

“Cô ấy rất sùng đạo Phật, từ nhỏ lớn lên nương nhờ cửa Phật, nay không lấy chồng, năm kia có đến núi Phổ Thiệt triều bái Phật kinh, lúc trở về bỗng có mang, bác có tin không?”

“Tin thì sao?”

“Tin thì nhận nuôi cô ấy.”

“Không tin thì sao?”

“Không tin cũng đừng đuổi cô ấy ra đường.”

Bà phải một đêm mất ngủ vì tin hay không tin, Đức Phật chưa giúp gì được bà, cho đến trưa khi Lily con giả vờ đuổi cô gái kia đi, bà mới uể oải nói:

“Giữ lại, A Di Đà Phật!”

4. Chương 2

Liền trong hai năm, tôi dành những ngày nghỉ phép để quần quanh tại mấy địa điểm đường sắt giao nhau ở miền Nam, đầu tiên là hỏi chuyện năm mươi một người lớn tuổi biết chuyện, đọc hơn một triệu chữ tư liệu, cuối cùng vững tin để ngồi viết. Những ngày ở miền Nam cho tôi hiểu thế nào là miền Nam. Cảm nhận thiết thân của tôi là, sau khi đến miền Nam, mỗi lỗ chân lông của tôi đều nở miêng cười, ngọt ngào hít thở, say mê hưởng thụ, đẹp tươi như hoa, thậm chí từng chân tơ kẽ tóc rối rắm cũng trở nên sống động, tưởng như đen hơn. Cho nên, không có gì lạ khi tôi chọn một nơi ở miền Nam để ngồi viết, điều khó hiểu là, do thay đổi nơi ngồi viết, dẫn đến phong cách viết của tôi cũng thay đổi theo. Tôi nhận ra, khí hậu dễ chịu làm tôi cảm thấy đủ dũng khí và lòng kiên nhẫn vượt qua khó khăn trong lúc viết, đồng thời làm cho câu chuyện tôi kể cũng xanh tươi như cây cỏ miền Nam. Nói thẳng ra, nhân vật chính của câu chuyện lúc này vẫn chưa xuất hiện, nhưng sắp xuất hiện. Với một ý nghĩa nào đấy, nhân vật chính đã xuất hiện, chẳng qua tôi chưa trông thấy, giống như chúng ta không trông thấy những hạt giống nảy mầm dưới lớp đất ẩm.

Thật ra, hai mươi ba năm trước, việc thiên tài Dung Ấu Anh sinh ra Quỷ Đầu To, không ai tin rằng sự việc vô cùng khiếp sợ ấy còn có thêm một lần nữa. Nhưng, mấy tháng sau ngày người con gái không tên vào ở

trong nhà họ Dung, lại tái hiện một phiên bản đầu to. Vì còn trẻ, tiếng kêu gào của người con gái không tên càng vang hơn, tiếng gào cứ bay lượn trong khuôn viên thâm nghiêm, khiến cho ánh sáng cũng phải run rẩy, thậm chí làm cho ông trưởng họ mất trí cũng phải giật mình kinh hãi. Bà đỡ đến rồi về, về rồi đến, người trông coi hết người này đến người khác, lúc ra về trên người ai cũng nồng nặc mùi tanh của máu, máu dính đầy người, giống như một trận đấu kiếm. Máu từ trên bàn để chảy xuống đất, từ trong phòng chảy ra ngoài, chảy ra ngoài rồi vẫn còn chảy, chảy theo khe của những tấm đá xanh, chảy ra tận bãi cỏ có trồng mấy cây mai. Hoa mai nở lẫn với cỏ, lẽ ra phải tàn, nhưng mùa đông năm ấy hoa mai nở hai lần, nghe nói vì chúng được uống máu người. Lúc mai nở, người đàn bà không tên đã hồn xiêu phách lạc, không biết làm oan hồn ma đại nơi nào rồi.

Tất cả những người biết chuyện đều nói, cô gái không tên cuối cùng sinh hạ được đứa bé quả là kì tích. Những người ấy còn nói, nếu đứa trẻ được sinh ra, người mẹ sống, sẽ là đại kì tích, kì tích của kì tích. Có điều kì tích của kì tích đã không thành. Sau khi đứa trẻ được sinh ra, người con gái không tên cũng buông tay khỏi thế gian. Kì tích của kì tích không dễ gì tạo nên, trừ phi sinh mệnh không phải là máu thịt, vấn đề không ở đây, vấn đề ở chỗ khi mọi người rửa sạch máu trên mặt đứa bé, ai cũng kinh ngạc phát hiện, đứa bé từ đầu đến chân không một chỗ nào không giống Quỷ Đầu To: tóc đen xù lên, giống từ cái đầu to, cái bột hình trăng khuyết ở miệng. Sự việc đến nước này, hoá ra lời nói dối của Lily con thành to chuyện. Một đứa bé thần bí nửa người nửa thần tiên, ai trông thấy cũng kính nể và sợ hãi, bỗng chốc trở thành con quỷ nghịch tặc dữ tợn. Nếu bà chị dâu ông J. Lily không có chút ấn tượng nào đối với Bàn tính đầu to, khi trông thấy đứa bé này, e rằng dù có tấm lòng từ bi kính Phật, cũng phải đem nó vứt ra bãi hoang. Nói một cách khác, vào lúc quan trọng vứt hay không vứt, cái đứa nhỏ này và hình bóng quên mình của bà nội nó đã cứu nó, giữ nó lại trong gia đình họ Dung.

Nhưng giữ cái sinh mệnh ấy lại, thì sự tôn trọng đối với những người họ Dung không còn, thậm chí ngay cả họ tên của nó cũng không có. Suốt một thời gian dài, ai cũng gọi đứa nhỏ kia là Ma Chết. Một hôm, ông Tây đi qua cửa nhà hai vợ chồng lão bộc nhận nuôi Ma Chết, lão bộc rất khách khí mời ông Tây vào nhà, nhờ đặt cho đứa bé cái tên. Họ đều là người già sợ chết, cảm thấy ớn lạnh khi gọi Ma Chết, tưởng như giục đòi sinh mệnh của chính họ, cho nên rất muốn đổi tên cho đứa nhỏ. Đã từng đổi tên, những là Cún, là Miu, có thể không thiết thực, không ai gọi, không có ai gọi, xóm giềng cứ gọi nó là Ma Chết, Ma Chết, gọi cho hai ông bà già đêm nào cũng gặp ác mộng. Cho nên, rất bức xúc mời ông Tây đặt cho nó cái tên khác.

Ông Tây chính là người năm xưa giải mộng cho bà cố, một thời rất được nhà họ Dung yêu quý, nhưng không phải những người có tiền có của yêu quý. Một hôm, ở bến tàu, ông bói cho một người chuyên buôn trà, kết quả bị một trận đòn như tở, tay chân bị gãy không nói làm gì, ngay cả đôi mắt xanh sáng quắc cũng bị mất một con. Ông ta dựa vào cái tay cái chân gãy và con mắt mù bò đến cửa nhà họ Dung, người nhà họ Dung với thiện tâm của vong linh bà cố, nhận ông ta, sau đấy cứ ra ra vào vào, ở ngay trong nhà họ Dung, dựa vào hiểu biết và sự chán đời khi đã tỉnh ngộ, ông tìm cho mình một công việc thích hợp, ấy là sửa sang đình chính gia phả của dòng họ cao quý này. Hết năm nọ sang năm kia, cho đến nay, chính ông là người hiểu biết ngọn ngành họ Dung hơn bất cứ người nào của dòng họ, quá khứ, hiện tại, nam nữ, lịch sử công khai, lịch sử bí mật, hưng vong vinh nhục, thậm chí cả sự đổi thay trong từng chi tiết, dây mơ rễ má, tất thấy đều trong tim, trên đầu gối bút của ông ta. Cho nên, Ma Chết là người nơi nào, dây nào quả nào, quả này thối hay thơm, là sáng hay tối, sang hay hèn, vinh hay nhục, người bên cạnh hay trong mây trong mù... ông ta đều biết rõ, chính vì biết rõ, cho nên cái tên hoặc tên hiệu đều rất khó đặt.

Ông Tây suy nghĩ, tên phải có họ, vậy họ gì? Đúng lí ra, nó phải mang họ Lâm, nhưng như vậy khác nào lấy ông tôi ở bụi này, làm cho mọi người ghét bỏ; họ Dung, đây là chuyện cách đời không thể được; theo họ mẹ, cô gái không tên thì lấy đâu ra họ? Dù có cũng không thể lấy như thế, khác nào bôi gio trát trấu vào mặt nhà họ Dung, khác nào chửi thẳng vào mặt. Nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ mãi cái họ không ra, đành đặt cho nó cái tên hiệu. Ông Tây nhìn cái đầu to của nó, nó có cái đau khổ là sinh ra không cha không mẹ, là cái số tự sinh tự diệt, chợt nghĩ ra một cái tên hiệu: Sâu Đầu To.

Sự việc truyền đến Phật đường, người tụng kinh vừa ngửi mùi hương thơm vừa suy nghĩ rồi nói:

“Đều là hung thần, nhưng Quỷ Đầu To làm cho tài nữ nhà họ Dung phải chết, cho nên gọi là quỷ không còn gì đúng hơn, đứa nhỏ này làm chết một cô gái mà không biết xấu mặt, nó dám tỏ ra bất kính với Đức Phật, đúng là tội đáng chết, là đồ trời tru đất diệt! Làm cô ta chết tức là thay trời hành đạo, trừ ác cho con người, gọi đứa bé là quỷ có phần oan cho nó, vậy từ nay về sau gọi nó là Sâu Đầu To, chắc chắn nó

không hoá rồng được.”

Sâu Đầu To!

Sâu Đầu To!

Sâu Đầu To sống như một con sâu.

Sâu Đầu To!

Sâu Đầu To!

Sâu Đầu To lớn lên như một ngọn cỏ.

Trong khuôn viên rộng lớn, chỉ có một người coi Sâu Đầu To là con người, là một đứa bé, đó là ông Tây, một người tự do phóng khoáng đến từ bên kia đại dương. Mỗi ngày sau khi đọc xong một bài kinh buổi sáng và nghỉ buổi trưa, vẫn thường theo con đường rải đá yên tĩnh, thả bước đến nhà vợ chồng lão bộc, ngồi bên cạnh thằng Sâu Đầu To đang đứng trong cái thùng gỗ, hút điếu thuốc, dùng tiếng mẹ đẻ của ông ta để kể về giấc mộng đêm qua, hình như kể cho Sâu Đầu To nghe, thật ra chỉ một mình nghe thấy, vì Sâu Đầu To không hiểu. Có lúc, ông ta đem cho Sâu Đầu To cái chuông hoặc thằng người bằng đất, cái tượng bằng sáp..., hình như những thứ đó làm cho Sâu Đầu To có cảm tình với ông. Về sau, Sâu Đầu To chân tay đã cứng cáp, có thể vung vẩy đi chơi, chỗ mà nó đến là vườn lê, nơi ông Tây sống và làm việc.

Vườn lê, đúng như tên gọi, có hai cây lê trên trăm tuổi, trong vườn còn có một cái nhà gỗ có gác xép, là nơi nhà họ Dung cất giấu thuốc phiện và được thảo. Một năm, một người hầu gái bỗng mất tích, lúc đầu nghĩ cô đi theo trai, về sau phát hiện thi thể cô đã thối rữa trong cái nhà gỗ này. Cô hầu chết không rõ nguyên nhân, nhưng tin chết không cánh mà bay, làm cho người họ Dung ai cũng biết. Từ đấy về sau, vườn lê trở thành nơi ma quỷ trú ngụ và âm u đáng sợ, ai nhắc đến cũng phải biến đổi sắc mặt; trẻ con quấy khóc, người lớn đều lấy nơi này ra dọa: còn khóc nữa sẽ ném mày vào vườn lê! Ông Tây dựa vào cái nơi làm mọi người khiếp hãi để hưởng thụ sự yên tĩnh, tự do của riêng mình. Mùa lê nở hoa, nhìn hoa lê rụng rả, người thấy hương thơm của hoa, ông tin rằng, đây chính là nơi mà suốt đời ông phải cực khổ, phiêu bạt kiếm tìm. Lúc hoa lê tàn, ông nhặt những cánh hoa rơi, phơi khô, đem cất lên gác xép, như vậy quanh năm ngôi nhà lúc nào cũng ngan ngát hương thơm của hoa, có cảm giác bốn mùa đều là xuân. Vào những lúc buồn bực, ông còn dùng cánh hoa lê khô ngâm vào nước, uống vào thấy dễ chịu, rất công hiệu.

Sau lần đầu Sâu Đầu To đến, ngày nào nó cũng đến đây, đến nhưng không nói chuyện, chỉ đứng dưới gốc cây lê, ánh mắt dõi theo bóng ông Tây, nó lặng lẽ, rụt rè, giống chú nai con nhút nhát. Vì từ nhỏ phải đứng trong cái thùng gỗ, nó tập đi sớm hơn những đứa trẻ khác, nhưng chậm nói, hơn hai tuổi, những đứa khác đã biết đọc thơ ngũ ngôn thất luật, nó chỉ mới biết a... a... Nó chậm nói khác thường nên nhiều người nghĩ nó bị câm bẩm sinh, nhưng rồi một hôm, ông Tây nghỉ trưa trong lán tranh, bỗng nghe có tiếng kêu buồn đau:

“Mặt đất...”

“Mặt đất...”

“Mặt đất...”

Ông Tây lại nghe ra có người dùng tiếng mẹ đẻ để gọi tên cha của ông ta. Ông choàng mở mắt, trông thấy Sâu Đầu To đứng bên cạnh, tay kéo áo ông, nước mắt giàn giụa. Đây là lần đầu tiên Sâu Đầu To gọi người, nó coi ông Tây là cha đẻ, bây giờ cha đã chết, nó khóc, khóc gọi ông dậy. Từ hôm ấy, ông Tây đón Sâu Đầu To về ở trong vườn lê. Ông Tây ngoài tám mươi tuổi, dựng một cây đu ngay trong vườn lê, làm tặng phẩm mừng Sâu Đầu To tròn ba tuổi.

Sâu Đầu To sống dưới làn hoa lê bay bay rơi rụng.

Tám năm sau, cứ mỗi độ hoa lê đua nở, ông Tây ngày ngày đón những cánh hoa nhảy múa, trong bước đi lão đảo cổ suy xét đắn đo từng cách dùng từ, buổi tối chép lại bản thảo từ trong bụng lên trang giấy, mấy hôm sau thành lá thư gửi cho ông Lily con, con trai ông John Lily, đang trên tỉnh. Lá thư để trong ngăn kéo hơn một năm, cho đến khi ông cảm thấy mình không còn sống được bao lâu nữa, mới lấy ra, đề thêm

ngày tháng, sai Sâu Đầu To đưa ra trạm bưu điện. Bởi chiến tranh, ông Liy con không có chỗ ở cố định, đi về không quy luật, mãi mấy hôm sau mới nhận được thư. Lá thư viết:

Thưa ông Hiệu trưởng tôn kính,

Kính chúc ông mạnh khỏe, bình an!

Không biết tôi gửi thư cho ông có phải là sai lầm cuối cùng trong cuộc đời cổ hủ, ngu dốt của tôi? Bởi sợ hãi là một sai lầm, bởi cũng muốn sống thêm với Sâu Đầu To một ngày, cho nên viết xong thư này tôi không gửi ngay. Thư gửi vào trước đêm lâm chung của tôi, tuy như vậy là sai lầm, nhưng cũng may mắn tránh được những lời quở trách. Với đặc quyền của linh hồn, tôi từ chối mọi lời quở trách của thế gian, bởi sống ở thế gian này tôi đã phải nhận quá nhiều lời quở trách nặng nề. Đồng thời với linh hồn, tôi quan sát những ánh mắt của thế gian nhìn xem ông đã coi trọng lời lẽ trong lá thư này ở mức độ nào, thậm chí cả việc thực hiện. Ở một mức độ nào đấy, cũng có thể coi bức thư này là di chúc của tôi, tôi đã sống trên mảnh đất người ma lẫn lộn gần một thế kỉ, tôi biết ông rất cung kính người đã chết cũng giống như khắc nghiệt với người còn sống, khiến mọi người phải thán phục. Cho nên, tôi tin rằng ông không làm ngược lại di nguyện của tôi.

Tôi chỉ có một di nguyện là, với Sâu Đầu To, những năm gần đây, trên thực tế tôi là người trông coi nó, mà tiếng chuông tận thế cận kề nói với tôi, thời gian tôi trông coi nó đã nhiều, nay cần có người khác trông coi nó. Tôi cầu xin ông hãy là người trông coi nó từ nay về sau. Tôi nghĩ, ông có ba lí do để làm người trông coi nó:

1. Bởi thiện tâm và dũng khí của ông và của thân sinh ra ông, nó mới có may mắn đến với thế gian;
2. Dù thế nào đi nữa thì nó cũng là hậu duệ của dòng họ Dung, cụ cố của nó đã từng là người mà thân sinh của ông quý nhất đời;
3. Đứa nhỏ này cực kì thông minh. Những năm gần đây tôi như phát hiện một miền đất lạ, từng tí một bị trí tuệ thần bí như giấc mơ trên con người nó làm tôi phải kinh ngạc. Ngoại trừ tính cô đơn và lạnh lùng, tôi cho rằng nó không khác gì bà nội của nó, hai người rất giống nhau, thông minh hơn người, năng lực phân tích lí giải rất cao, tính cách trầm tĩnh. Ác-si-mét nói, nếu cho một điểm tựa, nó có thể làm xoay chuyển quả đất. Tôi tin nó là một người như thế. Nhưng bây giờ nó đang rất cần chúng ta, vì nó mới mười hai tuổi.

Thưa ông, hãy tin lời tôi, cho nó rời khỏi nơi này, đưa nó về sống bên cạnh ông, nó cần đến ông, cần tình yêu thương, cần sự giáo dục, thậm chí cần ông cho nó một cái tên.

Cầu xin!

Cầu xin!

Lời cầu xin của một người sống!

Cũng là lời cầu xin của một vong linh!

R. J. - Người sắp chết.

Thị trấn Đồng, ngày 8 tháng 6 năm 1944

5. Chương 2-2

Năm 1944, Trường Đại học N và thành phố C nơi có trường Đại học N, gặp nhiều tai hoạ, đầu tiên là ngọn lửa chiến tranh rửa tội, sau đấy là chính phủ ngục của Nhật Bản giày xéo, thành phố và lòng người có những thay đổi lớn. Khi ông Lily con nhận được thư của ông Tây, lửa chiến tranh đã tắt. Nhưng sự hỗn loạn của chính phủ ngục gây ra đạt đến cực điểm. Lúc bấy giờ, ông John Lily đã qua đời được mấy năm, uy tín còn lại của ông ngày một suy giảm, thêm vào đấy là thái độ bất hợp tác của chính quyền ngục, địa vị của ông

Lily con trong Trường Đại học N khó tránh khỏi lung lay, chính quyền ngụy coi trọng nhưng gây áp lực đối với ông, vì, thứ nhất ông là một người nổi tiếng, có giá trị lợi dụng mà người khác không có; thứ hai, dưới triều Chính phủ Quốc Dân, họ Dung của ông bị lạnh nhạt, rất dễ bị lợi dụng. Cho nên, khi chính phủ ngụy mới thành lập, đã khẳng khái phong cho ông Lily vốn là Phó Hiệu trưởng lên chức Hiệu trưởng, cho rằng làm như thế cũng đã đủ mua chuộc được ông. Không ngờ, ông Lily xé quyết định tấn phong ngay trước mặt mọi người, đồng thời để lại một câu nói rất nổi tiếng:

“Mất nước, họ Dung chúng tôi thà chết không phục tùng!”

Kết quả như thế nào cũng có thể biết, ông Lily được lòng người, nhưng bị mất chức. Ông muốn về thị trấn Đồng để tránh cái bộ mặt đáng ghét của chính phủ ngụy, gồm cả những con người và cuộc tranh giành quyền lực sục sôi một thời ngay trong nhà trường. Thư của ông Tây vô tình thúc đẩy hành trình của ông. Ông nhắm đọc những lời trong lá thư, bước xuống tàu, trước mắt hiện lên hình ảnh người quản gia trong gió mưa. Ông quản gia ra đón, bắt chợt ông hỏi:

“Ông Tây có khỏe không?”

“Ông Tây đi rồi.” Người quản gia nói. “Đi từ lâu rồi.”

Bỗng tim ông đập mạnh, lại hỏi:

“Vậy đứa bé kia đâu?”

“Ông hỏi ai ạ?”

“Sâu Đầu To.”

“Nó vẫn ở vườn lê.”

Ở vườn lê thì ở vườn lê, nó làm gì ít người biết, bởi nó không mấy khi ra khỏi khu vườn, người nhà cũng ít khi đến đấy. Nó như một linh hồn, biết nó ở đấy, nhưng khó lòng trông thấy bóng nó. Ngoài ra, theo lời người quản gia, có thể khẳng định Sâu Đầu To bị cấm.

“Chưa bao giờ con nghe hiểu lấy một câu từ miệng nó nói ra.” Người quản gia nói. “Nó rất ít nói, mà có nói cũng giống như người câm nói, không ai hiểu gì.”

Người quản gia nói thêm, những người làm trong nhà đều bảo rằng, trước khi qua đời, ông Tây cũng đã cúi lạy cụ Ba, sau khi ông ấy mất, vẫn để Sâu Đầu To ở vườn lê, không nên đuổi nó đi. Người quản gia lại nói, ông Tây để lại cho Sâu Đầu To tất cả số vàng bạc mà ông ấy tích góp suốt mấy chục năm trời, hiện tại có thể Sâu Đầu To đang sống bằng số của cải ấy, vì nhà họ Dung không chi tiền ăn cần thiết cho nó.

Sáng hôm sau ông Lily đến vườn lê. Mưa đã tạnh, nhưng mưa mấy hôm liền làm cho vườn lê ướt át, chân giẫm lên bùn nhão, dấu chân in sâu, bắn cả giày. Ông Lily không trông thấy bất cứ một dấu chân người nào, mạng nhện trên cành cây, nhện vào nhà trú mưa, có con đang giăng tơ ngay trước cửa, nếu ông không có khối bay lên và tiếng dao cứa trên gạch, ông không nghĩ ở đây có người.

Sâu Đầu To đang thái khoai lang, nước trong nồi đang sôi, chỉ có rất ít gạo đang lòi ngòi chìm nổi. Ông Lily bước vào, Sâu Đầu To không kinh ngạc, cũng không bực tức, chỉ nhìn ông rồi tiếp tục công việc, tưởng như người vừa vào là ông nội của nó, hoặc một con chó. Người nó nhỏ bé hơn suy nghĩ của ông, đầu cũng không to như người ta vẫn đồn, có điều đầu hơi nhọn, giống như đang đội cái mũ quả dưa - có thể vì đầu cao mới không cảm thấy to. Tóm lại, cứ nhìn cái vẻ bề ngoài, ông Lily nói không có gì khác người, nhưng vẻ lạnh lùng, trầm tính của nó để lại ấn tượng sâu sắc hơn, cái vẻ trầm mặc của người già trước tuổi. Căn nhà chỉ có một gian thông thoáng, nhìn vào là có thể thấy tất cả và chất lượng cuộc sống, nấu nướng, ăn uống, nghỉ ngơi đều rất đơn giản, cái tủ đựng được thảo, cái bàn, cái ghế thái sư trông còn ra dáng. Trên mặt bàn là một cuốn sách mở ra, cuốn sách khổ lớn, giấy đã cũ. Ông Lily khép cuốn sách lại để xem bìa, cuốn sách tiếng Anh “Encyclopedia Britannica”[1]. Ông để cuốn sách xuống, nghi ngờ nhìn đứa bé, hỏi:

“Cháu đang xem cuốn sách này đấy à?”

Sâu Đầu To gật đầu.

“Xem có hiểu không?”

Sâu Đầu To lại gật đầu.

“Ông Tây dạy cháu à?”

Nó gật đầu tiếp.

“Sao cháu không nói, hay là câm?” Ông Lily hỏi, giọng nói có ý trách cứ. “Nếu đúng cháu hãy gật đầu, nếu không phải thì nói chuyện với bác.” Sợ nó không hiểu, ông Lily dùng tiếng Anh nhắc lại.

Sâu Đầu To đến bên bếp lò, đổ khoai lang đã thái vào nồi nước sôi, sau đấy nó dùng tiếng Anh trả lời rằng nó không câm.

Ông Lily hỏi có biết tiếng Trung Quốc không, Sâu Đầu To lại dùng tiếng Trung Quốc trả lời.

Ông cười, nói:

“Cháu nói tiếng Trung Quốc giọng điệu kì quặc như bác nói tiếng Anh, hình như cháu cũng học ông Tây phải không?”

Sâu Đầu To gật đầu.

Ông Lily nói:

“Cháu đừng gật đầu.”

Sâu Đầu To nói: “Vâng ạ.”

Ông Lily nói: “Mấy năm nay bác không nói tiếng Anh, nay nói không thạo, tốt nhất cháu nói tiếng Trung Quốc với bác.”

Sâu Đầu To trả lời bằng tiếng Trung Quốc: “Vâng ạ.”

Ông Lily ngồi vào cái ghế tựa bên cái bàn, châm một điếu thuốc, hỏi: “Năm nay cháu mấy tuổi rồi?”

“Mười hai ạ.”

“Ngoài dạy cháu đọc những sách này, ông Tây còn dạy thêm gì cho cháu nữa không?”

“Không ạ.”

“Lẽ nào ông Tây không dạy cháu giải mộng? Ông ấy là bậc thầy về giải mộng đấy.”

“Có dạy ạ.”

“Cháu biết chưa?”

“Có biết.”

“Bác nằm mơ, có thể giải cho bác được không?”

“Không được.”

“Tại sao?”

“Cháu chỉ giải mộng cho một mình cháu thôi ạ.”

“Trong mộng cháu có thấy bác không?”

“Có thấy.”

“Có biết bác là ai không?”

“Biết.”

“Là ai?”

“Hậu duệ đời thứ tám của dòng họ Dung, sinh năm 1883, hàng thứ hai mươi mốt, tên là Dung Tiểu Lai, tự Đông Tiên, hiệu Trạch Thổ, tên thường gọi là Lily, là con trai của ông John Lily, người sáng lập trường đại

học N, năm 1906 tốt nghiệp khoa toán đại học N, năm 1912 lưu học tại Mỹ, giành được học vị thạc sĩ toán tại Đại học Massachusette, từ năm 1926 về dạy tại Đại học N, hiện tại là Hiệu phó Đại học N, giáo sư toán.”

“Vậy là rất hiểu bác.”

“Những người trong nhà họ Dung cháu đều hiểu rõ.”

“Cũng do ông Tây dạy à?”

“Vâng.”

“Ông ấy còn dạy thêm gì nữa?”

“Không dạy gì nữa.”

“Cháu đi học chưa?”

“Chưa.”

“Có muốn đi học không?”

“Không muốn.”

Nước trong nồi lại sôi, hơi nóng bốc lên mù mịt, có mùi thơm của khoai chín. Ông Lily đứng dậy, chuẩn bị ra vườn lê đi dạo. Sâu Đầu To nghĩ rằng ông sắp đi, bỏ nó ở lại, vội nói ông Tây để lại vài thứ cho ông. Nói rồi nó đến bên giường, lôi cái hộp giấy trong gầm giường ra, đưa cho ông Lily:

“Ông ấy nói, nếu ông về, đưa cho ông cái này.”

“Ông nào? Ông Tây à?”

“Vâng.”

“Đây là cái gì?” Ông Lily nhận cái hộp giấy.

“Ông cứ mở ra khắc biết.”

Đồ vật được gói bằng mấy tờ giấy ngả vàng, xem ra khá to, thật ra gói nhiều lớp, mở ra, để lộ bức tượng Quan Âm chỉ nằm gọn trong lòng bàn tay, tượng được khắc bằng thứ ngọc trắng, giữa trán có khảm một viên bảo thạch màu xanh thẫm, trông giống con mắt thứ ba. Ông Lily cầm trên tay, ngắm nghía mãi, lập tức cảm nhận được một luồng hơi mát mẻ từ bàn tay lan toả quanh người, chứng tỏ phẩm chất thượng thặng của ngọc, những nét khắc thủ công cũng rất tinh tế, chìm trong những đường nét thủ công là lịch sử dài lâu của nó. Có thể khẳng định, đây là vật sưu tập quý giá, đem bán nó cũng được một món tiền không nhỏ. Ông Lily nâng niu cái tượng, nhìn thẳng nhỏ, khẽ nói:

“Bác với ông Tây không thân nhau lắm, tại sao ông ấy lại cho bác báu vật này?”

“Cháu không biết.”

“Cái này rất đáng tiền, cháu cứ giữ lấy.”

“Không.”

“Từ nhỏ cháu được ông Tây yêu quý, tình cảm như người thân, nó phải là của cháu.”

“Không.”

“Cháu cần hơn bác.”

“Không.”

“Hay là ông Tây sợ cháu bán rẻ, nên nhờ bác bán hộ?”

“Không.”

Đang nói chuyện thì ánh mắt ông Lily bỗng chạm vào tờ giấy gói, trên ghi những dãy tính, từng dãy tính, hình như tính toán một con số hết sức phức tạp. Ông trải mấy tờ ra, tất cả đều như thế, là những dãy tính. Câu chuyện chuyển sang một hướng khác.

“Ông Tây có dạy cháu tính toán không?”

“Không.”

“Ai làm những con tính này?”

“Cháu.”

“Cháu tính gì?”

“Cháu tính số ngày ông ấy sống...”

6. Chương 2-3

Cái chết của ông Tây bắt đầu từ cổ họng, có thể là trả thù sự nghiệp giải mộng mà ông ta yêu mến suốt đời, nói tóm lại, cái miệng lưỡi khéo léo có ích suốt đời, mà hoạ cũng bởi cái miệng quạ đen nói trơn tuột chuyện âm dương. Từ khi chuẩn bị viết di chúc cho ông Lily, ông ta đã mất tiếng, không nói được nữa, điều ấy cũng làm ông ta dự cảm được cái chết đang đến gần, mới dặn lại những chuyện về sau của Sầu Đầu To. Trong những ngày cảm lạnh, cứ mỗi buổi sáng, Sầu Đầu To lại đặt nơi đầu giường ông ta một chén trà hoa lê pha đậm nhạt tùy theo mùa, ông tỉnh lại trong thoang thoảng hương thơm, trông thấy những cánh hoa lê trắng nở dần trong nước, lòng cảm thấy bình an. Nước trà hoa lê tự chế đã từng là thứ thuốc xua đi những chứng bệnh của ông ta, thậm chí ông thấy mình thọ như vậy cũng là bởi cái thứ trà đơn giản này. Nhưng khi ông thu thập những cánh hoa hoàn toàn là việc nhàn rỗi, hoặc bởi màu trắng tình khiết và dịu dàng của hoa lê đã hấp dẫn và thức tỉnh nhiệt tình của ông, ông thu lượm chúng, phơi chúng nơi mái hiên, phơi khô, rồi cất chúng nơi đầu giường, trên bàn viết, đồng thời ngửi hương thơm của hoa khô, tưởng như giữ bên mình mùa hoa đua nở.

Bởi chỉ còn một mắt, đôi chân không còn nhanh nhẹn, ngày nào cũng ngồi yên một chỗ, lâu ngày không tránh khỏi táo bón, những lúc nghiêm trọng ông có cảm giác sống không bằng chết. Đầu đông năm ấy, chứng táo bón lại tái phát, ông vẫn dùng biện pháp cũ, buổi sáng ngủ dậy uống một bát to nước lã đun sôi, sau đấy uống tiếp, những mong một cơn đau bụng kéo đến. Nhưng lần táo bón này rất ngoan cố, ông uống nước liền mấy ngày, cái bụng vẫn lặng im, không có phản ứng gì, khiến ông cảm thấy đau khổ và tuyệt vọng. Buổi tối hôm ấy, ông đi cắt thuốc ở thị trấn về, nhân lúc còn tối, ông uống cạn bát nước đã chuẩn bị trước khi ra ngoài, vì uống quá nhanh, cuối cùng ông mới thấy nước có vị lạ, đồng thời có rất nhiều cặn cùng trôi tuột vào dạ dày, khiến ông thấy khang khác. Ông thấp đèn lên xem, thấy trong bát là những cánh hoa lê khô được nước làm sống lại, không biết do gió thổi rơi vào hay là chuột tha vào. Trước đấy, ông chưa từng nghe nói hoa lê khô có thể làm nước uống, ông thắc thỏm không yên chờ đợi vì chuyện này mà có thể dẫn đến những chuyện gì khác, thậm chí ông chuẩn bị cho cả cái chết. Nhưng không chờ ông sắc thuốc, ông cảm thấy bụng nhân nhẩn đau, tiếp theo là những cơn đau dữ dội như ông mong muốn. Ông biết, việc lành đã đến, sau một tràng trung tiện, ông đi nhà vệ sinh, lúc ra người cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm.

Trước đấy, mỗi lần cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái chính là lúc bắt đầu viêm ruột, sau khi hết táo bón, thông thường kéo theo vài ngày đi ngoài, có gì đó như sự chuyển hoá ngược lại. Nhưng lần này ra khỏi vòng quai dị rất bí hiểm, không xảy ra những triệu chứng bất thường hoặc một điều gì không thích hợp, có thừa sự bí hiểm, hình ảnh nước hoa lê lại hiện lên trong đầu ông ta. Sự việc bắt đầu thật ngẫu nhiên và sai lầm, kết quả biến thành sự xếp đặt khéo léo của số phận. Từ đấy về sau, ông bắt đầu ngày nào cũng pha nước hoa lê như thể người ta pha trà để uống, càng uống ông càng cảm thấy ngon. Nước hoa lê trở thành ân thưởng cho số phận, khiến cuộc sống già yếu của ông thêm phần say sưa và đời thường. Hàng năm cứ đến mùa hoa lê, ông lại cảm thấy vô cùng sung mãn và hạnh phúc, ông thu nhặt từng bông hoa lê thơm ngát, giống như thu lượm cuộc sống và sức khoẻ của mình. Vào lúc sắp chết, ngày nào ông cũng nằm mơ, trông thấy hoa lê nở trong nắng, rơi rụng trong gió mưa, như bảo rằng ông mong Thượng đế đưa ông đi cùng với hoa lê.

Vào một buổi sáng, ông gọi Sầu Đầu To đến, bảo lấy giấy bút, viết câu này: Sau khi tôi chết mong được chôn cùng hoa lê. Đến tối, ông lại gọi Sầu Đầu To đến bên giường, bảo lấy giấy bút, ghi lại nguyện vọng

chuẩn xác: Tôi sống trên đời tám mươi chín năm, mỗi năm một bông hoa, chôn cùng tôi tám mươi chín bông hoa lê. Sáng sớm hôm sau, một lần nữa ông gọi Sâu Đầu To vào, lấy giấy bút, ghi lại nguyện vọng chính xác hơn: Hãy tính, tám mươi chín năm có bao nhiêu ngày, có bao nhiêu ngày chôn theo tôi bấy nhiêu bông hoa lê. Có thể, sự sợ hãi hoặc mong đợi cái chết làm cho ông trở nên hồ đồ, ông ghi lại nguyện vọng chính xác đến độ phức tạp, nhất định ông quên rằng mình chưa dạy cho Sâu Đầu To biết tính toán.

Tuy chưa học, nhưng những phép cộng trừ đơn giản nó có thể làm được. Đó là chi tiết cuộc sống, một phần của đời thường, đối với một đứa trẻ ở tuổi đi học, không học cũng có thể biết. Ở một góc độ nào đó, Sâu Đầu To cũng đã được học và được tập làm cộng trừ, bởi hàng năm cứ đến mùa hoa lê, ông Tây sau khi thu nhặt hoa rơi, chắc chắn bảo Sâu Đầu To đếm, đếm rõ ràng, ghi lên tường, hôm sau lại bảo nó đếm, ghi tiếp lên tường. Như vậy, sau một mùa hoa khả năng đếm và cộng trừ của Sâu Đầu To, gồm cả khái niệm lẻ, chục, trăm, nghìn, vạn đều được huấn luyện ở một mức độ nhất định. Nhưng cũng chỉ đến vậy. Lúc này nó phải dựa vào một chút bản lĩnh, cùng với lời ghi trên bia đã được ông Tây xác định - trên đó ghi đầy đủ ngày sinh và địa điểm - tính số ngày mà ông ta sống. Vì trình độ có hạn, nó phải mất rất nhiều thời gian, mất đúng một ngày mới tính ra. Trong nhá nhem, Sâu Đầu To đến bên giường, nói với ông Tây kết quả mà nó đã tính ra. Ông Tây không còn đủ sức gật đầu, chỉ bóp bàn tay nó một cách tượng trưng, và nhắm mắt lần cuối cùng. Cho nên, đến nay Sâu Đầu To có tính đúng hay không, khi nó thấy ông Tây nhìn những phép tính của nó, lần đầu tiên nó cảm thấy quan hệ giữa con người này với nó, sự quan trọng đối với nó, bởi thế nó thấy hồi hộp, sợ hãi.

Những con tính viết kín ba trang giấy, tuy không đánh số trang, nhưng khi ông Lily trải rộng các trang giấy ra, lập tức hiểu ngay đâu là trang đầu tiên. Trang đầu tiên viết như thế này:

Một năm: 365 (ngày)

Hai năm: $365 + 365 = 730$ (ngày)

Ba năm: $365 + 365 + 365 = 1.095$ (ngày)

Bốn năm: $1.095 + 365 = 1.460$ (ngày)

Năm năm: $1.460 + 365 = 1.825$ (ngày)

...

Nhìn những dãy số, ông Lily biết Sâu Đầu To chưa biết làm phép nhân, không hiểu phép nhân, cho nên chỉ có thể làm theo cách thủ công. Như vậy, nó cứ lũy kế, cho đến tám mươi chín lần ba trăm sáu mươi lăm, ra con số 32.485 (ngày), rồi nó lấy con số này trừ đi 235 (ngày), cuối cùng được kết quả 32.232 (ngày).

Sâu Đầu To hỏi: “Cháu tính như thế có đúng không?”

Ông Lily nghĩ, thật ra tính như thế không đúng, vì trong số tám mươi chín năm, không phải năm nào cũng đủ ba trăm sáu mươi lăm ngày. Ba trăm sáu mươi lăm ngày là cách tính theo lịch Tây, cứ bốn năm lại có một năm nhuận, thực tế là ba trăm sáu mươi sáu ngày. Nhưng ông lại nghĩ, thằng nhỏ này mới mười hai tuổi, có thể lũy kế chính xác quả là không đơn giản. Ông không muốn làm nó buồn, nên nói là đúng, hơn nữa còn gò lời khen:

“Có điểm này cháu làm rất đúng, ấy là cháu tính theo năm, rất khéo. Cháu nghĩ, nếu không tính như thế, cháu phải trừ năm đầu và năm cuối không đủ số ngày, bây giờ cháu chỉ cần tính năm cuối cùng là được rồi, cho nên gọn hơn rất nhiều.”

“Nhưng bây giờ cháu có cách tính đơn giản hơn.” Sâu Đầu To nói.

“Cách nào?”

“Cháu không biết gọi là gì, bác xem nhé.”

Nói rồi, Sâu Đầu To lấy mấy trang giấy ở đầu giường, đưa cho ông Lily xem.

Những trang giấy này bất luận lớn hay bé, tính chất, và cả nét chữ đậm nhạt, rõ ràng không như những trang giấy vừa rồi, chứng tỏ không phải viết cùng một ngày. Sâu Đầu To nói, nó làm những con tính này

sau ngày mai táng ông Tây. Ông Lily lật giở ra xem, bên trái vẫn là những phép tính cộng, nhưng bên phải là những phép tính rất thần bí, nó như sau:

Một năm: $365 \text{ (ngày)}. 1 = 365 \text{ (ngày)}$

Hai năm: $365 + 365 = 730 / 365.2 = 730 \text{ ngày}$

Ba năm: $730 + 365 = 1095 / 365. 3 = 1095 \text{ (ngày)}$

Khỏi phải nói, dấu chấm khó hiểu kia chính là dấu nhân, chẳng qua nó không biết, cho nên dùng cách ấy để biểu thị. Giống như thế, nó tính cho đến năm thứ hai mươi, từ năm thứ hai mươi một trở đi, hai cách tính được thay đổi vị trí trước sau, phép nhân trước, phép cộng sau, theo như dưới đây:

21 năm: $365.21 = 7665 \text{ (ngày)}/7300 + 365 = 7665 \text{ (ngày)}$

Ông Lily chú ý, dùng phép nhân để tính ra con số 7665 đã được sửa chữa, con số trước đó hình như 6565, về sau năm nào cũng sửa, phép nhân để trước, phép cộng để sau, đồng thời dùng phép nhân để tính ra con số ấy có đôi chỗ phải sửa, sửa cho đúng với số của phép cộng, nhưng hai mươi năm trước (từ năm thứ nhất đến năm thứ hai mươi) con số dưới phép nhân không bị sửa chữa, nói lên hai điều:

Thứ nhất, hai mươi năm đầu nó chủ yếu dùng phép cộng để tính, dùng phép nhân là để tham chiếu, không hoàn toàn độc lập, từ năm thứ hai mươi một trở đi, nó dùng phép nhân để tính, phép cộng viết ra chỉ có tác dụng thử lại phép nhân.

Thứ hai, hồi ấy nó chưa nắm vững cách làm phép nhân, thỉnh thoảng có chỗ sai, cho nên mới có hiện tượng sửa chữa. Nhưng về sau sửa chữa bớt dần, điều này chứng tỏ nó dần dần nắm vững cách làm phép nhân.

Cứ như vậy tính cho đến năm thứ bốn mươi, bỗng nhảy luôn đến năm thứ tám mươi chín, dùng phép nhân và được con số 32485 (ngày), sau đấy bớt đi 253 (ngày), được tổng số 32232 (ngày), nó khoanh tròn con số nhằm gây chú ý, cuối cùng nổi bật lên một con số đứng riêng ra.

Sau đấy còn một bản nháp nữa, trên đấy là các phép tính rất rối, nhưng ông Lily xem và biết nó đang tính, tổng kết quy luật phép nhân. Cuối cùng, quy luật được liệt kê rõ ràng ở cuối trang giấy. Ông Lily nhìn và bất giác miệng đọc theo: một một được một, một hai được hai, một ba được ba, hai hai được bốn, hai ba được sáu, hai bốn được tám, ba ba được chín, ba bốn mười hai, ba năm mười lăm, ba sáu mười tám...

Một dãy phép nhân không sai.

Đọc xong, ông Lily vừa mặc nhiên lại vừa ngơ ngác nhìn thẳng nhỏ, trong lòng lẫn lộn cảm giác vừa khó hiểu, vừa lạ lùng, không chân thật. Trong căn nhà yên tĩnh hình như vẫn còn dư âm tiếng ông đọc, ông ngẩn ngơ lắng nghe, những cảm thấy một sự dễ chịu và nhiệt thành đang lan tỏa, ngay lúc ấy ông có dự cảm không thể không đưa đứa nhỏ này đi. Ông nghĩ bụng, vào những năm tháng chiến tranh liên miên, tất cả những việc thiện không phù hợp thực tế chỉ có thể đưa lại phiền hà cho bản thân, nhưng đứa nhỏ này là một thiên tài, nếu mình hôm nay không đưa nó đi, chắc rằng sẽ hối hận suốt đời.

Trước kì nghỉ hè kết thúc, ông Lily nhận được điện của tỉnh cho biết, trường đã khôi phục việc học hành, mong ông sớm về lại trường, chuẩn bị khai giảng năm học mới. Tay cầm bức điện, ông nghĩ, có thể không làm hiệu trưởng, nhưng không thể bỏ rơi sinh viên, vậy là ông gọi quản gia đến, bảo anh ta chuẩn bị hành lý để lên đường, cuối cùng ông đưa tiền cho anh ta. Người quản gia cảm ơn, nghĩ rằng ông thưởng cho mình.

Ông Lily nói: “Tiền này không phải cho anh, mà đưa để anh lo liệu công việc.”

Người quản gia hỏi: “Thưa ông, ông định làm gì ạ?”

Ông Lily nói: “Đưa cho Sâu Đầu To, bảo nó ra phố mua vài bộ đồ.”

Người quản gia nghĩ mình nghe nhầm, anh ta đứng ngẩn người.

Ông Lily nói: “Làm xong việc, anh sẽ được thưởng.”

Mấy hôm sau, người quản gia xong việc, anh ta đến lĩnh thưởng, ông Lily nói: “Anh chuẩn bị cho Sâu Đầu To, ngày mai đi với tôi.”

Người quản gia lại tưởng mình nghe nhầm.

Ông Lily phải nói lại một lần nữa.

Sáng hôm sau, trời vừa tảng sáng, chó trong khuôn viên đã sủa vang. Chó con nọ sủa con kia cũng sủa theo, chỉ lát sau tiếng chó sủa ầm ỹ khiến cả chủ và tớ đều thức giấc, đứng trong cửa sổ nhìn ra ngoài, theo ngọn đèn trong tay người quản gia, những cặp mắt sau cửa sổ đều kinh ngạc tròn xoe, bởi mọi người thấy Sâu Đầu To mặc bộ đồ mới, tay xách cái va li của ông Tây vượt biển đưa về, lặng lẽ từng bước theo chân ông Lily, vẻ sợ sệt, giống như một con ma vừa đến trần gian. Vì kinh ngạc, nên mọi người không dám khẳng định những gì mình trông thấy là thật, cho đến khi người quản gia đưa tiễn người đi rồi quay lại, nghe người quản gia nói mọi người mới tin những gì mắt mình trông thấy là sự thật.

Lại có thêm nhiều nghi vấn: Ông chủ đưa nó đi đâu? Đưa nó đi làm gì? Sâu Đầu To còn về nữa không? Tại sao ông chủ tốt với Sâu Đầu To như thế? Vân vân và vân vân.

Người quản gia có hai cách trả lời.

Với chủ anh ta nói: “Không biết.”

Với người làm anh ta nói: “Có ma mới hiểu nổi.”

7. Chương 2-4

Ngựa làm cho thế giới trở nên nhỏ bé, thuyền làm cho thế giới rộng hơn, ô tô lại làm cho thế giới trở thành trò ảo thuật. Mấy tháng sau, quân Nhật tràn đến thị trấn Đồng, đi đầu là đội quân mô-tô chỉ cần vài tiếng đồng hồ là về đến nơi. Đây cũng là lần đầu tiên ô tô xuất hiện trên con đường từ tỉnh về thị trấn, tốc độ của ô tô khiến mọi người cho rằng ông trời hàm ơn Ngu Công, đã di dời dãy núi ngăn cách tỉnh và thị trấn đi nơi khác. Trước kia, phương tiện giao thông nhanh nhất nối liền hai nơi này là ngựa, chọn con ngựa tốt, quắt roi phi nước đại cũng mất bảy, tám tiếng đồng hồ. Mười năm trước, ông Lily vẫn thường ngồi xe ngựa đi về, tuy xe ngựa không nhanh bằng cưỡi ngựa, nhưng dọc đường thúc ngựa cũng có thể sớm đi tới đến. Ngày nay, tuổi gần sáu mươi, không thể ngồi xe ngựa xóc tung người, đành ngồi thuyền. Lần này ra đi, ông Lily ngồi thuyền mất hai ngày hai đêm mới đến được thị trấn Đồng, lúc về xuôi dòng, không lâu như lúc đi, cũng phải một ngày một đêm.

Sau lúc lên thuyền, ông bắt đầu nghĩ đến tên họ cho thằng nhỏ, đến khi thuyền vào đến đoạn sông lên tỉnh, ông vẫn chưa quyết. Đụng đến mới biết vấn đề thật sâu sắc. Sự thật thì, ông đụng đến cái khó của ông Tây khi đặt tên cho nó, có thể nói thời gian lại đi vào lịch sử. Nghĩ đi nghĩ lại, ông quyết định cứ để đấy, chỉ xuất phát từ chỗ đứa trẻ sinh ở thị trấn Đồng, lớn lên ở thị trấn Đồng, ông chọn hai cái tên có phần khiên cưỡng: một là Kim Chân, một nữa là Đồng Chân, để thằng nhỏ tự quyết định.

Sâu Đầu To nói: “Tuỳ đấy.”

Ông Lily nói: “Đã thế, bác sẽ đặt tên cho cháu, cháu tên là Kim Chân nhé, được không?”

Sâu Đầu To nói: “Được, cứ gọi cháu là Kim Chân.”

Ông Lily nói: “Từ nay về sau cháu làm một người đúng nghĩa.”

Sâu Đầu To nói: “Vâng, cháu làm một người đúng nghĩa.”

Ông Lily nói: “Đúng nghĩa, nghĩa là từ nay về sau cháu toả sáng như một thỏi vàng.”

Sâu Đầu To nói: “Vâng, sáng như một thỏi vàng.”

Một lúc sau, ông Lily lại nói: “Cháu có thích cái tên Kim Chân không?”

Sâu Đầu To nói: “Cháu thích lắm.”

Ông Lily nói: “Ông quyết định đổi tên cho cháu, được không?”

Sâu Đầu To nói: “Được lắm.”

Ông Lily nói: “Ông chưa đổi mà cháu đã nói được?”

Sâu Đầu To nói: “Ông định đổi tên gì?”

Ông Lily nói: “Đổi tên ”Chân” thành ”Trân”, Trân châu, được không?”

Sâu Đầu To nói: “Được lắm, Trân có nghĩa là Trân châu.”

Ông Lily nói: “Cháu có biết tại sao ông đổi tên cho cháu không?”

Sâu Đầu To nói: “Cháu không biết.”

Ông Lily nói: “Cháu thử nghĩ xem.”

Sâu Đầu To nói: “Là vì... cháu không biết...”

Thật ra, ông Lily đổi tên là bởi mê tín, ở thị trấn Đồng thậm chí cả miền Giang Nam, dân gian vẫn nói: trai tướng gái, trông cũng sợ. Ý là, nam có tướng gái, tức cả dương lẫn âm, âm dương tương tế, trong cương có nhu, rất dễ biến một người con trai từ rồng hoá hổ, làm người trên người, Bởi vậy, dân gian mới sinh ra các kiểu phương thức, phương pháp kì vọng âm dương tương tế, gồm cả việc đặt tên. Có những người cha mong con thành rồng, nên cố đặt cho con cái tên con gái để sau này con thành đạt. Ông Lily định bảo với nó như thế, lại thấy không thích hợp, ông do dự giây lát, những điều định nói rồi lại thôi, cuối cùng chỉ nói một cách đại khái: “Thôi, quyết định gọi là Kim Trân, Trân châu.”

Lúc ấy, thành phố C đã thấp thoáng nơi xa.

Tàu cặp bến, ông Lily gọi một chiếc xe kéo, nhưng không về nhà, mà đến thẳng trường cao đẳng tiểu học cửa Thủy Tây, tìm ông hiệu trưởng. Ông hiệu trưởng tên Trình, vốn là học sinh của trường trung học trực thuộc đại học N, trong thời gian ông Lily học đại học N, kể cả những năm ông ở lại trường dạy học, ông vẫn thường xuyên giảng bài cho trường trung học trực thuộc này. Ông Trình vốn là một học sinh nhanh nhẹn hoạt bát, có biệt danh “lớp trưởng bí mật”, để lại cho ông Lily những ấn tượng sâu sắc. Sau ngày tốt nghiệp trung học, thành tích học tập của ông đủ để lên tiếp đại học, nhưng ông thích bộ quân phục và trang bị của quân Bắc phạt, ông vác súng đến chào tạm biệt ông Lily. Mùa đông năm sau, ông Trình vẫn mặc quân phục Bắc phạt đến tìm ông Lily, nhưng không còn mang súng, nhìn kĩ, không những không còn súng mà tay cầm súng cũng không còn, ông tay áo rộng trông giống con mèo chết, ống áo lẹp kẹp treo ngược, nom kì quặc dễ sợ. Ông Lily ngược ngùng nắm bàn tay trái còn lại, có cảm giác vẫn còn nguyên sức mạnh, hỏi có viết được nữa không, trả lời là có. Ông Lily giới thiệu đến trường cao đẳng tiểu học mới thành lập để dạy toán, từ đấy Trình giảm bớt khó khăn, cuộc sống ổn định. Vì chỉ còn một tay, anh được mọi người gọi là “Một Tay”, nay làm Hiệu trưởng, đúng với cái tên Một Tay. Mấy tháng trước, ông Lily cùng vợ đã đến đây tránh chiến sự, ở tạm trong cái lán dành cho thợ mộc. Hôm nay, ông Lily gặp Một Tay, câu đầu tiên hỏi: “Cái nhà dành cho thợ mộc tôi ở hồi nọ còn nữa không?”

“Vẫn còn.” Một Tay trả lời. “Chỉ để mấy quả bóng rổ và bóng đá.”

Ông Lily nói: “Vậy thì tốt, để nó ở đấy. Tay ông chỉ vào Sâu Đầu To.

Một Tay hỏi: “Ai đấy?”

Lily nói: “Kim Trân, học sinh mới của anh.”

Kể từ hôm ấy, Sâu Đầu To không còn gọi là Sâu Đầu To nữa, mà gọi là Kim Trân.

Kim Trân.

Kim Trân.

Kim Trân là sự bắt đầu của những bắt đầu ở tỉnh và sau này, mà cũng là sự kết thúc và kỉ niệm của nó ở thị trấn Đồng.

Tình hình mấy năm sau đấy, lời kể của Dung Nhân Dịch, con gái lớn của ông Lily là đủ căn cứ nhất.

8. Chương 2-5

Ở đại học, mọi người gọi cô là thầy Dung, thầy Dung, không biết có phải là do cô nhớ đến bố, hay chính sự từng trải của cô. Suốt đời cô không lấy chồng, không phải vì không có tình yêu, mà vì yêu quá sâu nặng, quá cực khổ vì tình yêu. Nghe nói, thời trẻ cô có một người yêu, anh này là một sinh viên giỏi của khoa vật lý đại học N, tinh thông kỹ thuật vô tuyến điện, chỉ cần một buổi tối là có thể lắp được một máy thu thanh ba băng tần. Năm chiến tranh bùng nổ, Đại học N là trung tâm kháng Nhật cứu nước của thành phố C, hầu như tháng nào cũng có một tập sinh viên xếp bút nghiên tòng quân, sục sôi nhiệt huyết ra chiến trường, trong số đó có người yêu của thầy Dung. Suốt mấy năm sau ngày tòng quân, anh vẫn giữ liên hệ với người yêu, về sau, tin tức thưa dần, lá thư cuối cùng của anh viết ở Trường Sa, tỉnh Hồ Nam mùa xuân năm 1941, nói anh làm công tác cơ mật trong quân đội, tạm thời chấm dứt mọi liên lạc với bạn bè và người thân. Trong thư, anh bày tỏ vẫn yêu cô, mong cô yên tâm chờ đợi, câu cuối cùng rất trang trọng và hết sức xúc động: Em yêu, chờ anh, ngày kháng chiến thắng lợi cũng là ngày chúng ta cưới nhau! Thầy Dung kiên trì chờ đợi, kháng chiến thắng lợi, cả nước được giải phóng nhưng không thấy anh về, một chút tin tức cũng không. Cho đến năm 1953, có người từ Hồng Công về, cho cô biết tin, anh đã đi Đài Loan và đã có vợ, có con, nhắc cô hãy xây dựng gia đình.

Đây là sự kết thúc một tình yêu kéo dài hơn chục năm của thầy Dung, kết thúc buồn, là một đòn nặng để lại di chứng không nói cũng có thể hiểu. Mười năm trước, tôi đến đại học N, thầy Dung vừa rời vị trí chủ nhiệm khoa toán. Câu chuyện của chúng tôi bắt đầu từ tấm ảnh hạnh phúc của toàn gia đình treo ở phòng khách, tấm ảnh có năm người, hàng đầu là vợ chồng ông Lily, hai người ngồi, đứng giữa hàng sau là thầy Dung chỉ gần hai mươi tuổi, tóc cắt ngang vai; bên trái là cậu em trai đeo cặp kính cận thị; bên phải là cô em gái, tóc tết bím sừng dê, chừng bảy, tám tuổi. Ảnh chụp vào mùa hè năm 1936, lúc ấy em trai thầy Dung đang chuẩn bị đi du học, cho nên mới chụp tấm ảnh kỷ niệm này. Do chiến tranh, em trai của thầy mãi sau khi chiến tranh kết thúc mới về nước, lúc ấy nhà đã mất một người mà cũng có thêm một người, mất cô em gái, năm xưa bị bệnh sốt ác tính cướp đi tuổi thanh xuân, có thêm Kim Trân, cậu ta bước vào cái gia đình này vào kì nghỉ hè, sau khi cô em gái mất được ít lâu. Thầy Dung nói.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Cô em gái mất vào kì nghỉ hè năm ấy, mới mười bảy tuổi.

Trước khi nó mất, tôi và mẹ đều không biết Kim Trân là ai, bố giấu nó ở trường cao đẳng tiểu học của thầy Trình như giấu một bí mật. Vì thầy Trình ít đến chơi nhà tôi, cho nên bố tuy muốn giữ bí mật, nhưng không dặn thầy đừng nói với chúng tôi. Thế rồi một hôm, thầy Trình đến chơi, không hiểu thầy nghe tin ở đâu mà biết em gái tôi mất, thầy đến hỏi thăm và chia buồn. Hôm ấy tôi và bố đều không có nhà, một mình mẹ tiếp thầy, hai người nói chuyện và rồi tiết lộ bí mật của bố tôi. Lúc bố về, mẹ hỏi chuyện là thế nào, bố nói đại thể đây là đứa trẻ bất hạnh, thông minh, được ông Tây gửi gắm nhờ vả. Có thể vì đụng đến nỗi đau của mẹ, mẹ nghe nói đến nỗi bất hạnh của đứa nhỏ, khiến mẹ đầm đìa nước mắt. Mẹ nói với bố tôi, Nhân Chi (em gái tôi) vừa mất, trong nhà có một đứa nhỏ có thể là sự an ủi đối với mẹ, mẹ đón thằng nhỏ về.

Vậy là em Trân bước vào gia đình tôi, em Trân tức là Kim Trân.

Ở nhà, tôi và mẹ đều gọi Kim Trân là em Trân, chỉ có bố gọi Kim Trân. Em Trân gọi mẹ tôi là cô giáo, gọi bố tôi là thầy Hiệu trưởng, gọi tôi là chị, dù sao thì gọi như thế cũng không ra sao. Thật ra, nếu theo thứ bậc, em Trân thuộc hàng dưới tôi, gọi tôi bằng cô mới phải.

Nói thật, lúc đầu tôi không thích Trân lắm, vì nó không hề tươi cười, không nói năng, đi đứng thì rón rén, giống như một hồn ma. Hơn nữa, nó còn nhiều thói xấu, lúc ăn rất hay ợ, không giữ vệ sinh, buổi tối đi ngủ không rửa chân, cởi giày ở đầu cầu thang khiến cả phòng ăn và lối đi nồng nặc mùi chua và hôi thối. Hồi ấy chúng tôi ở trong căn nhà của ông nội để lại, nhà hai tầng kiểu đông tây kết hợp. Tầng dưới chỉ có phòng ăn và bếp, còn nữa là phòng riêng của mỗi người trong gia đình. Mọi người đều ở trên tầng, mỗi lần xuống nhà ăn cơm trông thấy đôi giày thối của Trân, lại nghĩ đến việc nó ngồi ăn cứ ợ liên hồi, vậy là ăn cũng mất ngon. Tất nhiên chuyện giày dép cũng giải quyết được. Mẹ nói với nó, mẹ bảo phải chú ý, ngày nào cũng phải rửa chân, thay tất, tất phải giặt sạch hơn mọi người. Năng lực sống của nó rất tốt, thổi cơm, giặt áo quần, nhóm bếp than quả bàng, thậm chí biết khâu vá, làm giỏi hơn tôi. Tất nhiên, những việc ấy đều liên quan đến sự từng trải của nó, được rèn luyện từ nhỏ. Nhưng chứng ợ giữa bữa ăn, có lúc còn trung tiện,

thật khó sửa chữa. Sự thật thì cũng không sửa chữa nổi, vì nó có bệnh về dạ dày, cho nên người nó gầy gò. Bố bảo, bệnh dạ dày của nó là do hồi nhỏ uống nước hoa lê với ông Tây, cái thứ đó người già uống có thể là một thứ thuốc, có thể chữa bệnh, nhưng trẻ con uống có được không? Nói thật, để chữa bệnh dạ dày, nó uống thuốc còn nhiều hơn ăn cơm, mỗi bữa nó chỉ ăn chừng một bát cơm, ăn như mèo, ăn thêm chút nữa là ợ.

Có lần, Trần đi nhà vệ sinh không cài cửa, tôi không biết, bước vào, làm tôi sợ quá. Chuyện ấy trở thành dây lửa dẫn đến việc tôi ghét nó, cứ đòi bố mẹ đưa trả nó về trường học. Tôi nói, nó được coi như người thân trong gia đình, nhưng cũng không nhất thiết ở trong gia đình, ở trường học có không ít học sinh trọ học. Lúc đầu bố không nói gì, chờ cho mẹ nói. Mẹ nói, nó vừa đến đã bảo đi, như thế không tiện, muốn bảo nó đi cũng nên chờ khai giảng năm học mới. Đến lúc ấy bố mới bày tỏ thái độ, bố bảo được thôi, chờ năm học mới khai giảng sẽ đưa nó về trường. Mẹ nói, nhưng chủ nhật nên đón nó về nhà, để nó nghỉ đây là nhà. Bố bảo được.

Sự việc quyết định như thế.

Nhưng về sau lại thay đổi. ()

Một buổi tối sau kì nghỉ hè, bên bàn ăn, thầy Dung nói đến một tin đăng trên báo trong ngày, tin cho hay năm ngoái cả nước bị đại hạn ít thấy trong lịch sử, hiện tại đường phố người ăn xin còn đông hơn binh lính. Bà mẹ nghe rồi thở dài, bảo năm ngoái hai tháng nhuận, xưa nay gặp năm ấy thường là những năm đói kém, khổ nhất là dân nghèo. Kim Trần vẫn ít nói, vì thế mỗi lần bà nói gì cũng đều phải để ý đến Kim Trần, muốn kéo nó vào câu chuyện, cho nên bà cố tình hỏi nó có biết thế nào là tháng nhuận. Thấy nó lắc đầu, bà nói, nhuận kép có nghĩa là năm dương lịch và năm âm lịch cùng nhuận. Thấy nó như chưa hiểu, bà hỏi lại:

“Cháu có biết thế nào là năm nhuận không?”

Nó vẫn lắc đầu, không trả lời. Nó vẫn thế, gặp chuyện không biết, nó không bao giờ lên tiếng. Sau đấy bà giảng giải thế nào là nhuận, nhuận âm lịch là thế nào, nhuận dương lịch là thế nào, tại sao lại có năm nhuận cả âm lịch và dương lịch... Bà nói xong, nó ngơ ngác nhìn, tưởng như bảo nó phải nhận xét xem bà nói đúng hay không.

Ông Lily nói: “Đúng, đúng như thế.”

“Vậy ra cháu tính sai rồi à?” Mặt Kim Trần đỏ lên, trông như sắp khóc.

“Tính sai thế nào?”

Ông Lily không biết nó nói gì.

“Tuổi thọ của ông Tây, cháu tính mỗi năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày.”

“Sai rồi...”

Ông Lily chưa nói xong, Kim Trần bật khóc to.

Nó khóc như không nín nổi, mấy người đỡ cũng không được, cuối cùng vẫn là ông Lily, ông bực tức đập bàn mắng nó mới thôi. Nó không khóc nữa, nhưng lòng vô cùng đau khổ, hai tay như bị ma ám cứ cào cào hai đùi. Ông Lily ra lệnh cho nó để tay lên bàn, rồi nghiêm giọng, lời nói lại như an ủi.

“Cháu khóc gì, ông chưa nói hết, nghe này, nghe ông nói xong, cháu muốn khóc thì khóc.”

Ông nói: “Vừa rồi ông bảo cháu sai rồi đó là về khái niệm, đứng trên góc độ năm nhuận để nói. Về mặt tính toán, cuối cùng có sai hay không, lúc này chưa thể khẳng định, phải tính toán để biết, vì mọi tính toán đều cho phép có sai số.”

Ông nói tiếp: “Theo như ông biết, nếu tính toán chính xác, thời gian trái đất xoay quanh mặt trời mất ba trăm sáu mươi lăm ngày năm giờ, bốn mươi tám phút, bốn mươi sáu giây, tại sao lại có năm nhuận? Là bởi, theo cách tính của dương lịch mỗi năm nhiều hơn năm tiếng đồng hồ, cho nên dương lịch quy định cứ bốn năm có một năm nhuận, năm nhuận là ba trăm sáu mươi sáu ngày. Cháu thử nghĩ, nếu tính mỗi năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, năm nhuận tính ba trăm sáu mươi sáu ngày, trong đó vẫn có sai số, đấy là sai số

được phép, thậm chí cũng khó xác định, ông nói với ý nghĩa ấy, có tính toán là có sai số, không thể tuyệt đối chính xác được.”

Ông Lily nói: “Bây giờ cháu tính xem, tám mươi chín năm của ông Tây có bao nhiêu năm nhuận, có tổng cộng bao nhiêu ngày nhuận, rồi sau đấy cháu lại tính tổng số những ngày nhuận cháu tính được sẽ có sai số bao nhiêu. Nói chung con số phải lên đến hàng vạn, sai số cho phép là một phần nghìn, nếu hơn một phần nghìn coi như cháu tính sai, là sai số không được phép. Bây giờ cháu tính đi, sai số của cháu hợp lí hay không hợp lí?”

Ông Tây mất vào năm nhuận, năm ấy ông tám mươi chín tuổi, đời ông có hai mươi hai năm nhuận, không hơn, không kém, mỗi năm một ngày, cộng hai mươi hai ngày, đặt trong hơn ba vạn ngày của tám mươi chín năm, chắc chắn sai số chỉ dưới một phần nghìn. Ông Lily nói ra con số ấy mục đích để Kim Trân có đường lùi, đừng tự trách mình. Vậy là, ông Lily vừa dỗ vừa dọa, cuối cùng thì Kim Trân không khóc nữa.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Về sau, bố tôi nói với chúng tôi lí do để ông Tây bảo nó tính tuổi thọ, nghĩ lại chuyện nó vừa khóc, tôi chợt cảm động về tình cảm của nó đối với ông Tây, đồng thời cảm thấy trong tính cách của nó có gì đó vừa say mê vừa yếu đuối, về sau tôi càng phát hiện ra, trong tính cách của Trân rất cố chấp và quyết liệt, bình thường tỏ ra hướng nội, chuyện gì cũng để trong lòng, cố chịu đựng và chịu đựng được. Có chuyện gì cũng làm như không, có khả năng chịu đựng được những điều người khác không thể chịu đựng nổi. Nếu có gì đó không chịu đựng nổi, hoặc đụng chạm đến miền sâu thẳm của tâm linh, chừng như nó rất dễ dàng mất đi sự kiềm chế, mất kiềm chế nó sẽ bày tỏ theo một phương thức quyết liệt và cực đoan. Những ví dụ như thế không hiếm, ví dụ nó rất yêu mẹ tôi, đã từng viết một bức thư bằng máu, nó viết thế này:

“Ông đi rồi, từ nay tôi sống để trả ơn cô giáo.”

Đây là năm nó mười bảy tuổi, bị một trận ốm nặng, phải nằm bệnh viện một thời gian dài, thời gian ấy mẹ tôi thường đến phòng của nó lấy thứ này thứ nọ, bỗng phát hiện bức thư ấy. Nó bỏ vào phong bì, kẹp trong cuốn nhật kí, chữ viết rất to, nhìn là biết ngay viết bằng ngón tay, thư không ghi thời gian, cho nên không biết nó viết hồi nào, chắc chắn không phải viết trong vòng một vài năm trở lại đây, có thể viết sau khi nó vào với gia đình tôi chừng một vài năm, vì giấy và chữ trông cũ lắm rồi.

Mẹ tôi là một người hoà nhã, hiền lành, có tình cảm, những năm cuối đời vẫn như thế. Đối với Kim Trân, tưởng chừng mẹ tôi có duyên nợ gì với kiếp trước của nó, hai người ngay từ ngày đầu đã rất gắn kết, linh tính như ruột thịt, rất thân tình. Ngay từ hôm đầu Kim Trân vào nhà tôi, mẹ gọi ngay nó là em Trân, cũng không biết tại sao mẹ lại gọi như thế, có thể vì em gái tôi mới mất, mẹ tôi cho nó là em gái tôi tái thế. Sau ngày em gái tôi mất đi, suốt một thời gian dài mẹ tôi không ra khỏi cửa, ngày nào cũng ngồi buồn ở nhà, ngủ thường gặp ác mộng, hay xuất hiện ảo giác, cho đến khi Trân đến, mẹ mới bớt buồn. Có thể anh không biết, em Trân biết giải mộng, mộng nào nó cũng có thể nói ra được, giống như một thầy bói vậy. Nó còn tin theo đạo, ngày nào cũng đọc kinh bằng tiếng Anh, thuộc lòng truyện trong sách. Cuối cùng, mẹ cũng hết buồn, phải nói rằng việc ấy có liên quan đến em Trân giải mộng và đọc kinh thánh. Đây là duyên phận của hai người, không sao giải thích nổi. Nói thật, mẹ rất tốt với em Trân, làm gì hay nói gì cũng đều coi nó như người thân trong nhà, tôn trọng nó, quan tâm đến nó. Không ngờ, vì thế mà Trân ghi sâu tận đáy lòng ý nguyện đền đáp công ơn mẹ tôi, thậm chí viết ra bằng máu. Tôi nghĩ, có thể trước đây Trân chưa từng được yêu thương thật tình, càng không thể nói đến tình mẫu tử, tất cả những gì mẹ làm, mỗi ngày ba bữa ăn cho nó, may vá, triu mến thăm hỏi... Tất cả những điều đó được nó phóng đại, nhìn bằng mắt, ghi vào lòng, lâu ngày, rất nhiều việc tích tụ, chắc chắn tạo nên sự xúc động sâu sắc, cần phải có cách biểu đạt, nó phải chọn cách không bình thường, nhưng lại phù hợp với tính cách. Tôi cho rằng, nếu theo cách nói ngày nay, tính cách của Trân có phần khép kín.

Những chuyện tương tự nhiều lắm, sẽ nói sau, bây giờ chúng ta trở về với buổi tối hôm ấy, chuyện này còn lâu mới hết. ()

Tối hôm sau, vẫn ở bên bàn ăn, Kim Trân nhắc lại chuyện kia, nói ông Tây trải qua hai mươi hai năm nhuận, bởi vậy, hình như tính thiếu mất hai mươi hai ngày, nhưng qua tính toán, nó bảo thực tế chỉ hai mươi một ngày thôi, đây là cái kết luận ngớ ngẩn. Tuy rõ ràng là hai mươi hai năm nhuận, mỗi năm một ngày, vị chi hai mươi hai ngày, làm sao lại hai mươi một? Lúc đầu cả ông Lily đều cho Kim Trân bị tẩu hỏa nhập ma,

thần kinh có vấn đề. Nhưng nghe Kim Trân nói cụ thể, mọi người lại cảm thấy không phải cậu ta nói không có lý.

Là như thế này, ông Lily đã từng nói, có năm nhuận bởi mỗi năm dài hơn ba trăm sáu mươi lăm ngày những năm giờ, bốn mươi tám phút, bốn mươi sáu giây, bốn năm cộng lại gần hai mươi bốn tiếng, nhưng không chính xác hai mươi bốn tiếng (nếu mỗi năm thừa ra sáu tiếng thì mới thật chính xác hai mươi bốn tiếng). Vậy sai số bao nhiêu? Một năm mười một phút mười bốn giây, bốn năm bốn mươi bốn phút năm mươi sáu giây. Tức là, khi xuất hiện năm nhuận, thời gian đã xuất hiện một hư số bốn mươi bốn phút năm mươi sáu giây. Có thể nói, qua việc đặt ra năm nhuận hoặc ngày nhuận, trên thực tế chúng ta đã cướp mất của trái đất bốn mươi bốn phút năm mươi sáu giây thời gian. Cả đời ông Tây trải qua hai mươi hai năm nhuận cũng tức là mất đi hai mươi hai lần bốn mươi bốn phút, năm mươi sáu giây, cộng lại coi như mất mười sáu giờ hai mươi tám phút hai mươi hai giây.

Nhưng Kim Trân chỉ ra rằng, ông Tây thọ 32.232 ngày, không phải 88 năm chẵn, mà là 88 năm lẻ 112 ngày, 112 ngày lẻ này thực tế không tính vào năm nhuận, cũng tức là mỗi ngày không thật chính xác 24 tiếng đồng hồ, mà chính xác là 24 tiếng đồng hồ kém một phút, 112 ngày tức là 6.421 phút, tức 1 giờ 47 phút. Như vậy, trên cơ sở 16 giờ 28 phút 32 giây trừ đi 1 giờ 47 phút, sẽ có số dư 14 giờ, 41 phút, 32 giây, đây mới thật là số ảo thời gian tồn tại trong đời ông Tây.

Kim Trân lại nói, theo nó biết, ông Tây sinh vào buổi trưa, mất lúc chín giờ tối, bắt đầu và chấm dứt như vậy, ít nhất có 10 tiếng đồng hồ hư số, cộng với 14 giờ 41 phút 32 giây vừa rồi, muốn nói thế nào đi nữa cũng là một ngày, nghĩa là có một ngày số ảo. Tóm lại, nó rất hăng hái với cái trò năm nhuận hoặc ngày nhuận của ông Tây. Ở một ý nghĩa nào đó, nó tính ra được sai số 22 ngày trong tổng số ngày sống của ông Tây, lúc này nó giải thích những ngày nhuận ấy nhất định bớt đi một ngày.

Thầy Dung nói, sự việc ấy làm cho thầy và bố mẹ hết sức kinh ngạc, cảm thấy khâm phục đầu óc nghiên cứu của thằng bé này. Càng làm mọi người kinh ngạc hơn nữa là, vào một buổi chiều mấy ngày sau, thầy Dung mới về đến nhà, mẹ đang thổi cơm dưới bếp nói với thầy, bố đang ở trong phòng em Trân, gọi thầy vào. Thầy Dung hỏi có việc gì, mẹ bảo, hình như Trân vừa phát minh ra công thức toán học gì đó. Làm cho bố cũng phải giật mình.

Trên đây đã nói, vì tuổi thọ của ông Tây lẻ 112 ngày không tính vào năm nhuận, cho nên mỗi ngày tính thật chính xác là 24 tiếng đồng hồ, thật ra trong đó có 1 giờ 47 phút tức 6.421 giây dôi ra. Vậy thì, nếu chúng ta nói về khái niệm số ảo thời gian, cũng tức là - 6.421 giây. Sau đây, khi xuất hiện năm nhuận đầu tiên, số ảo thời gian lại giảm (- 6.421 + 2.696 giây, trong đó 2.696 là số ảo thời gian của các năm nhuận, tức 44 phút 56 giây, sau đây, năm nhuận thứ hai xuất hiện, số ảo thời gian bớt đi (- 6421 + 22 X 2696) giây, theo đó suy ra, đến năm nhuận cuối cùng xuất hiện, tức là (6.421 + 22 X 2.696) giây. Vậy là Kim Trân lấy 32.232 ngày, tức 88 năm lẻ 112 ngày số ảo thời gian đổi thành 23 cấp số cộng, tức:

(-6.421)

$(- 6.421 + 2.696)$

$(- 6.42 + 2.696)$

$(- 6.421 + 2.696)$

$(- 6.421 + 2.696)$

$(- 6.421 + 2.696)$

$(- 6.421 + 2.696)$

...

$(- 6.421 + 2.696)$

Trên cơ sở đó, không ai dạy cậu ta lần mò ra được cấp số cộng và giải công thức:

$X = [(\text{số hạng thứ nhất} + \text{số hạng cuối cùng}) \times \text{số hạng}]: 2([2])$

Nói một cách khác, coi như Kim Trân phát minh ra công thức này.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Bảo rằng, cấp số cộng và công thức tính toán không sâu sắc đến mức không thể phát minh, về lí thuyết, chỉ cần người biết làm bốn phép tính cộng trừ nhân chia đều có thể tìm ra công thức này, nhưng mấu chốt ở chỗ trong tình huống chưa biết mà nghĩ đến công thức này tồn tại. Ví dụ, tôi nhốt anh vào một căn phòng tối, chỉ cần nói với anh trong đó có những thứ gì, rồi bảo anh tìm, cho dù trong đó tối đen, chỉ cần anh có đầu óc, có chân đi, có tay sờ, cứ lần mò, phải nói rằng anh sẽ tìm ra. Nhưng nếu không nói cho anh biết trong phòng có gì, vậy rất ít, thậm chí là không thể có được khả năng nào trong căn phòng đó.

Lùi một bước để nói, cấp số cộng trước mắt nó hiện tại không phức tạp như trên, những dãy số rối rắm, mà tương đối đơn giản, giống như dãy số 1,2,3,4,5,7,9,11... Vậy sự việc còn có thể lí giải, mà cũng không làm chúng tôi ngạc nhiên đến như thế. Điều này cũng giống như anh không có thầy dạy mà đóng được một thứ đồ dùng gia đình, tuy đồ dùng ấy từ lâu đã có người làm, nhưng chúng tôi vẫn kinh ngạc về sự thông minh và tài năng của anh. Nếu trong tay anh là những công cụ và gỗ không tốt, công cụ thì rỉ đen, gỗ còn nguyên cây, nhưng anh vẫn đóng được đồ dùng, vậy chúng tôi phải khen anh gấp đôi. Tình huống của Trần là như thế, nó giống như dùng cái đục của người thợ đá, làm được một thứ đồ dùng gia đình bằng một khúc gỗ, anh nghĩ xem, chúng tôi phải kinh ngạc đến chừng nào, tất cả như giả, không thể nào tin nổi.

Sau đấy, chúng tôi thấy Trần không cần phải học tiểu học, bố quyết định cho nó vào trường trung học trực thuộc đại học N. Trường trung học trực thuộc này chỉ cách nhà tôi vài ba dãy nhà, nếu cứ để nó trọ học, sẽ gây cho Trần vết thương lòng còn nặng hơn cả việc bỏ rơi nó. Cho nên, bố đồng thời quyết định cho Trần vào học trung học cơ sở còn quyết định cho nó ở ngay trong nhà. Sự thật thì, từ mùa hè năm ấy Trần đã vào ở với gia đình, chưa bao giờ nó phải xa nhà chúng tôi, và cứ vậy cho đến ngày nó ra công tác. ()

Chụp cho nhau biệt danh là thú vui của trẻ con, trong lớp, nếu bạn nào có chút gì đặc biệt thể nào cũng có biệt danh. Lúc đầu, bạn học thấy Kim Trần có cái đầu to, lũ bạn trong lớp đặt cho cậu cái tên Trần đầu to, về sau bạn bè phát hiện cậu rất kì quái, ví dụ thích đếm đám kiến đi thành đàn thành lũ, nó đếm say sưa; mùa đông quàng cái khăn đuôi chó nom chẳng ra sao, nghe nói cái khăn của ông Tây cho cậu ta; ngồi trong lớp cứ đánh rắm và ợ rất tự nhiên, khiến cả lớp khóc dở cười dở; còn nữa, bài tập bao giờ cũng làm thành hai bản, một bản tiếng Trung Quốc, một bản tiếng Anh, v.v... Mọi người có cảm giác đầu óc cậu ta không mở mang, ngu ngốc, nhưng thành tích học tập thì rất xuất sắc, ai cũng phải trầm trồ khâm phục. Thành tích học tập tưởng như cả lớp cộng lại cũng không bằng. Vậy là, có người đặt cho cậu ta cái tên Quả dưa thiên tài, nghĩa là thằng ngốc thiên tài. Biệt danh ấy bao gồm hình ảnh cậu ta ở trên lớp và ra ngoài đường, trong đó có ý nghĩa là kẻ tiện nhân đồng thời không tiếc lời ngợi khen, trong cái xấu có cái tốt, có khen có chê, rất giống cậu ta, vậy là ai cũng gọi.

Quả dưa thiên tài!

Quả dưa thiên tài!

Năm mươi năm sau, tôi về thăm trường Đại học N, rất nhiều người tỏ ra không biết gì khi tôi nhắc đến Kim Trần, nhưng tôi nói Quả dưa thiên tài, trí nhớ của họ dường như sống lại, mới biết cái biệt danh kia đã ăn sâu vào lòng người. Một thầy giáo cũ đã từng làm chủ nhiệm lớp của Kim Trần kể lại với tôi những kỉ ức cũ:

“Tôi vẫn nhớ một chuyện thật lí thú, ấy là giờ nghỉ giữa buổi học, có người phát hiện một đàn kiến bò ở ngoài hành lang, gọi cậu ta ra, nói Kim Trần, mày thích đếm kiến, đếm xem đàn kiến này có bao nhiêu con. Mắt tôi trông thấy, Kim Trần chỉ chừng mấy giây sau đã đếm được đàn kiến cả mấy trăm con. Lại có lần, cậu ta mượn sách của tôi, mượn cuốn Từ điển thành ngữ, mấy hôm sau đem trả, tôi bảo em giữ lấy mà dùng, cậu ta bảo không cần, vì em đã thuộc hết. Sau sự việc ấy tôi phát hiện cậu ta đọc thuộc lòng tất cả những thành ngữ có trong sách. Tôi dám nói, tôi đã dạy rất nhiều học sinh, cho đến nay chưa thấy một người thứ hai có tư chất thông minh và hiểu học như cậu ta, sức nhớ, sức tưởng tượng, sức lĩnh hội, và cả khả năng giải toán, suy luận, tổng kết, phán đoán như cậu ta. Về rất nhiều phương diện, cậu ta tỏ ra phi thường, không ai dám nghĩ. Theo tôi, cậu ta hoàn toàn không cần thiết phải học trung học cơ sở mà lên học trung học phổ thông. Nhưng ông hiệu trưởng không cho, nghe nói vì thầy của thầy Dung không đồng ý.”

Thầy giáo cũ này nói thầy của thầy Dung tức là ông Lily.

Ông Lily không đồng ý bởi có hai nguyên nhân, thứ nhất, trước kia Kim Trân sống ở một nơi cách biệt với thế giới, rất cần được tiếp xúc với xã hội một cách bình thường nhất, phải sống và trưởng thành với những đứa trẻ cùng trang lứa, nếu không, nó phải sống giữa đàn trẻ hơn tuổi, rất bất lợi cho việc thay đổi tính cách hướng nội của cậu ta. Thứ hai, ông phát hiện Kim Trân thường hay làm những việc ngu ngốc, chẳng sau lưng ông và thầy giáo, cậu ta cứ suy đi tính lại những điều mà người khác đã chứng minh từ lâu, có thể não lực của cậu ta dư thừa. Ông Lily cho rằng, cậu ta là người có tinh thần khám phá mãnh liệt phần thể giới chưa được khám phá, nên càng phải đi sâu học tập, thông hiểu tri thức, để tránh lãng phí tài năng vào những điều đã biết.

Nhưng về sau thấy không dễ cậu ta học vượt cấp, thầy giáo cũng không có cách nào dạy, thầy giáo bị cậu ta hỏi những vấn đề sâu sắc khó trả lời. Không còn cách nào, ông Lily đành phải nghe theo đề nghị của các thầy giáo, để cậu ta học vượt cấp, vậy là cậu ta vượt hết cấp này đến cấp khác, kết quả là những học sinh cùng học trung học cơ sở lên trung học phổ thông thì cậu ta đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Năm ấy cậu ta thi vào đại học N, toán làm được điểm tuyệt đối, thủ khoa của cả tỉnh, vào khoa toán một cách nhẹ nhàng.

9. Chương 2-6

Khoa toán của Đại học N vốn rất nổi tiếng, được mệnh danh là cái nôi của các nhà toán học. Nghe nói, mười lăm năm trước, một vị rất nổi tiếng trong giới văn nghệ của thành phố C bị chế giễu ở vùng ven biển, đã từng đưa ra một câu nói nổi tiếng: “Thành phố C của chúng tôi dù có kém cỏi đến đâu thì ít nhất cũng có trường đại học N tài giỏi; cho dù đại học N kém cỏi, ít nhất cũng có khoa toán, đây là đỉnh cao của thế giới, lẽ nào các anh chế giễu được sao?”

Ấy là nói đùa vậy thôi, nhưng khoa toán của đại học N là một danh vọng chí tôn!

Ngày đầu tiên Kim Trân vào học, ông Lily cho cậu ta một cuốn sổ ghi, trang đầu ghi tặng câu này:

“Nếu cháu muốn trở thành một nhà toán học, vậy cháu đã bước vào một ngưỡng cửa lớn tốt nhất; nếu cháu không muốn trở thành một nhà toán học, cháu không cần phải bước qua ngưỡng cửa này, bởi cháu đã có tri thức toán học đủ để dùng suốt đời!”

Có thể, không ai như ông Lily thấy rõ thiên tài toán học hiếm có và say mê được ẩn náu dưới cái vẻ bề ngoài lạnh như đất của Kim Trân, cũng vì thế mà không ai như ông Lily gửi gắm hi vọng và niềm tin Kim Trân trở thành nhà toán học trong tương lai. Khởi phải nói, dòng chữ ghi tặng trên cuốn sổ là một minh chứng hùng hồn nhất. Ông Lily tin tưởng sẽ có nhiều người đứng vào hàng ngũ của ông, trông thấy cơ duyên hiếm hoi giữa Kim Trân và nhà toán học. Đồng thời ông cũng nghĩ, có thể tạm thời còn chưa được, ít nhất phải qua một giai đoạn nữa, có thể một năm, hai năm, đến lúc ấy không ngừng đi sâu vào việc học hành, ánh sáng toán học của Kim Trân mới dần dần tỏa sáng.

Nhưng sự thật chứng minh, ông Lily có phần bảo thủ, nhà toán học nước ngoài L. Hinsh chỉ học qua hai tuần lễ đã gia nhập hàng ngũ của ông một cách vui vẻ, ông Hinsh nói như thế này:

“Xem ra đại học N của các ông lại xuất hiện thêm một nhà toán học, thậm chí là nhà toán học lớn, ít nhất trong số những người ra đi từ đại học N của các ông.”

Ông ta nói đến Kim Trân.

L. Hinsh là người cùng tuổi với thế kỷ hai mươi, sinh năm 1901 trong một gia đình quý tộc hiền hách người Ba Lan, mẹ là người Do Thái, di truyền cho ông một khuôn mặt hết với người Do Thái, cái đầu nhọn, mũi khoằm, tóc xoăn. Có người nói, não thùy của ông cũng là của người Do Thái, trí nhớ đáng kinh ngạc, có đầu óc nhạy bén, chỉ số thông minh gấp mấy lần người bình thường. Hinsh bắt đầu chơi trò đấu trí vô cùng say mê, thuộc hầu hết các nước cờ bí hiểm, lên sáu tuổi, không ai dám đánh cờ với Hinsh. Đúng là một nhân tài sản sinh trong cộng đồng Do Thái, cả trăm năm mới có một người.

Năm mười bốn tuổi, cậu ta theo cha đến dự tiệc tại một gia đình nổi tiếng, trong bữa tiệc có mặt cả gia đình nhà toán học Selord. Hai gia đình không hẹn mà gặp, một người về sau là Chủ tịch Hội nghiên cứu toán học của Đại học Cambridge, cũng là kì thủ nổi tiếng thế giới. Ông Hinsh cha nói với nhà toán học, ông rất mong con trai ông vào đại học Cambridge, nhà toán học rất ngạo mạn trả lời: có hai con đường, thứ nhất tham gia kì thi vào trường được tổ chức mỗi năm một lần; thứ hai, tham gia cuộc thi toán học và vật lí Newton do Hoàng gia Anh tổ chức hai năm một lần (năm lẻ cho toán học, năm chẵn cho vật lí), năm học sinh đạt điểm cao nhất được miễn thi và miễn học phí vào Đại học Cambridge. Cậu thiếu niên Hinsh nói chen vào, nghe nói bác là đại kì thủ nghiệp dư quốc tế, cháu đề nghị bác chơi với cháu một ván, nếu cháu được, cũng sẽ miễn thi như thế nhé? Nhà toán học cảnh cáo cậu ta, tôi đồng ý, nhưng phải nói rõ một điều, cho dù tự cậu đặt ra cái giá lớn như vậy, tôi chấp nhận cái giá ấy, nhưng tôi cũng đưa ra cái giá cậu phải chấp nhận, như vậy trò chơi mới công bằng nếu không tôi không thể chấp nhận điều kiện của cậu. Hinsh con nói, vậy xin bác cứ ra điều kiện. Nhà toán học nói: nếu cậu thua, sau này không được đến Cambridge của tôi. Ông ta cho rằng, như thế sẽ làm cho Hinsh con phải sợ. Thật ra, người sợ lại là Hinsh cha. Hinsh con được cha khuyên khiến cậu ta cũng phải do dự, nhưng cuối cùng cậu ta vẫn rất kiên quyết nói: được!

Hai người bày quân cờ ra trước mặt mọi người, gần nửa tiếng đồng hồ sau, nhà toán học đứng dậy, cười nói với Hinsh cha: sang năm ông đưa con đến Cambridge nhé.

Hinsh cha nói, ván cờ vẫn chưa kết thúc.

Nhà toán học nói, lẽ nào ông xem thường khả năng quan sát của tôi? Ông quay sang nói với Hinsh con, cháu có thấy cháu thắng bác không?

Hinsh con nói, lúc này thế cờ của cháu chỉ có ba phần thắng, bác có những bảy phần.

Nhà toán học nói, thế cờ hiện tại là thế, nhưng cháu thấy được điều ấy chứng tỏ có khả năng lật ngược thế cờ đến sáu bảy phần, cháu giỏi lắm, sau này đến Cambridge đánh cờ với bác.

Mười năm sau, mới hai mươi bốn tuổi, cái tên Hinsh đã xuất hiện trên mặt báo toán học nước Áo, được xếp vào những ngôi sao toán học đang lên của thế giới. Năm sau, cậu ta được phần thưởng cao nhất của giới toán học quốc tế, giải thưởng Fields[3]. Giải thưởng này vốn được coi là giải Nobel toán học, thật ra còn khó hơn cơ hội giành giải Nobel, vì giải Nobel mỗi năm một lần, giải này những bốn năm mới xét tặng một lần.

Ở Cambridge, Hinsh học cùng với một cô gái dòng Hoàng tộc Áo, cô yêu tha thiết anh chàng trẻ tuổi được giải thưởng Fields, nhưng Hinsh tỏ ra thờ ơ với chuyện yêu đương. Một hôm, bố của cô gái dòng Hoàng tộc bỗng xuất hiện trước Hinsh, tất nhiên không phải ông ta đến cầu hôn cho con gái, ông chỉ nói với chàng trai kia rằng, bản thân ông rất muốn làm một việc có ý nghĩa nhằm chấn hưng sự nghiệp khoa học của nước Áo, hỏi anh có muốn giúp ông thực hiện nguyện vọng ấy không. Hinsh hỏi sẽ giúp bằng cách nào. Ông ta nói, ông sẽ bỏ tiền ra, anh phụ trách tuyển người, cùng lập một cơ quan nghiên cứu khoa học. Hinsh nói, ông có thể chi bao nhiêu tiền? Ông ta nói: cậu muốn bao nhiêu cũng được. Hinsh do dự trong hai tuần, dùng phương thức toán học tính toán một cách khoa học và chính xác tiến trình tương lai của bản thân, kết quả cho đáp số đi Áo hoặc tồn tại dưới một hình thức khác hơn là ở lại Cambridge.

Vậy là, Hinsh sang Áo.

Rất nhiều người cho rằng, anh đi Áo là để thỏa mãn hai nguyện vọng, thứ nhất là người cha có tiền, nguyên nhân khác nữa là cô gái yêu anh. Hoặc nói, người trẻ tuổi may mắn ở Áo có vinh dự được lập nghiệp, lại được tiếng thơm lấy được vợ dòng Hoàng tộc. Nhưng cuối cùng Hinsh chỉ đạt được một việc là lập nghiệp, anh ta dùng số tiền tiêu không hết để thành lập viện nghiên cứu toán học cao đẳng của Áo, tập hợp được rất nhiều nhà toán học tài năng thời đó, đồng thời tìm được một nhà toán học thay anh giúp cô gái Hoàng tộc thực hiện nguyện vọng tìm một tấm chồng. Theo đó, có tin đồn anh là người đồng tính luyến ái, mà một mặt nào đấy của anh cũng đã chứng minh sự thật lời đồn ấy, ví dụ, những người anh thu nhận không có nữ, tin tức về anh cũng do phóng viên nam thực hiện, thật ra nữ phóng viên phỏng vấn anh nhiều hơn nam phóng viên, không hiểu tại sao các cô phải ra về tay không, có thể là do hứng thú bí mật của anh chăng?

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Mùa xuân năm 1938, ông Hinsh đến Đại học N với tư cách một học giả thăm trường, không loại trừ ý đồ

chiêu binh mãi mãi. Nhưng không ngờ, mấy ngày hôm ấy thế giới có những biến đổi kinh người, đài phát thanh đưa tin Hitler xuất quân đánh chiếm nước Áo, Hinsh đành tạm thời ở lại Đại học N chờ cho chiến sự qua đi rồi mới về nước. Thư của bạn từ Mỹ cho Hinsh hay, lịch sử châu Âu đang có những thay đổi lớn, các nước Áo, Tiệp, Hung, Ba Lan tràn ngập cờ phát xít Đức, người Do Thái ở những nơi ấy đang lục tục bỏ đi chỗ khác, những người không đi đều bị đưa vào trại tập trung. Vậy là Hinsh không còn lối thoát, đành ở lại Đại học N, vừa làm giáo sư khoa toán, vừa tìm cơ hội để đi Mỹ. Trong thời gian đó, tình cảm (có thể là cơ thể) của Hinsh có sự thay đổi bí ẩn và kì lạ, chừng như chỉ trong một đêm, bắt đầu có hứng thú rất lạ lùng và rất nồng hậu đối với những cô gái xuất hiện trong khuôn viên nhà trường, điều chưa từng có ở Hinsh. Hinsh giống như một cái cây rất đặc biệt, nở những bông hoa khác nhau trên những mảnh đất khác nhau, kết trái kì lạ. Vậy là ý nghĩ đi Mỹ bị tình cảm yêu đương xoá bỏ, hai năm sau, Hinsh đã bốn mươi tuổi kết hôn với một cô giáo kém mình mười bốn tuổi, dạy khoa vật lí, kế hoạch đi Mỹ tạm thời gác lại, gác lại mười năm.

Giới toán học chú ý, từ ngày Hinsh đến đại học N, thay đổi lớn nhất là càng ngày càng đúng với một người đàn ông, nhưng càng ngày càng không còn là một nhà toán học. Có thể tài năng nổi trội trước đây của Hinsh là bởi ông không giống với một người đàn ông tạo nên, sau khi giống đàn ông, những tài năng bí ẩn kia bỏ ông mà đi. Cuối cùng là do ông đuổi đi hay Thượng đế bảo đi, sợ rằng ngay cả ông cũng không biết. Không một nhà toán học nào không biết, trước khi Hinsh đến Đại học N, ông đã có hai mươi bảy bài luận văn toán học có ảnh hưởng ở cấp độ thế giới, nhưng sau đấy ông không viết nổi một bài, con thì đứa này tiếp đứa khác ra đời. Tài năng trước đây của ông hình như bị tiêu tan trong vòng tay phụ nữ, tan chảy, biến thành những đứa trẻ đáng yêu. Chuyện của Hinsh càng làm cho người phương Tây tin rằng phương Đông rất thần bí, biến đổi thần kì một con người thần kì, biến đổi tận gốc mà không thể giải thích nổi, cũng không nhận ra quá trình biến đổi, chỉ có những kết quả không ngừng lặp lại và gia tăng.

Đương nhiên, tuy tài trí của quá khứ đã mất đi trong vòng ôm của người phụ nữ, nhưng đứng trên bục giảng Hinsh vẫn là con người siêu phàm thoát tục. Nói theo một ý nghĩa nào đấy, vì ngày càng không giống một nhà toán học tài giỏi, cho nên biến đổi thành một vị giáo sư đáng kính xứng với nghề nghiệp. Hinsh dạy ở khoa toán đại học N tất cả mười một năm, không nghỉ ngơi gì nữa, được làm sinh viên của ông quả là một vinh dự lớn, mà cũng là bắt đầu tạo dựng cho mình một sự nghiệp. Nói thật, mấy vị học giả có ảnh hưởng đối với thế giới xuất thân ở Đại học N quá nửa là sinh viên của ông đào tạo trong mười một năm trời. Nhưng không dễ gì làm sinh viên của ông. Đầu tiên người ấy phải biết tiếng Anh (Về sau ông không nói tiếng Đức); thứ hai, ông không cho sinh viên ghi chép ở lớp, với lại, vấn đề ông chỉ giảng một nửa, có lúc còn cố ý giảng sai, giảng sai cũng không cải chính, ít nhất là lúc bấy giờ không cải chính, một hôm nào đấy nhớ lại mới cải chính, không nhớ coi như thôi. Cách giảng bài ấy của ông tưởng chừng rất ngang, khiến nhiều sinh viên trình độ bình thường không thể không bỏ học, có sinh viên chuyển sang học ngành khác. Quan niệm giảng dạy của ông chỉ gói gọn trong một câu: một ý nghĩ sai còn chính xác hơn cả điểm số cao. Nói cho cùng, ông quán triệt phương pháp giáo dục bắt sinh viên phải động não suy nghĩ, khai thác sức tưởng tượng, sức sáng tạo của anh. Cứ đến đầu năm học, đối diện với những sinh viên mới, ông bắt đầu bài giảng đầu tiên bằng hai thứ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc lẫn lộn. - Tôi là một con thú hoang, không phải người thuần dưỡng thú vật, mục đích của tôi là đuổi bắt các anh, các anh chạy nhanh, tôi đuổi nhanh, các anh chạy chậm, tôi đuổi chậm, dù sao các anh cũng phải chạy, không thể dừng, đừng cảm chạy, bao giờ các anh dừng lại, quan hệ giữa chúng ta sẽ được giải thoát. Bao giờ các anh chạy vào rừng sâu, biến mất trước tầm mắt tôi, quan hệ giữa chúng ta cũng sẽ được giải thoát. Nhưng câu trước là tôi giải thoát các anh, câu sau là các anh giải thoát tôi. Bây giờ chúng ta chạy, xem ai giải thoát ai.

Tất nhiên, giải thoát ông là chuyện khó, nhưng dễ cũng thật dễ. Bắt đầu một học kì, bài giảng đầu tiên, sự kiện đầu tiên của ông là, viết lên góc bên phải tấm bảng đen một đề toán khó có tính chất mưu mẹo, cho đến khi có ai đó giải được, coi như học kì kết thúc mãi mãi, sau đấy có thể đến lớp, có thể không đến, tùy ý. Tức là, học kì ấy anh đã giải thoát được ông ta. Cùng lúc ấy, ông lại viết lên chỗ cũ trên bảng đen một đề khó, chờ người thứ hai giải đáp. Nếu một người ba lần giải được đề khó của ông, ông sẽ cho riêng anh một đề khó hơn, sự thật thì đấy là luận văn tốt nghiệp của anh. Nếu anh giải được trọn vẹn đề toán ấy, bất kể là lúc nào, cho dù mới khai giảng được ít ngày, coi như anh đã tốt nghiệp, coi như đã giải thoát được công việc của ông ở chương trình cơ bản. Nhưng đã mười năm, không có ai có vinh dự ấy, có thể ngẫu nhiên giải đáp được một vài đề cũng rất hiếm hoi. ()

Bây giờ Kim Trân xuất hiện trong giờ học của giáo sư Hinsh, vì đáng người nhỏ bé (mười sáu tuổi), cậu

ngồi ở dãy bàn đầu, hơn ai hết cậu chú ý đến ánh sắc sảo và xảo quyệt phát ra từ cặp mắt xanh của Hinsh. Hinsh cao lớn, đứng trên bục giảng càng tỏ ra cao lớn hơn, ánh mắt rơi vào vị trí cuối lớp, cái mà Kim Trân tiếp nhận được là nước bọt của Hinsh vô tư phun ra và dòng khí lưu lúc nói. Ông ta giống như một nhà thơ cảm xúc trào dâng đứng trên bục giảng tỏ ra thoải mái giải thích những kí hiệu toán học khô khan trừu tượng, thỉnh thoảng lại nhún vai cao giọng, lúc lại dạo bước ngâm ngợi. Ông đứng trên bục giảng giống một nhà thơ, cũng lại giống với một vị tướng. Giảng bài xong, ông không nói gì, cứ thế đi thẳng. Lần này, giáo sư Hinsh vẫn theo thói quen đi thẳng, ánh mắt vô tình chạm vào bóng người gầy bé ngồi ở hàng đầu, cậu ta đang cúi đầu trên trang giấy để làm toán, rất say sưa, tưởng chừng như đang làm bài thi. Hai hôm sau, giáo sư Hinsh lại lên lớp giảng bài, vừa đứng lên bục giảng, ông hỏi:

“Ai tên là Kim Trân, giơ tay lên?”

Ông thấy người giơ tay chính là cậu sinh viên nhỏ bé ngồi ngay hàng đầu mà mỗi khi lên lớp ông đều chú ý.

Giáo sư Hinsh cầm mấy tờ bài tập trên tay, vẫy vẫy, hỏi: “Tờ giấy này em nhét vào cửa phòng tôi à?”

Kim Trân gật đầu.

Giáo sư Hinsh nói: “Tôi báo cho em biết, học kì này em không phải lên lớp nghe tôi giảng nữa.”

Cả lớp tỏ ra kinh ngạc.

Như đang thưởng thức gì đó, ông mỉm cười với mọi người, yên tĩnh trở lại. Cả lớp đã yên tĩnh, ông quay lại, viết đề toán lần trước lên bảng đen - không ở góc bên phải, mà là góc trên bên trái, đây là nội dung của tiết học hôm nay.

Ông viết lời giải của Kim Trân lên bảng, giảng qua một lần, tiếp theo ông dùng phương pháp mới để giải theo ba cách khác nhau cùng một đề toán khiến mọi người cảm thấy kiến thức đang được mở rộng, hiểu rõ cái bí mật có nhiều cách nhưng có chung một kết quả, nội dung bài học mới được lồng vào mấy cách giảng. Xong việc, ông đứng trước tấm bảng đen, viết lên góc trái của tấm bảng một đề toán khó, nói:

“Tôi mong sau khi hết giờ, sẽ có em giải được đề toán này, lúc lên lớp tôi sẽ giải, lúc hết giờ tôi lại ra đề khác.”

Nói là nói vậy, nhưng trong lòng ông Hinsh biết, cái điều may mắn đối với lời nói của mình là rất ít, về mặt toán học được biểu thị bằng số lẻ, hơn nữa còn bị thêm chặn bớt lẻ. Bớt tức là bỏ đi không tính, tức là không còn; thêm nghĩa là làm cho số lớn hơn, tức là không biến thành có, đất biến thành trời. Điều ấy muốn nói, giữa trời và đất không có một con mương ngăn cách, chỉ thêm một li đất lập tức biến thành trời, thiếu đi một li, trời sẽ biến thành đất. Ông Hinsh không ngờ là, cái cậu sinh viên lành như đất và ít nói kia làm cho khái niệm về đất trời của ông trở nên mơ hồ, ông nhìn rõ là đất, nhưng kết quả là trời. Ấy là, Kim Trân rất nhanh chóng giải được đề toán khó của ông.

Đề toán đã được giải, tất nhiên phải ra đề khác. Khi ông Hinsh viết đề khó thứ ba lên góc bên phải tấm bảng đen, vừa quay lại, ông không nói với mọi người mà chỉ nói với Kim Trân:

“Nếu em giải được đề toán này, tôi sẽ ra riêng cho em một đề khác.”

Ông muốn nói đến đề cho luận văn tốt nghiệp.

Lúc ấy, Kim Trân mới học được ba buổi của ông Hinsh, chỉ một tuần lễ.

Không như hai đề trước, trước tiết tiếp theo Kim Trân đã giải được, vì vậy, ông Hinsh giảng xong tiết thứ tư, ông từ bục giảng đi xuống, nói với Kim Trân:

“Tôi đã ra đề thi tốt nghiệp cho em, chỉ chờ em giải.”

Nói xong, ông bỏ đi ngay.

Ông Hinsh sau khi lấy vợ, thuê một căn hộ trong ngõ Tam Nguyên, gia đình ở đấy, nhưng bình thường ông vẫn ở trong ngôi nhà dành cho các giáo sư, trên tầng ba, căn hộ có nhà vệ sinh riêng. Ở đấy ông đọc sách, nghiên cứu, căn nhà tựa như một thư phòng. Chiều hôm ấy, ông vừa nghỉ trưa xong, đang nghe đài, giữa tiếng nói trong đài có lẫn tiếng chân bước lên cầu thang. Tiếng chân dừng lại, nhưng không có tiếng gõ cửa, chỉ có tiếng động khe khẽ như tiếng rần rờ, âm thanh từ hành lang lọt qua khe cửa. Ông Hinsh thấy

có mấy tờ giấy lọt vào, một lúc sau ông nhặt lên, nét chữ quen thuộc của Kim Trân. Ông mở ngay trang cuối để xem kết quả, kết quả là đúng. Ông cảm thấy như mình bị quất một roi, định chạy ra gọi Kim Trân lại. Nhưng ra đến cửa, ông suy nghĩ giây lát rồi quay vào ngồi ở sofa, bắt đầu xem từ trang thứ nhất. Xem xong, ông lại cảm thấy bị quất thêm một roi nữa, ông đến bên cửa sổ, nhìn Kim Trân đang đi, lưng quay về phía này. Ông mở cửa sổ, gọi theo bóng người đang đi. Kim Trân quay lại, thấy giáo sư vừa chỉ tay vừa gọi cậu lên lầu.

Kim Trân ngồi trước mặt vị giáo sư người nước ngoài.

“Anh là ai?”

“Em là Kim Trân ạ.”

“Không!” ông Hinsh cười, “Tôi hỏi em là người thế nào? Từ đâu đến? Trước đây học ở đâu? Tại sao tôi thấy em quen quen, bố em là ai?”

Kim Trân do dự, không biết phải trả lời thế nào.

Bỗng ông kêu lên: “Ồ! Tôi nhớ ra rồi, em là hậu duệ của bức tượng dựng trước toà nhà lớn kia, hậu duệ của bà Lily, Bàn tính Dung Lily. Em có phải là hậu duệ của bà ấy không? Là con hay là cháu?”

Kim Trân chỉ vào những trang giấy bài tập để trên sofa, không trả lời câu hỏi:

“Em làm đúng không ạ?”

Ông Hinsh nói: “Em chưa trả lời vấn đề của tôi, có phải em là hậu duệ của bà Dung bàn tính Lily?”

Kim Trân không khẳng định mà cũng không phủ nhận, chỉ ấp úng trả lời: “Thầy nên hỏi thầy Hiệu trưởng Lily, thầy ấy là người nuôi em, em không có cha mẹ.”

Kim Trân nói nhằm mục đích không muốn nói rõ quan hệ giữa mình và bà Dung bàn tính Lily, không ngờ ông tỏ ra nghi ngờ, nhìn Kim Trân, nói: “Đành là thế, tôi muốn hỏi em, mấy lần giải đề toán là em tự làm hay có người chỉ dẫn?”

Kim Trân trả lời dứt khoát: “Em tự làm.”

Tối hôm ấy, giáo sư Hinsh gặp ông Lily. Kim Trân trông thấy, nghĩ rằng vị giáo sư người nước ngoài này đã nghi ngờ cậu tự giải các bài toán. Thật ra, giáo sư Hinsh buổi chiều đã nói ra điều nghi ngờ của mình và cũng đã không còn nghi ngờ. Vì ông nghĩ, nếu có người tham gia vào quá trình giải bài toán, dù là ông hiệu trưởng hay con gái ông ta, thì cách giải sẽ không phải như thế. Sau khi Kim Trân ra về, ông Hinsh xem lại mấy bài toán cậu ta giải, cảm thấy cách giải có phần li kì, thật đáng khâm phục, để lộ nét ấu trĩ, nhưng lại lấp lánh lí trí và thông minh, ông có cảm giác không thể nói nên lời, nhưng nói chuyện với ông Hiệu trưởng, hình như ông đã tìm ra được những điều có thể nói ra.

Giáo sư Hinsh nói: “Cảm giác là thế này, chúng ta bảo cậu ta xuống lấy một thứ gì đó dưới đường hầm, đường hầm tối xoè bàn tay không thấy ngón, đường hầm lại nhiều góc ngách và hầm hố, không có công cụ chiếu sáng không dám bước chân. Ấy là nói, trước khi vào đường hầm phải chuẩn bị công cụ chiếu sáng. Công cụ chiếu sáng có nhiều loại, có thể là đèn pin, có thể là đèn dầu hoặc đuốc, thậm chí chỉ là một bao diêm. Nhưng cậu ta lại không biết những thứ đó hay là biết mà không kiểm tra, tóm lại không có những thứ ấy, mà dùng một tấm gương, tạo một góc độ vô cùng chính xác, chiết xạ ánh sáng trên mặt đất vào đường hầm tối, ở một khúc quanh của đường hầm, cậu ta lại lợi dụng tấm gương để phản chiếu ánh sáng. Cứ như vậy, cậu ta đi về phía trước, dựa vào chút ánh sáng để tránh hầm hố. Bí ẩn hơn nữa là, cứ đến mỗi khúc quanh, chừng trong sâu xa của cậu ta có bản lĩnh linh cảm, dựa vào trực giác để lựa chọn đường đi một cách chính xác.

Suốt mười năm, ông Lily chưa thấy giáo sư Hinsh khen ai, khó để ông không nghi ngờ một ai về toán học, bây giờ ông hết lời, thậm chí rất nhiệt tình khen ngợi Kim Trân, khiến ông Lily cảm thấy lạ lùng và rất ngạc nhiên. Ông nghĩ, tôi phát hiện một thằng nhỏ có tài về mặt toán học, còn ông Hinsh là người thứ hai, chẳng qua là sự chứng minh giúp tôi. Tất nhiên, còn có chứng minh nào đúng đắn hơn của giáo sư Hinsh? Cả hai người càng nói càng phần chấn.

Nhưng, nói đến sự sắp xếp về mặt toán học cho đứa nhỏ trong tương lai, hai người tỏ ra mâu thuẫn. Hinsh cho rằng, đứa nhỏ này đã nắm vững khả năng và tài trí về toán học, có thể bỏ bớt những chương trình cơ bản, đề nghị cho nó học vượt cấp, có thể để nó làm luận văn tốt nghiệp.

Điều này đã làm Lily không bằng lòng.

Như ta biết, Kim Trân là đứa nhỏ quá ư lạnh nhạt, rất thích sống một mình, là đứa trẻ rất kém về mặt xã giao. Đây là nhược điểm của nó, và cũng là cạm bẫy trong cuộc đời nó, ông đang cố gắng bổ sung cho nó. Theo một ý nghĩa nào đấy, về mặt xã giao Kim Trân là một người không có khả năng và nhu nhược, thậm chí đối với người khác là một sự kình địch khó hiểu, càng thích hợp hơn khi để nó sống chung với những đứa trẻ cùng trang lứa, như vậy đối với nó là sự thả lỏng. Hiện tại, trong lớp nó là một sinh viên nhỏ tuổi nhất, ông Lily cảm thấy giữa nó và bạn bè có một khoảng cách rất xa, không thể để nó cách xa hơn, nếu không, sẽ gây sự bất lợi trong tính cách cậu ta. Nhưng điểm này hôm nay ông Lily không muốn nhắc đến, vì rất khó nói, quá phức tạp, hơn thế còn là chuyện đời tư của nó. Ông chỉ có thể đề nghị đối với vị giáo sư người nước ngoài này:

“Trung Quốc có câu luyện mãi thành thép. Kim Trân là đứa trẻ thông minh, nhưng kiến thức tích lũy còn ít ỏi. Vừa rồi ông cũng đã nói, công cụ chiếu sáng thông thường có nhiều loại, có thể dùng cái nào cũng được, nhưng nó không dùng, mà bỏ cái gần để với cái xa. Tôi không nghĩ đây là sự cố tình của nó, mà là vạ bất đắc dĩ, cùng đường mới nảy ra ý nghĩ ấy. Có thể nghĩ ra dùng tấm gương dĩ nhiên là tốt nhưng từ nay về sau nó vẫn sử dụng tài năng vào những chuyện này để phát hiện những công cụ không có giá trị thực tế, tuy trong một lúc nào đấy có thể thỏa mãn lòng hiếu kỳ của mọi người, nhưng ý nghĩa thực có được bao nhiêu? Cho nên, vì con người dễ dạy dỗ, tôi nghĩ đối với Kim Trân học tập là điều cần kíp không chậm trễ, cần hiểu hơn những lĩnh vực đã biết, chỉ có thể nắm vững những cơ sở đã biết mới có thể tìm ra những điều không biết có ý nghĩa chân chính. Nghe nói, năm kia ông về nước có đưa đến đây rất nhiều sách quý, lần trước tôi đến thăm ông, định mượn vài cuốn về đọc, nhưng thấy trên giá sách của ông có dán lời cáo thị “Xin không ngỏ lời mượn sách”, nên đành thôi. Lúc này tôi nghĩ, nếu có ngoại lệ, ông cũng dành cho Kim Trân một ngoại lệ, điều ấy đối với nó có thể có ích. Trong sách có ngôi nhà vàng.”

Lại nói đến điều mà giáo sư Hinsh không muốn.

Sự thật thì nhiều người đã biết, mấy năm nay khoa toán có hai điều lạ: điều lạ thứ nhất là chuyện nữ giáo sư Dung Nhân Dịch (Thầy Dung) coi mấy trang thư là chồng, theo lời trong thư để từ chối mọi tình yêu; điều lạ thứ hai là giáo sư Hinsh coi tủ sách của mình là vợ, ngoài ông ra không ai được đụng đến. Điều ấy có nghĩa là, ông Lily nói vậy, nhưng ông Hinsh không làm vậy, không hi vọng gì. Vì khả năng lời nói đã nhỏ càng nhỏ hơn, về mặt toán học dùng dấu chấm để biểu thị, hơn nữa lại còn bỏ số lẻ để làm tròn số, bỏ tức là không còn tính đến, có nghĩa là biến thành không.

Chính vì vậy, vào một buổi tối, ngồi bên bàn ăn, Kim Trân ngẫu nhiên nói đến chuyện mượn được của giáo sư Hinsh hai cuốn sách, đồng thời ông cho phép từ nay về sau có thể mượn đọc bất cứ cuốn nào. Ông Lily chợt cảm thấy trong lòng vang lên một âm thanh, có cảm giác bản thân dần dần rất xa, nhưng thật ra là ở sau giáo sư Hinsh. Điều này khiến ông Lily thấy rõ vị trí của Kim Trân trong con mắt giáo sư Hinsh, không ai có thể so sánh nổi. Tức là, giáo sư Hinsh đã rất coi trọng và trông chờ Kim Trân, ông ta đã đi trước rất xa ông Lily, thoát khỏi sự tưởng tượng và nguyện vọng của ông.

10. Chương 2-7

Cái gọi là hai điều lạ, điều lạ của thầy Dung có phần bi tráng, cho nên được nhiều người kính trọng; điều lạ của giáo sư Hinsh là biến lông gà thành mũi tên, cho nên mọi người cũng lạ cho ông. Thông thường, điều khiến mọi người lạ rất dễ lan truyền, cho nên, so sánh giữa hai người, điều lạ của giáo sư Hinsh lan truyền rộng rãi hơn của thầy Dung, hầu như mọi người đều biết. Bởi vậy, việc giáo sư Hinsh không cho mượn sách, ai cũng biết. Đây là hiệu ứng chuyện nổi tiếng của người nổi tiếng, về mặt vật lý học người ta gọi đó là hiện tượng dây chuyền. Sau đấy, mọi người phải hỏi nhau, tại sao giáo sư chỉ cho một mình Kim Trân mượn

sách? Ngay cả bà vợ của ông cũng khó hiểu. Cái gọi là coi trọng và mong chờ chỉ là cách nói của mọi người, với một ý nghĩa nào đó, đây không phải là cách nói tốt, danh tiếng không tốt. Danh tiếng tốt phải là cách nói khác, họ bảo ông giáo sư người nước ngoài này muốn ăn cắp tài năng của Kim Trân.

Trong khi nói chuyện, thầy Dung cũng nói đến chuyện này.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Kỳ nghỉ đông đầu tiên sau ngày chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, giáo sư Hinsh về châu Âu. Năm ấy trời rất lạnh, sợ rằng châu Âu càng lạnh hơn, ông không đem theo gia đình cùng về, mà chỉ đi một mình. Lúc giáo sư trở lại, bố phải điều chiếc ô tô Ford duy nhất của trường, bảo tôi ra bến tàu đón. Đến nơi, thấy giáo sư Hinsh, tôi ngỡ ra, ông ta ngồi trên một cái thùng gỗ lớn gần bằng cỡ quan tài, trên cái thùng ấy có đề “Đại học N - Hòm sách của Giáo sư L. Hinsh” bằng hai thứ tiếng Trung Quốc và tiếng Anh, thể tích và trọng lượng cái hòm không thể để lên nổi chiếc xe Ford này. Tôi đành thuê thêm một chiếc xe chở hàng, mượn bốn người khuôn vác khoẻ mạnh mới đưa được cái hòm về trường. Dọc đường, tôi hỏi giáo sư Hinsh, đi xa thế còn đem theo nhiều sách làm gì, ông vui vẻ trả lời:

“Tôi đem đến một chuyên đề nghiên cứu, không có những cuốn sách này không xong.”

Thì ra trong chuyến về châu Âu, giáo sư Hinsh cảm thấy mấy năm nay về học thuật ông tỏ ra tầm thường, không có gì, bị kích thích, bị khởi phát, ông đem theo về một kế hoạch vĩ đại, quyết định nghiên cứu kết cấu não bộ con người. Bây giờ chúng ta nói trí tuệ nhân tạo không có gì là tân kì, mọi người đều biết, nhưng hồi ấy cái máy tính vừa ra đời được ít lâu, ông đã linh cảm thấy điều đó, phải nói rằng ý thức con người tương đối siêu việt. So với kế hoạch nghiên cứu to lớn của ông, sách ông đem theo hơi ít, suy ra cái điều ông không cho người khác mượn sách cũng dễ hiểu.

Vấn đề ở chỗ, ông rộng rãi với Kim Trân làm nhiều người phải suy nghĩ, thêm vào đây là cách nói kì diệu về Kim Trân ở khoa toán, những là Trân học hai tuần bằng bốn năm, những là giáo sư Hinsh vì thế mà phải xấu hổ, vân vân. Những người không hiểu nội tình lại nói vị giáo sư người nước ngoài này lợi dụng tài trí của Kim Trân cho việc nghiên cứu của mình. Anh biết đấy, những kiểu nói như vậy rất nhanh chóng lan truyền trong nhà trường, vì chỉ ra chỗ yếu của người khác, người nói nói cho sướng mồm, người nghe nghe cho đã đời, và cứ như vậy. Tôi nghe, và hỏi thẳng Trân, nó phủ nhận, về sau, bố tôi cũng hỏi, nó cũng nói không hề có chuyện đó.

Bố tôi nói, nghe nói gần đây cứ buổi chiều cháu lại đến chỗ giáo sư Hinsh à?

Trân nói, đúng vậy.

Bố tôi hỏi, cháu ở đấy làm gì?

Trân nói, có lúc đọc sách, có lúc đánh cờ.

Trân nói rất chắc chắn, nhưng chúng tôi lại nghĩ không có gió thì không thể có sóng, sợ nó không nói thật. Nhưng nó đã mười sáu tuổi, không hiểu sâu sắc sự đời, không phải không có khả năng bị lừa dối. Bởi vậy, tôi mượn cơ đến nhà giáo sư Hinsh để điều tra, đến mấy lần, quả nhiên thấy cậu ta đánh cờ, đánh cờ vua. Ở nhà, Trân cũng thường xuyên đánh cờ, đánh rất giỏi, trình độ cờ của hai người có phần tương đương, có thể ngang tài ngang sức. Trân thường đánh cờ nhảy với mẹ tôi, việc ấy thuần tuý để làm mẹ tôi vui. Xem Trân đánh cờ vua, tôi nghĩ đây là việc giáo sư Hinsh giải sầu cho Trân, vì ai cũng biết, Hinsh là kiện tướng cờ quốc tế.

Sự thật là như thế.

Nghe Trân nói, nó đánh với giáo sư Hinsh đủ loại cờ, cờ vua, cờ vây, cờ tướng, chơi cả cờ quân. Nhưng chỉ có cờ quân thỉnh thoảng mới thắng được ông, còn các loại cờ khác chưa thắng bao giờ. Trân nói, trình độ chơi cờ của giáo sư Hinsh không ai địch nổi, cờ quân đôi lúc ông bị thua là vì cờ quân không dựa hẳn vào trình độ chơi cờ cao hay thấp để quyết định được thua, cờ quân thắng thua phần lớn nhờ vào may rủi. Để so sánh, nghệ thuật chơi cờ nhảy tuy đơn giản hơn cờ quân, nhưng so với cờ quân còn thử được tài nghệ đánh cờ, là bởi hàm lượng may mắn tương đối ít. Trân cho rằng, để nói thật nghiêm khắc, thậm chí cờ quân không nên gọi đây là cờ, ít nhất không phải là cờ của người lớn.

Có thể anh sẽ nghĩ, là một trò chơi, biết được tất cả các loại cờ không khó, dễ hơn học nghề thủ công, nghề thủ công cần khéo tay. Khó ở chỗ, sau khi học được, nó hoàn toàn không giống với nghề thủ công, nghề thủ công trước lạ, sau quen, quen sẽ thành khéo, khéo sẽ trở nên tinh, chơi cờ càng thành thạo càng phức tạp. Bởi vì thành thạo rồi nắm được nhiều nước đi hơn, biến hoá nhiều hơn, giống như vào mê cung, lối vào rất đơn giản, càng vào càng lăm ngóc ngách, có nhiều lựa chọn hơn. Đây là một mặt của phức tạp, mặt khác anh thử hình dung, nếu có đồng thời hai người đi ngược chiều, anh đi và nghĩ cách để chặn bước đi của đối phương, anh đi đường anh nhưng vẫn nghĩ để chặn đường đối phương, đối phương cũng vậy, vừa đi vừa chặn đường, sự việc trở nên phức tạp. Đánh cờ là vậy, xuất chiêu, bẻ chiêu, ứng chiêu, sáng tối, gần xa, trong mây trong mù. Tóm lại, ai nắm vững đường đi nước bước sẽ biến hoá nhiều hơn, tạo mây mù nhiều hơn, mây mù lẩn quẩn, giả thật lẫn lộn. Muốn chơi cờ giỏi, không nắm vững nước đi là không ổn. Tuy nước cờ đã thành sách, nó không còn là thứ chỉ riêng của ai đó.

Nước cờ là gì?

Nước cờ giống như con đường đã được vạch ra trên vùng đất hoang, một mặt nó khẳng định đây là con đường đưa đến một điểm nào đấy, mặt khác nó khẳng định không phải của riêng một ai, anh có thể đi, người khác cũng có thể đi. Nói một cách khác, nước cờ giống như vũ khí thông thường, để đối phó với người không có vũ khí, nó có thể nhanh chóng giết chết anh. Nhưng cả hai phía đều có vũ khí thông thường tốt như nhau, anh bố trí mìn, người kia đưa máy dò mìn ra dò một lượt, coi như anh mất công toi; anh dùng máy bay, trên màn hình rada của phía bên kia hiện rõ, vậy là chặn anh lại trên không trung. Lúc ấy, có vũ khí bí mật sẽ là khâu then chốt quyết định được thua. Vũ khí bí mật trên bàn cờ.

Tại sao giáo sư Hinsh thích đánh cờ với Trân? Là bởi trên người Trân có vũ khí bí mật, thường xuất kì chiêu, quái chiêu, cảm giác anh ở dưới đất, người kia đào hầm bí mật thông đến bờ bên kia, làm cho anh bối rối, nguy hiểm liên tiếp xảy ra. Nhưng vì Trân ít khi đánh cờ, ít kinh nghiệm, không hiểu sâu sắc đường đi nước bước, cuối cùng bị vũ khí thông thường của đối phương làm cho thất điên bát đảo. Nói một cách khác, vì nó không tinh thông đường đi nước bước, nước đi của anh đối với nó cũng thành đường hầm bí mật. Nhưng đường hầm bí mật của anh đã có ngàn vạn người đi qua, độ tin cậy, tính khoa học, sự thông suốt chắc chắn còn tỉ mỉ chu đáo hơn những con đường mòn mới khai phá, cho nên cuối cùng nó khó tránh khỏi thất bại dưới tay anh.

Ông Hinsh đã từng nói với tôi, Kim Trân thua ông không phải là thua về mặt trí lực, mà về kinh nghiệm, nước cờ, kĩ thuật, chiến thuật. Ông còn nói, từ nhỏ tôi đã biết đánh các thứ cờ, qua năm tháng nước cờ của các loại cờ tôi đều nắm trong lòng bàn tay, cho nên Kim Trân muốn thắng tôi là chuyện khó khăn. Sự thật thì, chung quanh tôi không ai thắng nổi tôi, có thể không chút khoắc lác rằng, trên bàn cờ tôi là thiên tài tuyệt đối, cộng thêm kinh nghiệm về kĩ thuật, chiến thuật hoàn mĩ tôi tích lũy qua thời gian, nếu Kim Trân không chuyên tâm tu luyện vài năm, sợ rằng khó có thể thắng nổi tôi. Nhưng đối chọi với cậu ta, tôi thường có cảm giác mình được tính ngộ vì những mối hiểm nguy xa lạ, tôi thích cái cảm giác ấy, cho nên tôi muốn đánh cờ với cậu ta.

Như vậy đấy.

Đánh cờ!

Đánh cờ!

Vì chuyện đánh cờ mà Trân và giáo sư Hinsh ngày càng thân thiết, hai người rất nhanh chóng vượt qua quan hệ thầy trò, cùng đi dạo, ăn uống với nhau như bạn bè; vì đánh cờ, thời gian Trân ở nhà càng ít đi. Trước đây, cứ mỗi kì nghỉ đông, cậu ta không đi đâu, thậm chí mẹ tôi giục cậu ta tham gia những hoạt động ngoài trời. Nhưng kì nghỉ đông năm nay, suốt ngày Trân hầu như không có nhà, thoát đầu tôi nghĩ cậu ta đánh cờ với giáo sư Hinsh, về sau mới biết không phải. Nói chính xác là, không phải đánh cờ mà làm cờ!

Có thể anh không hiểu, họ phát minh ra một loại cờ mới, Trân gọi đây là cờ toán học. Sau đấy, tôi thường xem hai người đánh cờ toán học. Thật kì lạ, bàn cờ to gần bằng cái bàn viết, trên đấy là hai thế cờ chữ tĩnh và chữ mê. Quân cờ là quân mặt chược thay thế, tổng cộng có bốn đường, mỗi bên hai đường, quân cờ đặt trong ô chữ tĩnh và chữ mê. Trong đó, quân cờ trong ô chữ tĩnh ở thế cố định, giống như cờ tướng của Trung Quốc, mỗi quân cờ có một vị trí nhất định, nhưng quân cờ trong ô chữ mê có thể đứng ở các vị trí khác nhau, hơn nữa lại do đối phương đặt chỗ. Đối phương đặt vị trí phải suy tính xem ý đồ chiến

thuật của mình, tức là trước khi bắt đầu ván cờ đã tạo thế cho đối phương, sau khi bắt đầu mới thuộc sự quản lý và điều động của anh, mục đích điều động quân là để biến địch thành bạn. Trong lúc đánh, quân có thể đi vào các ô chữ tỉnh hay chữ mê, với một ý nghĩa nào đấy, đường đi của cả hai bên càng thông thoáng, khả năng giành thắng lợi càng lớn hơn. Nhưng điều kiện ra vào thật khắc nghiệt, phải tính toán chính xác, bố cục chặt chẽ, một quân cờ nào đấy khi vào một ô chữ khác, cách đi và bản lĩnh của nó cũng có những thay đổi. về cách đi, quân cờ của ô chữ tỉnh không được đi chéo, cũng không được nhảy cóc, có thể đến được ô chữ mê. So với cờ thông thường, đặc điểm lớn nhất của cờ này là, đồng thời đối địch với đối phương, còn phải đối phó với hai đường của chính mình, cố gắng điều chỉnh thế trận, tranh thủ sớm nhất biến địch thành bạn và ra vào mỗi bên. Có thể nói, anh vừa đánh với đối phương, vừa đánh với mình, cảm giác hai người đồng thời đánh hai thế cờ, thật ra chỉ là một, hoặc có thể nói đánh một lúc ba cuộc cờ - mỗi người một cuộc và một cuộc cờ đánh chung.

Nói tóm lại, đây là một thứ cờ rất phức tạp, rất quái dị, giống như hai bên giao chiến, nhưng binh sĩ trong tay tôi là của anh, binh sĩ trong tay anh là của tôi, chúng ta dùng quân đội của đối phương để đánh nhau, có thể thấy tính hoang đường và phức tạp - hoang đường là một thứ phức tạp. Vì quá phức tạp, người bình thường không có cách nào đánh nổi, giáo sư Hinsh bảo cờ này để đánh với những người làm công tác toán học, cho nên gọi là cờ toán học. Một hôm, giáo sư Hinsh nói với tôi về thứ cờ này, ông không giấu nổi niềm tự hào: cờ này thuần túy là kết quả của việc nghiên cứu toán học, nó ẩn hiện kết cấu toán học và tính phức tạp sâu sắc, bí ẩn, thậm chí vô cùng tinh tế, là cơ chế biến đổi tỉ mỉ chu đáo thuần chủ quan, chỉ có thể so sánh với bộ óc con người, cho nên phát minh ra nó, gồm cả thứ cờ này, đều là thách thức đối với đầu óc con người.

Ông giáo sư nói vậy, khiến tôi nghĩ ngay đến công trình nghiên cứu khoa học trước đây của ông; nghiên cứu kết cấu bộ óc con người. Bất giác cảm thấy cảnh giác và không yên, nghĩ đến cờ toán học phải chăng cũng là một bộ phận trong nghiên cứu khoa học của ông? Nếu như vậy, Trần của chúng tôi đã bị ông lợi dụng, dưới danh nghĩa trò chơi để ông che đậy sự bất lương của mình. Vậy là, tôi chú ý tìm hiểu qua Trần về cái thứ cờ mà hai người đã sáng tạo nên, gồm cả quá trình sáng tạo.

Trần nói, bắt đầu từ chỗ hai người muốn đánh cờ, vì nhiều loại cờ ông Hinsh đã quá giỏi, cậu ta không hi vọng giành phần thắng, mà thua đến độ bức mình, cho nên không muốn đánh với ông ấy nữa. Sau đấy hai người mò mẫm tìm ra một loại cờ mới, cả hai bắt đầu từ đầu, không vay mượn một nước cờ nào, được hay thua đều thể hiện ở sự so sánh trí lực. Trong quá trình nghiên cứu cụ thể, Trần phụ trách việc thiết kế bàn cờ, cách đánh do giáo sư Hinsh hoàn thành. Trần cho rằng, vai trò của cậu ta trong đó là bao nhiêu, chỉ chừng trên dưới mười phần trăm. Nếu nói đây là một phần trong công trình nghiên cứu khoa học của giáo sư Hinsh, vậy cống hiến ấy là không nhỏ, không thể nào chín bỏ làm mười để xóa đi được, về chuyện tôi nói ông Hinsh nghiên cứu kết cấu bộ óc con người, Trần nói không biết, cảm thấy không có chuyện đó.

Tôi hỏi Trần, tại sao em bảo không có chuyện đó?

Trần nói, chưa bao giờ ông ấy nói ra điều ấy.

Lại một chuyện li kì nữa.

Tôi nghĩ, lúc mới gặp, giáo sư đã phần khởi khoe chương trình nghiên cứu khoa học của mình, lúc này Trần suốt ngày ở bên ông ấy, tại sao không nói ra bất cứ điều gì? Tôi cảm thấy trong đó có điều khó hiểu, về sau, có lần tôi hỏi trực tiếp giáo sư Hinsh, ông ấy trả lời vì không có điều kiện, nên không làm được, đành bỏ.

Bỏ?

Bỏ thật hay giả vờ?

Nói thật, lúc ấy tôi rất nghi ngờ. Khỏi phải nói, nếu là giả vờ thì vấn đề hết sức nghiêm trọng, vì chỉ có âm mưu gì đấy mới tung hoả mù để lừa dối người khác. Tôi lại nghĩ, nếu ông ấy có âm mưu gì, vậy âm mưu ấy nhằm vào ai? Chắc chắn là Trần đáng thương. Tóm lại, do những tin đồn thật thật giả giả trong khoa, khiến tôi có những băn khoăn nghi ngờ quan hệ giữa Trần và giáo sư Hinsh, cứ lo rằng Trần bị ông lợi dụng, lừa dối. Thằng nhỏ này không quen với việc đời phức tạp, nó có phần khờ khạo, nếu muốn lừa dối cứ tìm đến những con người như nó, khờ khạo, cô đơn, sợ sệt, bị thua thiệt không dám kêu, chỉ biết nhịn nhục.

Ít lâu sau, giáo sư Hinsh làm một chuyện mà không ai ngờ tới, đã xua đi mọi nghi ngờ của tôi. ()

11. Chương 2-8

Việc giáo sư Hinsh và Kim Trân phát minh ra thứ cờ mới là vào năm 1949, sau Tết ít lâu, tức là sau ngày thành phố C được giải phóng không lâu, Hinsh được tạp chí “Lí thuyết toán học” của Mỹ mời sang Đại học California tham gia một hoạt động toán học. Để tiện cho việc đi lại, người tổ chức hội nghị lập một trạm liên lạc ở Hồng Công, những đại biểu châu Á tập trung tại Hồng Công, sau đấy đáp máy bay đi và về. Cho nên, lần đi Tây này của giáo sư Hinsh ngắn hơn rất nhiều, tất cả gói gọn trong vòng nửa tháng, thậm chí, lúc ông về trường, mọi người không tin là ông đã sang bên kia bờ Thái Bình Dương về. Nhưng, đồ đạc rất nhiều chứng minh việc ông đã đi, ví dụ giấy mời của các trường đại học, viện nghiên cứu ở Ba Lan quê ông, ở Áo, thậm chí cả ở Mỹ, hoặc những tấm ảnh kỉ niệm chụp chung với các nhà toán học J.V. Neumann, Sharply, Kuhn... Ông còn đem về đề thi của cuộc thi toán học mang tên W.L. Putnam của Mỹ năm đó.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

William Lewell Putnam là tên một nhà toán học, ông sinh tại nước Mỹ, trong giới toán học ông có danh hiệu cao quý là “Gauss thứ hai”. Năm 1921, Ủy ban toán học nước Mỹ phát động cuộc thi toán học hàng năm mang tên Putnam, cuộc thi có uy tín lớn trong các trường đại học và giới toán học Mỹ, cũng là cơ hội để các trường, các viện phát hiện những tài năng toán học. Cuộc thi nhằm vào sinh viên khối cơ bản, nhưng độ khó của đề thi lại như nhằm vào giới toán học. Nghe nói, cho dù hàng năm dự thi đều là những sinh viên giỏi của các trường, các viện, đề thi rất khó, trong nhiều năm, điểm số bình quân gần bằng không. Ba mươi thí sinh đầu bảng hàng năm, nói chung đều trở thành nghiên cứu sinh của các viện nghiên cứu hàng đầu của nước Mỹ, thậm chí của nhiều nước. Ví dụ đại học Harvard mỗi năm nhận ba thí sinh của cuộc thi vào học, được cấp học bổng cao nhất của trường. Cuộc thi năm ấy có mười lăm câu hỏi, tổng số điểm là một trăm năm mươi, thời gian thi là bốn mươi lăm phút, kết quả điểm số cao nhất là 76,5 điểm, điểm bình quân của mười thí sinh đầu bảng là 37,44 điểm.

Sở dĩ giáo sư Hinsh đem đề toán thi Putnam về là muốn để thử Kim Trân. Cũng chỉ có Trân, còn với những người khác, kể cả các thầy, ông cảm thấy như vậy khác nào làm khó đối với họ, cho nên không thi thì tốt hơn. Trước khi cho Trân thi, ông tự giam mình trong phòng bốn mươi lăm phút, làm thử sau đấy tự chấm, cho điểm. Ông cảm thấy điểm số cũng không cao, vì ông chỉ làm được tám câu, câu cuối cùng vẫn chưa hoàn thành. Tất nhiên, nếu thời gian cho phép, những câu hỏi trong đề toán ấy ông đều giải được, vấn đề ở thời gian, tồn chỉ của cuộc thi Putnam nổi lên hai điểm:

Một, toán học là khoa học trong khoa học.

Hai, toán học là khoa học trong thời gian.

Người cha của trái bom hạt nhân của Mỹ kiêm nhà thực nghiệm Robert Oppenheimer đã từng nói, trong các môn khoa học, thời gian là đề khó nhất, trong khoảng thời gian vô hạn, mọi người sẽ phát hiện ra tất cả bí mật của thế giới. Có người nói, quả bom hạt nhân đầu tiên ra đời đã kịp thời giải quyết được vấn đề khó khăn của thế giới hồi ấy là kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai. Cứ thử nghĩ xem, nếu Hitler là người đầu tiên có bom hạt nhân loài người sẽ phải đối mặt - lại một lần nữa đối mặt - với một vấn đề khó khăn lớn hơn nữa.

Trong vòng bốn mươi lăm phút, Trân làm được sáu câu, trong đó câu đầu tiên là để chứng minh, giáo sư Hinsh cho rằng Trân đã phạm sai lầm đánh tráo khái niệm, không cho điểm. Câu cuối cùng là để suy lí, lúc ấy chỉ còn một phút rưỡi, về cơ bản không đủ thời gian, cho nên Trân không đụng bút, chỉ ngồi trầm tư, nhưng khi chỉ còn vài giây, cậu đưa ra một kết quả chính xác. Điều ấy có vẻ hoang đường, cũng nói lên, Trân có một năng lực trực giác phi thường. Điểm của câu này rất linh hoạt, có thể cho điểm cao nhất, mà cũng có thể cho ít điểm, nhiều hay ít là do ấn tượng của thầy giáo đối với đạo đức và trí tuệ của sinh viên ấy, nhưng không được dưới 2,5 điểm, giáo sư Hinsh cho 2,5 điểm, ở mức khắt khe nhất. Như vậy, cuối cùng Trân cũng được 42,5 điểm, vẫn cao hơn điểm bình quân của mười sinh viên đầu bảng trong kì thi Putnam của nước Mỹ năm ấy là 37,44 điểm.

Nói như thế có nghĩa là, nếu Trần dự thi, cậu ta chắc chắn lọt vào số mười sinh viên đầu bảng, tiếp theo, một trường đại học danh tiếng và suất học bổng cao nhất chờ đợi cậu, còn gây được tiếng vang đầu tiên trong giới toán học. Nhưng cậu không dự thi, nếu không sẽ được trình làng thành tích ấy, nụ cười trào lộng vô tình của cậu ta có thể sẽ được hồi phục. Vì không ai tin, một thằng nhỏ Trung Quốc chưa học xong năm đầu bậc đại học lại có thể đạt điểm cao như vậy, điểm số cao như vậy chỉ là một sự lừa dối. Không ai tin vào sự lừa dối. Lừa dối ngu xuẩn. Dù là giáo sư Hinsh, trước một thành tích như vậy cũng sẽ sinh ra ảo giác lừa dối, tất nhiên chỉ là ảo giác. Nói một cách khác, chỉ có giáo sư Hinsh mới tin rằng, thành tích ấy là thật không chút nghi ngờ, cho nên cũng chỉ có ông Hinsh coi sự việc vốn là một trò chơi, là sự bắt đầu cho một câu chuyện chân thật.

Giáo sư tìm ông Lily, kể lại chi tiết việc Trần giải đề thi toán Putnam, sau đấy bày tỏ dứt khoát những ý kiến mà ông đã suy nghĩ chín chắn.

Hinsh nói: “Tôi có thể nói một cách đầy trách nhiệm rằng, Kim Trần là một sinh viên giỏi nhất của khoa toán đại học N, ngày mai sẽ trở thành một sinh viên giỏi của những trường đại học hàng đầu thế giới như Havard, Massachusette, Stamford, Princeton, cho nên tôi đề nghị để cậu ta đi du học, Harvard hoặc Massachusette đều có thể.

Ông Lily chưa có ý kiến gì ngay.

Giáo sư Hinsh nói: “Hãy tin tưởng ở cậu ta, cho cậu ta một cơ hội.”

Ông Lily lắc đầu: “E rằng không được.”

“Tại sao không?” Hai mắt giáo sư tròn xoe.

“Không có tiền.” Ông Lily nói dứt khoát.

“Nhiều lắm chỉ một học kì.” Giáo sư Hinsh nói. “Tôi tin rằng, sang học kì thứ hai cậu ta sẽ được học bổng.”

“Đừng nói gì một học kì, sợ rằng ngay lúc này gia đình cũng không đủ tiền đi đường.” Ông Lily cười đau khổ.

Giáo sư Hinsh rất buồn, ra về.

Ông buồn vì nghĩ rằng chuyện không thành, mặt khác ông cũng nghi ngờ. Có thể nói, về phương án dạy Kim Trần, hai người vẫn chưa đạt được sự nhất trí, ông không biết ông Lily nói vậy là thật hay chỉ là không đồng ý nên từ chối. Ông không tin nhà họ Dung giàu có, sự nghiệp thành đạt lại khó khăn về kinh tế.

Nhưng đây là sự thật. Ông Hinsh không biết, gia đình họ Dung ở thị trấn Đồng mấy tháng trước đây tài sản đã bị suy kiệt, lại bị thời đại cải tạo, chỉ còn một nửa khuôn viên cũ nát, mấy gian nhà trống trải. Ở thành phố chỉ có một cửa hàng, mấy hôm trước, ông Lily với danh nghĩa là một nhân sĩ yêu nước, được mời dự lễ thành lập chính phủ nhân dân, ông bày tỏ một lòng ủng hộ chính phủ mới. Trong buổi lễ, ông muốn tranh thủ sự quý mến của chính phủ mới, thật ra không cần thiết, thứ nhất điều ấy sẽ do bên có liên quan xếp đặt, mặt khác, ông cũng muốn kêu gọi các bậc nhân sĩ trí thức đứng vào hàng ngũ ủng hộ chính phủ mới. Có thể khẳng định được rằng, lòng yêu nước của dòng họ Dung vẫn được ông Lily kế thừa, được phát huy, ông tỏ ra trung thành với chính phủ mới, thậm chí dốc hầu bao ra ủng hộ, trong đó có vai trò nhận thức của ông, mà cũng có liên quan đến sự bất công của chính phủ Quốc dân đối với ông. Tóm lại, tài sản tổ truyền, trong tay hai đời Lily cha và Lily con, số thì hiến cho nhà nước, số thì hư hao tan nát, số chia chác, nay còn không bao nhiêu. Còn về tích lũy của cá nhân ông cũng đã cạn kiệt trong lần cứu cô con gái, những năm gần đây tiền lương ngày một ít đi, đủ chi dùng vào khoản này khoản khác. Bây giờ Kim Trần đi học, ông Lily rất tán thành, nhưng lực bất tòng tâm.

Về điểm này, về sau giáo sư Hinsh không có gì phải nghi ngờ. Ấy là hơn một tháng sau, ông nhận được thư của tiến sĩ Carter, Chủ nhiệm khoa toán Đại học Stamford, đồng ý để Kim Trần sang học với học bổng của nhà trường, đồng thời gửi kèm theo một trăm mười dollar làm lộ phí. Chuyện này hoàn toàn dựa vào nhiệt tình và uy tín của giáo sư Hinsh. Ông viết cho tiến sĩ Carter một lá thư dài ba nghìn chữ, ba nghìn chữ ấy đã trở thành giấy thông hành và lộ phí để Kim Trần vào đại học Stamford. Khi đưa tin này đến cho ông Lily, giáo sư Hinsh phấn khởi chú ý, ông Lily nở nụ cười xúc động.

Lúc ấy, Kim Trân vào Đại học Stamford cũng đã muộn, cậu ta chuẩn bị qua nốt kì nghỉ hè cuối cùng ở Đại học N, sau đấy mới xuất phát. Nhưng mấy ngày cuối của kì nghỉ hè, một chứng bệnh quái ác đã vĩnh viễn giữ cậu ta lại.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Bệnh viêm thận.

Chứng bệnh tưởng như giết chết Trân.

Lúc Trân mới phát bệnh, bác sĩ đã thông báo không thể qua khỏi, bảo Trân sống chỉ được nửa năm là cùng. Trong nửa năm ấy, đúng là cái chết luôn cận kề, chúng tôi thấy một con người vốn gầy gò nay trở nên béo tròn, nhưng thể trọng không tăng mà giảm bớt.

Béo giả! Bệnh viêm thận làm cho Trân trở thành khối bánh kem đang thiu dần, đang trương lên, có thời kì cơ thể Trân mềm nhũn giống như bông, đầu ngón tay tưởng chừng như nứt cả ra. Bác sĩ nói, Trân không chết là điều kì lạ, nhưng thật ra sống không khác gì chết. Ồm hai năm, bệnh viện trở thành nhà của Trân, muối trở thành thuốc độc, cái chết như bài học, lộ phí đi Stamford trở thành một phần viện phí, học bổng, văn bằng, học vị của Đại học Stamford trở thành giấc mơ xa vời. Việc mà giáo sư Hinsh tác thành lẽ ra là sự kiện làm đổi đời Trân, lúc này chỉ còn lại ý nghĩa thực tại: thứ nhất, một trăm mười dollar trở thành khoản chi hoặc tăng thêm hoặc giảm bớt sự hỗ trợ của gia đình; thứ hai, sự bình tĩnh của giáo sư Hinsh trở thành sự nghi ngờ không tốt của mọi người, kể cả tôi.

Không còn nghi ngờ gì, ông Hinsh dùng hành động thực tế để chứng minh sự trong sáng của ông, cũng là để chứng minh rằng ông quý mến Trân. Không ngờ, nếu nói ông ta lợi dụng Kim Trân để làm việc của mình, nhất định ông không thúc giục Kim Trân sang học tại Stamford. Thế giới không có gì là bí mật, cái bí mật của ông Hinsh là ông khác với mọi người, đã nhận ra thiên tài toán học hiếm thấy ở Trân. Có thể ông nhận ra bản thân trong quá khứ trên con người Trân, ông yêu Trân, yêu vô tư, chân thành, nghiêm túc như yêu chính bản thân trong quá khứ.

Nhân đây cũng nói thêm, nếu nói ông Hinsh có điều gì bất công đối với Trân, ấy là chuyện về sau, chuyện có liên quan đến cờ toán học. Môn cờ này về sau ảnh hưởng rất lớn đối với giới toán học Mỹ và châu Âu, trở thành trò chơi thích thú của giới toán học, nhưng không gọi là cờ toán học, ông Hinsh đổi tên thành cờ Hinsh. Về sau, trong rất nhiều bài viết, tôi thấy mọi người đánh giá cờ Hinsh rất cao, có người cho rằng, trong thế kỉ hai mươi, lí thuyết Two person zero-sum của nhà toán học J. V. Neumann là phát hiện quan trọng về mặt kinh tế học, cờ Hinsh là phát hiện quan trọng về mặt quân sự, tuy cả hai phát hiện không có nhiều giá trị thực tiễn, nhưng về mặt lí thuyết là rất cao. Có người chỉ ra rằng, giáo sư Hinsh, người trẻ nhất thế giới được nhận giải thưởng Fields là niềm kiêu hãnh của giới toán học, nhưng từ ngày ông đến Đại học N, ông không có cống hiến gì thêm cho toán học, cờ Hinsh là công tích duy nhất của ông, mà cũng là ánh hào quang nửa cuối đời ông.

Nhưng như tôi nói, cờ Hinsh hồi đầu được gọi là cờ toán học, là phát minh của ông Hinsh và Trân, ít nhất Trân có mười phần trăm quyền phát minh. Nhưng qua việc ông Hinsh đổi tên, ông tước bỏ quyền phát minh của Trân, tước bỏ, chiếm làm của riêng. Có thể nói đây là điều không công bằng đối với Trân, cũng có thể coi đây là sự trả ơn của Trân đối với tấm lòng chân thành và yêu thương của ông dành cho Trân. ()

12. Chương 2-9

Một ngày đầu mùa thu năm 1950, trời mưa như trút nước bắt đầu từ chập tối hôm qua, mưa không ngớt, giọt mưa lớn như hạt đỗ rơi lên đồng gạch ngói vụn, phát ra những tiếng kêu lộp bộp, có cảm giác ngồi nhà trong mưa như một con sâu nhiều chân đang điên cuồng bò chạy. Âm thanh thay đổi là vì gió, lúc gió nổi lên tiếng mưa rào rào cùng với tiếng động của cánh cửa sổ sắp hỏng. Vì những âm thanh ấy, ông Lily suốt đêm không ngủ, mất ngủ khiến ông đau đầu, mất cày như sưng lên. Ông nằm trong tối nghe tiếng gió, tiếng

mưa, vừa rất tĩnh táo nghĩ, cái nhà và mình đã già. Trời gần sáng, ông ngủ thiếp nhưng cũng chỉ ngủ được một chút, hình như có gì đó đánh thức ông. Bà vợ bảo, tiếng còi ô tô làm ông tỉnh giấc.

“Hình như ô tô dừng ở dưới kia.” Bà vợ nói. “Nhưng nó lại chạy ngay.”

Ông Lily biết không thể nào ngủ lại được, nhưng ông vẫn đi nằm, cho đến sáng hẳn, ông dậy, như một ông lão, lần mò, động tác nhẹ không để phát ra tiếng động, giống như một cái bóng. Ông ngủ dậy, không đi nhà vệ sinh, cứ một mình đi thẳng xuống nhà, lặng lẽ mở cửa. Cửa có hai cánh, một cánh mở vào trong, cánh kia là cửa lưới, mở ra ngoài. Nhưng cửa lưới hình như bị cái gì đó chặn ở ngoài, chỉ có thể mở một góc ba mươi độ. Đã sang hè, bắt đầu dùng cửa lưới, cho nên trên cửa lưới có treo một tấm rèm vải, cao ngang tầm mắt. Ông Lily không trông thấy vật gì chặn ở ngoài, đành phải nghiêng người nhìn qua khe, trông thấy có hai cái thùng giấy, một cái chặn ở cửa, cái kia bị nước mưa làm ướt. Ông Lily muốn kéo cái thùng giấy vào vị trí tránh mưa, ông kéo nhưng không nổi, cảm thấy còn nặng hơn một tảng đá, ông đành vào nhà, tìm một mảnh vải nhựa dẩy lên. Dẩy xong, ông phát hiện trên cái thùng giấy có một phong thư, phong thư được chặn bằng hòn đá mà ông vẫn để chặn cửa.

Ông Lily lấy bức thư, thư của ông Hinsh để lại.

Ông Hinsh viết như thế này.

Ông Hiệu trưởng kính mến,

Tôi đi, không muốn làm phiền đến ai, chỉ để lại lời từ biệt, mong được thứ lỗi.

Vì tôi có những suy tính đối với Kim Trân, không nói ra cảm thấy không vui, đành phải nói. Đầu tiên, mong cậu ấy chóng bình phục, thật ra tôi mong ông có sự xếp đặt đúng đắn cho tương lai cậu ta, để chúng ta (nhân loại) có thể hiểu đầy đủ và sử dụng tài năng của cậu ta.

Nói thẳng ra, với tư chất tự nhiên của Kim Trân, tôi nghĩ, để cậu ta chuyên nghiên cứu sâu lý thuyết toán học là thích hợp hơn cả. Nhưng như vậy cũng có vấn đề. Vấn đề là, thế giới thay đổi, con người chỉ lo mối lợi trước mắt, muốn có lợi ích ngay bên cạnh mình, không hứng thú với những gì thuần lý thuyết. Đây là chuyện rất hoang đường, hoang đường đến độ không kém việc chúng ta chỉ chú ý đến khoái lạc thể xác mà xem nhẹ niềm vui trong tâm hồn. Nhưng chúng ta không thể thay đổi, giống như chúng ta không thể xua đuổi bóng ma chiến tranh. Dẫu vậy, tôi nghĩ, có thể để cậu ta đào sâu vào một đề tài khó thuộc lĩnh vực khoa học ứng dụng, như vậy thiết thực và có ích hơn. Chú ý đến lợi ích của hiện thực có điểm tốt là, ông có thể có được sức mạnh từ trong hiện thực, sẽ có người thúc đẩy ông, đưa lại cho ông sự hấp dẫn và thỏa mãn trong đời thường. Chỗ không tốt là, sau khi ông đã thành công, ông không có cách nào quản lý cậu ấy theo ý nguyện và cách thức của mình, cậu ấy có thể tạo phúc cho đời, cũng có thể để họa cho đời, mà họa hay phúc ông đều không thể kì vọng, chỉ có thể ngắm nhìn bằng cặp mắt bàng quan. Nghe nói, Robert Oppenheimer bây giờ rất hối hận vì đã tìm ra bom nguyên tử, muốn phong tỏa phát minh của mình. Nếu phát minh của ông ta có thể tiêu hủy như bức tượng của ông ta, tôi nghĩ, ông ta chỉ dùng một lần rồi tiêu hủy. Nhưng có thể thế được không? Niềm phong lại cũng không thể được.

Nếu ông quyết định cho cậu ta thử lĩnh vực khoa học ứng dụng, tôi có một đề tài, ấy là thăm dò bí mật kết cấu não bộ con người. Tìm được bí mật ấy, chúng ta có thể làm được não người, từ đấy có thể nghiên cứu chế tạo một con người, con người không máu thịt. Hiện tại khoa học đã làm ra nhiều bộ phận trong cơ thể người, mắt, mũi, tai, thậm chí cánh tay cũng đã làm được, vậy có thể làm bộ não người được không? Sự thật thì, việc làm ra máy tính tức là tái tạo bộ óc người, là một phần bộ óc con người, bộ phận có thể tính toán cực nhanh và đưa ra những điều kì diệu. Tuy chúng ta đã làm ra được bộ phận ấy, nghĩ rằng các bộ phận khác không xa chúng ta lắm. Ông thử nghĩ xem, nếu một khi chúng ta có thể có con người không máu thịt, người sắt, người máy, người điện tử, tính ứng dụng của nó sẽ rất rộng rãi và sâu xa. cần nói rằng, ẩn tượng về chiến tranh rất sâu sắc đối với thế hệ chúng ta, không đầy nửa thế kỷ phải chứng kiến hai cuộc đại chiến thế giới, hơn nữa tôi có dự cảm (đã có những bằng chứng nhất định) chúng ta còn phải chứng kiến một lần chiến tranh nữa, quả là điều vô cùng bất hạnh! Đối với chiến tranh, tôi có suy nghĩ thế này, loài người có khả năng làm cho nó thêm ác liệt, thêm đáng sợ, thêm đau thương, làm cho người chết nhiều hơn trong một cuộc chiến tranh, chết trong một ngày, chết trong một khoảnh khắc, chết trong cùng một tiếng nổ, nhưng sẽ không bao giờ có khả năng thoát khỏi nó, ước muốn thoát khỏi nó là điều ước muốn mãi mãi. Những thảm họa như vậy còn rất nhiều, ví dụ lao dịch, ví dụ thảm hiểm, ví dụ... nhân loại không có cách

nào thoát ra khỏi cái vòng quái dị không thể hiểu nổi ấy.

Cho nên, tôi nghĩ, nếu khoa học làm ra con người nhân tạo, người sắt, người máy, người điện tử, người không máu thịt, để chúng thay chúng ta làm những việc phi nhân (thoả mãn dục vọng biến thái của chúng ta), nghĩ rằng nhân loại không ai phản đối. Tức là, một khi ngành khoa học này ra đời, ứng dụng của nó vô cùng sâu rộng. Nhưng, bước thứ nhất là phải khám phá bộ óc con người, chỉ có như thế mới làm ra bộ óc người nhân tạo, công việc tạo ra con người nhân tạo mới có hi vọng. Tôi đã từng có một kế hoạch dùng nửa cuộc đời còn lại của mình để đánh cược vào khoa học giải mật bộ óc con người, không ngờ, công việc vừa bắt đầu buộc phải bỏ lại. Tại sao phải bỏ lại, đây là bí mật của tôi, tóm lại tôi bỏ lại không phải vì khó khăn hoặc sợ hãi điều gì, mà vì nguyện vọng cấp thiết của chủng tộc (Do Thái). Khỏi phải nói, mấy năm gần đây tôi vì đồng bào của tôi mà làm một việc vô cùng cấp thiết và bí mật, khó khăn và nguyện vọng của đồng bào tôi đã gây xúc động đối với tôi, buộc tôi phải từ bỏ lí tưởng. Nếu ông có hứng thú thử nghiệm việc này, đây là mục đích để tôi phải nói nhiều như vậy.

Nhưng tôi xin lưu ý ông, không có Kim Trân ông sẽ không thành công. Tôi muốn nói, nếu Kim Trân không qua khỏi, ông cũng đừng nghĩ đến chuyện kia, vì tuổi tác của ông không thể nào làm nổi. Nhưng có Kim Trân, tuổi của ông còn có thể trông thấy bí mật của con người - bí mật của bộ óc con người. Hãy tin ở tôi, Kim Trân đúng là con người lí tưởng nhất trong số những người có thể tìm ra bí mật ấy, tóm lại ông trời đã tạo ra, là điều thượng đế đã định đoạt. Chúng ta vẫn thường nói, giấc mơ là một bộ phận bí ẩn khó biết nhất của tinh thần con người, mà trong những năm tuổi thơ của cậu ta vẫn thường bắt gặp, lâu ngày trở thành thuật giải mộng. Nói một cách khác, cậu ta từ ngày hiểu biết đã chuẩn bị một cách không ý thức việc tìm ra bí mật bộ não con người. Cậu ta sinh ra và lớn lên vì chuyện này.

Cuối cùng, tôi muốn nói, nếu thượng đế và ông đều muốn Kim Trân đi vào môn khoa học khám phá bí mật bộ óc con người, vậy những sách này sẽ có tác dụng, nếu không, nếu thượng đế hoặc ông không cho phép Kim Trân làm việc ấy, vậy hãy tặng lại thư viện nhà trường những sách này, coi như đây là bằng chứng và kỉ niệm của tôi suốt mười hai năm ở trường này.

Cầu chúc cho Kim Trân sớm bình phục.

L. Hinsh, đêm trước từ biệt.

Ông Lily ngồi trên thùng sách đọc một mạch hết bức thư, gió lay động những trang giấy, gió thỉnh thoảng đưa những giọt mưa rơi trên trang giấy, tưởng như gió mưa đang đọc trộm những dòng chữ trong thư. Không biết có phải vì mất ngủ hay vì nội dung bức thư khiến ông xúc động, ông đọc xong thư nhưng vẫn ngồi hồi lâu, ngồi ngay ngắn, ánh mắt ngẩn ngơ nhìn khoảng không. Một lúc lâu sau ông mới bừng tỉnh, nói vọng vào làn mưa mù mịt:

“Ông Hinsh, chúc ông bình an.”

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Ông Hinsh quyết định ra đi, cuộc ra đi có liên quan đến việc bố vợ của ông bị đàn áp.

Như đã biết, cơ hội ra đi của ông Hinsh luôn đặt ra trước mắt ông, nhất là sau khi thế chiến thứ hai kết thúc, rất nhiều trường đại học và viện nghiên cứu của phương Tây mong ông hợp tác, thư mời cùng với thiệp chúc mừng gửi đến để đầy một bàn. Nhưng qua nhiều sự việc tôi thấy ông không có ý định ra đi, ví dụ ông đem những thùng sách đến, về sau ông mua lại khuôn viên vốn ông thuê trong ngõ Tam Nguyên, thậm chí ông cố gắng học thật tốt tiếng Trung Quốc, cũng có lúc ông nghĩ đến việc xin nhập quốc tịch Trung Quốc. Nghe nói, chuyện này có liên quan nhiều đến nhạc phụ. Nhạc phụ của ông là hậu duệ của một vị cử nhân, rất giàu có, là vị thổ hào độc nhất vô nhị ở vùng ấy, đối với chàng rể Tây này ông ta không hề đồng ý, bắt đắc dĩ phải đồng ý nhưng đưa ra những điều kiện vô cùng khắc nghiệt, ví dụ không được đưa con gái của ông ta đi, không được li hôn, phải học tiếng Trung Quốc, con phải sống với mẹ, vân vân. Điều ấy chứng tỏ vị thổ hào này không phải là một nhân sĩ cởi mở, đại khái thuộc loại người không nhượng bộ ai điều gì, con người nhỏ nhen, con người như vậy là một thổ hào không khỏi gây nên tội ác, tích tụ oán thù, thêm vào đây, trong thời kì chính phủ nguy thân Nhật, ông ta còn gánh vác những chức vụ quan trọng trong chính quyền huyện, đi lại thân thiết với giặc Nhật, sau ngày giải phóng, chính quyền nhân dân coi ông là đối tượng trọng điểm cần trấn áp, qua xét xử, toà kết án tử hình, tống giam, chờ ngày ra pháp trường.

Trước khi thi hành án, ông Hinsh tìm đến nhiều vị giáo sư, sinh viên cũ, gồm cả cha tôi và tôi, những mong cùng kí vào một lá đơn xin chính phủ ân xá cho bố vợ, nhưng không ai hưởng ứng. Việc ấy nhất định đã làm ông Hinsh buồn, nhưng chúng tôi cũng không có cách nào. Nói thật, không phải chúng tôi không muốn giúp, mà là giúp không nổi, lúc ấy không thể chỉ một vài lời kêu gọi hay có một hành động nào đấy có thể thay đổi nổi tình thế. Cha vì chuyện này mà đã đến gặp ông thị trưởng, câu trả lời là:

“Chỉ có Mao Chủ tịch mới cứu nổi!”

Tức là, không một ai cứu nổi.

Thực tế là thế, một địa chủ ác bá bị dân chúng căm phẫn và để lại nhiều vết nhơ, lúc bấy giờ nhất loạt là đối tượng trấn áp của chính quyền nhân dân. Đó là thời thế và tình hình đất nước, không ai có thể thay đổi. Ông Hinsh không hiểu nổi những điều ấy, ông ta quá ấu trĩ, chúng tôi không có cách nào, chỉ biết thương hại cho ông.

Nhưng, không ai ngờ, ông Hinsh thông qua nước X, đã cứu được ông bố vợ khỏi mũi súng. Đúng là điều không thể ngờ, nhất là lúc bấy giờ nước X với nước ta đang trong quan hệ đối địch, làm được việc này quả là một khó khăn không thể tưởng tượng nổi. Nghe nói, nước X vì chuyện này mà phải cử quan chức ngoại giao đến Bắc Kinh, tiến hành đàm phán với chính phủ ta. Sự việc cuối cùng làm kinh động đến Mao Chủ tịch, có người nói là Thủ tướng Chu Ân Lai, dù sao thì đây là một vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc, thật sự không thể tưởng tượng nổi.

Kết quả đàm phán là họ đã cho nhạc phụ của ông Hinsh đi, chúng ta đưa được hai nhà khoa học bị nước X nghiêm cấm về nước, cảm giác vị thổ hào đáng chết kia là vật quốc bảo của nước X. Tất nhiên, vị thổ hào kia không là gì đối với nước X, trong đó ông Hinsh có vai trò quan trọng. Nói khác đi, để đáp ứng nguyện vọng của ông Hinsh, nước X đã không tiếc gì. Vấn đề ở chỗ, tại sao nước X lại tốt với ông Hinsh như vậy? Phải chăng chỉ vì ông là một nhà toán học nổi tiếng thế giới? Chắc chắn trong đó có nguyên nhân rất đặc biệt, nhưng cuối cùng là gì, cho đến lúc này tôi cũng không biết.

Cứu được ông bố vợ, ông Hinsh đưa cả gia đình cùng thân quyến sang nước X.

Lúc ông Hinsh đi, Kim Trân còn nằm trong bệnh viện, nhưng đã qua giai đoạn nguy hiểm, bệnh viện tính đến khoản viện phí ngày một nhiều, thể theo yêu cầu của bệnh nhân, đồng ý để cậu ngoại trú. Lúc xuất viện, thầy Dung và mẹ đến đón, bác sĩ tưởng một trong hai vị này là mẹ Trân. Nhưng nhìn tuổi của hai người, để là mẹ của bệnh nhân thì một người quá già, một người lại quá trẻ, cho nên mạo muội hỏi:

“Hai người ai là mẹ của người bệnh?”

Thầy Dung định giải thích, bà mẹ đã trả lời một cách dứt khoát:

“Tôi.”

Bác sĩ căn dặn bà, bệnh tình của người bệnh đã ổn định, nhưng cần được chữa trị triệt để, ít nhất phải tiếp tục chữa trị trong thời gian một năm. “Trong một năm đó, bà phải nuôi dưỡng cậu ta như tôm trứng, phải nuôi dưỡng như nuôi thai mười tháng, nếu không bất cứ lúc nào cũng có thể trở thành công toi.”

Qua những lời dặn dò của thầy thuốc, bà Lily cảm thấy bác sĩ không quá lời, cụ thể có thể nhấn mạnh ba điều:

1. Ăn uống phải kiêng khem;
2. Về đêm, phải định kì gọi dậy đi giải;
3. Hàng ngày phải uống thuốc đều đặn, kể cả tiêm.

Bà Lily đeo kính lên, ghi lại đầy đủ những lời bác sĩ dặn, rồi đọc lại, bà bảo con gái đến trường lấy bảng và phần vẽ, viết những lời dặn của bác sĩ lên bảng, treo ở cửa cầu thang, nơi hàng ngày lên xuống đều có thể trông thấy. Để gọi Kim Trân đúng giờ dậy đi giải, bà và chồng ngủ riêng, trên đầu giường để sẵn hai cái đồng hồ báo thức, một cái để chuông lúc nửa đêm, một cái khác để chuông lúc gần sáng. Sau lần đi giải buổi sáng, Kim Trân lại tiếp tục ngủ, bà Lily đi chuẩn bị bữa ăn đầu tiên trong số năm bữa ăn trong ngày. Nấu ăn tuy là sở trường của bà, nhưng lúc này trở thành việc khó khăn và không còn tự tin, để so sánh, vì bà biết khâu vá, để học cách tiêm không phải là chuyện khó đối với người già, có điều vài hôm đầu bà hơi

căng thẳng và phải làm đi làm lại vài lần. Nhưng việc nấu ăn, nấu nhặt cho ngon làm bà phải đau đầu. Về lý thuyết, muối đối với Kim Trân lúc này có một yêu cầu nghiêm ngặt và phức tạp, đây là sợi chỉ sinh mệnh bí ẩn và chân thực của cậu ta, nếu nhiều một chút rất có thể trở thành công không, ít lại ảnh hưởng đến sự bình phục. Bác sĩ dặn thế này: thời kì người bệnh đang điều trị, lượng muối yêu cầu phải từ rất ít và sẽ được tăng dần mỗi ngày.

Tất nhiên, nếu nói với một người hàng ngày cần một lượng muối ăn giống như cần một lượng lương thực, vậy thì vấn đề rất dễ giải quyết, chỉ cần cân chính xác là được. Vấn đề hiện tại không dễ như thế, bà Lily không tìm đâu ra một tiêu chuẩn chính xác, tưởng như chỉ dựa vào sự kiên nhẫn và yêu thương để mò mẫm, cuối cùng bà đem những loại thức ăn mặn nhạt khác nhau vào bệnh viện, nhờ bác sĩ điều trị thử hộ. Trước đây, bà phải đếm từng hạt muối cho vào thức ăn, rồi ghi chép tỉ mỉ, sau khi được bác sĩ xác nhận tiêu chuẩn, mỗi ngày bà lại đeo kính lên, coi từng hạt muối trắng như thuốc, đếm từng hạt cho vào sự sống của Kim Trân.

Rất thận trọng cho muối vào thức ăn.

Thận trọng như làm một thí nghiệm.

Cứ như vậy, ngày lại ngày, đêm lại đêm, tháng lại tháng, mức độ chăm chỉ và kiên trì vượt quá cả nuôi tôm trứng, cũng không còn là mang thai. Có lúc, bà Lily trong khi vắt vẻo, cố tình lấy bức huyết thư của Kim Trân để xem. Bức thư vốn là bí mật của Kim Trân, bà vô tình phát hiện, không hiểu tại sao lại cất giữ nó, tức là, bức huyết thư không biết viết hồi nào, trở thành bí mật của hai người, mà cũng là ám hiệu chứng minh sự gắn kết của hai trái tim. Cứ mỗi lần bà Lily đọc nó, càng khẳng định những gì mình làm là rất xứng đáng, bởi thế bà càng tiếp tục làm, lòng đầy kích động. Điều ấy chừng như sẽ có ngày Kim Trân bình phục. Qua Tết, Kim Trân xuất hiện trở lại với lớp học sau một thời gian vắng mặt.

13. Chương 2-10

Giáo sư Hinsh đã đi, nhưng hình như ông vẫn để lại điều gì đó.

Trong những ngày Kim Trân được chăm sóc chu đáo, tận tình, giáo sư Hinsh liên lạc với ông Lily ba lần. Lần thứ nhất sau ngày ông đến nước X không lâu, ông gửi tấm bưu thiếp in phong cảnh rất đẹp, trên thiếp chỉ có lời thăm hỏi và địa chỉ liên lạc, địa chỉ gia đình, nên cũng không biết ông ta làm việc ở đâu. Lần thứ hai sau lần thứ nhất ít lâu, là lá thư trả lời sau khi nhận được thư của ông Lily, ông tỏ ra vui mừng biết Kim Trân đang bình phục, trong thư ông Lily hỏi thăm ông ta đang làm việc ở đâu, ông ta chỉ trả lời một cách không rõ ràng: làm việc tại một cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ quan nghiên cứu gì đó, cụ thể làm gì, ông ta không nói, hình như không tiện nói. Lần thứ ba vào dịp trước Tết, ông Lily nhận được thư của ông Hinsh viết vào đêm Noel, trên bì thư là hình cây thông Noel chứa chan niềm vui. Trong thư, ông Hinsh cung cấp một tin khiến ông Lily cũng phải giật mình: ông ta vừa nhận được điện thoại của người bạn, đại học Princeton cử mấy nhà khoa học nổi tiếng nghiên cứu bí mật não bộ con người, nhóm nghiên cứu do nhà toán học nổi tiếng Paul Samuelson lãnh đạo. Ông ta viết: “Điều đó chứng minh đề tài này rất có giá trị và hết sức hấp dẫn, không phải là tôi không tưởng... theo tôi được biết, đây là tổ chức duy nhất của thế giới đang thăm dò đề tài này.”

Cho nên, giả thiết Kim Trân đã khỏi bệnh (sự thật cũng đã tương đối), ông mong phía bên này gửi Kim Trân đi học. Ông ta bày tỏ, bất kể phía bên này có nghiên cứu não bộ con người hay không, Kim Trân cũng nên đi sâu nghiên cứu, khuyên ông Lily đừng vì lợi ích trước mắt hoặc vì khó khăn mà huỷ bỏ kế hoạch đối với Kim Trân. Hoặc, lo ông Lily vì muốn nghiên cứu não người mà giữ Kim Trân lại, ông ta đưa một câu tục ngữ của Trung Quốc ra nói: “mài dao đừng bỏ lỗ chặt củi” để nói lên ý nghĩ của ông ta.

“Tóm lại”, ông ta viết: “Trước kia hay hiện tại, tôi rất mong Kim Trân được sang Mi học tập, đây là mảnh đất tốt cho khoa học của nhân loại, cậu ta sang đây khác nào hổ mọc thêm cánh.”

Cuối cùng, ông ta viết:

Tôi đã từng nói, Kim Trân là Thượng đế cử xuống trần gian để nghiên cứu đề tài này. Trước đây tôi vẫn lo chúng ta không tạo môi trường cho cậu ta làm, cứ để mặc kệ, nhưng bây giờ tôi tin tưởng chúng ta đã tìm thấy môi trường cho cậu ta, cũng đã tìm ra sức mạnh từ trong bầu không khí, đó là Đại học Princeton. Điều này giống như người Trung Quốc vẫn nói: mua rượu cho người khác uống. Có thể một ngày nào đấy người ta sẽ phát hiện tất cả những gì mà nhóm của ông Paul Samuelson ra sức làm hôm nay, chẳng qua vì một cậu bé người Trung Quốc hô lên vài tiếng...

Ông Lily đọc thư này giữa giờ nghỉ của sinh viên. Trong lúc ông đọc, bên ngoài cửa sổ tiếng loa oang oang bài hát của thời đại: “Hiên ngang băng qua sông Áp Lục...”, trên bàn giấy là tờ báo ông vừa đọc, ngay trên đầu trang là dòng chữ thật to chạy ngang trang báo: Đế quốc Mĩ là con hổ giấy. Ông vừa nghe bài hát hùng tráng, vừa nhìn dòng khẩu hiệu đen đậm trên mặt báo, trong lòng có cảm giác thời gian đang trôi ngược. Ông không biết trả lời thư người ở nơi xa kia thế nào, hình như ông sợ, tưởng chừng có cặp mắt thứ ba bí mật nhìn vào thư trả lời của ông. Lúc này ông đang là Hiệu trưởng Đại học N, là Phó thị trưởng hờ của thành phố C. Đó là sự đánh giá cao của chính phủ nhân dân đối với tinh thần tôn sùng khoa học, lấy trí thức và tài lực cống hiến cho tổ quốc của nhà họ Dung. Tóm lại, ông Dung Tiểu Lai - ông Lily con - đời thứ tám của dòng họ hiện tại đang ôn lại những năm tháng vinh quang của tổ tiên. Đó cũng là những năm tháng vinh quang của cuộc đời ông, tuy nói ông không mưu cầu danh vị, không đắm say trong đó, nhưng đứng trước cái vinh quang đã mất, ông vẫn giữ nguyên tâm lý yêu quý, song mọi người cảm thấy hình như ông không quý trọng cái phần tử trí thức thời quá độ.

Cuối cùng ông Lily không trả lời thư Hinsh, ông ném lá thư của ông Hinsh cùng với tờ báo đậm mùi thuốc súng của quân Chí nguyện Trung Quốc và lính Mĩ trên chiến trường Triều Tiên đắm máu cùng nhiệm vụ trả lời thư Hinsh.

Ông Lily nói: “Cảm ơn ông ấy, cũng nói với ông ấy, chiến tranh và thời cuộc đã phong toả đường đi của cháu.”

Ông Lily nói: “Ông ấy cảm thấy đáng tiếc, ông cũng vậy, nhưng đáng tiếc nhất là cháu.”

Ông Lily nói: “Ông cảm thấy trong sự việc này, Thượng đế của cháu không đứng về phía cháu.”

Về sau, Kim Trân đưa ông đọc lá thư trả lời thư của ông Hinsh, hình như ông Lily quên mất những lời mình nói, ông gạch xoá đến một nửa câu chữ thể hiện sự đáng tiếc của ông, chỉ còn lại một nửa, nhưng chuyển thành lời Kim Trân. Cuối cùng ông dặn:

“Cắt mấy tin tức có liên quan trên mặt báo, gửi kèm theo thư.”

Đó là câu chuyện trước Tết năm 1951.

Sau Tết, Kim Trân trở về lớp học của mình, tất nhiên không phải là Đại học Stanford, cũng không phải là đại học Princeton, mà là đại học N. Điều ấy có nghĩa là, khi Kim Trân bỏ phong thư có kèm mấy tin tức đầy mùi thuốc súng vào thùng thư, đồng nghĩa với việc cậu ta bỏ tiến trình có thể có của mình vào vệt sâu lịch sử. Nói như thầy Dung, có những lá thư ghi lại lịch sử, có những lá thư thay đổi lịch sử, lá thư này thay đổi lịch sử một con người.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Trước khi Trân đi học lại, cha bàn với tôi nên để Trân học lớp cũ hay lùi xuống một lớp, tôi nghĩ, tuy thành tích học tập của Trân rất tốt, nhưng đã bỏ mất ba học kì, thêm vào đấy mới ốm dậy, người vẫn chưa thể làm việc nặng, sợ rằng vào học năm thứ ba đại học áp lực bài vở nặng nề, cho nên tôi đề nghị để Trân học lùi lại một năm. Cuối cùng quyết định không học lùi một năm mà vẫn học tiếp năm cũ, đấy là yêu cầu của Trân. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ Trân nói: “Em ốm là Thượng đế giúp em tránh khỏi sách giáo khoa, sợ em trở thành tù binh của sách vở, đánh mất ý thức đi sâu nghiên cứu, về sau không làm nổi chuyện gì.”

Rất có ý nghĩa, có chút điên khùng, phải không?

Thật ra, trước đấy Trân vẫn đánh giá thấp bản thân, một trận ốm hình như đã làm thay đổi nó. Nhưng thực sự làm thay đổi Trân lại là sách vở, một khối lượng lớn sách ngoại khoá. Trong thời gian nghỉ ốm ở nhà, Trân đọc hầu hết tủ sách của cha tôi, ít ra là đụng đến. Cậu ta đọc rất nhanh, cũng rất kĩ, có những cuốn cậu ta cầm lên tay, lật giở vài trang rồi bỏ xuống, vì thế có người bảo cậu ta đọc bằng mũi, có lúc bảo

cậu ta ngủ sách. Đây chỉ là điều thói phùng, nhưng đúng là Trần đọc rất nhanh, tất cả các cuốn sách vào tay, Trần không đọc sang ngày thứ hai. Đọc nhanh và đọc nhiều đi liền với nhau, đọc nhiều hiểu biết rộng, mà cũng nhanh. Đọc nhiều sách ngoại khoá sẽ không còn hứng thú với giáo trình, cho nên Trần thường xuyên bỏ giờ, ngay cả giờ của tôi Trần cũng dám bỏ. Đến cuối học kì, số giờ Trần bỏ trống cũng như thành tích học tập của Trần khiến mọi người phải ngạc nhiên, đứng đầu năm học, bỏ xa các bạn. Còn một cái đứng đầu nữa là, số sách mượn của thư viện, một học kì mượn hơn hai trăm cuốn sách, gồm nội dung triết học, văn học, kinh tế, nghệ thuật, quân sự, tóm lại rất đa dạng, sách gì cũng đọc. Như vậy, trong thời gian nghỉ hè, cha đưa Trần lên lầu, mở phòng lưu trữ, chỉ vào những sách mà giáo sư Hinsh để lại, nói:

“Đây không phải là sách giáo khoa, sách của giáo sư Hinsh để lại, lúc nào rỗi rãi cháu xem, sợ cháu không hiểu.”

Qua một học kì, sang tháng ba, tháng tư năm sau, sinh viên bận chuẩn bị làm luận văn tốt nghiệp. Lúc ấy, mấy giáo sư chủ nhiệm bộ môn dạy Trần nói với tôi, Trần lựa chọn đề làm luận văn có vấn đề, mong tôi giúp đỡ để Trần chọn một đề tài khác, nếu không họ không có cách nào hướng dẫn Trần làm luận văn tốt nghiệp. Tôi hỏi đề tài gì, họ bảo vấn đề chính trị.

Nội dung đề tài tốt nghiệp Trần chọn trên cơ sở lí thuyết toán học song hướng của G.Weinak, một nhà toán học nổi tiếng thế giới. Xét về tính học thuật của đề tài, có thể nói là đề mô phỏng chứng minh lí thuyết song hướng toán học. Mà G. Weinak lúc bấy giờ là nhà toán học chống Cộng, nghe nói ở cửa nhà ông ta có dán một tờ giấy, viết rằng: Những người theo chủ nghĩa cộng sản không được vào. Trên chiến trường Triều Tiên mịt mù lửa đạn, ông ta còn hằng hái cổ vũ lính Mĩ vượt sông Áp Lục. Tuy khoa học không có biên giới, cũng không có chủ nghĩa, nhưng màu sắc chống cộng của ông ta phủ bóng đen lên lí thuyết khoa học của ông ta. Hồi ấy, phần đông các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, không công nhận, không đề cập đến lí thuyết khoa học của ông, nếu có đề cập cũng đứng trên lập trường phê phán. Bấy giờ Trần định chứng minh lí thuyết của ông ta, rõ ràng là đi ngược trào lưu, không thể được, quá nhạy cảm, mạo hiểm chính trị.

Tuy nhiên, không rõ cha phạm phải chứng bệnh của giới trí thức hay là bị mê hoặc bởi đề tài của Trần, trong khi mọi người né tránh và hi vọng ông khuyên nhủ Trần thay đổi đề tài, không những ông không khuyên, ngược lại còn tự lấy dây buộc mình, nhận làm giáo sư hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho Trần, cổ vũ Trần làm theo đề tài đã chọn.

Trần đã chọn đề tài: “Giới hạn rõ ràng và mơ hồ của hằng số Pi”, hoàn toàn không thuộc chương trình cơ bản, có thể gần giống với đề tài luận văn thạc sĩ. Không còn nghi ngờ gì nữa, đề tài này Trần tìm được trong đồng sách trên lầu.

Bản thảo thứ nhất của luận văn hoàn thành, ông Lily rất nhiệt tình khen ngợi, ông bị mê hoặc bởi tư duy sắc bén, đẹp và phù hợp logic, chỉ có một vài chứng minh ông cảm thấy quá phức tạp, cần sửa lại. Chủ yếu chứng minh đơn giản hơn, lược bớt những gì không cần thiết, cố gắng đơn giản hoá những vấn đề sơ cấp, dùng phương pháp chứng minh tương đối cao và trực tiếp, như vậy cũng đã vượt xa những tri thức chương trình cơ bản. Bản thảo đầu tiên của luận văn dài chừng hai mươi ngàn chữ, sau mấy lần sửa chữa, cuối cùng còn hơn mười ngàn chữ, về sau được đăng trên tạp chí “Toán học nhân dân”, gây chấn động lớn trong giới toán học cả nước. Nhưng ít người tin rằng một mình Kim Trần hoàn thành luận văn này, vì sau mấy lần sửa chữa, luận văn được nâng cao, càng ngày càng không giống với luận văn tốt nghiệp của chương trình cơ bản, giống một luận văn học thuật mang tinh thần sáng tạo.

Tóm lại, ưu điểm và khuyết điểm luận văn của Trần rất rõ ràng, ưu điểm là cậu đã xuất phát từ số Pi, rất khéo léo ứng dụng lí thuyết song hướng toán học của G. Weinak, tiến hành luận giải đơn thuần toán học về những khó khăn và bế tắc mà đại não nhân tạo phải đối mặt, có cảm giác kì diệu là đã nắm bắt được giới; khuyết điểm của luận văn xuất phát từ một giả thiết, dù số Pi là một hằng số, mọi ước đoán và chứng minh đều được hoàn tất từ giả thiết này, cho nên khó tránh khỏi cảm giác bị hẫng hụt. Nói theo một ý nghĩa nào đấy, nếu từ trên cao rơi xuống, thừa nhận giá trị của luận văn, trước hết phải coi số Pi là một hằng số. Về hằng số Pi, tuy từ lâu đã có nhà khoa học đề xuất, nhưng cho đến nay vẫn chưa có ai chứng minh. Hiện tại, một nửa số nhà toán học đều thừa nhận số Pi là một hằng số, nhưng để chứng minh hoặc có chứng cứ thì chưa, tin cũng chỉ là tự tin vậy thôi, không thể yêu cầu người khác cùng tin, giống như trước khi Newton phát hiện trái táo từ trên cây rơi xuống, ai cũng có thể nghi ngờ trái đất có sức hút.

Tất nhiên, nếu nghi ngờ số Pi là một hằng số, vậy có thể nói luận văn của Kim Trân không có giá trị gì, vì đây là cơ sở để xây dựng. Ngược lại, nếu tin số Pi là một hằng số, vậy anh có thể lấy làm lạ vì cậu ta xây được một toà cao ốc trên nền đất xấu, có cảm giác như dùng sắt để tạo nên một bông hoa. Trong luận văn, Kim Trân chỉ ra rằng: về mặt ý nghĩa toán học, đại não của con người là một số Pi, là dãy số lẻ vô tận, dãy số không cùng. Trên cơ sở đó, cậu ta thông qua lí thuyết song hướng toán học của Weinak, trình bày về sự bế tắc của đại não nhân tạo - ý thức mơ hồ của đại não con người. Mơ hồ tức không rõ ràng, không có cách nào hiểu được toàn bộ, cũng có nghĩa là không thể tái tạo. Cho nên, cậu ta đề xuất, với trình thức hiện có, bộ óc con người khó có được tiến trình tái tạo, chỉ có thể cố gắng tiếp cận.

Nên nói rằng, không ít người trong giới học thuật có quan điểm giống nhau, gồm cả hiện tại. Có thể nói, kết luận của cậu ta không mới, chỗ hấp dẫn người khác là, cậu đã vận dụng một cách khéo léo giả thiết về số Pi và lí thuyết toán học song hướng để tìm cách chứng minh và thuật lại quan điểm ấy bằng phương thức toán học, ý nghĩa tìm kiếm của cậu ta cũng là muốn chứng minh với mọi người cách nói ấy, có điều tư liệu cậu ta dẫn ra lại chưa đủ xác thực.

Nói một cách khác, nếu một ngày nào đó có ai chứng minh số Pi là một hằng số, thì ý nghĩa của nó mới nổi rõ. Nhưng ngày đó vẫn chưa đến, cho nên, nghiêm khắc mà nói, công việc của cậu ta không có ý nghĩa gì, ý nghĩa duy nhất là chứng tỏ cho mọi người biết tài năng và sự mạnh dạn của cậu ta. Bởi có quan hệ với ông Lily, người khác khó mà tin luận văn ấy cậu ta tự hoàn thành, càng không thể tin cậu có tài năng gì. Cho nên, sự thật là, luận văn ấy không đưa lại ích lợi nào cho Kim Trân, mà cũng không thay đổi được gì, nhưng lại thay đổi cuộc sống những năm cuối đời của ông Lily.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Luận văn hoàn toàn do Trân hoàn thành. Có lần cha nói với tôi, ông chỉ đưa ra một vài đề nghị và sách tham khảo cho Trân, ngoài ra ông gợi ý về lời nói đầu, còn những công việc khác ông không làm, đều do một mình Trân. Cho đến nay tôi vẫn nhớ lời dẫn ấy như thế này:

Cách tốt nhất để đối phó với ma quỷ là để chúng ta thách thức ma quỷ, để ma quỷ thấy được sức mạnh của chúng ta. G. Weinak là ma quỷ trong lâu đài khoa học. Từ lâu tác oai tác phúc, gây hại lớn, mong chúng ta thanh toán. Đây là luận văn thanh toán luận điểm của G. Weinak, âm thanh tuy mơ hồ, nhưng đây là những ý kiến đầu tiên để mọi người cùng tham gia tranh luận.

Có thể nói lúc bấy giờ đã đưa ra một kí hiệu thoát hiểm cho luận văn, cũng tức là cung cấp cho luận văn một giấy thông hành vào đời.

Luận văn phát biểu được ít lâu, cha có việc lên Bắc Kinh, không ai biết cha đi chuyến ấy với mục đích bí mật gì, ông bất ngờ đi, trước khi đi không nói gì với ai, mãi một tháng sau, cấp trên đưa ba quyết định bất ngờ về trường, mọi người mới nghĩ lại, cảm thấy có liên quan đến chuyến đi Bắc Kinh của cha. Nội dung ba quyết định ấy là:

1. Đồng ý để cha thôi giữ chức Hiệu trưởng;
2. Nhà nước đồng ý cấp một khoản kinh phí để thành lập tại khoa toán Đại học N một nhóm nghiên cứu về máy tính;
3. Cha sẽ là người phụ trách việc chuẩn bị thành lập nhóm nghiên cứu.

Lúc bấy giờ nhiều người muốn được vào nhóm chuyên đề để làm công tác nghiên cứu, nhưng trong số những người cha lựa chọn, cuối cùng may mắn không mỉm cười với Trân. Nhưng sau đây chứng minh chỉ một người duy nhất được lựa chọn - ngoài ra còn có một người làm công việc sự vụ thường ngày. Điều này khiến mọi người có cảm giác không hay, tưởng như một đề tài khoa học cấp quốc gia trở thành việc riêng của gia đình họ Dung, cũng đã có người bàn tán như thế rồi.

Nói thật, cha làm quan xưa nay mọi người đều khen, nhất là về mặt dùng người, tránh người thân đến mức không nể mặt. Họ Dung chúng tôi vốn là tổ tông của Đại học N, hậu duệ họ Dung ở cả trường này, già trẻ tập hợp ở cả đây, ít ra cũng có đến hai mâm, ông nội (J. Lily) lúc còn sống những người này đều ít nhiều được chăm sóc, có mấy vị trí hành chính, làm giáo dục luôn có cơ hội đi đó đi đây, kiến thức mở rộng, đánh bóng mạ kền chút gì đó. Nhưng đến lượt cha, đầu tiên có chức không có quyền, tức là có lòng nhưng không có sức, sau khi có chức có quyền hầu như trở thành vô tâm vô ý. Cha làm Hiệu trưởng mấy năm, không có

hoặc không nên có cơ hội dùng người của dòng họ, ngay như tôi, trong khoa mấy lần đề cử tôi làm phó chủ nhiệm, đều bị ông gạt bỏ, coi như gạch bỏ một sai lầm. Bực hơn là anh tôi, là tiến sĩ vật lý du học nước ngoài về, danh chính ngôn thuận có thể vào giảng dạy ở Đại học N, nhưng cha bảo anh tôi làm công việc chuyên ngành kỹ thuật cao. Anh thử nghĩ xem, ở cái thành phố C này làm gì có kỹ thuật cao hơn đại học? Kết quả, anh tôi vào làm việc ở một trường đại học sư phạm, điều kiện dạy học và sinh hoạt rất kém, năm sau đi Thượng Hải làm việc trong ngành kỹ thuật cao. Vì chuyện này mẹ rất bực cha, mẹ bảo cả gia đình này bị cha tôi làm li tán.

Nhưng, chuyện Trần vào làm việc ở nhóm nghiên cứu chuyên đề, cha bỏ lại đằng sau tất cả nguyên tắc cẩn thận, tránh mọi nghi ngờ, không để ý đến mọi lời bàn tán, việc tôi tôi làm, giống như ma vậy. Không ai biết chuyện gì đã làm cha thay đổi, chỉ có tôi biết. Một hôm, cha đưa tôi đọc lá thư của ông Hinsh trước khi đi viết cho cha, sau đấy nói với tôi:

“Ông Hinsh để lại cho cha sự mê hoặc, nhưng nói thật, luận văn của Kim Trần mới thực sự mê hoặc cha, trước kia cha cứ nghĩ không thể có khả năng, bây giờ cha thử xem. Thời trước cha muốn làm một công việc gì đó có tinh thần khoa học, bây giờ bắt đầu có thể đã muộn, nhưng Kim Trần đã động viên cha. Ông Hinsh nói đúng, không có Kim Trần ngay cả nghĩ cha cũng không muốn nghĩ, nhưng có Kim Trần, ai ngờ? Trước đây cha đánh giá thấp Kim Trần, bây giờ phải đánh giá nó cao hơn.”

Sự việc là như thế này, nói theo cách của thầy Dung, ông Lily vì Kim Trần mà phải băn khoăn làm thế nào để người khác cùng tham dự? Thầy Dung còn nói, Kim Trần không những làm thay đổi cuộc sống của ông Lily vào những năm cuối đời, thay đổi cả nguyên tắc làm việc của ông, thậm chí cả tín ngưỡng cuộc đời. Vào những năm cuối đời, ông Lily bỗng mơ tưởng đến thời trai trẻ, muốn làm một việc gì đó về mặt học thuật, có thể hàm ý phủ nhận nửa cuộc đời trước của ông, hơn nửa cuộc đời làm quan chìm nổi. Bắt đầu từ học thuật, kết thúc bằng phủ nhận, đây là một trong cái bệnh của giới trí thức Trung Quốc, lúc này ông Lily muốn chữa trị căn bệnh ấy, là buồn là vui, xem ra chỉ có thời gian mới trả lời được.

Mấy năm sau đấy, hai người đắm chìm trong nghiên cứu đề tài, rất ít liên hệ với bên ngoài, có chăng chỉ tham gia một vài hoạt động có liên quan đến học thuật, phát biểu vài bài luận văn khoa học. Trong số sáu bài luận văn hai người cộng tác phát biểu trên tạp chí khoa học chuyên ngành, mọi người biết việc nghiên cứu của hai người đang từng bước tiến bộ, trong nước khẳng định được họ đang đi đầu; về quốc tế, có ba tờ tạp chí chuyên ngành đăng lại, có thể nói kết quả nghiên cứu của hai người là không nhỏ. Nhà bình luận hàng đầu của tờ Thời báo của Mỹ là W. Keish cảnh cáo chính phủ Mỹ: máy tính thế hệ sau ra đời trong bàn tay một chú bé Trung Quốc. Bởi vậy, cái tên Kim Trần nổi trội trên các phương tiện thông tin lớn.

Nhưng, có thể đấy là chuyện giật gân và thói xấu của báo chí. Bởi từ bài luận văn nổi tiếng ấy, mọi người khó phát hiện con đường phát triển của máy tính thế hệ mới, những ràng buộc và khó khăn gặp phải không nhỏ. Tất nhiên, điều ấy là bình thường, cuối cùng làm máy tính không giống sinh ra một bộ óc con người, chỉ cần để một người đàn ông ngủ với một người đàn bà trong môi trường thích hợp, vậy là một bộ óc con người sẽ sinh trưởng như một cái cây. Nhưng bộ não người không thông minh không hơn cái cây bao nhiêu, đấy là bộ óc ngu dốt mà ta vẫn nói. Ở một ý nghĩa nào đấy, nghiên cứu phát triển máy tính điện tử chẳng khác nào biến một bộ óc ngu ngốc thành thông minh, có thể đấy là chuyện cực kỳ khó khăn. Dù khó khăn là thế, có những khó khăn, trắc trở là chuyện thường tình, chẳng có gì kỳ lạ, nhưng nếu gặp khó khăn, trắc trở mà từ bỏ cố gắng, đấy mới là điều kỳ lạ. Cho nên, sau đấy ông Lily để cho Kim Trần tự chọn con đường của mình, không ai tin lời của ông.

Ông nói: “Công việc nghiên cứu của tôi gặp nhiều khó khăn, cứ tiếp tục, được mất thành bại khó mà nói trước. Tôi không muốn để một người trẻ tuổi có tài năng, có kiến thức cố gắng theo hướng đánh cược với một ông già, đánh mất tiến trình cần có, cứ để cậu ta làm những việc thiết thực.”

Đấy là việc xảy ra trong mùa hè năm 1956.

Mùa hè ấy, trong trường bàn luận nhiều đến người đưa Kim Trần đi, có người bảo người này rất bí ẩn, ít ai tin ông Lily để Kim Trần đi, điều ấy như một phần bí ẩn của ông.

Con người ấy là một ung nhọt.

Đấy cũng là một phần bí ẩn của ông ta.

14. Chương 3-1

Người này họ Trịnh, vì là thọt chân, cái tên riêng trở nên xa xỉ, giống như huân chương hoặc đồ trang sức, chỉ xuất hiện vào những lúc trang trọng, bình thường ông giống như mèo chỉ vùi đầu vào túi hồ sơ, người ta gọi ông là Trịnh Thọt.

Trịnh Thọt!

Trinh Thọt!

Gọi thật to, chứng tỏ ông không coi chuyện mình thọt chân là quan trọng. Cần nhắc thêm một bước, có hai lí do, thứ nhất là ông ta thọt rất đẹp, ông đã từng vác súng, đã từng đánh trận một cách tượng trưng; thứ hai, thật ra ông thọt không nặng, chân bên trái ngắn hơn chân bên phải vài phân, thời trẻ chỉ dọn đồ giày cao hơn một chút là đã giải quyết được, không còn đi tập tễnh, mãi đến ngoài năm mươi tuổi mới bắt đầu chống gậy. Khi tôi gặp thì ông đã chống gậy, cái gậy bằng gỗ táo đỏ au có khắc hoa văn, cho tôi cảm giác ông đúng là một ông già trang nghiêm. Đây là sự việc của những năm chín mươi thế kỉ trước.

Đây là một mùa hè, mùa hè năm 1956, Trịnh Thọt mới hơn ba mươi tuổi, sức dài vai rộng, cái gót giày bí mật đang phát huy sức mạnh thần kì, mà cũng là sự lừa dối mọi người, biến một người thọt thành người bình thường. Nhưng người của trường đại học N được trời phù hộ, ngay từ đầu đã biết mưu kế của anh.

Sự việc là thế này, buổi chiều hôm ấy, khi Trịnh Thọt đến trường, gặp lúc sinh viên tập trung cả ở hội trường để nghe một Anh hùng quân Chí nguyên báo cáo thành tích chiến đấu, sân trường rất yên tĩnh, đẹp trời, không có nắng gắt của mùa hè, gió nhẹ, hai hàng cây ngô đồng Tây hai bên đường xào xạc khiến cho khuôn viên nhà trường như càng thêm yên tĩnh. Trịnh Thọt hình như bị cái yên tĩnh ấy hấp dẫn, cho cái xe Jeep chờ anh dừng lại, dặn người lái xe ba ngày sau đến nhà khách của trường đón anh, rồi anh xuống xe, một mình đi dạo trong sân trường. Mười lăm năm trước, Trịnh Thọt đã từng học ba năm trung học phổ thông và một năm đại học ở đây, thăm lại trường sau nhiều năm đi xa, anh vừa cảm thấy trường mẹ đã thay đổi, vừa vẫn như xưa, kí ức ngủ quên từ trong bóng tối bước ra, cùng dạo chơi bằng đôi chân. Cuộc họp đã tan, cũng là lúc anh đi đến trước hội trường, sinh viên tràn ra như nước vỡ bờ, chỉ vài giây sau đã bao bọc lấy anh, nhận chìm anh. Anh cố gắng đi chậm lại, không để sinh viên chen lấn xô đẩy, vì anh có những ba cái gót giày, không thể chen lấn. Từng đám sinh viên như đàn cá qua sông, ào tới, tưởng chừng sẽ xô anh ngã bổ chửng, phía sau cũng có một đám sinh viên đang chen lấn, đi sát người anh. Anh bước vội vàng, sợ có người đụng vào, nhưng những bạn trẻ chỉ làm anh giật mình chứ không gây nguy hiểm, như sắp va vào người, cũng có thể trong khoảnh khắc đã nhanh chóng biến nguy hiểm thành bình an, không ai ngoảnh lại nhìn, chứng tỏ anh kê cao gót giày về cơ bản không bị thọt. Có thể cái gót giày an ủi anh, bỗng anh thích đám người này, có trai có gái, nhiệt tình sôi nổi, nói cười vui vẻ, giống như dòng thác lũ chảy tràn ngay trước mặt, thậm chí đưa anh về với một ngày, một khoảnh khắc nào đấy của mười lăm năm trước.

Trên sân, dòng người ào ra như nước vỡ bờ, mối lo bị chen lấn đụng chạm đã được giải tỏa. Ngay lúc ấy, anh cảm thấy có gì đó đánh vào cổ, không chờ phản ứng, đám người kêu lên “mưa rồi”. Thoạt đầu chỉ nghe thấy tiếng kêu, không thấy ai chạy, tất cả đều ngược lên nhìn trời. Nhưng chỉ trong chớp mắt, từ đám mây mù dày đặc nước xối xuống ào ào như cái vòi phun cao áp. Lập tức, đám người như đàn thú hốt hoảng bỏ chạy, người chạy về phía trước, người chạy về phía sau, người xông vào văn phòng, người tạt chui vào nhà để xe đạp, vừa chạy vừa kêu la, cả khu trường ầm ỹ ồn ào. Lúc ấy anh chạy cũng dở, không chạy cũng dở, chạy sẽ lộ cái gót giày, không chạy sẽ bị mưa làm ướt. Có thể anh không định chạy, mưa bom bão đạn đã trải qua, lẽ nào không chịu được mưa? Không sợ. Nhưng chân bị kích thích, anh bỏ chạy theo ý mình, anh chạy hai chân khập khiễng, anh chạy, một chân như buộc theo một tấm hoặc vài ba tấm kính.

Mới bắt đầu, mọi người chạy thực mạng, không ai chú ý đến anh, nhưng khi mọi người đã vào trú mưa anh mới chỉ chạy qua nửa khoảng sân trường. Anh định chạy hay không cũng được, thêm vào đấy là cái đế giày, túi hành lí trên tay, làm sao không tụt lại? Tụt lại sau rất xa. Cuối cùng, trên cái sân trường chỉ còn một mình anh, hình ảnh cô đơn nổi rõ. Khi ý thức được điều ấy, anh muốn nhanh chóng biến khỏi sân trường, kết quả càng chạy nhanh càng tập tễnh, trông rất dửng dưng nhưng cũng rất buồn cười. Mọi người nhìn anh như nhìn một cảnh tượng, có người hô to: cô lên!

Cố lên!

Cố lên!

Tiếng hô cố lên làm mọi người đổ dồn ánh mắt vào anh. Anh có cảm giác bị ngàn vạn ánh mắt đè dí xuống. Vậy là anh ta quyết định đứng lại, vẫy vẫy tay giữa trời, coi như đáp lại tiếng hô cố lên, sau đấy anh đi từng bước một, nở nụ cười, giống như đang trên sân khấu. Lúc ấy mọi người thấy anh đi ngay ngắn, tưởng như vừa rồi anh chạy là biểu diễn, thật ra đã làm lộ bí mật, khiến anh khó xử, mặt khác cũng làm người khác biết về anh, một người thọt. Một người thọt rất buồn cười và cũng rất thoải mái. Thật ra, mười lăm năm trước, anh đã ở đây tròn bốn năm, rồi lặng lẽ cáo chung, nhưng chiều hôm nay anh chỉ với mấy phút trở thành nhân vật cả trường ai cũng biết. Mấy hôm sau, khi anh bí mật đưa Kim Trân đi, mọi người đều nói: chính cái anh thọt khiêu vũ dưới mưa hôm ấy đưa đi.

15. Chương 3-2

Đúng là anh đến để đưa Kim Trân đi.

Vào dịp hè hàng năm, trường đại học N vẫn có những người đến tuyển người, nhưng anh là người độc nhất vô nhị. Anh là người của một đơn vị cỡ lớn, đến rất bí mật, đến là vào ngay phòng Hiệu trưởng. Văn phòng Hiệu trưởng không có ai, anh sang văn phòng của Chánh văn phòng nhà trường ngay kế bên, lúc ấy hiệu trưởng đang ở đấy bàn công chuyện với ông Chánh văn phòng. Anh vào, bảo cần gặp Hiệu trưởng, ông Chánh văn phòng hỏi anh là ai. Anh nửa đùa nửa thật, nói: “Đến tuyển người!”

Ông chánh văn phòng nói: “Vậy anh đến phòng sinh viên.”

Anh nói: “Tôi cần gặp Hiệu trưởng trước.”

Ông Chánh văn phòng: “Có việc gì?”

Anh nói: “Tôi có cái này, muốn cho ông Hiệu trưởng xem.”

Chánh văn phòng: “Cái gì thế, tôi xem nào.”

“Ông có phải Hiệu trưởng không? Chỉ Hiệu trưởng mới được xem.” Anh nói rất kiên quyết.

Ông Chánh văn phòng nhìn ông Hiệu trưởng, ông Hiệu trưởng hỏi: “Cái gì thế, đưa tôi xem.”

Biết chắc đây là Hiệu trưởng, anh mới mở xà cọt, lấy ra một cặp tài liệu, cái cặp rất thông dụng, cặp làm bằng bìa cứng, hầu hết các thầy giáo đều có. Anh lấy một tờ công văn, đưa cho ông Hiệu trưởng, yêu cầu ông đọc.

Ông Hiệu trưởng tiếp nhận tờ công văn, lùi lại vài bước và đọc. Ông Chánh văn phòng chỉ có thể thấy mặt sau của văn thư, tờ giấy không lớn, không cứng, cũng chẳng có trang trí đặc biệt, không khác gì những giấy giới thiệu thông thường. Nhưng nhìn phản ứng của ông Hiệu trưởng, vẻ khác biệt khá lớn. Anh chú ý, ông Hiệu trưởng chừng như chỉ lướt qua, có thể ông thấy con dấu đóng ở góc bên phải, vẻ mặt lập tức trở nên nghiêm túc và thận trọng.

“Anh là Trịnh, Trưởng phòng à?”

“Đúng vậy.”

“Xin lỗi, tôi không biết.”

Ông Hiệu trưởng nhiệt tình mời anh ta sang phòng của mình.

Không ai biết đây là công văn của cơ quan nào mà có phong độ như vậy, khiến ông Hiệu trưởng phải kính nể. Ông Chánh văn phòng nhà trường cần phải biết bí mật, vì nhà trường quy định tất cả các công văn của các nơi gửi đến đều do văn phòng giữ. Về sau, ông không thấy ông Hiệu trưởng giao lại công văn kia, một hôm ông hỏi, ông Hiệu trưởng bảo đốt đi rồi. Ông Hiệu trưởng nói: câu đầu tiên của công văn kia viết:

đọc xong phải đốt ngay. Ông chánh văn phòng cảm thán: rất bí mật hay sao? Ông Hiệu trưởng nói: quên chuyện ấy đi, đừng nói lại với ai.

Sự thật thì, ông Hiệu trưởng đưa Trịnh Thọt về văn phòng của mình, tay anh đã cầm sẵn bao diêm, chờ ông Hiệu trưởng đọc xong, anh quẹt diêm, nói với ông Hiệu trưởng:

“Tôi đốt đi nhé?”

“Ừ, đốt đi.”

Vậy là đốt.

Hai người ngồi không nói gì nhiều, chỉ lặng lẽ nhìn ngọn lửa thiêu tờ giấy thành tro.

Tờ giấy cháy hết, ông Hiệu trưởng hỏi: “Anh cần bao nhiêu người?”

Anh đưa một ngón tay ra: “Một người.”

Ông Hiệu trưởng hỏi: “Chuyên ngành nào?”

Anh lại mở cặp hồ sơ, lấy ra một tờ giấy, nói: “Đây là suy nghĩ và yêu cầu của tôi về người tôi cần, không nhất thiết toàn diện, đây chỉ là tham khảo.”

Tờ giấy lớn bằng tờ công văn vừa rồi, giấy khổ A4, không đóng dấu, không phải chữ in, mà là viết tay. Ông Hiệu trưởng nhìn lướt qua, hỏi:

“Tờ giấy này đọc xong cũng đốt ngay à?”

“Không.” Anh cười: “Ông cho đây là bí mật hay sao?”

“Tôi chưa kịp nhìn.” Ông Hiệu trưởng nói: “Không biết có gì bí mật không.”

“Không có gì bí mật.” Anh nói: “Ông có thể đưa cho những người có liên quan hay sinh viên xem, ai cảm thấy thích hợp thì đến gặp tôi, tôi ở ngay trong chiêu đãi sở của trường, phòng số 302, gặp vào lúc nào cũng được.”

Ngày tối hôm ấy, có hai sinh viên giỏi của khoa toán được nhà trường đưa đến phòng số 302. Sau đấy phòng 302 liên tiếp có người ra vào, đến chiều ngày thứ ba có đến hai mươi hai sinh viên do nhà trường giới thiệu hoặc tự đến phòng số 302 để gặp Trịnh Thọt bí ẩn. Những sinh viên này phần đông thuộc khoa toán, trong đó có bảy nghiên cứu sinh trong số chín người thuộc khoá thứ hai nhà trường mới tuyển chọn, cá biệt có những sinh viên chuyên ngành toán của các khoa khác. Tóm lại, khả năng toán học là điều kiện thứ nhất để Trịnh Thọt tuyển chọn, chừng như đây cũng là điều kiện duy nhất. Nhưng, những người sau khi đến gặp đều nói chuyện vớ vẩn, ai cũng nghi ngờ tính nghiêm túc, chân thật của sự việc. Nói đến bản thân Trịnh Thọt, thậm chí mọi người nghiêng rằng nghiêng lợi chửi anh ta là kẻ thần kinh, chân thọt cộng thêm thần kinh. Một nửa trong số đó sau khi vào phòng anh ở, anh không thêm ngó ngang, họ đứng hoặc ngồi ngẩn ngơ hồi lâu, anh xua tay bảo họ về. Giáo sư Quan của khoa toán được sinh viên phản ánh, ông đến chiêu đãi sở trực tiếp hỏi Trịnh Thọt cho ra nhẽ, người đến chưa hỏi chưa nói gì đã bị xua đuổi, câu trả lời nhận được là: đây là cách làm việc của tôi.

Trịnh Thọt nói: “Mèo có lối đi của mèo, chó có lối đi của chó, huấn luyện viên thể dục dựa vào xương cốt chọn vận động viên, tôi chọn người có tố chất tâm lí vững vàng. Có người thấy tôi không để mắt đến, người ấy tỏ ra không tự nhiên, đứng ngồi không yên, bối rối, tôi không cần những người có tố chất tâm lí như thế.”

Giọng nói nghe hay hơn hát, thật hay giả chỉ một mình anh ta biết.

Buổi chiều hôm thứ ba, Trịnh Thọt mời ông Hiệu trưởng đến chiêu đãi sở để nói về tình hình tuyển người lần này, cảm giác chung là không lí tưởng, nhưng cũng không phải không có hi vọng. Anh đưa cho ông Hiệu trưởng danh sách năm trong số hai mươi hai người mà ông đã gặp, muốn xem hồ sơ lí lịch của những người ấy, có thể người mà anh ta sẽ chọn là một trong số năm người này. Ông Hiệu trưởng thấy công việc đã đi đến hồi kết, lại nghe nói anh ta ngày mai sẽ đi, nên ông ở lại ăn bữa cơm thường với anh tại chiêu đãi sở nhà trường. Đang ăn, Trịnh Thọt như sực nhớ ra điều gì, hỏi ông Hiệu trưởng về ông Lily Hiệu trưởng cũ, ông Hiệu trưởng nói:

“Nếu ông cần gặp ông Hiệu trưởng cũ, tôi sẽ mời ông ấy đến.”

Trịnh Thọt nói: “Làm gì có chuyện ông ấy đến gặp tôi, mà phải là tôi đến gặp ông ấy.”

Tối hôm ấy, Trịnh Thọt đi gặp ông Lily.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Hôm ấy tôi xuống mở cửa cho anh ta, tôi không quen mà cũng không biết anh ta là con người bí ẩn đã hai hôm nay trong khoa vẫn kháo nhau. Lúc đầu cha cũng không biết, nhưng tôi đã nói với cha về chuyện có người đang đảo lộn cả khoa. Sau đấy cha biết đấy là con người bí ẩn kia, cha gọi tôi vào, giới thiệu với anh ta. Lúc ấy tôi rất hiếu kỳ, hỏi anh ấy lấy người để làm việc gì. Anh ấy không trả lời thẳng câu hỏi của tôi, chỉ nói để làm một công tác vô cùng quan trọng. Tôi hỏi, quan trọng đến mức nào, có liên quan đến sự sinh tồn hay phát triển con người? Anh ta nói có liên quan đến an nguy quốc gia. Tôi hỏi, việc tuyển chọn đến đâu rồi, chừng như anh ta không thật thoả mãn, nói: bó đũa chọn cột cờ vậy.

Trước đấy, chắc chắn anh đã nói chuyện này với cha tôi rồi. Chừng như cha biết anh cần người như thế nào. Trông cái vẻ không thoả mãn của anh, cha nói như đùa: thật ra, có người rất thích hợp yêu cầu của anh.

Ai? Anh ta tỏ ra rất nghiêm túc.

Cha vẫn như đùa, nói: xa tận chân trời, gần ngay trước mắt.

Anh ta cho rằng, người cha nói là tôi, anh lập tức hỏi thăm tình hình tôi, cuối cùng cha chỉ Trần trong khung kính, nói: cậu kia. Anh ta hỏi đấy là ai? Cha lại chỉ vào tấm ảnh cô tôi, nói: anh không thấy hai người kia giống nhau hay sao? Anh ta đến gần khung kính, nhìn kĩ, nói: giống lắm. Cha nói: lớp sau của cô kia, là cháu.

Trong ấn tượng của tôi, chưa bao giờ cha giới thiệu với ai về Trần như thế, chừng như đấy là lần đầu tiên. Mà cũng không biết tại sao cha lại nói như thế, cũng có thể anh ta là người ngoài, không hiểu tình hình, cho nên cha nói có phần tùy tiện. Hơn nữa, anh ta là người đã tốt nghiệp Đại học N, tất nhiên phải biết cô tôi là ai. Nghe cha tôi nói, anh ta bỗng phần chấn hấn lên, liền hỏi thăm chúng tôi về Trần. Cha cũng rất phần khởi nói về Trần, nói có phần khoa trương. Nhưng cha nhắc nhở anh ta, đừng đụng đến đầu óc Trần. Anh ta hỏi tại sao, cha nói: vì đề tài nghiên cứu của tôi cần đến Trần. Cha cười, không nói gì thêm, cho đến khi anh ta sắp ra về cha cũng không nói thêm gì, tạo nên cảm giác cha đã quên hẳn Trần.

Sáng hôm sau, Trần về ăn cơm, nói tối hôm qua rất muộn có người đến tìm. Hồi ấy, điều kiện của nhóm nghiên cứu rất tốt, Trần thường làm việc đến khuya, ở lại văn phòng, chỉ về nhà ăn cơm. Trần nói, tất nhiên cha biết người đến tìm là ai, cha cười: xem ra anh ta vẫn chưa từ bỏ ý định.

Trần hỏi: người ấy là ai?

Cha nói: mặc người ta.

Trần nói: ông ấy rất muốn em về cơ quan ông ấy.

Cha hỏi: em có muốn không?

Trần nói: em nghe lời thầy.

Cha nói: vậy thì mặc kệ người ta.

Đang nói chuyện thì có tiếng gõ cửa, người đến lại là anh ta. Cha trông thấy, việc đầu tiên là mời anh ta cùng ăn sáng, anh ta nói đã ăn ở nhà khách, cha mời anh ta lên gác ngồi chơi, cha sẽ ăn xong ngay. Ăn xong, cha bảo Trần đi, vẫn nhắc lại câu nói: mặc kệ người ta.

Trần đã đi, tôi cùng cha lên lầu, thấy anh ta đang ngồi hút thuốc ở phòng khách. Cha tỏ ra rất khách khí, nhưng trong lời nói lại không có gì khách khí. Cha hỏi, anh đến chào từ biệt hay đến lấy người? Cha nói, nếu đến lấy người thì cha không tiếp, vì tối hôm qua đã nói, đừng nghĩ đến Trần, có nghĩ đến cũng vô ích. Anh ta nói: xin bác tiếp tôi, tôi đến để chào bác.

Cha mời anh ta vào thư phòng.

Vì buổi sáng tôi có giờ, chỉ nói chuyện với anh ta vài câu rồi về phòng riêng để chuẩn bị. Lát sau tôi ra, định chào anh ta một câu, nhưng thấy cửa thư phòng của cha đóng kín, nghĩ bụng, thôi, không chào nữa. Đến lúc hết giờ trên lớp, mẹ tôi rất buồn, nói Trần phải đi. Tôi hỏi đi đâu, vậy là mẹ tôi khóc, nói: đi với người kia, cha đồng ý rồi.

Không ai biết Trịnh Thọt nói gì với ông Lily trong thư phòng đóng kín cửa. Thầy Dung bảo, cha cấm mọi người hỏi đến chuyện ấy, hễ hỏi là cha nổi cáu, bảo có những chuyện chôn chặt trong bụng, nói ra sẽ gây phiền phức. Nhưng có điều rõ ràng là không được nghi ngờ, tức là: thông qua buổi nói chuyện bí mật, Trịnh Thọt đã làm cho ông Lily vốn khó thay đổi trở nên hồ đồ. Nghe nói, hai người nói chuyện chỉ hơn nửa tiếng đồng hồ, vậy mà lúc ra khỏi phòng, ông Lily nói với vợ, chuẩn bị để Kim Trần đi.

Khỏi phải nói, qua chuyện này, sự bí ẩn của Trịnh Thọt đạt đến cực điểm, sự bí ẩn ấy về sau không ngừng tán phát trong đầu óc Kim Trần.

16. Chương 3-3

Sự bí ẩn của Kim Trần bắt đầu từ buổi chiều hôm ấy, tức là ngay buổi chiều Trịnh Thọt và ông Lily mật đàm, bắt đầu tiết lộ. Buổi chiều hôm ấy, Trịnh Thọt đưa Kim Trần đi bằng chiếc xe Jeep, đến tối mới về, vẫn là chiếc ô tô con đưa về. Về đến nhà, ánh mắt Kim Trần bắt đầu tỏ ra bí ẩn, đã lâu Kim Trần không nhìn những người trong gia đình bằng ánh mắt thân thiết, có thể nói sự bí ẩn lộ ra ở hành vi, cho mọi người cảm giác sau khi đi với ông Trịnh, cậu có sự ngăn cách với người trong nhà. Hồi lâu sau, ông Lily vẫn hỏi, cậu ta mới thở dài, đáp ứng:

“Thầy Hiệu trưởng đưa em đến một nơi mà em không muốn đến.”

Nói năng rất nhẹ nhàng, nhưng lại rất nặng nề, khiến những người có mặt, ông Lily, bà vợ và thầy Dung, đều ngạc nhiên.

Ông Lily hỏi: “Có chuyện gì?”

Cậu ta nói: “Em cũng không biết phải nói thế nào, lúc này em chỉ có thể nói những điều không thể nói.”

Những ánh mắt vốn căng thẳng thêm căng thẳng.

Bà Lily khuyên: “Nếu em thấy không nên đi thì thôi, không nhất thiết phải đi.”

Kim Trần nói: “Không đi không được.”

Bà Lily nói: “Đâu có chuyện? Thầy Hiệu trưởng (chỉ ông Lily) là thầy Hiệu trưởng, em là em, thầy đồng ý không thể nói là em phải đồng ý. Cô thấy em vẫn nghe lời thầy, việc này em tự quyết định, muốn đi thì đi, không thích đi thì thôi, để cô nói giúp em.”

Kim Trần nói: “Không thể được.”

Bà Lily nói: “Tại sao không?”

Kim Trần nói: “Họ đã chấm rồi thì không ai có thể từ chối.”

Bà Lily nói: “Cơ quan nào, đơn vị nào mà quyền hành to vậy?”

Kim Trần nói: “Không thể nói ra.”

Bà Lily nói: “Ngay cả với cô giáo cũng không thể nói được à?”

Kim Trần nói: “Không thể nói với bất cứ ai, em đã tuyên thệ...”

Ngay lúc ấy, ông Lily vỗ tay, đứng dậy, rất hiên ngang, nói: “Thôi, đừng nói gì nữa, bao giờ đi? Quyết định chưa? Chúng ta chuẩn bị cho Trần.”

Kim Trần nói: “Đi ngay trước khi trời sáng.”

Đêm hôm ấy cả nhà không ai ngủ, mọi người bận chuẩn bị cho Kim Trân, đến bốn giờ sáng, hành lí đã sẵn sàng, chủ yếu có sách vở, áo quần mùa đông, tất cả đóng vào hai cái thùng giấy. Chuẩn bị thêm những đồ dùng hàng ngày, tuy Kim Trân và ông Lily nói, có những thứ có thể tạm thời mua sắm, khỏi cần đem theo, nhưng hai người phụ nữ chừng như không kiềm chế nổi, cứ lên lên xuống xuống, moi óc suy nghĩ, lúc là cái dài thu thanh, lúc là bao thuốc lá, lúc gói trà, thuốc chữa bệnh, rất chi tiết, rất kiên nhẫn, nhét đầy va li. Gần năm giờ, mọi người xuống tầng dưới, bà Lily tâm trạng rối bời, không thể vào bếp lấy thức ăn sáng cho Kim Trân, bà đành bảo con gái làm. Nhưng bà vẫn ngồi trong bếp, không rời nửa bước chỉ huy con gái, yêu cầu này khác. Không phải thầy Dung không biết nấu nướng, mà vì bữa ăn này rất không bình thường, bữa ăn tiễn biệt. Trong lòng bà Lily, bữa ăn tiễn biệt phải đạt được bốn yêu cầu:

1. Món chính là một tô mì mang ý nghĩa bình an, trường thọ;
2. Mì phải là mì kiều mạch, mì kiều mạch mềm hơn mì bình thường, mang ý nghĩa con người có thể co, có thể duỗi;
3. Gia vị nhất thiết phải có dấm chua, ớt cay và nhân đào, nhân đào đắng, ý nói có cả chua cay ngọt đắng, trong đó ba vị chua, cay, đắng để lại nhà, ra đi chỉ có ngọt ngào.
4. Số lượng thà ít hơn nhiều, vì đến lúc ăn Kim Trân sẽ không bỏ thừa một tí nước canh nào, tượng trưng cho sự viên mãn, trọn vẹn.

Thật ra, đây là tấm lòng của bà Lily hơn là một tô mì, tô mì là lời chúc mừng và mong đợi.

Tô mì ngụ ý sâu sắc được đưa lên bàn, bà Lily bảo Kim Trân ăn, bà ngồi bên cạnh lấy ra một miếng ngọc có khắc hình con hổ nằm, ấn vào tay Kim Trân, bảo cậu ta ăn xong rồi cài vào thắt lưng, đem theo nó sẽ gặp may. Đúng lúc ấy, ngoài cửa có tiếng ô tô dừng lại. Chỉ lát sau, ông Trịnh đưa người lái xe vào, sau khi chào hỏi mọi người, ông ta bảo người lái xe đưa hành lí của Kim Trân lên xe.

Kim Trân vẫn lặng lẽ ăn hết tô mì, cậu ta im lặng từ lúc bắt đầu ăn, im lặng không lời nào có thể tả nổi. Tô mì đã ăn không còn một giọt nước canh nào, nhưng cậu ta vẫn lặng lẽ ngồi yên, không có ý đứng dậy.

Trịnh Thọt đi tới, vỗ vai cậu ta, tưởng như đã là người của anh ta, nói: “Chào mọi người đi, tôi chờ cậu ở xe.” Anh quay đầu, chào bà Lily và thầy Dung.

Căn phòng lặng lẽ, những ánh mắt lặng lẽ thu lại, ngưng đọng. Tay Kim Trân vẫn nắm chặt viên ngọc, cậu đang cố bóp viên ngọc, tiếng động duy nhất trong căn phòng.

Bà Lily nói: “Em để nó vào lưng quần, nó sẽ cho em vận may.”

Kim Trân đưa viên ngọc lên hôn, chuẩn bị nhét vào lưng quần.

Ngay lúc ấy, ông Lily cầm lấy viên ngọc trong tay Kim Trân, nói: “Chỉ những kẻ phạm phu tục tử mới cần nó đưa lại may mắn, em là một thiên tài, hãy tin vào tài năng của bản thân.” Nói xong, ông rút từ trong túi ra cây bút máy đã dùng nửa thế kỉ nay, đưa cho Kim Trân, nói: “Em cần cái này hơn, em ghi lại những suy nghĩ của mình, đừng để nó trôi mất, em sẽ nhận ra không có ai bằng mình.”

Kim Trân lặng lẽ hôn cây bút máy rồi cài nó lên ngực áo. Bên ngoài có tiếng còi ô tô, chỉ một tiếng rất ngắn. Kim Trân như không nghe thấy, vẫn ngồi im.

Ông Lily nói: “Họ đang giục em đấy.”

Kim Trân vẫn ngồi bất động.

Ông Lily nói: “Em đi làm việc cho nhà nước, phải vui vẻ chứ.”

Kim Trân vẫn ngồi bất động.

Ông Lily nói: “Trong nhà là nhà của em, ngoài kia là đất nước, không có đất nước sẽ không có nhà, đi đi, đừng mất thì giờ nữa.”

Kim Trân vẫn ngồi bất động, tưởng như nổi buồn li biệt gắn chặt cậu vào cái ghế, không động đậy nổi.

Bên ngoài lại có tiếng còi ô tô, tiếng còi dài hơn vừa rồi. Ông Lily nhìn Kim Trân vẫn ngồi yên, ông đưa mắt nhìn bà vợ, như bảo hãy nói với nó một câu.

Bà Lily đi tới, hai tay nhẹ nhàng đặt lên vai Kim Trân, nói: “Đi đi, em, đường nào cũng phải đi, cô chờ thư em.”

Bàn tay bà Lily như làm Kim Trân bừng tỉnh, cậu mơ màng đứng dậy, vội vàng bước ra cửa, nhưng vẫn im lặng, bước chân nhẹ nhàng giống như những bước mộng du, khiến những người trong gia đình đều không hiểu ra sao, giống như mộng du cùng cậu ta. Ra đến cửa, Kim Trân bỗng quay lại, quỳ thụp xuống, cúi lạy ông bà Lily, nói với giọng đầy nước mắt:

“Mẹ, con đi, dù đến chân trời góc biển nào con cũng là...” Đó là sự việc xảy ra lúc hơn năm giờ sáng ngày mười một tháng sáu năm 1956, vào thời điểm ấy, Kim Trân thiên tài toán học suốt hơn một chục năm sống tại Đại học N yên tĩnh và ồn ào, như một cái cây, như một truyền thuyết, bước vào con đường bí mật, không quay trở lại. Trước lúc đi, cậu ta đề nghị ông bà Lily cho cậu được gọi là Dung Kim Trân, cậu chia tay với cái tên mới, thân phận mới, từ cuộc chia tay đầy lưu luyến, cảm động đến khuôn mặt đầm đìa nước mắt, cả người ra đi và người ở lại đều hiểu đây là cuộc chia li không bình thường. Có thể nói không quá rằng, từ đây về sau không ai biết Kim Trân đi đâu, cậu ta biến mất trong bóng tối của buổi bình minh cùng chiếc xe Jeep, lại giống như một cánh chim đưa cậu ta đến một thế giới khác. Có cảm giác cái tên mới (hoặc thân phận mới) làm một bức màn đen che khuất quá khứ và tương lai của Kim Trân, ngăn cách cậu ta với thế giới hiện tại. Từ đây về sau, mọi người chỉ biết cậu ta ở đâu đấy, cái nơi có địa chỉ gửi thư:

Hòm thư số 36 - thành phố C.

Hình như rất gần ngay bên cạnh.

Nhưng chẳng ai biết đấy là nơi nào.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Tôi đã từng hỏi mấy sinh viên đã tốt nghiệp về làm việc ở các bưu cục, hòm thư số 36 của thành phố này là đơn vị nào, ở đâu? Câu trả lời đều không biết, tưởng như đấy là địa chỉ ngoài trái đất. Lúc đầu tôi cư nghĩ địa chỉ này ở ngay trong thành phố, nhưng khi nhận được thư của Kim Trân, thời gian thư đi trên đường đã mách bảo với tôi, đấy không phải là chuyện có thể bị được mắt mọi người. Có thể nơi ấy rất xa, có thể là dưới lòng đất một nơi thật xa.

Lá thư đầu tiên Trân viết sau khi rời gia đình được ba ngày, chúng tôi nhận được vào ngày thứ mười hai. Trên bì thư không có địa chỉ người gửi, góc bì thư vẫn đề địa chỉ là một câu nói của Mao Chủ tịch: sống vĩ đại, chết vinh quang. Là thủ bút của Mao Chủ tịch, được in màu đỏ. Đặc biệt bì thư không có dấu bưu cục xuất phát, chỉ có dấu bưu cục nhận. Tất cả các thư sau đều như thế, cùng một loại bì thư, cũng không có dấu bưu cục phát, thời gian chuyển thư gần bằng nhau, khoảng tám, chín ngày. Cho đến khi Cách mạng Văn hoá bắt đầu, câu nói của Mao Chủ tịch được thay bằng lời bài hát được lưu hành rộng rãi thời đó: Ra khơi nhờ tay lái vững. Còn nữa không có gì thay đổi. Bí mật quốc gia là gì? Từ những bức thư bí ẩn của Trân mà tôi biết được chút ít.

Mùa đông năm Trân đi, tháng mười hai, vào một buổi tối, ngoài trời gió to, nhiệt độ bỗng hạ thấp, lúc ăn cơm, cha bỗng cảm thấy đau đầu, mọi người đều nghĩ cha bị cảm lạnh, cha uống mấy viên Aspirine rồi lên lầu đi nằm. Mấy tiếng đồng hồ sau, khi mẹ lên giường đi ngủ, phát hiện người cha vẫn nóng, nhưng đã tắt thở. Vậy là cha đã đi, tưởng như mấy viên thuốc uống trước khi đi ngủ là thuốc độc, chùng như cha biết không có Trân đề tài nghiên cứu khoa học của cha đã bị để non, cho nên cha dứt khoát kết thúc đời mình.

Tất nhiên, sự thật không phải thế, là bởi máu tràn màng não đã cướp sinh mệnh của cha.

Có gọi Trân về hay không, lúc đầu tôi rất do dự, chỉ nghĩ Trân đi chưa được bao lâu, nơi công tác của nó rất quan trọng và bí mật, lại rất xa. Lúc ấy tôi đã xác định Trân không ở thành phố này. Cuối cùng mẹ quyết định gọi Trân về, mẹ nói: Trân mang họ Dung, gọi mẹ bằng mẹ, nó là con của mẹ, cha qua đời tất nhiên phải gọi về. Vậy là tôi đánh điện cho Trân, báo để Trân về chịu tang.

Nhưng không phải là Trân về mà là một người lạ, anh này thay mặt Trân đến đặt vòng hoa viếng cha. Vòng hoa rất lớn, lớn nhất trong số những vòng hoa đưa đến viếng, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy không được an ủi, thậm chí còn buồn đau hơn. Nói thật, chúng tôi hiểu Trân, nếu có thể về Trân sẽ về, Trân là người coi nghĩa tử là nghĩa tận, hề biết thế nào Trân cũng tìm mọi cách để về, không phải là người sợ hãi điều gì. Trân không về, tất nhiên chúng tôi cũng suy nghĩ nhiều, không hiểu tại sao, có thể người đến viếng đã nói

không rõ ràng, những là sau này gia đình có chuyện gì, khả năng Trân về thăm là rất ít, những là họ là anh em thân thiết với Kim Trân, họ đến là thay mặt Trân; những là anh ta không thể trả lời gia đình, chuyện ấy không thể nói, vân vân. Tôi nghe và nghĩ, có lúc nghĩ đã có chuyện gì xảy ra với Trân rồi chẳng, chết chẳng hạn. Nhất là từ đấy về sau thư của Trân cứ thưa dần, ngắn dần, hơn nữa năm nào cũng vẫn vậy, chỉ thấy thư không thấy người, càng ngày tôi càng nghĩ Trân không còn sống trên đời này nữa. Trong một cơ quan vừa bí ẩn vừa bí mật có liên quan đến an nguy quốc gia, có thể sinh mệnh rất dễ vĩ đại, cũng dễ giành được vinh quang, nhưng cũng đưa lại cho gia đình hiện tượng giả người chết như đang sống. Có thể nói đấy là phương thức để chúng tôi thể hiện sự vinh quang, là một bộ phận của vinh quang. Tóm lại, Trân theo năm tháng không về thăm nhà, không trông thấy con người Trân, không nghe tiếng nói của Trân, chỉ dựa vào những bức thư, tôi không còn tin Trân có thể bình an trở về.

Đến năm 1966, Đại Cách mạng Văn hoá bùng nổ, trái bom chôn vùi trong số phận tôi mấy chục năm cũng bùng nổ, một tờ báo chữ to vạch tội tôi, bảo tôi yêu tha thiết con người kia (bạn trai của thầy Dung), thể là đủ loại suy luận, giả tưởng ma quái, táo tợn, li kì liên tiếp xuất hiện, nào là ngoài anh ấy ra tôi không lấy ai, nào là yêu anh ấy tức là yêu Quốc Dân đảng, nào là tôi là tình nhân của Quốc Dân đảng, tôi là gián điệp của Quốc Dân đảng, vân vân, họ nói đủ thứ, nói chắc như đinh đóng cột, không được phép nghi ngờ.

Ngay buổi chiều báo chữ to dán lên, mấy chục sinh viên nhao nhao đến bao vây nhà tôi, có thể cái uy của cha tôi còn dư lại, chúng chỉ hò hét không xông vào nhà lục soát, về sau ông Hiệu trưởng kịp thời đến khuyên bọn chúng. Đây là tai hoạ đầu tiên của tôi, chừng như chỉ đến thế, không có những hành vi quá khích.

Hơn một tháng sau, tai hoạ thứ hai đến với tôi. Mấy trăm con người áp giải ông Hiệu trưởng, theo sau là mấy nhân vật quyền uy của trường, họ đến và xông vào nhà tôi, lôi cổ tôi ra, chụp lên đầu cái mũ có chữ “Tình nhân Quốc Dân đảng”, đẩy vào tốp người bị phê đấu, đưa đi bêu rêu như một lũ tội phạm. Sau đấy, họ nhốt tôi vào nhà vệ sinh cùng một cô giáo khoa hoá vốn có dự luận sinh hoạt thiếu lành mạnh, ban ngày lôi ra đấu, buổi tối bắt viết kiểm điểm. Hai chúng tôi bị cạo nửa đầu, người không ra người ma không ra ma. Một hôm, trong buổi phê đấu, mẹ trông thấy tôi, bà hoảng sợ quá, ngắt ngay tại chỗ.

Mẹ nằm bệnh viện không biết sống chết thế nào, bản thân không biết là người hay ma, những ngày này tôi như trong chảo mỡ nóng. Tối hôm ấy, tôi lén gửi cho Trân một bức điện, điện chỉ một câu: “Nếu còn sống hãy về cứu chị!” Bức điện với danh nghĩa mẹ. Hôm sau, một sinh viên đồng cảm với tôi giúp tôi đánh điện. Điện gửi đi rồi, tôi suy nghĩ các khả năng, khả năng lớn nhất là không có hồi âm, kể đó là khả năng có người về như hồi cha chết, tôi nghĩ không có khả năng Trân về, càng không dám nghĩ Trân xuất hiện một cách nhanh chóng.

Hôm ấy, thầy Dung cùng với “đồng đảng” tiếp nhận sự phê đấu ở toà nhà khoa hoá. Hai người đứng ở bậc thềm sảnh ra vào, đầu đội mũ, ngực đeo tấm biển có những chữ thật to, hai bên là cờ đỏ và băng khẩu hiệu, dưới là sinh viên và cán bộ giảng dạy, chừng hai trăm người, họ ngồi, người phát biểu đứng dậy, cảm giác rất có trật tự.

Cứ như vậy, bắt đầu từ mười giờ sáng, vừa vạch tội, vừa phê phán. Đến trưa, họ ăn cơm tại chỗ, thầy Dung và những người bị đấu ngồi đọc “Lời dạy của Mao chủ tịch”, đến hơn bốn giờ chiều, hai người đứng chân đã tê mỏi, khụy xuống. Lúc ấy, một chiếc ô tô có gắn quân hiệu bỗng chạy tới, đứng trước toà nhà, khiến mọi người phải chú ý. Ba người từ trên xe bước xuống, hai người cao to kèm giữa một người thấp bé, đi thẳng vào hiện trường đấu tố. Họ sắp bước lên bậc thềm thì bị Hồng vệ binh canh gác ngăn lại, hỏi họ là ai. Người nhỏ con đi giữa nói với vẻ hách dịch:

“Tôi đến đưa bà Dung Nhân Dịch đi.”

“Anh là người thế nào?”

“Người đến đưa bà ấy đi.”

Một Hồng vệ binh thấy người kia nói năng đàng hoàng, mặt cau có, lớn tiếng đáp:

“Mụ ấy là tình nhân của Quốc Dân đảng, không được đi!”

Người nhỏ con giận dữ nhìn anh Hồng vệ binh kia, lớn tiếng chửi thẳng: “Láo! Nếu bà ấy là Quốc Dân đảng, vậy tao đây cũng là Quốc Dân đảng à? Nói cho mày biết, hôm nay tao phải đưa bà ấy đi bằng được, tránh ra!”

Nói xong, họ gạt những người ngăn cản, bước lên thêm.

Lúc ấy, không biết ai đó gào to: “Chúng dám chửi Hồng vệ binh chúng ta, gô cổ chúng lại!”

Mọi người đứng bật dậy, tràn ra, vây lấy anh kia và tung đòn hội chợ. Nếu không có người bảo vệ, người kia chắc đã chết vì đòn hội chợ, rất may hai người bảo vệ anh ta cao lớn, xem ra là người bản lĩnh cao cường, chỉ vài động tác đã tạo thành vòng tròn để người kia đứng ở giữa, hai người như hộ vệ, hô to:

“Chúng tôi là người của Mao Chủ tịch, ai đụng đến chúng tôi người đó không phải là người của Mao Chủ tịch, không phải là Hồng vệ binh. Chúng tôi là người thân nhất của Mao Chủ tịch, tránh ra, tránh ra!”

Dựa vào sự dũng cảm, hai người cứu được người bé nhỏ ra khỏi vòng vây, một người hộ tống anh kia chạy, một người nữa chạy theo sau, nhưng bỗng quay lại, rút khẩu súng lục từ trong người ra, bắn chỉ thiên, hét lên:

“Đứng lại! Mao Chủ tịch cử tôi đến đây.”

Tiếng súng và vẻ uy nghiêm của anh ta đã trấn áp được đám đông, họ đứng lại nhìn thẳng vào anh ta. Nhưng phía sau có ai đó hô to: Hồng vệ binh không sợ chết, không sợ hấn. Xem ra sắp xảy ra xô xát. Lúc ấy anh ta lấy từ trong túi ra một cuốn sách bìa đỏ, trên bìa có in hình quốc huy, mở ra một trang, giơ cao, nói thật to:

“Các người thấy đây, chúng tôi là người của Mao Chủ tịch! Chúng tôi chấp hành nhiệm vụ của Mao Chủ tịch giao, kẻ nào dám ngăn cản, Mao Chủ tịch sẽ cử quân đội đến bắt. Lúc này chúng ta đều là người của Mao Chủ tịch, có gì thì nói với nhau, mời lãnh đạo của các đồng chí đứng ra, Mao Chủ tịch sẽ nói chuyện.”

Có hai người tách khỏi đám đông, người kia cất súng, gọi hai người đến thì thầm điều gì đó, hai người bị thuyết phục, quay lại nói với đám đông rằng anh ta đúng là người của Mao Chủ tịch, yêu cầu mọi người về chỗ cũ. Chỉ lát sau, hiện trường trở nên yên tĩnh, hai người chạy xa mấy chục mét cũng quay lại, một người dẫn đầu đám đông đi tới bắt tay người bé nhỏ, một người nữa giới thiệu cho mọi người biết anh ta là anh hùng của Mao Chủ tịch, yêu cầu mọi người vỗ tay. Tiếng vỗ tay thưa thớt, chứng tỏ mọi người vẫn còn thắc mắc về người anh hùng này. Có thể sợ xảy ra chuyện gì nữa, người bắn súng không để người anh hùng đến gần, anh ta đi tới thì thầm điều gì, đưa anh kia lên xe, bảo lái xe cho xe chạy, còn anh ta ở lại.

Xe nổ máy, người anh hùng thò đầu ra cửa xe, kêu to:

“Chị, chị đừng sợ, em đi gọi người đến cứu chị.”

Người ấy là Kim Trân, Dung Kim Trân.

Tiếng gọi của Kim Trân vang vọng trên đầu mọi người, dư âm vẫn chưa tan thì đã có thêm một chiếc xe Jeep gắn quân hiệu chạy đến, dừng gấp trước cái xe của Kim Trân. Ba người từ trong xe chui ra, hai người mặc quân phục sĩ quan, họ đến nói gì đó với người vừa bắn súng, sau đấy giới thiệu để anh ta làm quen với một người. Người này là nhân vật số một của Hồng vệ binh nhà trường, vẫn gọi là Tư lệnh Dương.

Mấy người đứng bên chiếc xe bàn bạc một lúc, thấy Dương với vẻ nghiêm khắc đi đến đám Hồng vệ binh, không nói câu nào, giơ cao sách đỏ hô to Mao Chủ tịch muôn năm, những người ngồi dưới hô theo, hô cho đất rung núi chuyển. Hô xong, anh ta nhảy lên bậc thêm, lấy cái mũ trên đầu và tấm biển đeo trước ngực thầy Dung, nói với mọi người ngồi dưới: “Tôi xin bảo đảm với Mao Chủ tịch, bà không phải là tình nhân của Quốc Dân đảng, mà là chị của anh hùng chúng ta, là người thân của Mao Chủ tịch, là đồng chí cách mạng nhất của chúng ta.”

Nói xong, anh ta lại giơ nắm tay, liên tiếp hô to:

Mao Chủ tịch muôn năm!

Mao Chủ tịch muôn năm!

Mao Chủ tịch muôn năm!

Hô xong, anh ta lấy huy hiệu Hồng vệ binh xuống, tự tay gài cho thầy Dung. Ngay lúc ấy lại có người hô khẩu hiệu, hô không ngắt, giống như hô để đưa tiễn thầy Dung, thật ra là để che chỗ cho thầy Dung, tiếng

hồ khẩu hiệu sẽ làm mọi người bớt chú ý đến thầy. Vậy là thầy Dung giữa tiếng hồ khẩu hiệu như sóng trào, kết thúc giai đoạn lịch sử bị cách mạng trừng phạt.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Nói thật, ngay lúc bấy giờ tôi không nhận ra Trần. Mười năm không gặp, trông Trần còn gầy hơn xưa, Trần đeo cặp kính dày như đít chai, giống như một ông lão, khiến tôi không dám nhận, cho đến khi Trần gọi chị, tôi mới như bừng tỉnh giấc mơ. Nhưng giấc mơ ấy vẫn không tỉnh lại nổi, cho đến nay tôi vẫn nghi ngờ sự việc hôm ấy là mơ hay thực?

Khoảng thời gian từ khi gửi bức điện đi cho đến khi gặp lại Trần rất ngắn, có thể ở ngay thành phố này. Trần về, tỏ ra là người vừa có quyền, vừa bí ẩn, hình như đã trở thành nhân vật quan trọng. Hôm Trần ở nhà, người bắn súng giống như cái bóng luôn bám sát Trần, có cảm giác như bảo vệ lại như theo dõi, quản lí Trần không để tự do, chúng tôi nói gì với nhau, anh ta cũng can dự, không cho hỏi chuyện này, không cho nói chuyện kia. Cơm tối có ô tô đưa đến, về danh nghĩa nói là tránh phiền hà cho chúng tôi, thật ra là sợ chúng tôi bỏ thuốc độc vào thức ăn. Ăn xong, người kia giục Trần đi, mẹ và Trần yêu cầu, anh ta mới để Trần ở lại một đêm. Việc ấy hình như rất nguy hiểm đối với Trần, vì thế có thêm hai chiếc xe con nữa đến, bố trí canh phòng cửa trước cửa sau nhà tôi, có đến bảy tám người, mặc quân phục có, mặc thường phục có, anh ta và Trần ngủ cùng phòng trước khi ngủ, anh ta đi xem xét sẫm soi khắp lượt. Hôm sau, Trần đòi đi thăm mộ cha, bị họ từ chối thẳng thừng.

Vậy là, Trần về như giấc mơ, như một giấc mơ ở lại một đêm, ra đi cũng như một giấc mơ.

Qua lần gặp mặt ấy, Trần vẫn là điều bí ẩn đối với chúng tôi, thậm chí rất bí ẩn, điều mà chúng tôi biết rõ là Trần vẫn sống, đã lấy vợ, nghe nói lấy vợ cách đây ít lâu, vợ cùng làm một chỗ, chúng tôi không có cách nào biết được Trần đang làm việc gì, ở đâu, chỉ biết cô ấy tên là Cù Lợi, người Bắc Kinh. Cứ nhìn vào hai tấm ảnh Trần đưa về, cô này cao to hơn Trần, trông khoẻ mạnh, có điều ánh mắt rất buồn, giống như Trần, không thích thổ lộ bản thân. Trước khi đi, Trần ấn vào tay tôi một cái phong bì, rất dày, nói là của vợ gửi, bảo lúc nào Trần đi rồi hãy mở ra xem. Về sau tôi xem, trong đó có hai trăm đồng và một lá thư của vợ Trần viết, thư nói cấp trên không đồng ý để cô cùng Trần về thăm nhà, rất xin lỗi. Khác với Trần, cô ta gọi mẹ tôi là má, má kính yêu.

Trần đi được ba hôm, người vẫn thay mặt đơn vị của Trần đến chúc mừng gia đình chúng tôi mỗi kì lễ tết, đưa đến cho chúng tôi một văn bản của Quân khu cùng với Ủy ban Cách mạng của tỉnh, nội dung nói: Dung Kim Trần được Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân uỷ trung ương phong tặng danh hiệu Anh hùng cách mạng, gia đình Cách mạng, gia đình Vinh quang, không một đơn vị nào, tổ chức hoặc cá nhân nào được đụng đến, không được có bất kì hành vi sai trái nào đối với bản thân người anh hùng. Trên văn bản còn ghi thêm: những ai vi phạm đều bị coi là phản cách mạng. Văn bản do chính Tư lệnh quân khu kí. Văn bản này như một thanh bảo kiếm, dựa vào nó, từ nay về sau gia đình chúng tôi không gặp bất cứ một rắc rối nào, kể cả tôi. Dựa vào văn bản ấy, anh trai tôi được về lại Đại học N, sau đấy được ra nước ngoài cũng là nhờ nó. Anh tôi nghiên cứu siêu dẫn, hồi ấy, thử hỏi trong nước lấy đâu ra điều kiện? Phải ra nước ngoài. Nhưng thử nghĩ, hồi ấy ra nước ngoài khó khăn đến chừng nào? Với một ý nghĩa nào đó, vào những năm tháng đặc biệt ấy, đúng là Trần đã tạo cho chúng tôi điều kiện sống và môi trường công tác bình thường, thậm chí có thể gọi là lí tưởng.

Nhưng Trần đã có cống hiến to lớn đến mức nào cho đất nước để có được vinh quang và quyền uy thần kì đến vậy, thậm chí Trần có thể xoay chuyển thời đại một cách dễ dàng trong lòng bàn tay mình, quả là một bí mật lớn đối với chúng tôi. Sau lần Trần về cứu tôi, người của khoa hoá lan truyền dư luận bảo Trần là người có công làm ra bom nguyên tử của nước ta, tin đồn rất cụ thể. Tôi chợt cảm thấy có thể tin được, bởi vì, về mặt thời gian rất phù hợp, nước ta thử thành công bom nguyên tử vào năm 1964, đúng khoảng thời gian Trần đi; thứ hai, về mặt chuyên ngành cũng đúng, nghiên cứu bom nguyên tử cần có nhà toán học tham gia; một điều nữa là, theo tôi nghĩ, chỉ có làm việc ấy Trần mới phải bí mật đến thế, quan trọng và vinh dự đến thế. Mãi đến những năm tám mươi, trong danh sách Nhà nước khen thưởng những người có công làm ra bom nguyên tử và bom khinh khí, không có Trần, không biết có phải Trần đổi tên hay chỉ là tin đồn?

17. Chương 3-4

Giống như thầy Dung, ông Trịnh Thọt là nhân vật quan trọng giúp tôi hoàn thành câu chuyện này. Trước khi hỏi chuyện thầy Dung, tôi đã hỏi chuyện ông, đồng thời tạo được quan hệ bạn bè thân thiết với ông. Lúc bấy giờ ông đã sáu mươi tuổi, da thịt nhăn nheo, gờ cả xương, cho nên thọt càng rõ thọt hơn, không thể giải quyết vấn đề bằng cái đế giày, đành chống gậy. Có người nói, ông chống gậy trông có vẻ oai hơn, nhưng tôi nghĩ, cái vẻ oai không ở cái gậy, mà ở chức vụ của ông. Hồi mới quen nhau, ông là nhân vật hàng đầu của cơ quan 701, là Cục trưởng. Một người làm đến chức vụ ấy không ai dám gọi là Thọt, cho dù có ai gọi ông cũng không chấp, với lại làm đến chức vụ ấy, đã có chức danh, lại lớn tuổi, cũng sẽ có nhiều cách xưng hô.

Cục trưởng.

Thủ trưởng.

Sếp.

Ông Trịnh.

Bây giờ mọi người đều xưng hô với ông như thế, tùy cách, tùy người. Có điều bản thân ông vẫn tự trào mình là Cục trưởng chống gậy. Nói thật, cho đến nay tôi cũng không biết ông tên gì, bởi ông có nhiều cách gọi, thông thường, tôn trọng, biệt danh, rất nhiều, tên trở nên thừa, lâu không dùng, tự động biến mất. Tất nhiên, với thân phận của tôi, tôi chỉ dám gọi một cách tôn trọng, đó là Cục trưởng Trịnh.

Cục trưởng Trịnh.

Cục trưởng Trịnh.

Bây giờ tôi nói về những bí mật của Cục trưởng Trịnh. Ông có bảy số điện thoại, nhiều như tên gọi của ông. Ông cho tôi hai số, như vậy cũng đủ dùng, một số gọi cho thư kí của ông, gọi lúc nào cũng có người nghe. Ấy là, có thể khẳng định Cục trưởng nghe thấy tiếng tôi, còn tôi có thể nghe thấy tiếng ông hay không, còn phải trông chờ may rủi.

Sau khi nói chuyện với thầy Dung, tôi gọi vào hai số máy của Cục trưởng Trịnh, một máy không người nghe, một máy bảo tôi chờ giấy lát, tức là còn xem may rủi của tôi. Rất may, tôi nghe được tiếng Cục trưởng Trịnh, ông hỏi tôi có chuyện gì, tôi bảo, hiện tại trong trường đại học N đang có dư luận Dung Kim Trân là người có công trong việc làm ra hai trái bom nguyên tử. Ông hỏi tôi, nói như vậy có ý gì. Tôi nói, Kim Trân công trạng hiển hách, nhưng bởi làm một việc bí mật, nên công trạng của Kim Trân bị mọi người đồn thổi, trở thành có công làm ra bom nguyên tử. Bất ngờ, đầu kia đường dây là một giọng nói bực tức, nói với tôi một thôi dài:

“Tôi không thấy như thế. Chả nhẽ chỉ dựa vào một trái bom nguyên tử để có thể thắng được một cuộc chiến tranh hay sao? Bom nguyên tử tượng trưng cho sức mạnh quốc gia, là bình hoa cho mọi người thấy, còn việc Kim Trân làm là xem người khác, từ trong gió nghe nhịp tim người khác, tìm kiếm bí mật người khác giấu kín. Chỉ có biết người biết ta mới bách chiến bách bại, cho nên, theo tôi, từ góc độ quân sự, việc Kim Trân làm có ý nghĩa hơn cả việc làm ra bom nguyên tử.”

Việc Kim Trân làm là hoá giải mật mã.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Sự nghiệp giải mã là sự nghiệp của một thiên tài nỗ lực nghiên ngẫm nghiên cứu, là một thiên tài trái tim, là cuộc chém giết, đấu đá cao cấp nhất của người đàn ông. Sự câu kết bí ẩn và âm thầm ấy đã tập hợp được mọi tinh hoa của loài người, không phải vì điều gì khác mà là phỏng đoán bí mật, diễn dịch mấy con số Ả rập đơn giản. Nghe ra có vẻ rất vui, giống một trò chơi, nhưng anh minh của loài người bị cái trò chơi này giày vò cho chết đi sống lại.

Cái ghê gớm của mật mã là ở chỗ này.

Cái bi ai của những người giải mã cũng ở chỗ này. Trong lịch sử nhân loại, không nghi ngờ gì nữa, chôn vùi nhiều thiên tài nhất chính là giới giải mã. Nói một cách khác, có thể chôn vùi từng người, thậm chí từng thế hệ thiên tài, trên đời này chỉ có cái mật mã đáng chết, nó giam giữ hàng loạt người tài giỏi của nhân loại không phải để sử dụng tài năng của họ, mà để giết chết họ, chôn vùi họ. Cho nên, người ta bảo giải mã là sự nghiệp tàn khốc nhất loài người.

Buổi sáng mùa hè năm 1956, Kim Trân ngồi xe rời trường đại học N vào lúc mờ sáng, cậu không biết con người có cử chỉ ngạo mạn ngồi bên cạnh là ai, đã gắn kết cuộc đời của cậu vào sự nghiệp mật mã tàn khốc và bí mật mà không thể nào đảo ngược nổi. Cậu cũng không biết, con người bị sinh viên đại học N chế nhạo là anh thọt nhảy múa dưới mưa lại là người đứng đầu một cơ quan tuyệt mật, là trưởng phòng giải mã của đơn vị 701 hết sức đặc biệt. Nói một cách khác, từ đây về sau anh ta là người lãnh đạo trực tiếp Kim Trân. Xe chạy, lãnh đạo muốn nói chuyện với thuộc cấp, nhưng có thể vì nỗi buồn chia li, thuộc cấp không nói năng gì. Xe chạy trong ánh đèn sáng trắng, có cảm giác bí ẩn, chẳng lành.

Xe chạy ra khỏi thành phố trong ánh bình minh, chạy nhanh trên quốc lộ, Kim Trân cảnh giác nhìn chung quanh, cậu nghĩ không phải thành phố này, thành phố này hòm thư số 36, tại sao phải chạy lên quốc lộ? Tuy tối hôm qua, Trịnh Thọt đưa Kim Trân đi làm thủ tục điều động, xe cứ chạy vòng vo, phải đến hơn chục phút thậm chí có lúc cậu buộc phải đeo kính chắn sáng, coi như bị bịt mắt, nhưng dựa vào cảm giác, Kim Trân tin rằng xe chưa ra khỏi thành phố. Lúc này xe phóng vù vù trên quốc lộ, cảm giác phải đi một nơi thật xa, cậu nóng lòng hỏi thăm.

“Chúng ta đi đâu?”

“Về đơn vị.”

“Ở đâu?”

“Không biết.”

“Không phải đến cái nơi hôm qua à?”

“Cậu biết nơi hôm qua là đâu?”

“Chắc chắn là trong thành phố.”

“Nhưng...”

“Không nhưng gì hết. Hãy nhắc lại lời thề.”

“Nơi ở, những điều nghe thấy, đều thuộc bí mật, không được nói với bất cứ ai.”

“Nghe đây, phải nhớ lấy nó, từ nay về sau những gì cậu nghe thấy đều tuyệt mật.”

Trời tối, xe vẫn tiếp tục chạy. Phía trước đã thoảng thấy ánh đèn, chừng như một thành phố không lớn không bé, Kim Trân quan sát, muốn biết đây là đâu. Trịnh Thọt lại bắt cậu phải đeo kính chắn sáng, cho đến khi được phép bỏ kính xuống, xe đã đi vào con đường quanh co, hai bên đường toàn là cây và vách núi, không có biển chỉ đường và những vật ghi dấu. Đường núi quanh co, chật hẹp, tối đen, đèn xe bật sáng, ánh đèn thỉnh thoảng bị dồn tụ, ép thành con đường, giống như đèn pha, vừa sáng vừa chum, cảm giác như không phải xe chạy mà được ánh sáng đèn kéo đi. Đi chừng hơn một tiếng đồng hồ, Kim Trân từ trên vách núi trông thấy ánh đèn, đấy cũng là nơi cậu xuống xe.

Ở đây cửa nhà không có biển, gác cửa là một ông già cụt tay, nét mặt còn in dấu oán hận, suốt từ dưới tai bên trái, qua sống mũi, chạy sang má bên phải. Không hiểu tại sao, Kim Trân trông thấy ông ta, chợt nghĩ đến cướp biển trong tiểu thuyết phương Tây, trong tỉnh lặng, cảm giác như ngôi nhà chết, lại khiến cậu có cảm giác như trong lâu đài thời trung cổ xuất hiện trong tiểu thuyết tôn giáo cũng của phương Tây. Từ trong bóng tối bỗng xuất hiện hai bóng người, giống như hồn ma, đến gần mới phát hiện một người là nữ, cô ta đi tới bắt tay Trịnh Thọt, một anh chui vào xe, lấy hành lý của Kim Trân ra.

Ông Thọt giới thiệu Kim Trân với người phụ nữ, Kim Trân chưa nghe rõ chị ta tên gì, chỉ nghe là chủ nhiệm gì đó, là lãnh đạo nơi này. Trịnh Thọt nói với Kim Trân, đây là cơ sở tập huấn của đơn vị 701, tất cả những ai mới đến đơn vị 701 đều phải học chính trị và huấn luyện nghiệp vụ tại đây.

Trịnh Thọt nói: “Bao giờ cậu hoàn thành khoá huấn luyện tôi sẽ cho người đến đón, mong cậu nhanh chóng hoàn thành đợt tập huấn, trở thành người đủ tư cách của đơn vị 701.” Nói xong anh lên xe đi ngay, cảm giác như một tay lái buôn, vừa trút được món hàng, xong là đi ngay, không còn do dự vẩn vơ gì.

Một buổi sáng ba tháng sau, Kim Trân đang tập nằm thẳng và ngồi dậy trên giường, bỗng nghe bên ngoài có tiếng mô-tô dừng ở cửa, có người gõ cửa. Mở cửa thì thấy một thanh niên, vừa thấy mặt đã nói ngay:

“Tôi từ chỗ thủ trưởng Trịnh đến đây đón anh, chuẩn bị đi nhé.”

Mô-tô đưa anh đi, nhưng không phải đi ra cổng, mà đi sâu vào trong, đi vào một hang động, trong hang lại có một hang thông với chung quanh, sâu thẳm và phức tạp, giống như một mê cung. Mô-tô đi thẳng, đi chừng mười phút, dừng lại ở một cánh cửa vòm bằng sắt, người lái xe xuống xe, vào cổng một lúc rồi ra, tiếp tục cho xe đi. Lại đi một lúc, xe ra khỏi hang, trước mắt Kim Trân là một khu lớn hơn nhiều lần cơ sở tập huấn - đây là căn cứ của đơn vị 701 tuyệt mật và được giấu kín, cũng là nơi sống của Kim Trân từ nay về sau, nơi làm việc ở trong cánh cửa sắt mô-tô vừa dừng. Người ở đây gọi nơi này là khu Bắc, cơ sở tập huấn là khu Nam. Khu Nam là cửa ngõ của khu Bắc, cũng là trạm kiểm soát, giống như sông hồ thành và cầu treo. Một người bị khoá ở khu Nam sẽ vĩnh viễn không có cơ may được thấy khu Bắc, tức là cầu treo không hạ xuống.

Mô-tô lại đi thêm một chặng nữa, cuối cùng dừng lại trước một toà nhà xây gạch đỏ, tường có dây leo, mùi cơm từ trong nhà bay ra như nói với Kim Trân, đây là nhà ăn. Trịnh Thọt đang ăn, nhìn qua cửa sổ thấy Kim Trân, vội đứng dậy ra đón, trên tay còn cầm miếng bánh bao, mời Kim Trân vào nhà.

Kim Trân chưa ăn sáng.

Trong nhà ăn đủ loại người, có nam có nữ, có già có trẻ, có người mặc quân phục có người mặc thường phục, thậm chí có người mặc cảnh phục. Ở cơ sở tập huấn Kim Trân vẫn phỏng đoán nơi này thuộc đơn vị nào, hệ thống nào? Quân đội hay địa phương? Trông cảnh tượng trước mắt, Kim Trân càng không hiểu thế nào, cậu chỉ lặng lẽ suy nghĩ, có thể đây là một nơi đặc biệt của một đơn vị đặc biệt. Sự thật thì, đây là một đơn vị đặc biệt, một cơ quan đặc biệt, nhất là bề ngoài của nó, bí mật là trái tim, giống như một âm thanh bên ngoài vùng trời xa xôi.

Trịnh Thọt đưa Kim Trân đi qua sảnh lớn, sang phòng bên cạnh, trên bàn đã bày sẵn thức ăn, có sữa, có trứng, bánh bao nhân thịt, bánh bao chay, có cả thức ăn.

Trịnh Thọt nói: “Ngồi xuống đây.”

Kim Trân ngồi xuống.

Trịnh Thọt nói: “Cậu nhìn ngoài kia, họ ăn không nhiều món như cậu, họ ăn cháo đấy.”

Kim Trân nhìn, người ngoài kia đều bưng bát, nhưng mình được dùng đũa, trong cốc có sữa.

Trịnh Thọt nói: “Có biết tại sao không?”

Kim Trân nói: “Đón tôi phải không?”

Trịnh Thọt nói: “Không, vì cậu làm công việc quan trọng hơn.”

Ăn xong bữa sáng, Kim Trân bắt đầu công việc giải mã suốt đời. Nhưng cho đến lúc này, cậu vẫn chưa biết mình phải làm một công việc tàn khốc bí mật. Tuy lúc ở cơ sở tập huấn, cậu được huấn luyện làm một công việc đặc biệt, ví dụ giáo viên bắt cậu phải nhớ lịch sử, địa lí, quan hệ ngoại giao, các nhân vật trong chính giới, thực lực quân sự, bố trí chiến lược, quan hệ tấn công - bố phòng, thậm chí cả tư liệu cá nhân các nhân vật chính trị, quân sự quan trọng của nước X. Những điều ấy khiến Kim Trân rất hiếu kì tưởng tượng đến công việc mình phải làm. Suy nghĩ đầu tiên của cậu là nghiên cứu một loại vũ khí bí mật đặc biệt nhằm vào nước X; sau đấy lại nghĩ gia nhập vào túi mưu trí của một vị thủ trưởng nào đấy, làm tham mưu cho thủ trưởng; sau nữa lại nghĩ làm quan sát viên quân sự... Có những thứ không thuộc sở trường nên cậu không nghĩ, ví dụ làm giáo viên quân sự, hoạt động ngoại giao, thậm chí làm tùy viên quân sự, điệp báo, vân vân. Tóm lại cậu nghĩ đến nhiều công việc khác nhau, nhưng không nghĩ mình sẽ làm người giải mã.

Chừng như đây không phải là một nghề, mà là một âm mưu, âm mưu trong âm mưu.

18. Chương 3-5

Thằng thần mà nói, người của đơn vị 701 ở một vùng núi bí mật ngoại vi thành phố A, Kim Trân không thấy có tiền đồ cao xa, ít ra là công việc của cậu làm. Công việc cô đơn và âm thầm - giải mã, ngoài những kiến thức cần thiết, kinh nghiệm và thiên tài ra, chừng như càng cần hơn một vận may đến từ ngoài hành tinh. Người của đơn vị 701 nói, có thể nắm bắt được vận may ngoài hành tinh, nhưng cần thiết mỗi ngày mỗi đêm anh phải giờ cao tay cảnh giác, đồng thời mồ mả tổ tiên cha ông phải bốc khói xanh.

Kim Trân lúc mới đến không hiểu những điều ấy, có thể vì không để ý, suốt ngày cậu cầm cuốn sách, ví dụ cuốn “Toàn tập trò chơi toán học” bằng tiếng Anh, và những cuốn sách cổ không tên đóng bằng chỉ. Trong cậu có vẻ cô đơn, không có vẻ thông minh trời phú thể hiện ở lời nói (cậu ít nói), cũng thấy không có bao nhiêu tài trí và ham muốn ẩn chứa, khiến mọi người không khỏi hoài nghi về tài năng và vận may của cậu. Thậm chí, có người còn nghi ngờ về sự cần cù của cậu trong công tác, bởi vì, như vừa nói, lúc rỗi rãi cậu đọc những cuốn sách chẳng có liên quan gì đến công việc.

Đúng là bắt đầu, chừng như chỉ có những bằng chứng để nói cậu không chăm chỉ, nhưng vẫn còn những mặt khác. Một buổi trưa, Kim Trân vừa ăn xong, đang từ nhà ăn đi ra, tay vẫn cầm cuốn sách đi về phía rừng cây. Cậu không ngủ trưa, mà cũng không làm thêm giờ, thường tìm một chỗ yên tĩnh để đọc sách.

Khu Bắc gần như nằm trên vách núi, trong khu có mấy đám rừng tự nhiên, cậu thường đến đám rừng thông, đi xuyên từ bên này sang bên kia, ra nữa là cửa hang, nơi cậu làm việc. Cậu chọn rừng cây này cũng có lý do, cậu rất thích mùi nhựa thông, cái mùi xà phòng thuốc, có người không quen với mùi ấy, nhưng cậu lại rất thích, thậm chí đam mê nghiện như người nghiện thuốc.

Hôm ấy, cậu vừa bước vào rừng cây, bỗng phía sau có người đuổi theo, người này chừng năm mươi tuổi, tỏ ra khiêm tốn tự ti, trên khuôn mặt là nụ cười có thừa thận trọng, hỏi cậu có biết đánh cờ tướng không. Kim Trân gật đầu, người kia tỏ ra vui mừng vội lấy quân cờ từ trong người ra, hỏi cậu có muốn đánh không. Kim Trân không muốn đánh cờ mà muốn đọc sách, nhưng nể tình, lại không nỡ từ chối, liền gật đầu. Tuy mấy năm nay không chơi cờ, nhưng được luyện cờ từ ông Hinsh, những người bình thường không thể thắng nổi cậu. Người này là một kì thủ không vừa, có cảm giác như kì phùng địch thủ, đánh không phân thắng bại, cuộc cờ với trình độ cao. Sau đấy, người kia thường đến tìm Kim Trân để chơi cờ, buổi trưa tìm, buổi tối tìm, thậm chí đem theo quân cờ và bàn cờ chờ Kim Trân ở cửa hang hoặc ở cửa nhà ăn, quần lấy cậu ta, khiến mọi người biết cậu đang chơi cờ với một người điên cờ.

Ở đơn vị 701 không ai không biết người điên cờ, ông vốn là sinh viên xuất sắc của khoa toán Đại học Trung ương hồi trước giải phóng, sau khi tốt nghiệp bị Quốc Dân đảng gọi nhập ngũ, cử sang Đông Dương làm công việc giải mã, đã từng giải được bộ mật mã cao cấp của quân đội Nhật, là nhân vật nổi tiếng trong giới giải mã. Về sau, bất mãn với việc Tưởng Giới Thạch gây ra cuộc nội chiến, ông ta ra khỏi quân đội, làm kĩ sư cho một công ty điện, mai danh ẩn tích ở Thượng Hải. Sau giải phóng, đơn vị 701 bằng mọi cách tìm được ông, mời ông về làm công việc giải mã, đã từng giải được nhiều bộ mật mã trung cao của nước X, trở thành nhân vật có công nhất nhì của đơn vị 701. Nhưng hai năm trước, ông không may bị thần kinh phân liệt, chỉ trong một đêm người anh hùng được nhiều người ngưỡng mộ bỗng trở thành người điên, gặp ai cũng chửi, cũng gây sự, có lúc còn đánh người. Nghe nói, chứng thần kinh phân liệt cấp, nhất là chứng điên điên dại dại sau khi phân liệt, thường gọi là vô điên, tỉ lệ chữa khỏi rất cao. Nhưng vì con người ông có nhiều bí mật, không ai dám quyết định cho ông đi chữa bệnh, chỉ để bệnh viện của đơn vị 701 chữa trị, chữa trị cho ông là một bác sĩ khoa nội bình thường, mời một bác sĩ chuyên khoa ở ngoài vào hướng dẫn cho vài phác đồ điều trị, kết quả không tốt lắm. Tuy người ổn định nhưng chỉ ổn định vậy thôi, ngày nào cũng nghĩ đến đánh cờ, không còn nghĩ gì khác, chẳng làm được gì, như vẫn thường nói, điên vô thành điên văn.

Thật ra, trước khi bị điên, ông ta không biết đánh cờ, nhưng từ sau ngày ở bệnh viện ra, ông chơi cờ tướng hơn hẳn mọi người. Ấy là ông học của bác sĩ điều trị. Các chuyên gia nói, một người đang đói không thể một lúc ăn thật no, một người bệnh phân liệt lúc mới hồi phục nhất thiết không được làm việc trí óc, dễ lao động trí óc rất dễ bị khuôn vào đấy mà không thể rút ra nổi. Nhưng vì là bác sĩ khoa nội thông thường điều trị nên không hiểu chuyện đó, hơn nữa bác sĩ là một tay mê cờ, thường xuyên chơi cờ với bệnh nhân.

Một hôm, người bác sĩ này thấy ông hiểu được các thế cờ, cho rằng ông ta bắt đầu bình phục, vậy là thường xuyên đánh cờ với ông ta, cũng là để củng cố kết quả điều trị, cuối cùng dẫn đến tình trạng này, biến một đại sư trong nghề giải mã có thể lành bệnh, thành một người điên cờ.

Ở một ý nghĩa nào đó, đó là sự cố điều trị, nhưng còn cách nào khác? Người ta chỉ làm nghề chặn vịt, không ngã là may rồi, nếu ngã có thể trách được không? Không thể. Nếu trách chỉ nên trách công việc của người điên cờ, trách trên người ông ta có quá nhiều bí mật. Cũng chỉ vì bí mật, cuộc đời tàn phế tinh thần của ông chỉ có thể giấu kín trong cái thung lũng bí mật này. Có người nói, chỉ có thể thấy trí tuệ ngày qua của ông ở trên bàn cờ, còn bình thường trí năng của ông không hơn một con chó thông minh. Có ai gọi, ông ta chạy, có ai cười với ông, ông ta sẽ cúi đầu cụp tai. Vì không có chuyện gì không biết, suốt ngày ông ta quần quanh trong khu đơn vị 701, giống như một linh hồn quái dị đáng thương. Nay thì linh hồn ấy đang quần lấy Kim Trân.

Kim Trân không như người khác, không có cách thoát khỏi ông ta.

Kì thật, muốn thoát khỏi ông ta cũng rất dễ, chỉ cần vênh mặt, nói ngọt với ông ta vài câu là được. Nhưng Kim Trân không, anh không lẩn tránh, không dỗ ngọt, nhìn lạnh lùng cũng không. Kim Trân đối với ông ta như với những người khác, không lạnh nhạt, không nồng nhiệt, không tự ti cũng không kiêu căng, coi như không, vậy là điên cờ cứ quần lấy Kim Trân, quần lấy đòi đánh cờ.

Đánh cờ!

Đánh cờ!

Không ai biết rằng Kim Trân đánh cờ với người điên cờ xuất phát từ chỗ đồng tình hay là mê thuật cờ của ông ta. Nhưng dẫu sao, một nhân viên giải mã không có thời gian đánh cờ, với một ý nghĩa nào đó, điên cờ vì quá say mê với nghề giải mã mà bị điên, giống như khí cầu căng quá sẽ bị nổ. Như vậy, đối với một nhân viên giải mã, Kim Trân lãng phí trong những cuộc cờ, tạo cho người khác cảm giác hoặc anh không muốn làm công việc này, hoặc cũng là một người điên, cho rằng chơi cho nổi tiếng.

Nói đến chuyện không muốn làm, mọi người lập tức chứng minh được anh không muốn làm, đó là lá thư của giáo sư Hinsh.

19. Chương 3-6

Bảy năm trước, ông Hinsh vội vã đem gia đình, thân thuộc sang định cư ở nước X, không ngờ có ngày ông đưa hài cốt và linh hồn người thân trở về quê cũ, sự thật đó là việc cần thiết, không được phép mặc cả. Nhạc mẫu vốn khỏe mạnh, nhưng bất phục thủy thổ và nhớ quê hương, làm tăng nhanh sự thay đổi kết cấu cơ thể và cơ chế sức khỏe, cảm nhận sẽ chết ở nơi đất khách quê người, hơn bất cứ bà già Trung Quốc nào, bà đòi về quê để chết.

Quê ở đâu?

Trung Quốc.

Lúc bấy giờ, nửa số nòng súng của nước X đang chĩa về hướng này.

Khỏi phải nói, để thỏa mãn yêu cầu của bà nhạc là không dễ, không dễ là lí do để Hinsh từ chối. Nhưng cái lão già thổ hào tôn nghiêm thay đổi như đồ vô lại kẻ con dao sáng loáng vào cổ dọa chết. Lão ta biết mình rơi vào vòng quái dị ác nghiệt, chỉ còn con đường thuận theo vòng quái dị ấy. Không được phép nghi ngờ, cái lão thổ hào có thể quyết liệt thà chết không chịu khuất phục, là bởi yêu cầu hôm nay của bà vợ cũng là yêu cầu mai sau của lão ta. Tức là, lão dùng con dao sáng loáng kề cổ để nói với chàng rể, nếu cuộc sống của ngày hôm nay là cái giá phải trả cho cái chết mai sau nơi quê người, vậy lão thà chết bây giờ để cùng về quê với vợ.

Nói thật, Hinsh không thể hiểu nổi nội tâm bí hiểm và ý niệm kì quái của người địa chủ Trung Quốc, nhưng không hiểu liệu có tác dụng gì? Trước sự sợ hãi lưỡi dao sáng loáng trong chớp mắt có thể đâm máu, hiểu hay không hiểu có gì khác nhau? Chỉ có làm, không hiểu cũng phải làm, làm rất khắc nghiệt, phải tự làm. Vì ảnh hưởng của sự tuyên truyền của phía X, những người khác kể cả vợ ông cũng sợ có đi không có về. Vậy là, mùa xuân năm ấy, ông Hinsh đưa nhạc mẫu thôi thóp chút hơi tàn ngồi máy bay, tàu hoả, ô tô trở về quê cũ.

Nghe nói, bà nhạc phải khiêng lên cái ô tô thuê để đưa về quê, vì được nghe giọng nói quen thuộc của quê hương, bỗng bà phấn khởi tròn xoe cặp mắt, sau đấy vĩnh viễn yên tĩnh nhắm mắt. Thế nào gọi là ngàn cân treo sợi tóc? Như thế là ngàn cân treo sợi tóc, mà giọng nói quen thuộc của người lái xe là lưỡi dao cắt đứt sợi tóc, dao vừa buông xuống, cuộc đời treo trên sợi tóc cũng theo gió bay đi.

Thành phố C là nơi ông Hinsh phải qua, nhưng điều ấy không có nghĩa ông có cơ hội thăm lại Đại học N. Chuyến đi của ông đã được quy định nghiêm ngặt, không biết phía Trung Quốc hay phía X quy định, ông đi đến đâu cũng có hai người bám theo như hình với bóng, một người của phía Trung Quốc, một người của phía nước X, hai phía như sợi dây thừng, một trước một sau dắt ông đi, khống chế đường đi và tốc độ như khống chế một cỗ máy, hoặc giống như vật báu mật mã - thật ra chỉ có những nhà toán học tài giỏi, hoặc trên hộ chiếu ghi như vậy. Thầy Dung cho rằng, thời thế đã tạo nên như thế.

(Ghi theo lời kể của thầy Dung)

Năm ấy, quan hệ giữa nước ta và nước X là như vậy, không tin nhau, chỉ có đối địch, cả hai bên cảnh giác đề phòng đến từng gốc cây ngọn cỏ. Thoạt đầu tôi không nghĩ ông Hinsh trở lại, thứ nữa càng không nghĩ ông không thể đến thăm Đại học N của thành phố C, tôi chỉ có thể đến khách sạn thăm ông ta, vẫn là cách thăm ấy, hoàn toàn như thăm phạm nhân trong tù. Chúng tôi ngồi nói chuyện, kè kè hai người hai bên, họ nghe, họ ghi chép, một câu nói phải bốn người cùng nghe rõ, nghe hiểu. Cũng may, cả bốn người đều nghe hiểu cả tiếng Trung Quốc và tiếng X, nếu không chúng tôi không dám nói gì, vì chúng tôi có thể là gián điệp, là đặc vụ, những điều nói với nhau có thể là tin tức tình báo. Đó là những năm tháng đặc biệt, chỉ cần người Trung Quốc và người nước X đi với nhau, người có thể không còn là người, mà là ma quỷ, là kẻ thù, dù đó là cỏ cây, trong bụng chứa đầy mưu ma chước quỷ, phun nọc độc, làm cho đối phương chết ngay tại chỗ.

Thật ra, ông Hinsh muốn gặp không phải là tôi, mà là Trần. Anh biết đấy, lúc ấy Trần đã rời đại học N, không ai biết Trần ở đâu, huống chi ông Hinsh, ngay cả tôi cũng không được gặp. Vậy là Hinsh quyết định gặp tôi. Mục đích gặp tôi cũng là để hỏi thăm Trần. Được sự đồng ý của những người giám sát, tôi thông báo tình hình Trần cho ông ta. Thật ra cũng rất đơn giản, chỉ là những gì đã rõ ràng: Trần không còn nghiên cứu bộ não con người, đi làm việc khác. Điều khiến tôi bất ngờ là, nghe tôi nói, ông ta như bị giáng một đòn, ngơ ngác lặng im nhìn tôi, rất lâu sau đấy mới nói được một từ: vớ vẩn! Bực tức làm ông ta đỏ mặt tía tai, không thể ngồi yên, ông ta đứng dậy đi đi lại lại trong căn phòng, thuật lại những thành quả mà Trần đã nghiên cứu về bộ não người và những đột phá to lớn có thể đạt được trong tương lai.

Ông ta nói: Tôi đã đọc mấy bài viết chung của cậu ấy, tôi dám nói, trong lĩnh vực này, nhóm của cậu ấy đã đạt được trình độ quốc tế, vậy mà bỏ dở, quả là đáng tiếc.

Tôi nói: Có những việc không tùy thuộc ý chí con người.

Ông ta nói: Hay là Kim Trần bị một bộ phận có quyền lực của Nhà nước trưng tập?

Tôi nói: Cũng gần như thế.

Ông ta hỏi: Làm việc gì?

Tôi nói: Không biết.

Ông ta hỏi đi hỏi lại, tôi vẫn trả lời không biết. Sau đấy ông ta nói: nếu tôi không nhầm, Kim Trần làm một công việc bí mật? Tôi vẫn trả lời không biết.

Đúng như vậy, tôi không biết.

Thật ra, cho đến nay tôi cũng không biết Trần làm việc ở cơ quan nào, đơn vị nào, ở đâu, làm việc gì, có thể anh biết, nhưng tôi không hi vọng anh nói với tôi. Tôi tin rằng, đấy là bí mật của Trần, nhưng trước

tiên đây là bí mật quốc gia. Bất cứ nhà nước nào, quân đội nào cũng có bí mật, cơ quan bí mật, vũ khí bí mật, nhân vật bí mật... Ấy là tôi nói, không thể kể hết những bí mật, khó mà tưởng tượng một quốc gia không có bí mật, quốc gia ấy sẽ tồn tại như thế nào. Có thể không tồn tại, giống như núi băng, nếu không có phần chìm dưới nước, liệu nó có thể đứng nổi không?

Có lúc tôi nghĩ, có những bí mật đối với mình trong nhiều năm, thậm chí cả đời, điều ấy quả là không công bằng. Nếu không phải như thế, nhà nước của anh có thể không tồn tại, ít ra là không tồn tại nguy hiểm không công bằng chừng như cũng chỉ để không công bằng. Mấy năm nay tôi vẫn nghĩ như thế, hoặc chỉ có thể nghĩ như thế tôi mới hiểu được Trần, nếu không, Trần sẽ là một giấc mơ, giấc mơ giữa ban ngày, giấc mơ mờ mắt, giấc mơ trong giấc mơ, sợ rằng ngay cả Trần nhiều năm giải mộng cũng khó hiểu nổi giấc mơ kì lạ và dài lâu.

Cho dù ông Hinsh dặn đi dặn lại thầy Dung, muốn bà chuyển lời đến Kim Trân, nếu có thể Kim Trân từ chối mọi sự mê hoặc, trở về tiếp tục nghiên cứu bộ não con người. Nhưng khi chia tay, ông Hinsh nhìn theo bóng thầy Dung, bỗng quyết định viết cho Kim Trân một bức thư. Lúc này ông mới nhớ ra mình vẫn chưa có được cách liên lạc với Kim Trân, vậy là ông gọi thầy Dung lại, hỏi địa chỉ gửi thư cho Kim Trân. Thầy Dung đã cho ông địa chỉ. Ngay tối hôm ấy, ông Hinsh viết cho Kim Trân một lá thư, được cả hai phía giám sát kiểm duyệt, lá thư được gửi đi.

Thư đến đơn vị 701, nhưng Kim Trân được nhận hay không lại quyết định bởi trong thư viết những gì. Là một đơn vị đặc biệt, cấp trên kiểm tra thư, chẳng qua là thể hiện một chứng cứ cụ thể. Khi những người kiểm duyệt mở phong thư của ông Hinsh, họ nhìn trân trân, vì thư viết bằng tiếng Anh. Điều ấy khiến họ cảnh giác hơn, ngay lập tức họ báo cáo với lãnh đạo, lãnh đạo cho người dịch sang tiếng Trung Quốc.

Thư viết kín một trang giấy, nhưng sau khi dịch sang tiếng Trung Quốc chỉ có vài câu. Thư viết thế này.

Em Kim Trân thân mến,

Chào em.

Tôi về vì có chuyện của nhạc mẫu, nhân tiện ghé qua thành phố C, biết em không còn ở Đại học N nữa, mà chuyển đi làm một việc khác. Tôi không biết em làm việc gì, nhưng những bí mật em để lại (gồm cả địa chỉ gửi thư), tôi có thể nghĩ em đang làm một công việc bí mật quan trọng của một cơ quan cơ yếu, giống như tôi hai mươi năm trước. Hai mươi năm trước, xuất phát từ sự đồng cảm và tình yêu dân tộc, đã sai lầm nhận một công việc hệ trọng của một quốc gia (người Do Thái - có thể là Israel), kết quả nửa cuộc đời sau của tôi trở nên đáng tiếc và đáng sợ. Theo kinh nghiệm và sự hiểu biết của tôi về em, tôi rất lo cho hoàn cảnh hiện tại của em, nội tâm của em hết sức nhạy cảm và yếu đuối, rất không thích hợp với áp lực và trói buộc. Sự thật thì, em đã có những thành công trong việc nghiên cứu bộ não người, nếu tiếp tục, có thể có được vinh dự và lợi ích, không cần phải đi theo một con đường khác. Cho nên, nếu có thể, em hãy nghe theo lời khuyên của tôi, trở về với công việc cũ.

Hinsh

Khách sạn Hữu Nghị, thành phố C, ngày 13/3/1957

Rõ ràng, bức thư lộ rõ ý đồ, rất phù hợp với những gì đã thể hiện với thầy Dung. Lúc này, mọi người (ít nhất là những vị lãnh đạo có liên quan) chừng như không lấy gì làm khó hiểu về những biểu hiện kém nhiệt tình của Kim Trân, vì bên cạnh cậu còn con người như vậy - một giáo sư nước ngoài - ông L. Hinsh - khổ tâm khuyên cậu trở về với công việc cũ.

20. Chương 3-7

Thật ra, nội dung thư không lạnh nhạt, Kim Trân không được nhận. Điều không nên hỏi không hỏi, không nên nói không nói, không nên biết không biết, đây là kỉ luật căn bản nhất của đơn vị 701. Cho nên, không được nhận những thư loại đó ở đơn vị 701 không phải là vi phạm pháp luật, mà là kỉ luật. Đứng về tổ chức

mà nói, họ mong những thư như vậy càng ít càng tốt, tránh phải dùng đến kỉ luật, giữa tổ chức và cá nhân có thêm những bí mật.

Nhưng với Kim Trân, bí mật là không thể loại bỏ. Một tháng sau, tổ giám sát thẩm tra thư tín lại nhận được của anh một bức thư từ nước X gửi đến. Quá là nhạy cảm! Mở ra xem, thư viết bằng tiếng Anh, nhìn chữ kí ở dưới, vẫn là L. Hinsh. Thư này tương đối dài, nói một cách khác, trong thư ông Hinsh tỏ ra bức xúc khuyên Kim Trân về với công việc cũ. Ông nói, ông vừa đọc trên một tạp chí khoa học nói về việc nghiên cứu não bộ con người đã có những tiến bộ mới, sau đây thư trở về với chủ đề chính. Thư viết thế này.

Một giấc mơ đã thôi thúc tôi viết thư cho em. Nói thẳng ra, mấy hôm nay tôi vẫn nghĩ, hiện tại em đang làm việc gì, điều gì đã cuốn hút hoặc gây áp lực với em để em chọn một công việc khủng khiếp đến thế? Đêm hôm qua, trong giấc mơ, tôi nghe thấy em nói, hiện tại em đang làm công tác giải mã cho tình báo của nước em. Tôi không biết tại sao lại nằm mơ như thế, mà cũng không có cách nào để giải mộng như em vẫn từng làm, có thể chỉ là giấc mơ, không ám chỉ điều gì. Mong chỉ là một giấc mơ. Nhưng tôi nghĩ, bản thân giấc mơ chứng tỏ tôi lo lắng và hi vọng ở em, tức là, tài năng của em có thể có người lôi đi làm cái công việc ấy, còn em thì quyết không thể làm. Tại sao tôi nói vậy? Tôi thấy có hai lí do:

Thứ nhất, do bản chất của mật mã quyết định.

Cho dù ngày nay trong giới mật mã có nhiều nhà khoa học, vì vậy có người coi nó là một môn khoa học, đã thu hút không ít nhà khoa học tài giỏi hiền kế, hiền sách, thậm chí hiến cả bản thân. Nhưng điều ấy không thể thay đổi bản chất của mật mã. Theo kinh nghiệm và nhận thức của tôi, bất luận lập mật mã hay phá khoá mật mã, bản chất mật mã là phản khoa học, phản văn minh, là âm mưu và cạm bẫy giết hại khoa học và nhà khoa học. Ở đây cần trí tuệ, nhưng là trí tuệ ma quỷ, làm cho nhân loại càng thêm gian trá, ác độc, trong đó đầy những thách thức, nhưng là thách thức vô vị, không có ích cho tiến bộ của loài người.

Thứ hai, do tính cách của em quyết định.

Tôi muốn nói, tính cách của em rất nhạy cảm và yếu đuối, nhạy cảm và cố chấp, điển hình tính cách của nhà khoa học, không thích hợp làm công việc bí mật. Vì bí mật phải chịu áp lực lớn, phải vứt bỏ bản thân, liệu em có thích hợp không? Tôi dám nói không thích hợp, vì em yếu đuối và cố chấp, kém năng động, không cẩn thận sẽ bỏ dở một cách khó hiểu. Em nên hiểu, con người trong tình huống nào thích nghi với tư duy? Chắc chắn là trong tình huống thanh thản tự tại, như có như không, cố ý lại như không cố tình. Nhưng nếu em làm công việc giải mã, coi như bị trói buộc, bị lợi ích và bí mật của quốc gia trói buộc, áp bức. Vấn đề then chốt của đất nước của em ở đâu? Tôi vẫn thường tự hỏi, đâu là đất nước tôi? Ba Lan hay Israel? Hay Anh quốc, Thụy Điển? Hay Trung Quốc, nước X?

Bây giờ thì tôi đã hiểu, cái gọi là đất nước là người thân, bạn bè bên cạnh, là lời nói, cây cầu, dòng nước, cánh rừng, là con đường, ngọn gió, là tiếng ve, đom đóm, vãn vãn, không phải là đất đai cương thổ, càng không phải là ý chí hoặc tín ngưỡng của một đảng phái chính trị, một tôn giáo. Nói thẳng ra, tôi vô cùng kính trọng đất nước mà em đang ở, tôi đã từng ở đây hơn mười năm đẹp nhất của cuộc đời, tôi biết nói tiếng Trung Quốc, ở đây trên mặt đất và cả dưới đất sâu đều có người thân của tôi - những người thân đã sống và đã chết, ở đây còn có những nỗi nhớ và kỉ ức khôn cùng của tôi. Với ý nghĩa ấy, đất nước của em - Trung Quốc - cũng là đất nước của tôi, nhưng điều ấy không có nghĩa tôi phải tự lừa dối, theo đó lừa dối cả em. Nếu tôi không nói những điều này với em, không chỉ ra những khó khăn hiện tại của em và những nguy hiểm phải đối mặt, như thể tôi đã lừa dối em...

Thư của ông Hinsh có những điều nói ra nhưng không thể lấy lại nổi, không đầy một tháng sau, lại nhận được lá thư thứ ba. Lá thư này mở đầu ông tỏ ra bức tức với Kim Trân, chủ yếu trách cậu không trả lời. Nhưng tại sao Kim Trân không trả lời, chừng như ông ta cũng đã hiểu theo ý mình.

Em không trả lời thư, chứng tỏ em đang làm công việc ấy - công việc giải mã.

Đó là những người hiểu im lặng = không phản đối = xác nhận.

Tiếp theo, ông ta cố kiểm chế tình cảm, có những lời lẽ nặng tình cảm.

Không hiểu tại sao, hề nghĩ đến em, tôi cảm thấy lòng mình bị một bàn tay đầm máu vò nát, bóp nghẹt, toàn thân suy nhược bất lực. Cuộc đời mỗi con người đều có số, có thể em là số trong cuộc đời tôi. Kim Trân, Kim Trân thân mến, giữa tôi với em đã có chuyện gì, tại sao tôi không yên tâm nổi? Kim Trân, Kim

Trân thân mến, hãy nói với tôi, em không làm công việc giải mã, giống như nỗi lo trong giấc mơ của tôi. Nhưng tài trí của em, chương trình nghiên cứu khoa học của em, và cả sự im lặng lâu ngày của em, khiến tôi càng tin rằng có thể em là giấc mơ bất hạnh của tôi. Ôi, mật mã, cái đồ mật mã chết tiệt! Khứu giác của em rất thính nhạy, ôm con người em vào lòng, thật ra là giam vào ngục, ném xuống giếng! Ôi, Kim Trân, Kim Trân thân yêu nếu đúng như vậy, em hãy nghe lời tôi, nhất định phải chọn con đường trở về, nếu còn một chút đất trống để trở về, em không nên do dự, lập tức quay về. Nếu không có cách quay về, vậy Kim Trân ơi, Kim Trân thân yêu của tôi, dù sao cũng phải nghe lời tôi, trong những bộ mã em thử phá, em có thể chọn lấy một bộ, nhưng đừng chọn tử mật của nước X.

Tử mật là mật mã cao cấp nhất mà đơn vị 701 đang phải đối mặt, có người nói tử mật là thủ đoạn dùng tiền cộng với xã hội đen của một đoàn thể tôn giáo, thu hút cộng với uy hiếp một nhà khoa học làm ra, nhưng sau khi nghiên cứu thành công, bởi nó có liên quan đến nhiều cơ quan, rất khó, trong bí mật có bí mật, chông chéo phức tạp, sâu không thấy đáy, thậm chí chủ nhân của nó cũng không thể sử dụng nổi, cuối cùng bán cho nước X, trở thành mật mã quân sự của nước X, và cũng là bộ mật mã mà đơn vị 701 đang khát khao giải mã. Mấy năm nay, những người tài giỏi của phòng giải mã đơn vị 701 cứ phải khổ sở mò mẫm, phấn đấu, đánh vật, mơ ước giải được nó, kết quả làm mọi người phải sợ hãi, không dám đụng vào nó. Sự thật thì, người điên cờ điên vì tham gia giải bộ mật mã ấy. Nói một cách khác, ông ta đã bị nhà khoa học nghiên cứu làm nên bộ mật mã ấy đẩy đến chỗ điên. Những người không bị đẩy đến chỗ điên nhưng tinh thần cũng không vì thế mà khoẻ mạnh, vì nhất gan, thông minh, nên không dám đụng đến bộ tử mật. Người thông minh biết kết quả sau khi đụng đến nó, cho nên không đụng đến, một lần nữa chứng tỏ họ thông minh. Đó là cạm bẫy, là hố đen, người thông minh sẽ tránh xa nó, người dũng cảm sẽ bị điên, người điên khiến mọi người kính nể nó, lẩn tránh nó, đó là hiện trạng phá khoá mật mã tử mật ở đơn vị 701, ai cũng sốt ruột, nhưng ai cũng trốn tránh.

Bây giờ ông Hinsh khuyên Kim Trân tránh xa nó, điều ấy chứng tỏ tử mật rất khó giải, đụng vào nó sẽ không có kết quả tốt đẹp, mặt khác như ám chỉ ông đã hiểu bộ mật mã ấy rồi. Qua mấy bức thư, có thể thấy tình cảm của ông đối với Kim Trân là không bình thường, nếu lợi dụng được tình cảm ấy, rất có thể moi ở ông ta những linh cảm để giải mã tử mật. Vậy là, một bức thư kí tên Kim Trân được gửi đi.

Thư đánh máy, chỉ có lạc khoản và thời gian được viết tay, là bút tích Kim Trân, nhưng không phải Kim Trân tự viết. Nói một câu khó nghe, Kim Trân bị tổ chức lợi dụng. Bởi vì, mục đích gửi thư cho ông Hinsh là phá khoá tử mật. Việc này đối với người suốt ngày đọc sách và đánh cờ với người điên cờ, rõ ràng không dính dáng gì, cho nên khỏi cần cho biết. Với lại, để Kim Trân viết, chưa chắc đã đem lại hiệu quả. Lá thư có những năm chuyên gia khởi thảo, ba vị lãnh đạo định đoạt, giả thiết hàng loạt câu chữ của Kim Trân, hết sức tha thiết và khéo léo rất mong ông Hinsh vô cùng kính trọng bảo cho cậu ta: tại sao tôi không thể phá được mật mã tử mật?

Có thể do tác dụng của một loạt câu phức hợp khẩn thiết và khéo léo, ông Hinsh rất nhanh chóng trả lời, lời lẽ vừa không thể khác vừa chân thành. Đầu tiên ông than thở vì hiện trạng bất hạnh của Kim Trân. Trong đó trách Kim Trân không biết gì, vừa khiển trách số phận vô tình, không công bằng. Tiếp theo, ông viết:

Tôi cảm thấy bị xúc động mạnh, muốn nói những bí mật với em, nhưng không biết đây là sức mạnh nào. Có thể, để tôi viết xong lá thư này, gửi đi, tôi sẽ vô cùng hối hận. Tôi đã từng thề, suốt đời không để ai biết bí mật của mình, nhưng vì tốt với em, chừng như tôi không thể không nói...

Bí mật gì?

Trong thư, ông Hinsh nói với chúng tôi, thì ra mùa đông năm ấy ông đưa hai hòm sách về Đại học N, chuẩn bị để nghiên cứu não bộ con người, nhưng mùa xuân năm tiếp theo có một người đến từ nước Israel đến tìm ông, người ấy nói, có một đất nước là mơ ước của người Do Thái, nhưng lúc này một đất nước như thế còn rất khó khăn, liệu ông có thể ngồi nhìn đồng bào của mình chìm trong buồn đau? Ông Hinsh nói, tất nhiên không thể. Người đến tìm nói: vậy tôi mong ông làm chút gì đó cho đồng bào của mình.

Làm gì?

Trong thư ông Hinsh nói, ông đã giúp đồng bào mình giải mấy bộ mật mã của nước bên cạnh, hơn nữa, ông làm trong mấy năm liền. Có thể, đây là lời nhắc lại cho ông Lily khi ông Hinsh đưa cả gia đình sang nước X: Xuất phát từ nguyện vọng thiết tha của dân tộc, về sau tôi đã làm cho đồng bào của tôi một việc khẩn

cấp và vô cùng bí mật, nỗi khổ và nguyện vọng của họ làm tôi xúc động, cho tôi được từ bỏ lí tưởng. Ông Hinsh viết tiếp: Tôi gặp may, được tin dùng, tôi liền tiếp giải được mấy bộ mật mã của nước bên cạnh, lập tức tôi được giới giải mã tôn vinh như hồi đầu được giới toán học tôn vinh.

Tiếp theo, có những sự việc có thể tưởng tượng, ví dụ về sau nước X tại sao huy động người giúp đỡ ông ta, đưa cả gia đình ông như đón nhận một báu vật, ấy là họ muốn dùng kĩ thuật phá mã của ông. Nhưng từ sau ngày đến nước X, có một sự việc mà ông Hinsh không nghĩ đến. Ông ta viết như thế này.

Tôi không hề nghĩ đến, họ gọi tôi đến không phải để phá mã của nước láng giềng, là gọi tôi đến để giải mật mã của chính nước họ, tức là bộ tử mật. Khỏi phải nói, nếu một ngày nào đấy tôi giải được hoặc sẽ giải được, bộ mật mã ấy sẽ bị phế bỏ. Tức là, công việc của tôi là báo hỉ hoặc báo tin buồn cho mật mã tử mật. Tôi trở thành cột đo hướng gió để nước X cảm nhận nước thù địch giải được mật mã tử mật. Có thể, tôi nên cảm thấy vinh dự, vì mọi người tin tôi không thể giải nổi mật mã tử mật sẽ không ai giải nổi. Không biết tại sao, có thể tôi không thích vai trò hiện nay của tôi, có thể mật mã tử mật không thể phá nổi khiến tôi phản cảm, tóm lại tôi rất muốn giải được mật mã tử mật. Nhưng cho đến nay, tôi vẫn chưa đụng đến công việc ấy, đây là lí do để tôi nói với em đừng mong giải được.

Mọi người chú ý, bưu cục thư đi và bút tích của mấy thư trước không giống nhau, chứng tỏ ông Hinsh biết sự nguy hiểm khi nói ra những điều ấy. Gửi những thư ấy ông như kẻ bán nước, một lần nữa chứng tỏ ông có cảm tình sâu sắc với Kim Trân. Xem ra, có thể lợi dụng tình cảm ấy. Vậy là, lại một thư nữa viết với danh nghĩa Kim Trân gửi cho ông Hinsh. Trong thư này, “Kim Trân” muốn lợi dụng tình thầy trò để nói rõ tất cả:

Bây giờ em không còn tự chủ, nếu em muốn được mình tự chủ, cách duy nhất là phá được bộ mật mã tử mật... Em tin thầy đã làm quen với tử mật nhiều năm nay, nhất định chỉ ra được cho em lối thoát sai lầm... Không có kinh nghiệm, có sự chỉ bảo, sự chỉ bảo cũng là tài sản... Thầy Hinsh kính mến, thầy đánh em đi, mắng em đi, phải nhỏ em đi, em đã thành Giu-đa mất rồi...

Một bức thư như vậy không thể gửi thẳng cho ông Hinsh, cuối cùng quyết định sẽ do một người của phía chúng ta đang ở nước X chuyển thư. Tuy có thể tin rằng, thư sẽ an toàn đến tay ông Hinsh, nhưng ông ta có trả lời hay không, người của đơn vị 701 chưa đủ tin. Cuối cùng, Kim Trân hiện tại - Kim Trân ngụy - không khác gì Giu-đa, với một học trò như vậy trong tình huống bình thường thầy giáo sẽ không thêm để tâm. Nói một cách khác, Kim Trân ngụy hiện tại kẹt giữa đáng thương và đáng ghét, để ông Hinsh xóa bỏ cái đáng ghét, giữ lại cái đáng thương, điều này có thể khó hơn cả phá được bí mật của tử mật. Cũng là nói, thư này chỉ là sự cầu may và tâm lí cầu may. Ở một góc độ nhất định, đơn vị 701 lúc ấy đã bó tay trong việc giải mã, đến mức bị trọng thương phải đi bệnh viện.

Như một kỳ tích, ông Hinsh trả lời thư.

Nửa năm tiếp theo, ông Hinsh không sợ hiểm nguy, tiếp xúc với người của phía chúng tôi, cung cấp cho Kim Trân thân yêu nhiều tài liệu tuyệt mật và tư tưởng để ra phá mật mã tử mật. Bởi vậy, Tổng bộ tổ chức một nhóm tạm thời nghiên cứu cách giải mã tử mật, thành viên đều do Tổng bộ chỉ định, cả nhóm phải nắm lấy cơ hội, phá vỡ bí mật của tử mật. Có điều không ai ngờ, lẽ ra họ phải cho Kim Trân cơ hội này. Sự thật thì, trong khoảng thời gian gần một năm, ông Hinsh không quản ngại vất vả đã gửi cho Kim Trân một loạt thư, Kim Trân không những không được nhận mà cũng không hề hay biết. Kim Trân không hề biết nội dung những thư đó, nếu có ý nghĩ gì đó cũng chỉ là thêm những giá trị để Kim Trân gọi rần ra khỏi hang. Cho nên về sau lãnh đạo thấy Kim Trân càng ngày càng không muốn tiến thủ, thậm chí có thể dùng từ lâu lâu để đánh giá Kim Trân, tổ chức rất yên tâm bỏ qua cho cậu ta, nhìn cậu ta bằng ánh mắt khác. Bởi vì, cậu là người móc nối để phá bí mật của tử mật.

Cho nên, việc ngày càng không muốn tiến thủ của Kim Trân ấy chỉ là chuyện cậu đọc sách, đánh cờ, về sau thêm vào việc giải mộng cho người khác. Cùng với thuật giải mộng ngẫu nhiên đúng, tất nhiên có thêm nhiều người tỏ ra hiếu kì, họ kín đáo tìm cậu ta, nói với cậu ta về những ý nghĩ ban đêm, đề nghị cậu giải thích. Giống như đánh cờ, Kim Trân không thích gì công việc này, nhưng do tình cảm, cũng có thể không thể từ chối nổi, cậu cứ phải đáp ứng yêu cầu của mọi người, giải thích có đầu có cuối những suy nghĩ không rõ ràng.

Mỗi tuần lễ có bốn buổi chiều toàn thể nhân viên nghiệp vụ phải tham gia sinh hoạt chính trị, nội dung

không giống nhau, có lúc truyền đạt chỉ thị cấp trên, có lúc nghe báo cáo, có lúc tự do thảo luận. Gặp những hôm tự do thảo luận, Kim Trân thường bị người khác đưa ra ngoài, lặng lẽ hoạt động giải mộng. Một hôm Kim Trân đang giải mộng cho ai đó, bị ông Phó Cục trưởng phụ trách công tác xây dựng Đảng tóm tại trận. Ông này là con người thiên tả, thích làm to chuyện, làm rắc rối, ông ta cho rằng Kim Trân làm cái trò mê tín dị đoan, phê bình khá gay gắt, đồng thời bắt Kim Trân viết bản tự kiểm điểm.

Ông Phó Cục trưởng này uy tín đối với cấp dưới rất thấp, nhất là những người làm nghiệp vụ càng xem thường ông, họ xúi Kim Trân mặc kệ ông ta, hoặc chỉ viết qua loa vài câu. Kim Trân cũng định viết qua loa cho xong chuyện, nhưng cái qua loa để cậu ta giải thích khác với cái qua loa bình thường. Bản kiểm điểm nộp lên trên, chỉ gọn một câu: mọi bí mật ở đời đều nằm trong giấc mơ, gồm cả mật mã.

Như thế đâu phải là qua loa? Rõ ràng là biện giải, hình như cậu giải mộng cho người khác và công việc giải mật mã có liên quan với nhau, thậm chí còn có ý kiêu căng tự phụ. Ông Phó Cục trưởng tuy không biết gì về nghiệp vụ mật mã, nhưng với mộng, cái trò duy tâm, ông ta tỏ ra ghét cay ghét đắng. Ông nhìn bản kiểm điểm, cảm tưởng những dòng chữ trên đó đang nhả nhở chế giễu ông, đang cười cợt với ông, đang nói xấu ông, ông nhảy dựng lên, nắm lấy bản kiểm điểm, thở hồng hộc xông ra khỏi văn phòng, ngồi lên chiếc mô-tô, phóng thẳng vào hang, đá tung cánh cửa sắt dày cộp của phòng giải mã, trước mặt mọi người, lên giọng lãnh đạo chửi bới, văng ra những câu vô cùng mạnh mẽ và khó nghe. Ông ta chỉ vào Kim Trân, nói:

“Anh đưa một câu cho tôi, tôi cũng trả lại anh một câu: mọi con ếch ghẻ ngồi đáy giếng đều muốn ăn thịt thiên nga trên trời.”

Ông Phó Cục trưởng không ngờ, câu nói của ông ta phải trả giá thê thảm, thậm chí xấu hổ không còn cách nào để ở lại đơn vị 701. Thật ra, ông Phó Cục trưởng nói hơi quá đáng, nhưng bản chất của việc giải mã câu nói ấy không phải không thể, câu nói rất có thể nói, không sai. Bởi vì, như trên đã nói, sự nghiệp cô đơn, âm thầm này ngoại trừ tri thức, kinh nghiệm và thiên tài ra, tưởng chừng cần thêm vận may từ ngoài hành tinh. Hơn nữa, Kim Trân ngày thường vẫn cho mọi người cảm giác, vừa không có những lời nói thông minh, mà cũng không thấy tài năng và lòng quyết tâm, có thể có may mắn hơn người khác.

Nhưng, Trung Quốc có câu nói của người xưa có thể phản kích lại thành kiến của người khác: nước biển không thể đóng băng đầu, con người không thể nhìn tướng mạo.

Tất nhiên, phản kích mạnh mẽ nhất là việc một năm sau Kim Trân đã phá được mật mã tử mật.

Chỉ cần một năm.

Phá được khoá mã tử mật.

Không ngờ, trong khi nhiều người lẩn tránh bộ khoá tử mật như tránh tà ma, ếch ghẻ ngồi đáy giếng lại dừng cảm trần yếm được nó. Nếu mọi người biết trước cậu ta có thể phá được khoá mã ấy, sẽ không cười cậu ta mới là kì lạ. Có thể mọi người nói, anh điếc không sợ súng. Nhưng sự thật đã chứng minh, cái con ếch to đầu không những có tài mà còn có vận may. Vận may ngoài hành tinh. Một tổ phát vận may.

Vận may của Kim Trân quả là không thể tưởng tượng nổi, càng không thể cầu xin, có người nói cậu ta nằm mơ - hoặc là người khác nằm mơ - đã phá được mã khoá tử mật, cũng có người nói cậu ta đánh cờ với anh điên cờ nên nhận được linh cảm, lại có người nói cậu ta đọc sách và gặp thiên cơ. Tóm lại, cậu ta lặng lẽ, không ồn ào phá khoá mật mã tử mật, điều ấy khiến nhiều người ghen tị và vui mừng. Vui mừng là của mọi người, ghen tị có thể chỉ là mấy vị chuyên gia do Tổng cục cử về, họ điên cuồng mong đợi sự chỉ dẫn của ông Hinsh, cho rằng có thể phá được khoá mật mã tử mật.

Đấy là mùa đông năm 1957, Kim Trân đến đơn vị 701 hơn một năm.

21. Chương 3-8

Hai mươi lăm năm sau, trong phòng khách giản dị, ông Cục trưởng họ Trịnh chống gậy nói với tôi, ngay lúc bấy giờ, có rất nhiều người, kể cả ông Phó Cục trưởng dùng đầu để đóng đếm nước biển Kim Trân, ông là

một trong số rất ít người hi vọng ở Kim Trân, sáng suốt nhận định về Kim Trân. Không biết cái sáng suốt này có sau sự việc hay quả đúng như vậy, nhưng dù sao thì ông ta nói như thế.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Nói thật, tôi suốt đời ngâm mình trong giới phá khoá mật mã, chưa thấy ai như Kim Trân có sự nhạy cảm phi thường đối với mật mã. Hình như cậu ta có mối liên hệ linh thiêng đối với mật mã, giống như con với mẹ, khí huyết tương liên, rất nhiều điều hiểu nhau một cách tự nhiên. Cậu ta tiếp cận mật mã rất giỏi, cậu ta còn cái giỏi khác nữa, ấy là tính kiên cường không sợ vinh nhục hiểm thấy ở người khác, trí tuệ cực kì lạnh lùng, trước những sự việc càng tuyệt vọng cậu ta càng tỏ ra hứng thú, càng tỏ ra tỉnh bơ, phớt lờ. Tính ương bướng và trí tuệ của cậu là ngang nhau, hài hoà, gấp đôi người khác. Xem xét thật kĩ tâm linh rộng lớn và tĩnh lặng của cậu ta, anh sẽ được cổ vũ, nhưng lại cảm thấy nhu nhược, bất lực.

Tôi nhớ rất rõ, cậu ta đến làm công việc phá khoá mã được ít lâu, tôi phải sang nước Y hoạt động nghiệp vụ, một nghiệp vụ có liên quan đến phá khoá tử mật. Lúc ấy, nước Y cũng đang cố gắng phá khoá tử mật của nước X, họ có những bước tiến lớn hơn chúng ta, cho nên Tổng cục cử tôi sang đây để tham khảo. Chúng tôi có ba người, một người ở phòng giải mã, một Phó Tổng cục trưởng, người của Tổng cục phân công phụ trách nghiệp vụ chỗ chúng tôi.

Trở về, tôi nghe lãnh đạo và những người chung quanh bàn tán về cậu ta, bảo cậu ta không chuyên cần, thiếu tinh thần nghiên cứu đi sâu, không nghiêm túc, vân vân. Tôi nghe, tất nhiên rất buồn, vì tôi tuyển chọn cậu ta, chừng như tôi hứng lên đi nhận một thứ phế bỏ về đơn vị. Tối hôm sau, tôi đến chỗ ở để tìm cậu ta. Cửa khép hờ, tôi gõ cửa, không có tiếng trả lời, tôi khẽ đẩy cửa bước vào.

Phòng ngoài không có ai, tôi nhìn vào buồng ngủ, đèn vẫn sáng, dưới ánh đèn tôi kinh ngạc phát hiện, bốn chung quanh tường treo đầy biểu đồ, có tấm giống như hàm số, đầy những đường cong gấp khúc, có tấm như một bản thống kê, những con số đủ màu sắc giống như bong bóng phập phồng dưới nắng, có cảm giác cả căn phòng giống như một căn gác giữa không trung.

Theo những chú thích trên biểu đồ, tôi hiểu đây là bản sao chép “Lịch sử mật mã thế giới”, nếu không có những chú thích ấy tôi làm sao biết được đây là những biểu đồ gì. Lịch sử mật mã thế giới là bộ sách dày ba triệu chữ, cậu ta có thể trình bày một cách đơn giản, hơn nữa lại dùng phương thức dãy số đặc biệt, lần đầu tiên làm tôi ngạc nhiên. Giống như một bộ hình thể người, có thể bóc hết thịt da, chỉ còn bộ xương để vẽ truyền thần con người đã là một thiên tài, nhưng cậu ta ngay cả bộ xương cũng không cần, chỉ cần một đoạn xương bàn tay là đủ. Thử nghĩ, chỉ một đốt xương ngón tay mà vẽ ra hình một người sống động, đây là năng lực gì?

Kim Trân đúng là một thiên tài, trên người cậu ta có nhiều cái mà chúng ta khó hình dung nổi, cậu ta có thể trong mấy tháng thậm chí một năm không nói với ai câu nào, im lặng như chuyện ăn cơm vậy, tất nhiên khi cậu ta nói, chỉ một câu có thể nói hết mọi lời của ai đó. Cậu ta làm gì cũng tưởng như không có quá trình, chỉ có kết quả, mà kết quả lại vô cùng chính xác, không chút sai sót, thật đáng kinh ngạc. Cậu ta có bản năng và khả năng nắm vững bản chất sự vật, phương thức nắm cũng thật quái dị, đặc biệt, khác hẳn mọi người. Liệu có ai nghĩ được rằng, cậu ta có thể đưa cả một bộ “Lịch sử mật mã thế giới” vào phòng ngủ của mình như thế không? Không ai ngờ. Hãy ví dụ, nếu nói mật mã là một quả núi, phá khoá mã là việc tìm kiếm bí mật quả núi ấy, người bình thường sẽ tìm con đường lên núi, có đường mới lên núi, lên núi rồi mới tìm kiếm bí mật. Nhưng cậu ta lại không thế, có thể cậu ta lên một quả núi bên cạnh, lên rồi sẽ dùng đèn chiếu sang ngọn núi kia, sau đấy sẽ dùng ống nhòm để tìm kiếm bí mật. Cậu ta kì quái như vậy, mà cũng thần kì như vậy đấy.

Không nghĩ ngờ gì nữa, khi cậu ta đưa “Lịch sử mật mã thế giới” vào phòng ngủ, vậy là mỗi cử động tay chân, mở mắt hoặc nhắm mắt, cũng đều là một cách hoàn thành việc liên thông với mật mã, lâu ngày, có thể tưởng tượng toàn bộ lịch sử mật mã, từng li từng tí hít thở vào lồng ngực, hoá thành máu chảy trong tim.

Tôi vừa nói đến điều kinh ngạc thứ nhất, đây là điều tôi trông thấy, tôi lập tức lại bị kinh ngạc bởi điều nghe nói.

Tôi hỏi cậu ta tại sao lại dành sức lực vào lịch sử mật mã, là bởi tôi thấy, phá khoá mã không phải là công việc của sử gia, người phá khoá mật mã tiếp cận lịch sử là điều hoang đường và nguy hiểm. Anh có biết cậu

ta nói gì không?

Cậu ta nói, tôi tin mật mã của thế giới giống như cơ thể con người sống, đời mật mã này có liên quan đến đời mật mã sau, các bộ mật mã cùng thời đại kín đáo hô ứng, chúng ta đang phá mã của mật mã này, cái bí mật của nó rất có thể nằm trong bộ mật mã nào đấy của người đi trước.

Tôi nói, nguyên tắc làm ra mật mã là phải từ bỏ lịch sử, để tránh người giải mã có thể phá ngay được.

Cậu ta nói, mọi người mong muốn từ bỏ quá khứ chính là sự liên hệ.

Một câu nói của cậu ta khiến tâm linh tôi bị đảo lộn.

Cậu ta nói tiếp, diễn biến của mật mã giống như diễn biến khuôn mặt con người, xu thế chung là phát triển, điều khác là, sự thay đổi khuôn mặt vẫn cơ bản là khuôn mặt người, thay đi đổi lại thì vẫn là khuôn mặt người, hoặc giống với khuôn mặt người, càng tăng thêm mỹ cảm. Sự biến đổi của mật mã hoàn toàn ngược lại, hôm nay nó là một khuôn mặt người, ngày mai nó cố gắng từ hình thức khuôn mặt người biến thành mặt ngựa, mặt chó, hoặc khuôn mặt khác, cho nên đây là sự biến hoá không có hình hài cơ bản. Nhưng dù biến đổi thế nào đi nữa, năm giác quan sẽ càng rõ ràng hơn, lung linh, phát triển, hoàn mỹ, đó là xu thế tiến hoá bất biến. Cố gắng biến thành một khuôn mặt khác là tất yếu, ngày càng hoàn mỹ cũng là tất yếu, hai cái tất yếu như hai sợi dây, giao điểm của nó sẽ là trái tim để sinh ra một đời mật mã mới. Nếu từ trong khu rừng lịch sử mật mã tìm ra hai đường dây ấy, nó sẽ giúp chúng ta phá được khoá mã hôm nay.

Cậu ta vừa thuật lại như thế, vừa lấy ngón tay chỉ vào đám chữ số như đàn kiến trên tường, ngón tay nhảy múa có tiết tấu, tưởng chừng như đang đi giữa rất nhiều trái tim.

Nói thật, tôi rất kinh ngạc về hai đường dây của cậu ta. Tôi biết, về lí thuyết mà nói, hai đường dây ấy tồn tại, trên thực tế nó không tồn tại. Bởi vì không ai trông thấy hai đường dây được kéo ra ấy, người mong kéo được hai sợi dây ấy ra, cuối cùng sẽ bị nó trói buộc đến chết.

Đúng vậy, tôi sẽ giải thích. Tôi hỏi anh, gần một lò lửa anh cảm thấy thế nào?

Đúng, anh cảm thấy nóng bỏng, sau đây không dám đến gần, phải giữ một khoảng cách để khỏi bị bỏng, phải không? Gần một con người cũng như vậy, anh sẽ bị ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều, mức độ bao nhiêu sẽ quyết định bởi sức hấp dẫn, chất lượng và năng lượng của người đó. Với lại, tôi có thể nói một cách tuyệt đối rằng, những con người lẫn lộn trong giới mật mã, bất luận là người tạo lập mật mã hay người phá khoá mã đều là những con người tinh anh tài giỏi, có sức hấp dẫn vô cùng tận, có tâm linh sâu như hố đen. Bất cứ ai trong số họ đều có ảnh hưởng rất lớn đối với người khác. Khi anh bước vào khu rừng lịch sử mật mã giống như bước vào một khu rừng bí hiểm đầy những cạm bẫy, mỗi bước đi đều có thể sập bẫy không thể rút chân ra nổi. Cho nên, người làm mật mã hoặc người giải mã nói chung không dám tiếp cận lịch sử mật mã, bởi trong khu rừng ấy bất cứ một tâm linh nào, một tư tưởng nào cũng sẽ hút chặt anh như một thứ nam châm, đồng thời sẽ bị hoà tan. Khi tâm linh của anh đã bị tâm linh nào đó trong khu rừng lịch sử mật mã hút chặt, đồng hoá, vậy là anh sẽ không đáng một xu trong giới mật mã, bởi trong khu rừng lịch sử mật mã không cho phép xuất hiện hai tâm linh giống nhau, để tránh phá một phần lại ba. Tâm linh giống nhau trong giới mật mã sẽ là một đồng rác, mật mã là vô tình, là thần bí thế đấy.

Thôi, bây giờ anh nên hiểu về sự kinh ngạc của tôi lúc bấy giờ. Kim Trân tìm ra hai đường dây ấy, thật ra là đã phạm vào điều cấm kị khi giải mật. Tôi không biết có phải cậu ta không biết hay là biết mà cố tình vi phạm. Từ sự kinh ngạc đầu tiên cậu ta tạo nên, tôi tin rằng cậu ta biết mà cố tình, là sự cố ý vi phạm. Cậu ta biến một bộ lịch sử mật mã thành biểu đồ để treo lên tường, điều ấy đã ám chỉ coi thường mọi người. Một con người vi phạm như thế rất có thể không phải là ngu muội, lỗ máng, mà là dũng cảm, có thực lực.

Cho nên, nghe cậu ta nói về hai đường dây, tôi không có điều gì bác bỏ, mà lặng lẽ tỏ ra nể phục, thâm ghen tị, vì rõ ràng cậu ta đã đứng trên tôi.

Lúc ấy cậu ta đến làm ở phòng giải mã mới được nửa năm.

Đồng thời, tôi lo cho cậu ta, tưởng như tai hoạ đang lơ lửng trên đầu. Sự thật thì ai cũng biết, bây giờ anh cũng nên biết, Kim Trân tìm ra hai đường dây là có ý cậu ta muốn chiếm cứ từng tâm linh trong lịch sử mật mã, tức tách riêng vô số điểm nhỏ đã tạo thành đường dây, nghiền cứu thật tỉ mỉ, tường tận. Mà những tâm linh đó, những điểm đó đều có sức hút kì lạ, đều có thể biến thành những bàn tay đầy sức mạnh, tóm

chặt cậu ta, bóp chặt trong lòng bàn tay, biến cậu ta thành rác rưởi. Cho nên, bao nhiêu năm nay, cách thức giải mã trở thành quy định không thành văn: phải xa rời lịch sử. Cho dù mọi người đều biết, trong đó - trong lịch sử mật mã - rất có thể tiềm ẩn nhiều cơ may và ám chỉ, rất có thể cho anh một gợi ý. Nhưng sợ vào mà không ra nổi, nếu bịt chặt nguyên vọng vào, theo đó đẩy kín tất cả những gì có trong đó.

Hoàn toàn có thể nói rằng, trong rất nhiều lịch sử, lịch sử mật mã là thứ lạnh lẽ nhất, lạnh lùng nhất, trong đó không có người thăm hỏi, trong đó không ai dám hỏi thăm. Sự buồn đau của người làm công việc giải mã phát sinh từ đây, họ mất hẳn tấm gương lịch sử, mất đi cái quy luật được hút chất dinh dưỡng từ trong thành quả. Sự nghiệp của họ thật gian nan, tâm linh của họ cô đơn không bạn bè, tấm thân người trước khó thành bậc cao cho họ đứng lên, ngược lại biến thành những ô cửa đóng chặt, thành cạm bẫy chết người, buộc họ phải đi đường vòng, tìm ra một lối đi khác. Theo tôi, trên thế gian không có một sự nghiệp nào đòi hỏi phải cắt đứt, đi ngược với lịch sử như nghề mật mã. Lịch sử trở thành gánh nặng và khó khăn cho người đi sau, thật tàn khốc, vô tình. Cho nên, trong giới khoa học, chôn vùi thiên tài nhiều nhất là giới mật mã, hiệu suất chôn vùi tài năng cao đến kinh hãi!

...

Tôi giới thiệu tóm tắt một chút. Nói chung, phương thức giải mã vẫn dùng là phải làm việc cụ thể, trước hết nhân viên tình báo sẽ thu thập những dữ liệu cần thiết, sau đây sẽ căn cứ vào những dữ liệu để đưa ra các suy luận phán đoán, cảm giác như dùng vô số cái chìa khoá để mở vô số cánh cửa, cửa, chìa khoá là do bản thân anh thiết kế và tạo ra, cái hạn độ của vô số quyết định bởi số lượng dữ liệu, lại quyết định bởi sự nhay bén của anh đối với mật mã.

Nên nói, đây là phương pháp nguyên thủy và vụng về nhất nhưng an toàn nhất, có hiệu quả nhất, nhất là đối với việc mở khoá mật mã cao cấp, công suất cao hơn hẳn các phương pháp khác, cho nên mới tồn tại đến ngày nay.

Nhưng với Kim Trân, anh biết không, cậu ta trượt khỏi phương thức này, rất mạnh dạn xông vào khu vực cấm, thò bàn tay phá khoá vào lịch sử, đặt gánh nặng lên vai, kết quả như tôi nói vừa rồi, rất nguy hiểm, đáng sợ. Tất nhiên, nếu thành công, tức là tiến vào mà tâm linh của cậu ta không bị tiền bối nuốt chửng, đây là việc ghê gớm, ít nhất có thể rút ngắn phạm vi tìm kiếm đến mức tối đa. Ví dụ, nếu trước mặt chúng ta có một vụn công thức nhỏ, rất có thể với cậu ta chỉ còn lại một nửa thậm chí ít hơn, còn lại bao nhiêu quyết định bởi sự thành công nhiều hay ít, quyết định bởi mức độ nắm vững hai đường dây kia.

Nhưng, nói thật, theo cách đó hiệu suất thành công rất thấp, thậm chí người thử nghiệm cũng ít, người thành công lại hiếm như sao ngày. Trong giới giải mã chỉ có hai người dám mạo hiểm, một là thiên tài chính cống, đại thiên tài, một nữa là người điên. Người điên chẳng sợ gì hết, vì họ có hàm răng chắc khỏe và một trái tim kiên cường, mọi chuyện đáng sợ đều bị họ cắn nát hoặc bị trái tim kiên cường bắn tung.

Lúc bấy giờ tôi không dám khẳng định Kim Trân là thiên tài hay kẻ điên, nhưng có một điểm tôi có thể khẳng định đây là, từ nay về sau tôi sẽ không kinh ngạc nếu cậu ta có một việc gì đó dù là vinh quang hay ô nhục, dù là kinh thiên động địa đến đâu, tôi sẽ không chút kinh ngạc, chỉ là thở phào nhẹ nhõm cho cậu ta, đồng thời đôi chân của linh hồn tôi sẽ ngoan ngoãn quỳ xuống chân cậu ta.

Hơn nữa, sau khi Kim Trân đã phá được khoá tử mật, tôi phát hiện những gì ông Hinsh cung cấp để phá khoá đều sai. Điều ấy muốn nói, rất may hồi bấy giờ nhóm phá khoá tử mật loại Kim Trân ra ngoài, nếu không, biết đâu cậu ta lao vào ngõ cụt. Nhưng chuyện như vậy ở đời này nhiều lắm, việc loại cậu ta ra khỏi nhóm nghiên cứu là không công bằng, nhưng kết quả lại giúp cậu ta thành công, có gì đó giống như tái ông mất ngựa. Còn việc tại sao những gợi ý của ông Hinsh lại là sai lầm, ở đây có thể có hai khả năng, thứ nhất là cố tình, ông ta định hại chúng ta; thứ hai là vô tình, trong việc giải mã của ông ta có sai lầm. Tình hình lúc bấy giờ thì khả năng thứ hai lớn hơn, bởi ngay từ đầu ông ta đã bày tỏ tử mật là bộ khoá không thể giải nổi.

Phá khoá mã tử mật là thành công của Kim Trân!

Khỏi phải nói, những năm tháng sau đây, cậu thanh niên thần bí đương nhiên bắt đầu thu hoạch những mùa lớn, cho dù cậu ta vẫn là con người cô đơn, sống cô quạnh, cô quạnh làm việc; tay vẫn cầm cuốn sách, vẫn đánh cờ, vẫn giải mộng cho mọi người, ít nói, không nóng không lạnh, vinh hay nhục cũng không làm

cậu ta quan tâm, vẫn rất bình thường, không có gì thay đổi, vẫn giữ nguyên, nhưng nhận thức của mọi người cũng thay đổi, mọi người tin rằng, đây là cái thần bí, sức hấp dẫn, vận may của cậu ta.

Ở đơn vị 701, không một người con trai hay con gái nào không biết cậu ta, không tôn kính cậu ta, vì một mình lặng lẽ đi lại, cho nên từng con chó đều quen cậu. Mọi người đều biết, sao trên trời có lúc lặn, nhưng ngôi sao cậu ta thì không, vì vinh quang cậu ta có được, người khác hưởng suốt đời không hết. Thu nợ qua thu kia lại đến, mọi người thấy cậu ta cứ lần lượt thăng cấp: tổ trưởng, phó trưởng phòng, trưởng phòng, phó cục trưởng... Cậu ta vẫn yên lặng tiếp nhận, không vì thế mà cuồng vọng, cũng không vì thế mà khiêm tốn nhả nhận, cảm giác mọi chuyện vẫn phẳng lặng như nước hoà tan trong nước.

Cảm giác của mọi người cũng vậy, hâm mộ nhưng không ghen tị, cảm thán nhưng không chán nản, bởi vì, mọi người tự giác coi cậu đứng riêng một cõi, thừa nhận cậu rất đặc biệt, không thể so sánh. Mười năm sau, năm 1966, chỉ cần nửa thời gian của người khác, thậm chí ít hơn, cậu ta đã ngồi vào vị trí Cục trưởng Cục giải mã, chừng như mọi người đã dự đoán được sẽ là như thế, cậu không hề có cảm giác bị khoa trương, thổi phồng. Mọi người còn rất thoải mái cho rằng, sẽ có ngày đơn vị 701 sẽ thành trời đất của Kim Trân, hàm Cục trưởng sẽ đến với con người trẻ tuổi trầm mặc trong một thời gian ngẫu nhiên của tất nhiên.

Có thể suy nghĩ hoặc nguyện vọng của mọi người đối với Kim Trân rất dễ trở thành sự thật, bởi vì ở đơn vị 701, một cơ cấu đặc biệt tưởng chừng mọi vị lãnh đạo đều không dễ đảm nhiệm mũi nhọn công việc, hơn nữa Kim Trân tính cách trầm lắng, lạnh lùng, tưởng chừng rất thích hợp giữ vai trò đầu não của một tổ chức bí mật.

Nhưng, chỉ trong ít ngày cuối năm 1969 đã xảy ra một sự việc mà đến nay nhiều người vẫn còn nhớ rõ và kể lại có đầu có đuôi, trở thành câu chuyện thứ tư.

22. Chương 4-1

Bắt đầu nghiên cứu hắc mật.

Hắc mật, nghe cái tên không thôi cũng đã hiểu ý nghĩa, là mật mã chị em với tử mật, nhưng tiên tiến hơn, cao cấp hơn tử mật, nặng nề, sâu sắc như hai màu đen (hắc) và tím (tử) so với nhau. Ba năm trước, Kim Trân nhớ mãi cái ngày đáng sợ, ấy là ngày mùng một tháng chín năm 1966 (ít lâu sau ngày về trường N cứu thầy Dung), bóng ma hắc mật lần đầu tiên xuất hiện trên tử mật. Giống như cánh chim trong gió bỗng nhận ra tuyết trắng đã phong kín núi đồi, Kim Trân nhận ra dấu vết mỏng manh như tơ nhện của hắc mật, dự cảm ngọn núi cao mình chinh phục đang có nguy cơ bị che phủ.

Quả nhiên sự thật sau đấy đúng như thế, dấu tích hắc mật không ngừng bao phủ đỉnh núi tử mật, giống như bóng tối tràn lan xoá sạch ánh sáng lúc mặt trời lặn. Từ đây, đối với đơn vị 701, những ngày tháng đen tối của mười năm trước lại tái hiện, bất giác mọi người lại gửi gắm hi vọng vào ngôi sao Kim Trân sẽ tìm ra ánh sáng. Suốt ba năm nay, ngày cũng như đêm anh chuyên chú đi tìm ánh sáng, nhưng ánh sáng lại luôn ẩn mình trong bóng tối tận bên kia núi. Trong tình hình đó, đơn vị 701 và Tổng cục cùng tổ chức hội nghị nghiên cứu hắc mật - một hội nghị long trọng trong sự im lặng.

Hội nghị được tổ chức ngay tại Tổng cục.

Giống như các Tổng cục, cơ quan Tổng cục của đơn vị 701 đặt tại Bắc Kinh, xuất phát từ thành phố A ngồi tàu hoả phải mất ba ngày hai đêm. Cũng có máy bay, nhưng không được đi máy bay, vì sợ bị cướp máy bay. Thực tế, khả năng cướp máy bay là rất ít, nhưng nếu trên máy bay có một nhân viên phá mã của đơn vị 701 thì khả năng cướp máy bay sẽ tăng lên chục lần, thậm chí trăm lần. Nếu như đây là Kim Trân, người đã phá khóa mã tử mật nay đang phá khóa hắc mật, thì khả năng bị cướp máy bay sẽ là vô cùng. Nếu tình báo nước X biết chuyến bay nào có Kim Trân, tốt nhất chuyến bay ấy đừng cất cánh. Vì trên máy bay rất có thể có đặc công của nước X, chúng nóng lòng chờ cho máy bay cất cánh, chúng sẽ thực thi hành động xấu xa điên cuồng. Đây không chỉ là chuyện đùa mà đã từng có bài học thất bại. Người của đơn vị 701 đều biết, mùa xuân năm 1958, sau khi Kim Trân phá khóa tử mật không lâu, một nhân vật trẻ tuổi của bộ phận

phá khóa mật mã nước Y bị đặc công nước X bắt cóc, thời gian ấy ông Trịnh Thọt đang học kinh nghiệm ở đây, đã từng hai lần ăn cơm với nhân vật ấy, tất nhiên có biết. Không ai biết bây giờ nhân vật ấy ở đâu, còn sống hay chết? Đây cũng là sự tàn khốc của nghề phá mã.

Để so sánh, tàu hỏa hoặc ô tô chạy trên mặt đất chắc chắn và an toàn hơn rất nhiều, dù có những tai nạn bất ngờ vẫn còn có cách hỗ trợ, có lối thoát, không thể mở mắt để nhìn người bị cướp. Ngồi ô tô suốt chặng đường dài là không thể, cho nên Kim Trân chỉ còn cách ngồi tàu hỏa. Bởi thân phận đặc biệt, lại đem theo tài liệu, quy định được nằm giường mềm, ở ngay ga xuất phát, cái toa giường mềm ấy tạm thời được các quan chức cảnh giới vây chặt. Sự việc này cũng hiếm thấy, Kim Trân cũng đã gặp, tưởng như không phải là dấu hiệu tốt lành.

Một người đi cùng có bộ mặt nghiêm khắc, cao, đen, miệng rộng, mắt hình tam giác, cằm để râu dài ba phân, râu mọc thẳng rất kiên cường, trông như bờm lợn, có cảm giác cứng như bàn chải thép. Bàn chải thép dày đặc chụm lại một chỗ tạo cảm giác sát khí đằng đằng. Cho nên, nói bộ mặt người này đầy vẻ sát khí, hung dữ không có gì là quá đáng. Ở đơn vị 701, con người này tồn tại là một thứ sức mạnh, khác với sự tồn tại vì trí tuệ như Kim Trân. Anh ta còn có một vinh dự đặc biệt mà không ai có, ấy là mấy vị lãnh đạo của đơn vị mỗi khi đi công tác rất thích đưa anh ta đi cùng, chính vì vậy mà mọi người trong đơn vị đều gọi anh ta là Vasili. Vasili là bảo vệ của Lenin trong phim “Lenin năm 1918”, anh ta là Vasili của đơn vị 701.

Trong ấn tượng của mọi người, Vasili lúc nào cũng mặc cái áo gió rất mát, hai tay thọc vào hai túi áo, bước đi dài và nhanh, vội vã, uy phong ngời ngời, dĩ nhiên có cái vẻ cận vệ, đám thanh niên trai trẻ của đơn vị 701 đều hâm mộ và kính nể anh ta, họ thường tụ tập bàn tán rất hào hứng, bàn tán về cái vẻ oai phong, bàn tán anh ta có thể đã có những chiến công hiển hách. Thậm chí họ bàn tán cả những bí mật trong hai cái túi áo anh ta, bảo túi bên phải là khẩu súng lục nhỏ B7 của Đức chế tạo, rút ra bắn gì cũng trúng, bách phát bách trúng; túi bên trái là tấm giấy chứng nhận đặc biệt đích thân một vị tướng thủ trưởng Tổng cục kí, hề lấy ra là có thể đi bất cứ nơi nào, ngay cả Thiên hoàng cũng không dám cản trở.

Có người nói, bên nách trái anh ta còn có một khẩu súng lục nữa. Nhưng thật ra không ai trông thấy. Không ai trông thấy cho nên cũng không dám nói là không có, vì có ai nhìn được vào nách anh ta? Dù thấy rõ không có, cánh trẻ vẫn không chịu thua, họ vẫn quả quyết chỉ những lúc anh ta đi làm nhiệm vụ mới đem theo.

Tất nhiên điều ấy là có thể.

Đối với một nhân viên bảo vệ trên người có thêm một khẩu súng, thêm một vũ khí bí mật cũng giống như trên người Kim Trân có thêm một cây bút, một cuốn sổ tay, chẳng có gì kì lạ. Rất bình thường, giống như người làm việc cần ăn cơm vậy.

Tuy có một nhân vật đặc biệt đi theo, nhưng Kim Trân không vì thế mà cảm thấy yên tâm và an toàn, tàu vừa chuyển bánh, anh chìm ngay vào cảm giác bất an một cách vô cớ, cảm thấy lo lắng, áy náy bị nhìn trộm, giống như ánh mắt mọi người đổ dồn vào anh, giống như anh không mặc áo quần (cho nên mọi người nhìn), cảm thấy khó xử, căng thẳng, không an toàn, không tự nhiên. Anh không biết tại sao, càng không biết phải làm thế nào để được yên tâm. Thật ra, có cảm giác không an toàn là bởi anh quá chú trọng đến bản thân, quá biết đây là chuyến đi đặc biệt.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Như tôi đã nói, người của nước Y bị đặc công nước X bắt cóc trên máy bay chỉ là một nhân vật nhỏ, so với Kim Trân cách biệt như trời với đất. Không phải thần kinh tôi quá nhạy cảm, không phải vì Kim Trân sợ cho bản thân, lúc cậu ta đi quả là rất nguy hiểm. Có một điểm ngay từ đầu tôi đã cảm thấy kì lạ, ấy là sau khi Kim Trân phá được khóa mã tử mật, tuy rất lặng lẽ, sau sự việc ấy dù có giữ bí mật hơn, nhưng nước X vẫn biết. Tất nhiên, việc phá khóa tử mật, họ sớm biết vì có nhiều phản ứng từ rất nhiều việc, trừ phi chúng ta không dùng tư liệu tình báo của họ. Cụ thể do ai phá khóa là điều không nên để họ biết. Nhưng đối phương không những biết Kim Trân đã phá khóa, hơn nữa nhiều người cũng biết rất rõ do Kim Trân, về chuyện này, bộ phận điều tra nghiên cứu cũng đã làm việc, tìm ra mối nghi ngờ, trong đó có Hinsh. Đây là sự nghi ngờ đầu tiên của chúng tôi đối với Hinsh, nhưng lúc ấy chỉ nghi ngờ vậy thôi, không có chứng cứ cụ thể. Cho đến một năm sau, chúng tôi ngẫu nhiên nhận được một tin tình báo, nói rằng Hinsh và nhà khoa

học chống cộng Wenak chỉ là một, cho đến lúc ấy chúng tôi mới nhận ra bộ mặt thật độc ác của Hinsh.

Tại sao Hinsh từ một nhà khoa học đi đến con đường chống Cộng cực đoan, hơn nữa lại chống cộng một cách lắt léo bằng cách thay tên đổi họ, đây là bí mật của ông ta, nhưng tấm mạng che mặt của Hinsh rơi xuống, âm mưu của ông ta đối với chúng tôi cũng lập tức hiện rõ. Có thể, không ai bằng Hinsh hiểu thiên tài của Kim Trân, với lại ông ta cũng đã từng làm công việc phá khóa mã, lúc ấy định phá khóa mật mã tử mật, ông ta đã hình dung ra, chỉ cần Kim Trân làm, chắc chắn sẽ trở thành cao thủ, tử mật khó mà giữ nổi bí mật. Cho nên, ông ta ra sức ngăn cản Kim Trân đi vào công việc phá khóa mật mã, khi ông ta phát hiện Kim Trân làm công việc này lại cố nghĩ cách ngăn cản, sau khi biết, ông ta cố ý đánh lạc hướng, đưa vào mê hồn trận. Tôi nghĩ, ông ta làm như thế là có lí do chính trị, cũng là do nhu cầu cá nhân. Vì ông ta nghĩ, nếu như Kim Trân phá được khóa tử mật, đối với ông ta sẽ rất xấu hổ, giống như bị mất cấp mà chuông cảnh báo vẫn chưa vang lên. Vai trò của ông ta lúc bấy giờ là chuông cảnh báo tử mật. Có người lại nghĩ, tại sao đối phương có thể biết Kim Trân là người phá khóa tử mật, chắc chắn là do ông ta đã đoán chính xác chín phần mười. Đúng vậy, ông ta đoán đúng! Nhưng, có một điều ông ta không nghĩ đến là, việc ông ta dày công đưa Kim Trân vào mê hồn trận hoàn toàn vô hiệu! Có thể nói, trong sự việc này Thượng đế đã đứng về phía Kim Trân.

Lúc bấy giờ đài phát thanh JOG chống đối ngày nào cũng để lộ ý đồ dùng tiền tài mua chuộc người làm công tác phá khóa mật mã, người nào giá bao nhiêu tiền đều nói rất rõ, họ đặt giá cho Kim Trân là một triệu, gấp mười lần một phi công.

Một triệu!

Với Kim Trân, con số này đã nâng anh lên tận mây xanh nhưng cũng đồng thời cách xa địa ngục chỉ một bước chân. Bởi vì, anh cảm thấy mình đáng tiền, người muốn làm tổn thương anh sẽ có lí do, lí do đủ để thu hút nhiều người khác, khiến anh không chống đỡ nổi. Đây là điều anh tỏ ra không thông minh, thật ra công việc chúng tôi bảo vệ anh còn hơn cả mức nguy hiểm mà anh có thể gặp, ví dụ lần này đi công tác, ngoài Vasili bảo vệ tiếp cận, trên tàu còn nhiều nhân viên bảo vệ thường phục, gồm cả các đơn vị quân đội dọc đường có thể vào lệnh báo động cấp hai để phòng mọi bất trắc. Những điều ấy Kim Trân hoàn toàn không hay biết, hơn nữa lúc ấy trên toa phổ thông người lên kẻ xuống cũng làm anh căng thẳng.

Nói tóm lại, tính cách Kim Trân kiên định, học vấn uyên thâm, vận may của thiên tài có thể có được là bởi tinh thần kiên định, không nao núng, hiện tại có thêm lòng thù địch sâu sắc. Thiên tài Kim Trân dù có đọc nhiều sách, học vấn sâu rộng, có những suy nghĩ độc đáo, nhưng trong cuộc sống thường ngày lại là kẻ vô tri, không tinh táo, tuy rất cẩn thận nhưng lại ngớ ngẩn, thậm chí hoang đường. Trong những năm tháng ấy, anh chỉ ra ngoài một lần, ấy là lần anh về cứu chị gái là thầy Dung, đi hôm trước hôm sau về ngay. Sự thật thì, suốt mấy năm sau ngày anh phá được khóa tử mật, sức ép công việc đối với anh không lớn lắm, rất sẵn thời gian về thăm nhà, chỉ cần anh muốn tổ chức sẽ sẵn sàng phối hợp, cho xe, cử bảo vệ không vấn đề gì. Nhưng anh liên tiếp từ chối, bề ngoài anh nói về bị bảo vệ quá chặt như quản tù, không được nói chuyện và đi lại thoải mái, về cũng không có ý nghĩa. Thực tế thì anh sợ xảy ra chuyện này chuyện khác, giống như những người bị nhốt trong nhà, sợ không dám đi một mình, anh sợ ra khỏi đơn vị, sợ gặp người lạ. Vinh dự và công việc khiến anh trong suốt như pha lê, dễ vỡ, không còn cách nào, bản thân anh lại làm thổi phồng cảm giác ấy, lại càng không còn cách nào.

Như vậy, công việc và sự cẩn thận cùng tâm lí sợ hãi đối với những sự việc có thể xảy ra đã giữ Kim Trân trong hang núi, không biết đã có bao nhiêu ngày bao nhiêu tháng trôi qua bên anh, anh vẫn như một con thú bị giam giữ, dựa vào địa thế hiểm yếu, sống ngọt ngào, xơ cứng với tư thế cố hữu mà mọi người đều biết, thoả mãn với việc chiếm hữu thế giới, chiếm hữu thời gian bằng sự tưởng tượng trống rỗng. Anh về họp ở Tổng cục là lần thứ hai và cũng là lần cuối cùng ra khỏi đơn vị 701.

Vẫn như mọi lần, Vasili vẫn mặc áo gió màu kem rộng thùng thình, rất ra vẻ, cổ áo dựng cao thêm phần bí ẩn. Tay trái của anh ta không thọc vào túi như mọi khi, vì phải xách cái cặp, cái cặp cứng công bằng da bò, màu nâu, không lớn không bé, cái cặp có khoá bảo hiểm vẫn thường thấy, bên trong đựng tài liệu bí mật và một quả bom cháy có thể phát nổ bất cứ lúc nào.

Kim Trân để ý thấy tay phải của anh ta luôn thọc vào túi áo giống như bị tật, không thể để lộ ra ngoài. Nhưng Kim Trân hiểu rằng, tay anh ta không có tật nhưng luôn luôn có một khẩu súng lục. Kim Trân vô tình trông thấy khẩu súng ấy, thêm vào đây là những điều anh được nghe, nên anh nghĩ, anh ta luôn nắm

khẩu súng là do thói quen và do yêu cầu, từ suy nghĩ ấy anh cảm thấy không thiện cảm và sợ hãi, vì anh nhớ đến một câu nói “súng bên người giống như tiền trong túi, lúc nào cũng dễ bị chủ nhân đen ra sử dụng.”

Nghĩ đến bên mình luôn luôn có khẩu súng, cũng có thể là hai khẩu anh cảm thấy sợ. Anh nghĩ, một khi khẩu súng được sử dụng, điều ấy chứng tỏ đã gặp chuyện rắc rối, súng có thể dập tắt chuyện rắc rối, giống như nước dập tắt lửa, nhưng cũng có thể không, giống như có khi nước không dập được lửa. Như vậy... anh không nghĩ tiếp, bên tai chùng như có tiếng súng nổ. Sự thật thì Kim Trân hiểu rõ, chỉ cần xuất hiện tình huống ấy tức là nguy hiểm, một người không chống nổi số đông, cùng lúc Vasili cho nổ trái bom, anh ta cũng không do dự chĩa súng về phía mình mà bắn.

Giết người diệt khẩu!

Kim Trân lẩm bẩm câu nói ấy. Tiếng súng tiêu diệt bỗng như gió thoảng qua tai.

Như vậy, cảm giác thất bại, sự ức chế về một tai hoạ bất ngờ ập xuống đầu tưởng chừng theo suốt dọc đường của Kim Trân, khiến anh phải cố gắng chịu đựng, chống đỡ, cảm thấy dừng đi quá xa, xe lửa lại chạy quá chậm. Sau khi an toàn đến được Tổng cục, tâm trạng căng thẳng và sợ hãi trong anh mới chùng xuống và cảm thấy ấm lòng. Lúc này anh mới dừng cảm nghĩ rằng, sau này (hiện thực nhất là đường về) bất luận thế nào mình cũng không được hù dọa chính mình.

Sẽ xảy ra chuyện gì? Sẽ không xảy ra chuyện gì, vì không ai biết ai, không ai biết anh đem theo bí mật trên người.

Kim Trân lẩm bẩm, coi như lời phê bình và chế nhạo sự căng thẳng dọc đường.

23. Chương 4-2

Hội nghị khai mạc vào sáng hôm sau.

Lễ khai mạc rất long trọng, cả bốn vị trưởng và phó Tổng cục đều có mặt. Một ông già tóc bạc trắng chủ trì hội nghị. Theo lời giới thiệu, đây là ông Trưởng phòng nghiên cứu số một của Tổng cục, nhưng bên lề có người nói đây là Bí thư thứ nhất của... kiêm cố vấn quân sự. về chuyện này Kim Trân không quan tâm, anh chỉ quan tâm đến câu nói mà vị này nhắc đi nhắc lại trong hội nghị: chúng ta phải phá cho bằng được khoá hắc mật, đây là yêu cầu an ninh của nhà nước ta.

Ông ta nói: “Cũng là phá khoá mật mã, nhưng yêu cầu và ý nghĩa của việc khoá từng bộ mật mã là khác nhau, có mật mã chúng ta phá là cho yêu cầu đánh thắng cụ thể một cuộc chiến tranh, có những mật mã phá do yêu cầu của cuộc chạy đua vũ trang, có những mật mã phá là do yêu cầu bảo vệ an toàn cho các vị lãnh đạo, có mật mã phá nhằm phục vụ công cuộc ngoại giao, thậm chí có mật mã phá chỉ do yêu cầu công việc, cho nghề nghiệp nào đó. Còn nhiều nhu cầu khác, nhưng tất cả đều là nhu cầu, tóm lại tất cả đều quan trọng đối với an ninh quốc gia. Tôi có thể thẳng thắn nói với mọi người, không nhìn thấy bí mật tàng cao của nước X sẽ là mối đe dọa lớn đối với an ninh đất nước chúng ta. Có người nói, nếu cho một điểm tựa anh ta sẽ xoay chuyển được cả trái đất, phá được khoá mật mã Hắc mật chính là điểm tựa để chúng ta xoay chuyển trái đất. Nếu nói an ninh đất nước chúng ta đang có vấn đề nghiêm trọng, có một sức ép bị động, thì phá khoá mật mã Hắc mật là phá vây, là điểm tựa để giành thế chủ động.”

Lời kêu gọi mạnh mẽ và trang nghiêm của ông già đáng kính khiến cho buổi lễ khai mạc đạt đến đỉnh cao tĩnh lặng. Lúc ông tỏ ra mạnh mẽ, những sợi tóc bạc trên đầu ông rung rinh óng ánh, tưởng như tóc cũng đang nói.

Buổi chiều là các chuyên gia phát biểu ý kiến, Kim Trân được lệnh phát biểu hơn một tiếng đồng hồ đầu tiên, chủ yếu giới thiệu tiến trình phá khoá Hắc mật, đây là: chưa có tiến triển thực chất và những suy tư lạ kì nào đó đang trói buộc anh, gồm cả những thứ vô cùng quý giá, để rồi sau đấy anh cảm thấy hối hận vì đã công bố trong hội nghị. Mấy ngày sau đấy, anh dành hơn chục tiếng đồng hồ để nghe ý kiến của chín đồng nghiệp và lời phát biểu của hai vị lãnh đạo trong lễ bế mạc. Tóm lại, Kim Trân cảm thấy đây là hội

ngộ thảo luận (không phải để nghiên cứu), kết quả rất ít ỏi và nông cạn, mọi người phát biểu với những lời lẽ hoa mỹ, có tính khẩu hiệu, chỉ là lời phát biểu, không tranh luận gay gắt, không có những phút lặng lẽ suy tư. Hội nghị nổi trên mặt nước tĩnh lặng, thỉnh thoảng mới có một vài bọt nước, tất cả đều từ hơi thở ngọt ngào của Kim Trân, anh ngọt ngào bởi sự tĩnh lặng và đơn điệu.

Có thể, vì Kim Trân chán ghét cái hội nghị này, chán ghét cả những người dự hội nghị, ít nhất cho đến khi bé mạc. Nhưng sau đấy anh nhận ra không cần thiết, thậm chí vô lý, vì anh nghĩ, hắc mật như một khối u vương vãn trong người anh, bản thân anh dành tâm sức đào sâu nghiên cứu bao năm nay mà vẫn chỉ là số không, không chút dấu tích nhỏ nào, cảm thấy cái chết đang đe dọa, những người ngoài cuộc vừa không phải là thiên tài, vừa không phải là thánh nhân, chỉ là chút chuyện thoáng qua, lại mong họ phát biểu những cao kiến làm chúa cứu thế, quả là hoang đường, là lời nói trong mơ.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Là một người cô đơn và mệt mỏi, ban ngày Kim Trân luôn chìm sâu vào suy tư hoặc có thể nói là ảo tưởng, đêm nào cũng nằm mơ. Theo tôi biết, có một thời gian, cậu ta mong mình đêm nào cũng nằm mơ, là bởi, cậu ta được nếm vị ngọt của giấc mơ (có người nói cậu phá được mật mã Tử mật từ trong mơ); mặt khác, cậu ta nghi ngờ kẻ tạo ra Hắc mật là ma quỷ, không có lý tính, tư duy như con người, mà mình là con người xem ra chỉ có thể tiếp cận chúng trong giấc mơ.

Suy nghĩ ấy loé sáng đã cổ vũ cậu ta rất nhiều, tưởng như tìm được lối thoát khi đã cùng đường. Có lúc tôi nghe cậu ta nói, đêm nào cũng lệnh cho mình phải nằm mơ, nằm mơ trở thành nhiệm vụ quan trọng trong một thời gian. Sự cố tình ấy khiến một thời gian sau đấy tinh thần của cậu ta gần như bị đổ vỡ, chỉ cần nhắm mắt là giấc mơ đủ màu sắc kéo đến không tài nào xua đi nổi. Đây là những giấc mơ rối loạn, không có chút tư tưởng, kết quả duy nhất là đã làm rối giấc ngủ bình thường của cậu ta. Để giữ giấc ngủ, cậu ta không thể không xua đi những giấc mơ hàng ngày bám riết lấy cậu, vậy là cậu ta tạo cho mình thói quen đọc truyện trước khi ngủ. Hai việc ấy, việc thứ nhất có thể làm giảm căng thẳng ban ngày, chuyện sau khiến cậu mệt mỏi, cộng lại có tác dụng kích thích giấc ngủ. Theo cách nói của cậu, đọc truyện và đi bộ là hai viên thuốc trợ giúp cậu ngủ ngon giấc.

Cũng phải nói thêm, cậu ta nằm mơ nhiều tưởng chừng làm cho những gì cậu trải qua, thử nghiệm, thưởng thức trong hiện thực đều vào cả giấc mơ. Vậy là cậu có hai thế giới: một hiện thực và một trong mơ. Ai cũng bảo, những gì có trên lục địa đều có trong biển cả, nhưng những gì có ở biển cả không nhất định có trên lục địa. Tình huống của Kim Trân là như vậy, những gì có trong giấc mơ không nhất định có trong hiện thực, nhưng phạm là những gì có trong hiện thực lại có trong giấc mơ của cậu. Tức là nói, những gì có trong thế giới thực vào trong đầu óc Kim Trân đều được chia đôi, một nửa là hiện thực, là thật, sống động, một nửa khác là hư, rối loạn. Ví dụ, thành ngữ chuyện hoang đường, chúng ta chỉ có một, nhưng Kim Trân lại có hai, ngoài những cái thông thường còn có cái trong giấc mơ, đấy là điều chỉ có ở cậu. Khỏi phải nói, cái trong mơ hoang đường hơn cái ngoài hiện thực, càng là điều mê sảng.

Lúc này Kim Trân bình tĩnh lại, anh tin tưởng, trông chờ cao kiến của những người phát biểu về hắc mật, nhả lời vàng ngọc, chỉ ra sai lầm cho mình, tức là những điều hoang đường, vô căn cứ trong mơ, hoang đường trong hoang đường, vô căn cứ hơn cả vô căn cứ. Cho nên, anh tự an ủi: không trông chờ gì ở họ, đừng trông chờ nữa, họ không thể chỉ ra được cái sai, không thể, không thể.

Anh nói đi nói lại điều ấy, có thể cho rằng gia tăng nhịp điệu ấy sẽ quên đau khổ.

Nhưng chuyến đi lần ấy không phải Kim Trân không thu hoạch được gì. Ít nhất anh có bốn thu hoạch:

Thứ nhất, thông qua hội nghị lần này, Kim Trân thấy các vị thủ trưởng Tổng cục rất quan tâm đến hiện trạng và số phận việc phá khoá mã hắc mật. Đây là sức ép đối với Kim Trân, mà cũng là sự cổ vũ đối với anh, cảm thấy như được tiếp thêm sức.

Thứ hai, anh được bạn bè trong hội nghị hoan nghênh qua lời nói hoặc tiếp xúc (ví dụ cái bắt tay nồng nhiệt, gật đầu, mỉm cười ân cần, đấy là sự tiếp xúc hoan nghênh) Kim Trân phát hiện mình sáng chói trong giới phá khoá mật mã, ai cũng yêu mến. Điều này trước đây anh biết ít, bây giờ biết khiến anh thêm phấn khởi.

Thứ ba, vào lúc uống rượu ngoài hội nghị, ông già tóc bạc đầy quyền uy rất phấn khởi điều cho Kim Trân

một bộ máy tính bốn trăm ngàn phép tính. Điều ấy chẳng khác nào cho anh một trợ thủ hạng nhất tầm cỡ quốc tế.

Thứ tư, trước khi về, anh mua được ở hiệu sách cũ hai cuốn sách mà anh mơ ước từ lâu, trong đó có cuốn “Thiên thư” (Có người dịch là “Chữ của thần linh”), là tác phẩm của Engiert, chuyên gia về mật mã học.

Thế nào gọi là chuyến đi không uống phí?

Có được những thứ đó có thể gọi là không uống phí.

Kim Trân vui vẻ ra về vì đã có được những thứ đó. Trên chuyến tàu về, không có cảnh giới hoặc những đoàn thể to tát, cho nên Vasili có được hai chiếc giường mềm. Kim Trân lên toa giường mềm, suốt sáu ngày của chuyến đi lúc này lòng anh mới được thanh thản.

Đúng là anh vui vẻ rời thủ đô, vui vẻ vì còn một nguyên nhân khác: đêm hôm đó bầu trời thủ đô bắt đầu có những bông tuyết đầu mùa, tưởng như sự xếp đặt đặc biệt để vui mừng tiễn đưa con người phương Nam. Tuyết càng rơi càng dày chẳng mấy chốc đã phủ trắng nơi nơi, tuyết óng ánh ẩn hiện trong bóng tối. Kim Trân chờ tàu trong cảnh tuyết rơi. Tuyết lặng lẽ rơi và hơi nước khiến lòng anh yên tĩnh, tràn ngập những ý tưởng đẹp.

Trên đường về hết sức thoải mái, không một thách thức, cổ vũ Kim Trân tin vào kết quả của chuyến đi.

Nhưng khác với lúc đi.

24. Chương 4-3

Khác với lúc đi, về mất hai ngày ba đêm, không phải là ba ngày hai đêm. Vào lúc này, đã qua một ngày và hai đêm, ngày thứ hai cũng đang dần qua đi. Dọc đường, trừ những lúc ngủ, hầu hết thời gian còn lại Kim Trân đọc cuốn sách anh mua được. Rõ ràng, cảm giác của anh không còn nhút nhát sợ hãi như lúc đi, anh ngủ được và đọc được là mình chứng. Trên đường về có cái tốt, họ mua được vé tàu giường mềm, có một không gian an toàn, vuông vức như hộp diêm, hoàn toàn độc lập, cách biệt với bên ngoài. Kim Trân đặt mình nằm, lòng những thoải mái và vui mừng.

Không thể phủ nhận, một con người nhát gan, một con người nhạy cảm, một con người lạnh lùng, riêng biệt là nguyện vọng bức thiết nhất, quan trọng nhất. Ở đơn vị 701, Kim Trân sống lặng lẽ và cô đơn khó ai chịu đựng nổi, tước bỏ những sinh hoạt thể tục, cách li với chung quanh, riêng biệt giữa đám đông. Với một ý nghĩa nào đấy, anh rất khảng khái tiếp nhận anh chàng điên cờ, không loại trừ động cơ cách xa đám đông. Nói một cách khác, cùng với người điên cờ là biện pháp tốt nhất để từ chối đến với người khác. Kim Trân không có bạn, mà cũng không ai làm bạn với anh, mọi người tôn trọng anh, ngưỡng mộ anh, nhưng không thân thiết nhiệt tình với anh. Anh sống cô đơn, (Về sau, mật độ đến với người điên cờ cũng giảm theo thời gian, vậy là anh ta rời khỏi đơn vị 701), mọi người bảo anh vẫn y nguyên, không gần ai, cô đơn, trầm buồn, nhưng cô đơn và trầm buồn không làm anh phiền não, vì nếu phải chịu đựng những thói quen đủ kiểu của mọi người sẽ làm anh thêm đau khổ. Với ý nghĩa đó, anh không thích thú gì với chức vụ đứng đầu phòng giải mã, mà anh cũng không thích thú gì với danh hiệu đứng đầu gia đình.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Kim Trân làm đám cưới ngày mồng một tháng tám năm 1966, vợ tên là Cù Lợi, một con người cô đơn, làm công tác cơ mật từ rất lâu, hồi đầu làm ở tổng đài điện thoại trên Tổng cục, năm 1964 chuyển về làm nhân viên bảo mật ở chỗ chúng tôi. Cô là người miền Bắc, rất cao, cao hơn Kim Trân nửa cái đầu, mắt to, nói tiếng phổ thông, nhưng ít nói, nói rất nhỏ, có thể vì làm công tác cơ mật lâu nên quen nói nhỏ.

Nói đến hôn nhân của Kim Trân tôi thấy rất lạ, có gì đó do số phận thúc đẩy. Tại sao tôi nói thế? Tôi biết, trước đây có rất nhiều người quan tâm đến hôn nhân của cậu ta, cũng có nhiều cô gái muốn lấy Trân là để hưởng cái vinh quang của cậu ta. Có thể cậu ta không nghĩ đến, có thể vì do dự không quyết hoặc nguyên nhân khác, cảm giác cậu ta không thích thú gì chuyện hôn nhân và phụ nữ. Về sau không hiểu tại sao, bỗng

cậu ta lấy cô Lợi. Lúc bấy giờ cậu ta đã ba mươi tư. Tất nhiên đây không phải là vấn đề, ba mươi tư cũng hơi lớn nhưng chỉ cần có người bằng lòng lấy thì có vấn đề gì đâu. Vấn đề ở chỗ cưới nhau được ít lâu, hắc mật bỗng lén lút xuất hiện. Khỏi phải nói, nếu cậu ta chưa lấy vợ thì có lẽ cả đời cậu ta sẽ không lấy vợ, bởi hắc mật trở thành vật cản đối với hôn nhân của cậu ta. Cuộc hôn nhân khiến mọi người cảm thấy giống như một con chim bỗng bay vào cửa sổ để ngủ, có chút lạ lẫm, có chút liêu lĩnh, không biết nên thế nào, là tốt hay không tốt? Là đúng hay sai?

Nói thật, Kim Trân không giống với người chồng, mười ngày nửa tháng cậu ta không về nhà, nhưng về cũng không nói với vợ lấy nửa câu, cơm nấu xong thì ăn, ăn xong lại đi, nếu không thì ngủ, ngủ dậy lại đi. Cứ như vậy cô Lợi sống với cậu ta, cũng khó có cơ hội bắt gặp ánh mắt chồng, càng không nói đến chuyện khác. Làm một trưởng phòng, một lãnh đạo hành chính, cậu ta cũng không xứng với chức vụ, hàng ngày, chừng một tiếng đồng hồ trước khi kết thúc ngày làm việc, cậu ta mới xuất hiện ở văn phòng của trưởng phòng, còn toàn bộ thời gian chui vào phòng giải mã, rút đầu dây điện thoại ra, như vậy cậu ta trốn khỏi mọi phiền toái và đau khổ của một vị trưởng phòng và một người làm chồng, giữ cuộc sống như xưa, tức một mình một nơi, đơn độc làm việc, không muốn ai quấy rầy hoặc giúp đỡ. Từ ngày hắc mật xuất hiện, cảm giác ấy mỗi ngày một rõ, tưởng như cậu ta phải trốn tránh mới có thể tìm ra bí mật sâu xa của hắc mật.

Lúc này Kim Trân đang nằm thoải mái trên cái giường mềm tưởng như có cùng một cảm giác tìm được chỗ ẩn náu khá tốt. Đúng vậy, Vasili rất dễ dàng lấy được hai cái giường nằm trên tàu thật lí tưởng, bạn đồng hành của họ là một vị giáo sư đã nghỉ hưu và cô cháu gái chín tuổi. Vị giáo sư có thể đã sáu mươi tuổi, từng là Hiệu trưởng Đại học G, vì mắt kém nên phải rời chức vụ cách đây không lâu. Trên người ông có chút hơi hướng quyền uy, thích uống rượu, hút thuốc lá Phi mã, dọc đường, rượu và thuốc làm ông tiêu khiển thời gian. Cô cháu gái của vị giáo sư muốn sau này lập chí trở thành một ca sĩ, suốt dọc đường không lúc nào ngồi tiếng hát, trong toa tàu tràn ngập tiếng hát như trên sân khấu. Hai người một già một trẻ khiến trái tim Kim Trân lúc nào cũng xao động bỗng lắng xuống như được uống thuốc an thần. Nói một cách khác, trong không gian nhỏ bé không có lòng thù địch hoặc lòng thù địch trong tưởng tượng, Kim Trân mới không cảm thấy mình nhát gan, anh dùng thời gian vào hai việc hiện thực nhất và có ý nghĩa nhất vào lúc này, tức là ngủ và đọc sách. Giấc ngủ đã dồn ép cho đêm dài trên chặng đường xa ngắn lại như một giấc mơ, đọc sách có thể xua đi khoảng thời gian vô vị ban ngày. Có lúc anh nằm trong bóng tối, không ngủ được mà cũng không đọc nổi, anh lại tiêu hóa thời gian trong suy tư vẩn vơ. Cứ như vậy, ngủ, đọc sách, suy tư, anh đã tiêu hết thời gian trên đường về, một giờ lại một giờ, từng bước từng bước một đưa anh đến gần ước mong bức thiết nhất: kết thúc chặng đường về lại đơn vị 701. Lúc này, ngày thứ hai sắp qua đi, tàu đang chạy nhanh qua cánh đồng mênh mông tít tắp, vàng mặt trời chiều tà bắt đầu đổ rực toả ánh dịu dàng, rất đẹp, rất hiền từ. Cánh đồng dưới ánh chiều rơi rớt trông thật ấm áp, yên bình, tưởng như trong mơ, lại như bức tranh phong cảnh có sắc màu nồng ấm. Lúc ăn cơm tối, vị giáo sư và Vasili nói chuyện với nhau, Kim Trân ngồi bên chỉ nghe không nói gì, bỗng nghe thấy vị giáo sư nói với giọng hăm mộ:

“Tàu đã vào địa phận tỉnh G rồi, sáng sớm hôm sau hai người đã về đến nhà.”

Câu nói khiến Kim Trân cảm thấy thân thiết vô cùng, vậy là anh vui vẻ nói hỏi:

“Lúc nào thì bác về đến nơi?”

“Hai giờ chiều mai.”

Đây cũng là điểm chốt của chuyến tàu, vậy là Kim Trân nói vui:

“Bác với cháu bé đây là những hành khách trung thành nhất, đi với đoàn tàu từ đầu đến cuối.”

“Vậy ra anh là lính đào ngũ rồi.” Vị giáo sư cười to.

Có thể nhận ra, vị giáo sư phần khởi hơn vì trong toa tàu bỗng có thêm người nói chuyện. Nhưng ông cũng chỉ phần khởi huyệt, vì Kim Trân cười khan vài tiếng rồi không để ý gì đến ông, anh lại cầm cuốn “Thiên thư” lên mãi miết đọc, không chú ý gì đến chung quanh. Vị giáo sư nhìn anh cảm thấy kì lạ, nghĩ hay là anh ốm?

Kim Trân không ốm đau gì, anh là con người như thế, nói chuyện xong là xong, không dài dòng, không dạo đầu, không khách khí, không rào trước đón sau, nói là nói, không nói là không nói, giống như nói mê, khiến người nghe cũng cảm thấy mình như đang trong mơ.

Nói đến sách “Thiên thư” của Englert, Trung Hoa thư cục xuất bản trước ngày giải phóng, do bà Hàn Tố Âm, một người Anh gốc Hoa dịch, cuốn sách rất mỏng, mỏng không giống một cuốn sách, giống như cuốn sổ tay, trên trang bìa có ghi:

Thiên tài, vẫn là linh hồn của nhân gian, ít và tinh, tinh nhưng quý, quý như báu vật, giống như tất cả những báu vật trên đời, phàm là thiên tài đều yếu ớt, mỏng manh như mầm cây, đựng vào là gãy, hễ gãy là bỏ đi.

Câu nói như viên đạn bắn trúng anh.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Thiên tài rất dễ gãy, đối với thiên tài Kim Trân không phải là xa lạ, khó tiếp cận, nhiều lần cậu ta nói với tôi về chuyện này, cậu ta nói: thiên tài sở dĩ trở thành thiên tài là bởi một mặt họ kéo dài mình thành vô hạn, kéo thật nhỏ thật dài, nhỏ như sợi tơ, trông như trong suốt, không thể chịu đựng nổi va chạm. Ở một ý nghĩa nhất định, phạm vi trí lực của con người càng có hạn, vậy trí lực một mặt nào đấy càng dễ tiếp cận đến vô hạn, hoặc, độ sâu của nó đạt được là do hi sinh độ rộng. Cho nên, phàm là thiên tài, một mặt họ có tài năng nhạy bén kì lạ, tài trí hơn người, mặt khác lại tỏ ra ngu dốt kì lạ, không bằng người bình thường, điển hình nhất là tiến sĩ Englert, ông là nhân vật thần kì trong lĩnh vực phá khoá mật mã, cũng là vị anh hùng trong lòng Kim Trân, “Thiên thư” là sách của ông viết.

Trong giới mật mã không ai không thừa nhận, Englert là vị thánh không thể với tới, ông ta giống như thần linh, không có mật mã nào ở đời làm ông không yên. Ông là vị thánh hiểu sâu bí mật của mật mã. Nhưng trong cuộc sống, Englert là con người ngu dốt hạng nhất, ngu đến độ không biết đường về nhà. Ông như người được cưng chiều, ra đường phải có người đưa đi, nếu không, ông không biết đường về. Nghe nói, cả đời ông không lấy vợ, mẹ ông không muốn đánh mất ông, suốt đời bám theo con từng bước, đưa ông ra đường, đưa ông về nhà.

Khỏi phải nói, đối với một người mẹ, đây là một đứa trẻ tồi tệ.

Suốt nửa thế kỉ trước, nước Đức dưới chế độ phát xít, chính con người này, đứa trẻ này làm phiền lòng người mẹ, một thời trở thành tử thần của chế độ phát xít, khiến Hitler sợ hãi cả ra quần. Thật ra, Englert còn là người đồng hương với Hitler, ông sinh ra trên hòn đảo Tars (Đảo giấu vàng), nếu cần nói đến tổ quốc của con người này, thì nước Đức chính là tổ quốc của ông, Hitler là thống soái của tổ quốc ông thời bấy giờ, theo đó, tất nhiên nước Đức là tổ quốc của ông, ông phải phục vụ cho Hitler. Nhưng ông không, hoặc nói không phục vụ từ đầu đến cuối (đã từng phục vụ). Vì ông không phải là kẻ thù của quốc gia nào hoặc người nào, chỉ là kẻ thù của mật mã. Có thể trong một thời gian ông ta là kẻ thù của một quốc gia hoặc một người nào đó, nhưng đến một lúc nào đó ông lại là kẻ thù của một quốc gia khác, một con người khác, điều ấy quyết định bởi nước nào, người nào làm ra và sử dụng mật mã cao cấp nhất thế giới, người có bộ mật mã ấy chính là kẻ thù của ông ta.

Đầu những năm bốn mươi của thế kỉ hai mươi, khi trên bàn làm việc của Hitler xuất hiện những văn thư được mã hoá bằng mật mã chim ưng, Englert liền phản bội tổ quốc, ra khỏi trận tuyến của quân Đức, đến với quân Đồng minh, trở thành bạn của quân Đồng minh. Ông phản bội không phải vì tín ngưỡng, không phải vì tiền, mà chỉ là bởi mật mã chim ưng làm cho những người chuyên phá khoá mật mã thời bấy giờ cảm thấy tuyệt vọng.

Có người nói, mật mã chim ưng là do một thiên tài toán học của Ireland lập ra trong một nhà thờ của người Do Thái ở Berlin, được thần linh phù trợ, hệ số an toàn có thể lên đến ba mươi năm, cao gấp nhiều lần hệ số an toàn của những mật mã cao cấp thời bấy giờ cả chục lần! Ấy là nói, trong ba mươi năm loài người không thể phá được khoá của mật mã này. Phá khoá mật mã không phải là chuyện bình thường, mà là chuyện phi thường.

Đây cũng là số phận của các nhà phá khoá mật mã phải đối mặt. Đây là việc họ phải làm. Nói một cách khác, họ phải tìm ra cái không bình thường, giống như hạt cát dưới đáy biển đựng độ với hạt cát trên đất liền, khả năng đựng độ chỉ một phần của mấy chục triệu, không đựng độ mới là chuyện bình thường. Nhưng họ muốn tìm kiếm cái một phần của mấy chục triệu kia, đây là điều không bình thường lớn như vũ trụ. Người lập mật mã hoặc trong quá trình sử dụng mật mã không tránh khỏi tổn thất ngoài ý muốn - giống như con người hắt hơi một cách ngẫu nhiên, có thể đấy là sự bắt đầu của cái một phần mấy chục triệu, vẫn

đề là, hi vọng được gửi gắm ở sự tổn thất và sai lầm bất ngờ của người khác, anh không thể không cảm thấy đây là chuyện hoang đường, là chuyện buồn, hoang đường và buồn chồng lên nhau tạo thành số phận của những người chuyên phá khoá mật mã. Rất nhiều người - đều là tinh anh của loài người - đã phải lặng lẽ sống cuộc đời buồn thảm như vậy.

Nhưng có thể là thiên tài, có thể là may mắn tiến sĩ Englert chỉ cần bảy tháng trời đã mở toang cánh cửa mật mã chim ưng. Có thể đây là thành công vô tiền khoáng hậu của giới phá khoá mật mã, mức độ hoang đường của nó tương đương với chuyện mặt trời mọc đằng tây, giống như hạt mưa từ trời rơi xuống bỗng có một hạt mưa rơi ngược lên trời.

Mỗi lần nghĩ lại, Kim Trân cảm thấy xấu hổ, một cảm giác không thật. Anh thường khẽ nói với tấm ảnh và tác phẩm của Englert:

“Mọi người đều có anh hùng của mình, ông là anh hùng của tôi, mọi trí tuệ và sức mạnh của tôi đều đến từ sự chỉ đạo và cổ vũ của ông, ông là mặt trời của tôi, nguồn sáng của tôi không tách rời ánh sáng của ông chiếu rọi...”

Anh tự hạ thấp bản thân không phải vì bất mãn với bản thân mà là biểu hiện vô cùng sùng kính Englert. Sự thật thì, ngoài Englert ra, trong lòng Kim Trân chỉ còn lại chính anh, anh không tin ở đơn vị 701 còn ai có thể phá được mã khoá hắc mật ngoài anh. Anh không tin đồng僚, hoặc lí do chỉ tin mình thật đơn giản, chỉ một, đó là, họ thiếu hẳn lòng thành kính và tình cảm thiêng liêng, sự tôn sùng đầy cảm kích đối với Englert. Trong tiếng xìch xìch của đoàn tàu, Kim Trân nghe rõ tiếng mình nói với vị anh hùng của lòng mình:

“Họ không thấy ánh sáng nơi ông, mà có trông thấy cũng sợ hãi, không lấy đây làm vinh dự, ngược lại cho rằng đây là sự nhục nhã, đây là lí do tôi không tin ở họ. Tận hưởng cái đẹp cũng cần có tài năng và lòng dũng cảm, không có tài năng và lòng dũng cảm, cái đẹp sẽ khiến con người phải sợ hãi.”

Cho nên, Kim Trân tin tưởng thiên tài chỉ hiện rõ giá trị cao quý trong con mắt thiên tài, thiên tài trong con mắt số đông hoặc người bình thường rất có thể trở thành quái vật, một kẻ ngu dốt. Vì họ đi quá xa đám đông, đám đông nhìn xa không thấy rõ, cho rằng họ đã bị rơi lại phía sau. Đây là tư duy thường thấy ở số đông, chỉ cần anh im lặng, họ cho rằng anh hỏng rồi, sợ rồi, im lặng là vì sợ hãi mà không phải xem khinh.

Kim Trân nghĩ, mình và đồng nghiệp khác nhau cũng ở chỗ này, tức là, anh khâm phục tiến sĩ Englert, tôn trọng ông ta. Cho nên, anh có thể toả ánh long lanh như khối pha lê trong con mắt sáng ngời của vĩ nhân. Còn bọn họ không thể, bọn họ giống như hòn đá cuội, ánh sáng không thể xuyên qua nổi.

Anh lại nghĩ, không nghĩ ngờ gì nữa, so sánh thiên tài với người thường như pha lê so với đá cuội là đúng, thiên tài có những phẩm chất: trong suốt, yếu ớt mỏng manh, dễ vỡ, không thể va chạm, hề va chạm là vỡ, không như đá. Đá có thể vỡ nhưng không vụn như pha lê, có thể vỡ một góc hoặc một mặt, nhưng đá vẫn là đá, vẫn có thể sử dụng. Nhưng pha lê lại không thể, bản tính pha lê không những dễ vỡ, hơn nữa rất bạo liệt, đụng vào là vỡ, hề vỡ là không còn giá trị. Thiên tài là như vậy, chỉ cần cắt đứt cái ngọn mới nhú chẳng khác nào chặt đứt cả cành, chỉ còn lại một mẩu liệu có ích lợi gì? Chẳng khác nào tiến sĩ Englert, anh lại nghĩ đến anh hùng của lòng mình, nếu thế giới không có mật mã, liệu người anh hùng này còn công dụng gì? Sẽ là vật phế thải.

Bên ngoài, đêm càng khuya hơn.

25. Chương 4-4

Những chuyện xảy ra sau đây không thật, vì nó quá thật.

Sự việc quá thật trở nên không thật, khiến mọi người không thể tin, giống như không tin ở vùng núi nào đó trong tỉnh Quảng Tây, một cây kim có thể đổi được một con bò thậm chí đổi được một con dao găm bằng

bạc. Không ai phủ nhận, mười hai năm trước Kim Trân từ trong giấc mơ thấy Mendeleyev (trong giấc mơ Mendeleyev phát hiện ra vòng tuần hoàn nguyên tố hoá học) đã tìm ra được bí mật vùi sâu của mật mã tử mật, là chuyện thần kì, nhưng không thần kì bằng sự việc dưới đây.

Nửa đêm, Kim Trân bị tiếng tàu vào ga đánh thức. Theo thói quen, hễ thức dậy anh sờ ngay cái cặp bảo hiểm để dưới giường, cái cặp được xích vào chân bàn trà. Vẫn còn!

Anh lại yên tâm nằm xuống, nghe những tiếng chân bước và tiếng loa ồn ào trên sân ga.

Tiếng loa thông báo tàu đã đến thành phố B.

Nghĩa là, ga tới sẽ là thành phố A.

Còn ba tiếng đồng hồ nữa...

Về đến nhà...

Về nhà...

Chỉ còn một trăm tám mươi phút...

Ngủ thêm một giấc nữa là về đến nhà...

Kim Trân suy nghĩ rồi mơ màng chìm vào giấc ngủ.

Chỉ một lát sau, tiếng thét của đoàn tàu rời ga lại làm Kim Trân thức giấc, tiếp theo, tiếng tàu chạy mỗi lúc một hồi hã, giống như điệu nhạc đưa con người vào niềm hưng phấn, liên tục gọi về giấc ngủ cho anh. Giấc ngủ của anh không sâu lắm, làm thế nào để chịu đựng nổi sự giầy vò đó? Giấc ngủ bị tiếng động mạnh làm tan vỡ, anh tỉnh hẳn. Ánh trăng từ ngoài lọt qua cửa sổ toa tàu, chiếu sáng giường anh nằm, bóng tối chao đảo lúc lên lúc xuống, đủ làm ánh mắt anh nhấp nhem. Anh cảm thấy trước mắt mình thiếu cái gì đó, nhưng là thiếu gì? Anh uể oải nhìn quanh, suy nghĩ, cuối cùng phát hiện mất cái cặp treo trên vách, cái cặp da đen mất đầu. Anh ngồi phắt dậy, đầu tiên tìm quanh giường, không có. Sau đấy lục soát dưới gầm giường, trên mặt bàn nước, dưới gối cũng không thấy đâu.

Anh gọi Vasili, gọi vị giáo sư dậy, vị giáo sư nói với họ, chừng một tiếng đồng hồ trước (xin nhớ, một tiếng đồng hồ trước đấy), ông ra nhà vệ sinh đầu toa, thấy một cậu thanh niên mặc quân phục đứng dựa cửa toa hút thuốc, sau đấy ông ở nhà vệ sinh ra, trông thấy bóng cậu kia đi đằng xa, trên tay cậu ta xách cái cặp Kim Trân vừa nói.

“Lúc bấy giờ tôi không kịp suy nghĩ nhiều, cho rằng cái cặp của cậu ta, vì cậu ta đứng hút thuốc, trên tay có cầm gì không tôi không chú ý, với lại tôi nghĩ cậu ta đứng đấy hút xong thuốc rồi mới đi. Bấy giờ, ôi... lúc bấy giờ tôi kịp nghĩ thì tốt biết chừng nào!”

Vị giáo sư giải thích với giọng đồng tình, thông cảm.

Kim Trân nghĩ, chắc chắn cậu thanh niên mặc quân phục kia lấy cái cặp, cậu ta đứng ở đầu toa để rình. Giáo sư đã cho Kim Trân một manh mối, giống như theo dấu chân hình hoa mai trên tuyết đến tận cùng thể nào cũng sẽ là hang hổ. Có thể hình dung, thời gian vị giáo sư vào nhà vệ sinh đủ để cậu thanh niên kia lên vào đánh cắp.

“Như vậy gọi là nhờ gió bẻ măng.”

Kim Trân chỉ nói một câu ấy, rồi nở nụ cười đau khổ.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Thật ra, phá khoá mật mã là chuyện nhờ gió bẻ măng.

Mật mã giống như tấm lưới trời cực lớn, rất khéo léo, không trông thấy rõ. Nhưng, nếu một bản mật mã được đưa vào sử dụng lại giống như một người há to miệng nói chuyện, rất có thể lỡ lời. Lỡ nói ra tức là đã để chảy máu, tức là cái miệng há ra, tức là một tia hi vọng. Giống như tia chớp rạch một lỗ thủng trên bầu trời, phải gọt nhọn đầu để chui vào lỗ thủng ấy, thông qua lối đi trong trùng trùng mê cung bí mật có thể bước vào Đại lễ đường. Những năm gần đây, Kim Trân kiên trì chờ đợi bầu trời vỡ ra một kẽ hở, anh đã chờ đợi cả ngàn ngày đêm, nhưng chưa có được một chút tơ mảnh nào.

Đây là điều không bình thường, rất không bình thường.

Nó có nguyên nhân, chúng tôi nghĩ ra hai điểm:

Thứ nhất, công việc phá khoá mật mã khiến đối phương phải nghĩ rằng, mỗi lần mở miệng ra nói phải thật thận trọng, phải trầm tư suy nghĩ, không dễ sơ hở khiến chúng ta không thể tấn công nổi.

Thứ hai, Kim Trân chưa phát hiện ra manh mối phá khoá mã, giọt nước đã lọt qua kẽ ngón tay cậu, chảy mất. Khả năng này rất lớn. Cứ nghĩ mà xem, ông Hinsh rất hiểu Kim Trân, ông ta có thể mách cho những người tạo lập Hắc mật phải nhắm vào những đặc điểm của Kim Trân, đưa ra cái khó dành riêng cho cơ quan của Kim Trân. Nói thật, tình cảm hai người có thời sâu nặng như tình cha con, nhưng lúc này do thân phận và tín ngưỡng, khoảng cách tâm linh hai người xa hơn bất cứ khoảng cách nào có trên trái đất. Đến nay tôi vẫn nhớ, khi chúng tôi biết Hinsh chính là Wenak, cấp trên đã nói cho Kim Trân rõ tình hình đó và cả chuyện Hinsh gây nên mê hồn trận đối với nước ta, để anh cảnh giác. Kim Trân đã nói gì? Cậu ta nói, để ông ta đi gặp ma, ma quỷ của ngôi đền khoa học!

Đối phương càng ngày càng cẩn thận, sơ hở càng ít, càng dễ bị chúng tôi xem thường, ngược lại, cho dù chúng tôi có để lộ, sơ hở của đối phương càng ít hơn. Cả hai phía giống như hai chiều âm dương của cái mộng gỗ, cùng hô ứng, cùng nghiêng rã, nghiêng thật chặt, xoá sạch dấu vết, không để lộ một chút tơ nhện nào. Hoàn mĩ đến độ lạ lùng đáng sợ, Kim Trân ngày đêm phải đối mặt, thường cảm thấy ớn lạnh, đáng sợ. Không ai biết, nhưng vợ anh biết, trong mơ chồng nhiều lần nói với chị, trên con đường chinh phục mật mã hắc mật cậu đã nắm tay thế thủ, tin chắc sự yên tĩnh của mình đã tuyệt vọng và gặp phải sự đe dọa và chán nản xâm chiếm.

Kể cấp rình rập, cái cặp đã mất, Kim Trân lập tức nghĩ đến cảnh giác và tuyệt vọng, anh giấu cột tự nghĩ, mình muốn kiếm chút gì từ người khác - người tạo lập và sử dụng Hắc mật - thật khó khăn, nhưng người khác đánh cắp đồ của mình thật dễ dàng, chỉ cần hút xong nửa điếu thuốc. Nụ cười đau khổ lại hiện lên khuôn mặt lạnh lùng của anh.

Nói thật, vào lúc này Kim Trân vẫn chưa ý thức được nỗi sợ hãi của việc mất cái cặp da. Anh nhớ ra, trong cái cặp có vé tàu đi và về, phiếu ăn nghỉ và tem gạo có giá đến hai trăm đồng, thậm chí cả các thứ giấy tờ khác. Cuốn sách “Thiên thư” của Englert tối hôm qua trước lúc ngủ anh cũng bỏ vào đấy. Đây là điều làm anh đau lòng. Tóm lại, những thứ đó so với cái cặp bảo hiểm ở dưới giường, anh thấy mình còn rất may mắn, thậm chí cảm thấy mình còn được sống sót sau tai nạn lớn.

Khỏi phải nói, nếu mất cái cặp bảo hiểm sẽ thật sự to chuyện, thật đáng sợ. Lúc này xem ra không có gì phải sợ, chỉ đáng tiếc chút thôi, chỉ đáng tiếc không có gì đáng sợ.

Mười phút sau, trong toa tàu lại yên tĩnh, Kim Trân được Vasili và vị giáo sư kia an ủi, sau một lúc hoảng hốt, lúc này cũng bình tĩnh trở lại. Nhưng khi anh chìm vào bóng tối, sự bình tĩnh được bóng tối che khuất lại bị bánh xe của đoàn tàu nghiêng nát, khiến anh rơi vào ý nghĩ trách cứ và nuối tiếc.

Trách cứ trong lòng, nuối tiếc trong đầu thật mạnh mẽ.

Trong cặp còn gì khác?

Kim Trân suy nghĩ.

Một cái cặp da trong tưởng tượng, sức tưởng tượng cần thiết để mở cái cặp. Bắt đầu là sự nuối tiếc xâm chiếm, mạch suy tư tỏ ra uể oải, không thể nào mở nổi khoá kéo của cái cặp, trước mắt chỉ là một mảng màu đen hình chữ nhật làm mờ mắt, đấy là vỏ ngoài của cái cặp, không phải bên trong. tâm trạng nuối tiếc mờ dần, mạch suy nghĩ mạnh lên, tập trung, sức mạnh như dòng nước của tuyết tan đọng lại, rồi chảy tiếp, đọng lại. Cuối cùng cái khoá kéo mở toang như tuyết lở, một màu xanh ước mơ bỗng hiện lên lấp lánh trước mắt Kim Trân. Tưởng chừng có một bàn tay giết người ẩn hiện, Kim Trân giật mình, ngồi bật dậy, kêu to:

“Vasili, nguy rồi!”

“Chuyện gì?”

Vasili nhảy xuống giường, trong bóng tối anh trông thấy Kim Trân đang run lấy bầy.

“Sổ tay, sổ tay!”.

Kim Trân kêu thất thanh.

Thì ra trong cái cặp ấy có cuốn sổ tay công tác của anh.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Có thể hình dung, là một con người cô độc, một con người chìm vào trầm tư như chết, Kim Trân thường nghe thấy những âm thanh kì diệu. Những âm thanh ấy hình như đến từ bầu trời xa lắc, lại như từ đáy sâu linh hồn, những âm thanh ấy lúc chờ thì không đến, trông mong không thấy đâu, nhưng lại bất ngờ bất gặp, không mời mà đến, có lúc xuất hiện trong giấc mơ, giấc mơ trong giấc mơ, rất thần bí khó lường. Nếu tôi nói, những âm thanh ấy phát ra từ trời đất, nhưng thật ra từ trong con người cậu ta, bắn ra từ linh hồn cậu ta, toả ra từ ánh sáng tâm linh lấp lánh, rồi lấp lánh toả ra tiếp, cậu ta cần phải ghi lại. Nếu không, nó đến nhanh mà đi cũng nhanh, nó đi không để lại hình bóng. Bởi vậy, Kim Trân tạo cho mình thói quen đem theo sổ tay và bút, bất cứ lúc nào, bất cứ đi đến đâu, sổ tay và bút như cái bóng lặng lẽ theo cậu ta.

Tôi biết, đây là cuốn sổ tay cỡ nhỏ, trang bìa in chữ “Tuyệt mật” và mật hiệu, trong đó ghi chép những suy nghĩ kì dị về hắc mật mấy năm qua. Thông thường, Kim Trân để cuốn sổ ở túi dưới phía bên trái của áo mặc. Lần này đi công tác, vì phải đem theo các loại giấy tờ, cậu dùng một cái cặp da, cuốn sổ để vào đây. Cái cặp da là quà của ông Cục trưởng đi nước ngoài về tặng cậu, cặp da bò loại tốt, kiểu cách nhỏ xinh, rất tiện lợi, quai xách bằng da có thể co lại và nới rộng, lồng vào cổ tay, cái cặp da trở thành túi áo nối dài. Sổ tay để trong đó, tôi nghĩ, Kim Trân không còn cảm thấy bất tiện, cũng không lo mất, cảm giác như vẫn để trong túi áo.

Mấy hôm nay, có hai lần Kim Trân phải dùng đến sổ tay.

Lần thứ nhất là buổi chiều trước đây bốn hôm, lúc ấy anh vừa từ hội nghị ra, vì có một người lên phát biểu tỏ ra không biết gì và rất thô bạo, anh vừa bực vừa giận, về phòng nằm thở hổn hển, mắt nhìn ra cửa sổ. Thoạt đầu anh chú ý đến bầu trời ngoài kia đang tối dần, do thị giác không chỉnh, anh thấy bầu trời nghiêng, có lúc anh chớp mắt, lại xoay chuyển. Sau đấy, ánh mắt anh mỗi lúc một mờ đi, cửa sổ, bầu trời, thành phố, bóng chiều... tất cả đều mờ ảo, tiếp đấy là bầu không khí chuyển động của trời chiều cháy đỏ - anh thấy rõ không khí vô hình lay động, chúng lay động như ngọn lửa, lại như trào ra ngoài bầu trời. Không khí lay động, âm thanh của trời chiều rực cháy, tất cả như bóng tối dần dần lan toả vây bọc quanh anh. Cứ như vậy, chỉ trong chốc lát, anh cảm thấy trong cơ thể có một dòng điện quen thuộc chạy qua, cơ thể phát sáng, nhẹ bỗng, cảm giác toàn thân biến thành không khí, giống như ánh lửa bùng cháy lay động, bốc hơi, bay lên tận tầng mây ngoài bầu trời. Cùng lúc ấy, một giọng nói chập chờn như cánh bướm bay đến... Đây là âm thanh số phận đến từ ngoài bầu trời, là âm thanh tự nhiên, là ánh sáng, là ngọn lửa, là anh linh, anh cần phải ghi lại.

Đây là lần đầu anh phải dùng bút kể từ hôm đi công tác, sau đấy anh nghĩ lại, đây là sự phản nộ thiêu cháy anh, phản nộ đưa linh cảm đến với anh. Lần thứ hai là sáng sớm hôm qua, trên con tàu lắc lư anh vui mừng mơ thấy tiến sĩ Englert, đồng thời được nói chuyện với ông ta rất lâu, tỉnh dậy, anh ghi lại nội dung buổi nói chuyện với tiến sĩ Englert.

Có thể nói, trên con đường chinh phục mật mã, trên lối nhỏ của thiên tài, Kim Trân không hò hét, cũng không ra sức cầu cứu, mà luôn luôn chống hai cây gậy, tức là, cần cù và cô độc. Cô độc khiến anh sâu sắc và cứng rắn, cần cù có thể làm anh có được vận may từ vũ trụ. Vận may là ma quỷ, không trông thấy, không sờ thấy, không diễn tả rõ ràng, chờ đợi không đến, cầu mong không thấy, chập chờn ẩn hiện như quỷ thần, có thể đấy là thứ thần bí nhất trần gian. Đồ ma quỷ! Nhưng vận may của Kim Trân không có gì là thần bí, thậm chí rất hiện thực, chúng ẩn náu trong những con chữ ghi trong sổ tay.

Nhưng rồi cuốn sổ tay không cánh mà bay!

Sau khi an ủi Kim Trân, Vasili như lửa đốt, anh ta trở nên bận rộn và căng thẳng. Đầu tiên anh tìm cảnh sát trên đoàn tàu, yêu cầu hành khách ngồi tại chỗ, nghiêm cấm nhảy tàu, thông qua hệ thống vô tuyến điện của đoàn tàu (Trung chuyển qua ga của thành phố A) báo cáo tình hình cho đơn vị 701. Đơn vị 701 lại báo cáo với Tổng cục, Tổng cục báo cáo với cấp trên, cứ như vậy báo cáo lên cấp cao, cuối cùng lên đến thủ trưởng tối cao. Thủ trưởng tối cao chỉ thị gấp:

“Việc mất cắp có liên quan đến an ninh quốc gia, mọi bộ phận có liên quan phải ra sức phối hợp, bằng mọi cách để lấy lại.”

Sổ tay của Kim Trân mất như thế nào? Nó có liên quan đến bí mật của đơn vị 701, mặt khác nó liên quan đến việc có thể phá được khoá mật mã Hắc mật hay không. Sổ tay của Kim Trân là kho tư duy của anh, mọi suy nghĩ và là chìa khoá đều tập trung cả ở đây, liệu có thể mất được không?

Không thể!

Không thể không tìm ra!

Tàu đã tăng tốc, nó phải về đến ga đúng giờ.

Tiếp theo là ga thành phố A, tức là Kim Trân đã về đến cửa, sự việc xảy ra là có âm mưu từ trước, chẳng khác nào số trời đã định, không ai ngờ tới, rất nhiều ngày qua đi, không xảy ra việc gì, vậy mà đến lúc này về đến cửa, lại xảy ra chuyện mất cái cặp da mà không mất cặp bảo hiểm. Hơn nữa, thủ phạm xem ra không phải là kẻ địch đáng sợ, mà là một tên ăn cắp. Tất cả như trong mơ, Kim Trân cảm thấy bấn loạn một hồi, một hồi cung trống rỗng vây bủa anh, giày vò anh. Con tàu vẫn lao về phía trước, cảm giác càng bức xúc, tưởng như đoàn tàu không phải chạy về thành phố A, mà là lao xuống địa ngục.

Đoàn tàu đến thành phố A liền bị phong tỏa, một tiếng đồng hồ trước đây là ga thành phố B, toàn thành phố cũng bị bí mật quản chế.

Những điều thường thức bảo với mọi người: tên kẻ cắp đã xuống tàu, đây là thành phố B.

Không ai không biết, chỗ trốn kín nhất của một ngọn lá là trong rừng sâu, chỗ trốn kín nhất của một người là trong đám đông, là thành phố, bởi muốn trinh sát phá những vụ án như vậy là rất khó, nói rõ hơn, cái bé nhỏ trong đó là khó của cái khó, có thể đưa ra rất nhiều cứ liệu để trông thấy một chút manh mối trong cả quá trình phá án.

Theo ghi chép của tổ chuyên án đặc biệt lúc bấy giờ, trực tiếp và gián tiếp tham gia phá án có các bộ phận sau: Đơn vị 701 (đơn vị đứng mũi chịu sào), Công an thành phố A, Quân đội thành phố A, Cục Đường sắt thành phố A, Đại đội X. của thành phố A, Công an thành phố B, Quân đội thành phố B, Cục đường sắt thành phố B, Cục vệ sinh môi trường thành phố B, Cục quản lý đô thị thành phố B, Cục Xây dựng thành phố B, Cục Giao thông thành phố B, Nhật báo thành phố B, Cục bưu chính thành phố B, Đoàn thanh niên của cơ quan X. thuộc thành phố B. Ngoài ra còn vô số đơn vị nhỏ lẻ khác.

Những nơi phải kiểm tra: ga xe lửa thành phố A, ga xe lửa thành phố B, 220 cây số đường sắt từ thành phố A đến thành phố B, 72 khách sạn, nhà trọ, 637 thùng rác, 56 nhà vệ sinh công cộng, 43 cây số cống rãnh, 9 trạm thu mua phế liệu, vô số nhà dân ở thành phố B.

Hơn 3.700 người trực tiếp tham gia phá án, gồm cả Kim Trân và Vasili.

2.141 hành khách và 43 nhân viên đoàn tàu, hơn 600 lính mặc thường phục bị trực tiếp thẩm vấn.

Vì vậy đoàn tàu về trễ năm tiếng rưỡi đồng hồ.

Thành phố B bị bí mật quản chế 484 tiếng đồng hồ, tức 20 ngày và 4 tiếng đồng hồ.

Mọi người nói đây là vụ án bí mật lớn nhất từ xưa đến nay diễn ra ở tỉnh G, động đến hàng vạn người, mấy thành phố run sợ, quy mô sâu rộng chưa từng có.

26. Chương 4-5

Cũng phải nói đây là yêu cầu của Kim Trân, chuyện này vẫn chưa hết, chừng như mới bắt đầu.

Lúc anh xuống tàu, xuất hiện ở ke nhà ga, lập tức một toán người ập đến, dẫn đầu là nhân vật số một của đơn vị 701, đại nhân Cục trưởng (Cục trưởng tiền nhiệm của Cục trưởng Trịnh Thọt) - người có bộ mặt

ngựa dễ sợ, ít nhất vào lúc ấy Kim Trân thấy như thế. Ông ta đi đến trước mặt Kim Trân, vẻ tức giận làm mất đi cái tôn trọng thường ngày ông ta vẫn dành cho anh, ánh mắt lạnh lùng khiếp hãi.

Kim Trân sợ hãi né tránh ánh mắt, nhưng không tránh khỏi những âm thanh:

“Tại sao không để văn bản mật vào cặp bảo hiểm?”

Lúc ấy mọi người thấy mắt Kim Trân long lanh sáng, rồi lập tức tắt lịm, như sợi tóc bóng điện bị cháy, đồng thời toàn thân cứng như gỗ, ngã vật ra đất.

Khi ánh sáng ban mai chiếu vào ô cửa sổ, Kim Trân mới tỉnh lại, ánh mắt chạm vào khuôn mặt mơ hồ của vợ. Cũng có lúc anh may mắn quên hết mọi chuyện, nghĩ rằng mình đang nằm trên giường nhà mình, vợ anh bị tiếng kêu trong khi anh ngủ mê đánh thức đang lo lắng nhìn anh (Có thể vợ anh vẫn thường ngồi nhìn chồng trong giấc mơ như thế). Nhưng căn phòng trắng và mùi thuốc khiến Kim Trân nhanh chóng tỉnh lại, biết rằng đây là bệnh viện. Vậy là, chỉ trong khoảnh khắc, trí nhớ của anh hồi tỉnh. Anh lại nghe thấy tiếng nói uy nghiêm của ông Cục trưởng:

“Tại sao không để văn bản mật vào cặp bảo hiểm?”

“Tại sao?”

“Tại sao?”

“Tại sao...”

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Nên tin rằng, chuyển công tác này của Kim Trân không ít kẻ ghen tị, thù địch, vì có sự ghen tị nên phải cảnh giác. Cho nên, nếu nói sự việc xảy ra là bởi cậu ta mất cảnh giác, sơ ý, thật không công bằng nếu coi đây là kết quả sự xem thường và xem thường nghề nghiệp của cậu. Nhưng không để sổ tay vào cặp bảo hiểm lại như nói Kim Trân không cẩn thận, cảnh giác không cao.

Tôi nhớ rất rõ, lúc họ xuất phát từ đơn vị 701, tôi và Vasili phải ba lần yêu cầu, nhắc nhở cậu ta, bỏ tất cả các văn bản mật, kể cả giấy tờ tùy thân vào cặp bảo hiểm, cậu ta cũng đã làm như thế rồi. Trên đường về, Vasili nói, cậu ta rất cẩn thận bỏ các văn bản mật vào cặp bảo hiểm, kể cả cuốn cách ngôn vị Thủ trưởng Tổng cục tặng trong thời gian hội nghị, cuốn cách ngôn này do chính tay Thủ trưởng Tổng cục sáng tác, hoàn toàn là cuốn sách bán ở các hiệu sách, không có gì gọi là bí mật. Nhưng cậu ta nghĩ, trên trang bìa có chữ kí của Thủ trưởng Tổng cục, sợ như thế sẽ lộ thân phận, nên coi nó như một tài liệu mật, tự tay bỏ vào cặp bảo hiểm. Cậu ta bỏ tất cả vào, chỉ để một cuốn sổ tay ở ngoài. Sau khi xảy ra sự việc nghĩ lại, cậu ta đã để quên như thế nào, quả thật như một bí mật cổ xưa sâu kín. Tôi tin rằng, tuyệt đối tin rằng, không phải vì thường dùng đến nó mà để ở ngoài, không thể. Cậu ta không mạo hiểm thế đâu, cậu ta cũng không đủ dũng cảm và cả gan mạo hiểm như thế. Chừng như không có lí do gì, sau khi sự việc xảy ra, cậu ta muốn tìm một lí do cũng khó. Kì lạ là, trước khi sự việc xảy ra, cậu ta hoàn toàn không ý thức được có sự tồn tại của cuốn sổ tay (Sự việc xảy ra rồi, cậu ta vẫn chưa nghĩ ngay đến nó), tưởng chừng như nó chỉ là cái kim gài trên tay áo phụ nữ, không cần hoặc không chú ý nên bị nó đâm vào tay, bình thường không nghĩ đến nó.

Đối với Kim Trân, cuốn sổ tay không thể như cái kim trên tay áo phụ nữ, vì cái kim không đáng tiền nên không để ý. Không thể nghĩ ngờ cậu ta không nhớ đến nó, mà rất nhớ, ghi vào lòng. Vì đây là thứ mà cậu vô cùng quý, dùng nó để nói chuyện, là bình chứa linh hồn của cậu ta.

Một thứ vô cùng quan trọng, quý báu đối với cậu ta, là bảo bối của cậu, làm sao có thể xem thường nó?

Đây là câu hỏi khó trả lời.

Kim Trân rất hối hận, đồng thời anh muốn đi vào mê cung thần bí, tìm ra câu hỏi tại sao anh lại sơ ý bỏ cuốn sổ tay ở ngoài. Thoạt đầu, anh choáng váng trong bóng tối vô cùng vô tận, nhưng dần dần anh thích nghi với bóng tối, bóng tối trở thành điểm tựa để phát hiện ra ánh sáng. Cứ như vậy, anh tiếp cận với ý nghĩ...

Chính vì mình sơ ý, cất giấu nó quá kĩ, giấu vào trong tim mình, thậm chí không để bản thân trông thấy... Có thể trong sâu xa tiềm thức, cuốn sổ tay không tồn tại riêng biệt như một vật thể cụ thể, giống như mình

đeo kính... những thứ đó vì quá cần thiết, sẽ không bao giờ rời chúng. Từ lâu chúng gắn vào sinh mệnh, trở thành giọt máu của sinh mệnh, một bộ phận của cơ thể... Mình không cảm thấy chúng, giống như mọi người bình thường không cảm thấy tim và máu mình. Con người chỉ đến khi ốm đau mới cảm nhận được cơ thể mình, không đeo kính mới nhớ đến nó, sổ tay chỉ có thể mất...

Nghĩ đến chuyện mất sổ tay, Kim Trân ngồi bật dậy như bị điện giật, anh vừa mặc áo quần, vừa vội vã chạy ra khỏi phòng bệnh, giống như bị lửa đốt bỏ chạy. Vợ anh, một cô gái cao lớn có lẽ chưa bao giờ thấy chồng như thế, cũng phải giật mình. Nhưng chị bình tĩnh chạy theo chồng.

Mất Kim Trân kém, không quen với bóng tối trong hành lang, anh lại vội vã chạy, lúc xuống, anh ngã ở cầu thang, cặp kính văng ra may mà không vỡ, đúng lúc ấy vợ đuổi kịp anh. Vợ từ đơn vị 701 đến, trước khi đến có người đã báo cho chị biết, có thể Kim Trân đi đường bị mệt, đột ngột lâm bệnh phải vào nằm ở bệnh viện X, chị phải đến chăm sóc. Chị đến, nhưng không biết đã xảy ra chuyện gì. Chị bảo chồng về nghỉ, bị Kim Trân từ chối một cách thô bạo.

Xuống đến dưới nhà, anh vui mừng thấy chiếc xe jeep của mình đang chờ ở sân, anh đến bên chiếc xe, thấy người lái xe đang ngủ gục trên tay lái. Xe đưa vợ anh đến, lúc này Kim Trân đang cần dùng. Lên xe, anh nói dối vợ, anh bỏ quên cặp trên tàu, “đi lấy rồi về ngay.”

Kim Trân biết, tên ăn cắp chỉ có hai cách: thứ nhất, vẫn ở trên tàu, thứ hai là đã xuống tàu ở thành phố B. Nếu còn ở trên tàu chắc chắn nó không thể thoát, vì tàu đã bị phong tỏa. Cho nên, Kim Trân vội vã đến thành phố B, vì thành phố A không cần anh, mà thành phố B có thể cần người của toàn thành phố.

Ba tiếng đồng hồ sau, chiếc xe con vào sân của Cục cảnh vệ. Anh hỏi thăm đến Tổ chuyên án đặc biệt. Tổ chuyên án đặc biệt đóng ngay trong nhà khách của Cục cảnh vệ, tổ trưởng là một vị Phó Tổng cục trưởng (lúc này chưa đến nhận nhiệm vụ), dưới có năm vị tổ phó là lãnh đạo những bộ phận có liên quan của hai thành phố A và B, trong đó có một vị tổ phó về sau là Cục trưởng Trịnh chống gậy - lúc bấy giờ là Phó cục trưởng thứ bảy - lúc này ông đang có mặt tại Tổ chuyên án. Kim Trân đến, ông Trịnh nói với anh một tin xấu: đoàn tàu phong tỏa ở thành phố A để kiểm tra nhưng không tìm thấy tên ăn cắp.

Có nghĩa là tên ăn cắp đã xuống ga B.

Vậy là người của tổ chuyên án kéo nhau về thành phố B, ngay chiều hôm đó Vasili cũng đến B, anh ta đến B theo lệnh của Cục trưởng đưa Kim Trân vào bệnh viện điều trị. Có thể Cục trưởng đoán biết Kim Trân sẽ từ chối, cho nên lúc ông ra lệnh liền bổ sung một câu: nếu Kim Trân không chấp hành, anh phải bám theo từng bước bảo vệ an toàn cho Kim Trân.

Kết quả, Vasili chấp hành không phải là mệnh lệnh mà là lời bổ sung.

Không ngờ, một sự thoả hiệp nho nhỏ của Vasili lại mang tai hoạ về cho đơn vị 701.

27. Chương 4-6

Mấy hôm sau, ban ngày Kim Trân như kẻ mộng du lang thang khắp ngõ phố của thành phố B, lại tiêu hao đêm dài đến điên người trong những suy nghĩ xa xôi. Vì hi vọng quá mức nên anh cảm thấy thất vọng cực độ, đêm là thời gian anh thụ hình. Cứ tối đến, anh lại trần trổ giày vò bởi số phận không may của mình, những đêm mất ngủ đè nặng lên anh, thiêu cháy anh. Anh cố moi óc nhớ lại mỗi ngày mỗi đêm vừa qua, mong phán xét bản thân, làm rõ cái sai của mình. Nhưng hình như tất cả đều sai lầm, lại như không có gì sai, tất cả như mơ như ảo. Trong tấm lưới vô tận, nước mắt bị phẫn đốt cháy đôi mắt anh. Trong sự giày vò ghê gớm, anh như bông hoa tàn, những cánh hoa rơi rụng dần, lại như con cừu lạc đàn, tiếng kêu yếu đuối, cô đơn, đau khổ.

Lúc này là buổi tối thứ sáu sau ngày xảy ra sự việc. Cái đêm quý báu và buồn đau này bắt đầu bằng một trận mưa như trút, mưa làm cho Kim Trân và Vasili ướt lướt thướt, khiến Kim Trân ho không ngừng, vì vậy

họ về đến nhà muộn hơn mọi ngày. Hai người nằm lên giường, dù mệt mỏi họ vẫn phải chịu đựng, phải chịu đựng tiếng mưa ngoài kia quả là chuyện khó khăn.

Tiếng rào rào khiến Kim Trân nhớ đến một việc đáng sợ.

(Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh)

Là đương sự, đối với công tác điều tra, Kim Trân có nhiều ý kiến đặc biệt, ví dụ có lần cậu ta nêu lên, ăn cắp nhằm mục đích lấy tiền, cho nên hẩn lấy tiền rồi vứt các thứ đi, coi cuốn sổ tay bảo bối của cậu là thứ giấy lộn. Ý kiến này rất đúng, những người trong tổ chuyên án đánh giá cao, vì thế các thùng rác và đồng rác của thành phố B ngày nào cũng có người lục soát. Tất nhiên Kim Trân là một thành viên trong số đó, hơn nữa cậu còn là chủ tướng, làm rất tích cực và cẩn thận, thông thường có người tìm kiếm rồi anh vẫn không yên tâm, tự mình tìm lại một lần nữa.

Nhưng buổi tối thứ sáu sau ngày xảy ra sự việc, một trận mưa như trút, hơn nữa mưa như không tạnh, nước từ trên trời ào ào trút xuống, lại ào ào chảy trên mặt đất, mưa xối xả, khắp các ngõ ngách của thành phố B nước chảy thành sông, nước tràn ngập. Điều ấy khiến mọi người trong đơn vị 701 mà Kim Trân là đại diện đều đau khổ nghĩ rằng, dù có ngày tìm thấy cuốn sổ tay thì tất cả những suy nghĩ quý báu được ghi trong đó cũng bị nhoè. Với lại, nước mưa chảy xối xả rất có thể cuốn trôi cuốn sổ tay, càng khó tìm thấy. Cho nên, trận mưa làm chúng tôi thêm đau khổ, tuyệt vọng, chắc chắn Kim Trân càng đau khổ hơn, càng tuyệt vọng hơn. Đúng ra, trận mưa chỉ là trận mưa thông thường, không ác ý, không liên quan đến hành vi của tên ăn cắp, mặt khác như có gì đó phối hợp xa xôi, lặng lẽ câu kết, là sự tiếp tục, phát triển ác ý, khiến tai hoạ chúng tôi đang gặp phải càng thêm nặng nề.

Trận mưa cũng làm ụt tía hi vọng nhỏ nhoi của Kim Trân.

Trận mưa làm ụt tía hi vọng nhỏ nhoi của Kim Trân.

Từ trận mưa này Kim Trân một lần nữa dễ dàng và trực tiếp nhận ra thật rõ ràng và đậm nét quá trình tai hoạ giáng xuống đầu anh: hình như có một ngoại lực thần bí nào đó thao túng, khiến những gì anh sợ lần lượt xảy ra một cách bất ngờ, hơn nữa rất ngẫu nhiên, đau xót vô cùng.

Từ trận mưa này Kim Trân cũng nhìn lại chuyện thần bí và sâu sắc của mười hai năm trước. Mười hai năm trước, trong giấc mơ về Mendeleyev anh đã đột nhập được vào thiên đường của tử mật, từ đấy đêm trở thành huy hoàng xán lạn đối với anh. Anh đã từng nghĩ rằng, sự thần kì ấy, ý trời ấy không còn nữa, bởi vì nó quá thần kì, thần kì đến độ không ai dám cầu mong. Nhưng bây giờ, sự thần kì và ý trời lại tái hiện trong anh, chẳng qua hình thức không như vậy, giống như ánh sáng và bóng tối, lại giống như cầu vồng và mây đen, hai mặt chính phản của một đồ vật, tưởng như nhiều năm nay anh đi quanh nó, cho dù đối mặt với mặt phải, tất nhiên cũng đối mặt với mặt trái của nó.

Vậy cái đó là gì?

Kim Trân nghĩ, hồi xưa ông Tây dạy anh, trong lòng có đức Giê su cơ đốc, có thể cái đó là Thượng đế toàn năng, thần linh toàn năng, vì chỉ có thần linh mới có tính phức tạp, cũng là sự hoàn chỉnh, tức là có mặt thiện lại có mặt ác, tuy có lương thiện lại có sợ hãi. Hình như chỉ có thần linh mới có được năng lượng và sức mạnh to lớn, khiến anh phải xoay chuyển quanh nó, xoay chuyển và xoay chuyển, đồng thời hiện rõ tất cả: tất cả vui mừng, tất cả khổ đau, tất cả tuyệt vọng, tất cả thiên đường, tất cả địa ngục, tất cả huy hoàng, tất cả huỷ diệt, tất cả vinh quang, tất cả ô nhục, tất cả đại hỉ, tất cả đại bi, tất cả thiện, tất cả ác, tất cả ngày, tất cả đêm, tất cả ánh sáng, tất cả bóng tối, tất cả chính diện, tất cả phản diện, tất cả âm, tất cả dương, tất cả trên, tất cả dưới, tất cả mặt trong, tất cả mặt ngoài, tất cả đây, tất cả kia, tất cả của tất cả...

Khái niệm thần linh long trọng thấp thoáng xuất hiện, khiến trái tim Kim Trân rất bất ngờ trở nên thấu đáo và thanh thản. Anh nghĩ, dầu vậy, dầu tất cả đều là chỉ ý của thần linh, liệu mình còn gì để chống lại? Chống lại cũng vô ích. Luật pháp của thần linh là công bằng. Thần linh không thay đổi luật pháp vì một ý nguyện của ai đó. Thần linh quyết định bày tỏ rõ ràng với mọi người về tất cả những gì của mình. Thần linh thông qua tử mật và hắc mật để hiển thị tất cả: vui mừng, khổ đau, hi vọng, tuyệt vọng, thiên đường, địa ngục, huy hoàng, huỷ diệt, vinh quang, ô nhục, đại hỉ, đại bi, thiện và ác, ngày và đêm, sáng và tối, chính diện, phản diện, âm và dương, trên và dưới, trong và ngoài, đây và kia, tất cả và tất cả...

Kim Trân nghe thấy một loạt tiếng hô khẩu hiệu, anh rất thần nhiên và bình tĩnh thu ánh mắt từ ngoài cửa sổ về, tưởng chừng mưa hay không mưa không liên quan gì đến anh, tiếng mưa cũng không làm anh khó chịu. Lúc anh nằm lên giường, tiếng mưa thậm chí khiến anh cảm thấy thân thiết, bởi nó rất thuần khiết, rất ôn hoà, có tiết tấu, Kim Trân nghe và bị nó thu hút và tan chảy. Anh ngủ, đồng thời còn nằm mơ. Trong mơ anh nghe thấy một giọng nói từ xa vọng lại:

“Xin đừng mê tín thần linh.”

“Mê tín thần linh là biểu hiện nhu nhược”.

“Thần linh không cho Englert một cuộc sống hoàn mỹ.”

“Lẽ nào luật pháp của thần linh là công bằng?”

“Luật pháp của thần linh không công bằng...”

Câu cuối cùng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, tiếng nhắc lại mỗi lúc một to hơn, cuối cùng to như tiếng sấm khiến Kim Trân tỉnh giấc, tỉnh rồi tiếng nói ấy vẫn vang vọng bên tai:

“Không công bằng... không công bằng... không công bằng...” Kim Trân không nghĩ ra đây là tiếng ai, càng không biết tại sao lại nói với anh “thần linh không công bằng!”. Thôi được, cứ coi như không công bằng, vậy không công bằng ở đâu? Anh bắt đầu suy nghĩ tìm kiếm trong vô biên. Không biết tại đâu đâu hay tại hoài nghi, sợ hãi, anh không tìm ra đầu mối của mạch suy nghĩ, mọi ý nghĩ cứ phù du, không đầu, ồn ào huyền ảo, trong đầu như nồi nước sôi lục đục, mở ra xem, nhưng không có chút thực chất nào, mọi ý nghĩ lướt qua rất hình thức. Lát sau, cảm giác nước sôi không còn, giống như cho thực phẩm vào nồi, theo đó trong đầu vẫn là tiếng bánh xe lửa nghiêng trên đường ray, một loạt hình ảnh kẻ cắp, cặp da, nước mưa... khiến Kim Trân trông thấy tai hoạ ngay trước mắt mình. Nhưng anh không hiểu những thứ đó có ý nghĩa gì, hình như thức ăn chưa chín, về sau những thứ đó chen chúc xô đẩy nhau, nước lại bốc hơi rồi dần dần sôi. Nhưng không phải sôi không như ban đầu, mà là sự sôi của thủy thủ sau một chuyến đi xa nay trông thấy bờ, muốn tăng tốc để sớm đến với mục tiêu, cuối cùng Kim Trân nghe thấy tiếng nói thần bí:

“Để tai hoạ bắt ngờ hạ gục mi, lẽ nào mi cảm thấy công bằng?”

“Không!”

Kim Trân kêu lên, tung cửa chạy đi, chạy vào cơn mưa như trút, gào lên với bầu trời đêm tối:

“Trời ơi, ông trời không công bằng với tôi!”

“Trời ơi, tôi muốn cho Hắc mật hạ gục tôi!”

“Chỉ có Hắc mật hạ gục tôi mới công bằng!”

“Trời ơi, chỉ có con người tàn ác mới gặp sự không công bằng như thế này!”

“Trời ơi, chỉ có thần linh tàn ác mới để tôi gặp phải điều chê trách thế này!”

“Thần linh tàn ác, nhà người không thể như thế!”

“Thần linh tàn ác, tôi sẽ liều với người...”

Sau một hồi gào thét bỗng anh cảm thấy nước mưa lạnh giá tựa như lửa thiêu đốt, khiến máu trong người cuộn chảy, máu chảy lại làm anh nghĩ đến nước mưa cũng đang chảy. Ý nghĩ ấy vừa loé lên anh cảm thấy toàn thân chuyển động, kết nối với trời với đất, như không khí như sương mù, như mộng như ảo. Cứ như vậy anh nghe thấy những âm thanh lúc mờ lúc tỏ trên bầu trời, những âm thanh ấy hình như xuất phát từ cuốn sổ tay khốn khổ, nó lưu lạc cùng khốn với nét mực nhoè nhoẹt, lúc ẩn lúc hiện cho nên âm thanh cũng lúc rõ lúc không.

Kim Trân, anh nghe đây, nước mưa chảy khiến mặt đất cũng chảy theo. Cho dù nước mưa cuốn trôi sổ tay của anh, cũng có thể nó trôi về với anh, hãy trôi đi, cho dù mọi việc có thể xảy ra, tại sao lại không thể... Cho dù nước mưa có thể cuốn trôi sổ tay, cũng có thể nó trôi về... trôi về... trôi về...

Đây là ý nghĩ kì lạ cuối cùng của Kim Trân.

Đó là một đêm diệu kì và ác độc.

Ngoài trời vẫn mưa không ngớt, mưa vô cùng vô tận.

28. Chương 4-7

Câu chuyện này nửa vui, nửa buồn. Vui ấy là tìm lại được cuốn sổ tay, buồn ấy là Kim Trân mất tích. Tất cả và tất cả giống như Kim Trân nói, thần linh đưa lại niềm vui cho chúng ta nhưng cũng đưa lại khổ đau, thần linh đang hiển thị tất cả.

Trong cái đêm mưa dai dẳng, Kim Trân đi mất tích. Không ai biết anh đi vào lúc nào, đi trước lúc nửa đêm hay sau nửa đêm? Đi lúc mưa hay khi mưa đã tạnh? Nhưng ai cũng biết từ đấy không thấy Kim Trân về, giống như một con chim bay khỏi tổ, lại như ngôi sao sa vĩnh viễn rời khỏi quỹ đạo.

Kim Trân mất tích khiến vụ án thêm phức tạp, giống như đêm tối trước bình minh. Có người chỉ ra rằng, phải chăng Kim Trân mất tích là sự việc tiếp theo của cuốn sổ tay, là hai bước của một hành động? Nếu vậy, thân phận tên kẻ cắp càng thêm bí hiểm và là thù địch. Nhưng phần đông đều tin rằng, Kim Trân mất tích là bởi anh quá tuyệt vọng, không thể chịu đựng nỗi đau khổ. Ai cũng biết, mật mã là sinh mệnh của Kim Trân, cuốn sổ tay là sinh mệnh của sinh mệnh Kim Trân, lúc này hi vọng tìm lại được cuốn sổ tay càng ngày càng ít dần, dù tìm lại được thì nước mưa cũng làm nhoè không còn đọc được nữa, anh không nghĩ ra, có thể lao đi tìm, đây là điều không phải không có khả năng.

Chuyện sau đây đã chứng thực sự nghi ngờ của mọi người. Một buổi chiều, có người nhặt được một chiếc giày da ở bờ sông (gần nhà máy lọc dầu) cách thành phố B hơn chục cây số về phía đông. Vasili nhận ra ngay đây là chiếc giày của Kim Trân, đây là chiếc giày há mồm, Kim Trân đi mỗi chân, trong lúc bốn ba anh đá tung nó đi.

Vasili càng tin rằng, anh đang đối mặt với khả năng chẳng được việc gì, với tâm trạng lo buồn, anh cảm nhận có thể không tìm thấy cuốn sổ tay, nhưng rất có thể tìm thấy thi thể Kim Trân, thi thể có thể nổi trên dòng sông nước đục ngầu. Nếu thật như thế, Vasili nghĩ, thà rằng lúc ấy đưa Kim Trân về, sự việc trong đầu óc Kim Trân chỉ có thể là không bình thường.

“Chúng ta theo đuổi mục đích chó má!”

Anh ném chiếc giày thật xa, giống như ném đi những năm tháng không ra gì.

Đây là sự việc xảy ra trong ngày thứ chín của vụ án, cuốn sổ tay vẫn bật vô âm tín khiến mọi người mất hết lòng tin, bóng tối tuyệt vọng bắt đầu bám lấy trái tim mọi người và nó đang sâu sắc thêm. Vì thế Tổng cục quyết định mở rộng điều tra ra công khai - trước đây điều tra bí mật.

Hôm sau, “Nhật báo thành phố B” đăng ngay trên trang nhất tin “Tìm đồ vật bị thất lạc”. Tin nói dối, một người nghiên cứu khoa học, mất cuốn sổ tay có liên quan đến một phát minh kĩ thuật có tầm cỡ quốc gia.

Phải nói rằng, đây là hành động mạo hiểm, vì tên kẻ cắp có thể giấu hoặc huỷ cuốn sổ tay, theo đó công tác trinh sát rơi vào tuyệt vọng. Điều khiến mọi người khó tin là, mười giờ ba phút tối hôm đó, chuông điện thoại đường dây nóng của Tổ chuyên án bỗng reo lên, Vasili với sự nhạy cảm của mình, một tay chụp ngay điện thoại, nói:

“A lô, Tổ chuyên án đây, có gì nói đi.”

“A lô, a lô, ở đâu đấy, có gì nói đi.”

Tút tut tut...

Điện thoại bị ngắt.

Vasili đặt máy xuống, cảm thấy như đụng phải một cái bóng.

Một phút sau chuông điện thoại lại réo.

Vasili lại cầm máy, vừa lên tiếng thì trong máy có tiếng nói run run vội vã:

“Cuốn, cuốn sổ tay... ở trong thùng thư...”

“Thùng thư nào, a lô, thùng thư nào?”

Tút tut tut...

Điện thoại lại bị ngắt.

Tên kẻ cắp, tên kẻ cắp đáng giận lại đáng yêu, có thể vì quá hoảng sợ nên không kịp nói hòm thư nào rồi vội bỏ máy xuống. Nhưng như vậy cũng đủ, rất đủ. Thành phố B có mấy chục thậm chí cả trăm thùng thư, như vậy có là gì? Hơn nữa, vận may tìm đến liên tục, Vasili bất ngờ mở thùng thư thứ nhất thì phát hiện ngay cuốn sổ tay.

Dưới ánh sao đêm, cuốn sổ tay toả ánh xanh, nó lặng lẽ đến ghê rợn, nhưng là sự lặng lẽ hoàn mỹ, vui mừng, tưởng như đây là một đại dương thu nhỏ, lại giống như một mảnh đá quý màu xanh.

Cuốn sổ tay vẫn nguyên, chỉ bị xé mất hai trang cuối. Một vị lãnh đạo Tổng cục nói vui trong máy điện thoại: “Có thể tên ăn cắp dùng để chùi cái đít bẩn của nó!”

Một vị lãnh đạo khác của Tổng cục nghe tin, ông vui mừng nói: “Nếu tìm được cái thằng ăn cắp kia, các cậu cho nó một ít giấy bản, đơn vị 701 các cậu có nhiều giấy lắm.”

Nhưng không ai đi tìm tên kẻ cắp.

Vì hẳn không phải tên bán nước.

Vì vẫn chưa tìm được Kim Trân.

Hôm sau, “Nhật báo thành phố B” lại đăng tin tìm người, tìm Kim Trân, tin đăng báo thế này:

Dung Kim Trân, nam, 37 tuổi, cao 1,65 mét, người gầy nhỏ, da trắng, đeo kính cận thị nặng màu trà, mặc đồ Tôn Trung Sơn màu xanh, quần màu ghi nhạt, trên túi áo ngực cài cây bút máy nhập khẩu, tay đeo đồng hồ nhãn hiệu Chung Sơn, biết nói tiếng phổ thông và tiếng Anh, cử chỉ chậm chạp, có thể đi chân trần.

Hôm sau vẫn không có hồi âm.

Ngày thứ hai vẫn không có hồi âm.

Ngày thứ ba, “Nhật báo tỉnh G” cũng đăng tin tìm Kim Trân, ngay trong ngày hôm ấy không có hồi âm gì.

Có thể, theo Vasili, không có hồi âm là chuyện bình thường, vì đòi một thi thể có hồi âm là chuyện khó khăn. Anh ta có dự cảm sâu sắc rằng, việc đưa Kim Trân còn sống về đơn vị 701 - đây là nhiệm vụ của anh ta - là vô cùng khó khăn.

Nhưng trưa ngày hôm sau, Tổ chuyên án thông báo cho Vasili biết, ở huyện M vừa điện cho biết, ở đây có một người giống với Dung Kim Trân, mời người của Tổ chuyên án về nhận mặt.

Giống Dung Kim Trân? Vasili lập tức nghĩ dự cảm của mình là đúng, vì chỉ có thi thể thì mới có hồi âm như thế. Chưa lên đường, Vasili vốn được coi là con người kiên cường, mạnh mẽ chưa chi đã nhoè nước mắt yếu đuối.

Huyện M cách thành phố B chừng một trăm cây số, làm sao mà Kim Trân đến đây để tìm sổ tay, chuyện thật bí ẩn và kì lạ. Dọc đường, Vasili với con mắt của người trong mộng nhìn lại những tai hoạ đã qua và khổ đau sắp tới, lòng những kinh hoàng, buồn thương. Đến huyện M, Vasili chưa đi tìm người gọi điện thoại, anh đi qua cổng nhà máy sản xuất giấy, chợt để ý đến một người ngồi trước đồng giấy phế liệu. Con người này thật đáng chú ý, trông không bình thường, người đầy bùn đất, đi chân trần, rét thâm tím bàn chân, hai bàn tay đỏ ửng, giống như móng vuốt đang cào bới, lật giở đồng giấy, tìm từng cuốn vở phế bỏ, xem kĩ từng cuốn, ánh mắt mê mẩn, miệng lẩm bầm, dáng vẻ thành kính của kẻ gặp nạn, như vị trụ trì gặp nạn đang thành khẩn, buồn đau tìm kiếm kinh bốn nơi cửa chùa.

Đó là một buổi chiều mùa đông có nắng, nắng chiếu trên con người đáng thương, chiếu trên bàn tay đỏ máu.

Chiều trên đầu gối đang quỳ.

Chiều trên tấm lưng lom khom.

Chiều trên khuôn mặt biến dạng.

Chiều trên miệng, trên mũi, trên cặp kính, trên ánh mắt...

Vasili nhìn đôi tay như móng vuốt dang rộng, vươn dài, đi tới gần con người kia, cuối cùng nhận ra đây là Kim Trân.

Kim Trân đây rồi!

Đây là ngày thứ mười sáu của vụ án, bốn giờ chiều ngày mười ba tháng giêng năm 1970.

Buổi chiều muộn của ngày mười bốn tháng giêng năm 1970, Vasili đưa Kim Trân với vết thương thể xác và linh hồn cùng những bí mật vĩnh viễn, về đến sân đơn vị 701 cao cổng kín tường, từ đây câu chuyện cũng kết thúc.

29. Chương 5-1

Kết thúc cũng là bắt đầu.

Tôi muốn giải thích thêm những sự việc ngoài cuộc đời Kim Trân và tin tức tìm kiếm, đây là chương năm, chương cuối cùng.

Tôi cảm thấy chương này như hai cánh tay mọc trên thân thể của bốn chương trước, một cánh tay tìm kiếm thời gian trước câu chuyện, một cánh tay nữa thăm dò thời gian sau khi câu chuyện xảy ra. Hai cánh tay rất cố gắng vươn thật xa, dang thật rộng, hơn thế cũng rất may mắn đụng vào những sự thật, có cái như đáp án xa vời và rất hưng phấn. Sự thật, mọi chuyện thần bí và bí mật trong bốn chương trước, thậm chí những gì đặc sắc còn thiếu sẽ lần lượt xuất hiện trong chương này.

Ngoài ra, so với bốn chương trước, dù là nội dung hay ngôn ngữ tự thuật, tôi cố tình không tìm kiếm sự thống nhất về tình cảm, thậm chí cố ý làm nghiêng lệch và biến hoá. Hình như tôi thách thức tiểu thuyết truyền thống thông thường, nhưng kì thật tôi đầu hàng Kim Trân và câu chuyện về anh. Điều kì lạ là, sau khi quyết định đầu hàng, trong lòng tôi bỗng cảm thấy nhẹ nhàng, rất thỏa mãn, cảm giác như đã chiến thắng.

Đầu hàng không có nghĩa là từ bỏ. Khi đọc xong toàn văn các bạn sẽ biết, đây là do người tạo lập hắc mặt đã gợi ý cho tôi. Ôi, tôi đi quá xa mất rồi! Nhưng nói thật, chương này là thể, nói đi nói lại hình như thấy Kim Trân điên tôi cũng phát điên.

Hãy trở lại với câu chuyện.

Có người nghi ngờ hỏi tôi về tính chân thật của câu chuyện, đây là ngọn roi thứ nhất kích thích tôi viết chương này.

Tôi đã từng nghĩ, để mọi người tin vào câu chuyện, tin là thật, là mục đích không thể bỏ qua. Nhưng câu chuyện này có một yêu cầu đặc biệt, vì nó là thật, không dễ nghi ngờ. Để giữ khuôn mặt vốn có của nó, tưởng như tôi phải mạo hiểm, ví dụ có hai chi tiết tôi có thể hoàn toàn dựa vào tưởng tượng nhưng phải xây dựng thật khéo, thật hợp tình hợp lí, hơn nữa còn có được sự hậu thuẫn của lối tự thuật. Nhưng, mong muốn và nhiệt tình muốn giữ nguyên bản không cho tôi làm như thế. Sở dĩ nói, nếu câu chuyện có khiếm khuyết nào đó thì nguyên nhân không ở người viết, mà tại nhân vật hoặc bản thân cơ chế cuộc sống. Không thể không như thế, ở mỗi con người đều có những điều không hợp logic hoặc có thể nói chưa đủ kinh nghiệm. Đây là điều không còn cách nào khác.

Tôi cần nhấn mạnh, đây là câu chuyện lịch sử, không phải tưởng tượng, tôi ghi lại những hồi âm từ quá khứ. Có thể hiểu (vì thế có thể tha thứ) một số câu chữ được sửa chữa và có những hư cấu cần thiết, ví dụ tên

người, địa điểm, thậm chí tưởng tượng màu sắc của bầu trời lúc bấy giờ. Một số thời gian cụ thể cũng có thể có sự sai lệch, những gì đến nay còn cần giữ bí mật tất nhiên tôi phải tước bỏ, có những miêu tả tâm lí có thể còn vẽ rắn thêm chân. Nhưng không còn cách nào khác, vì Dung Kim Trân là con người chìm đắm vào ảo tưởng, cả đời không có nổi một động tác, động tác duy nhất là phá khoá mật mã, nhưng vì bí mật, nên không có cách nào biểu hiện. Chỉ vậy thôi.

Ngoài ra, tìm thấy Kim Trân ở xưởng sản xuất giấy hay xưởng in huyện M, chuyện này không ai nói chính xác, hơn nữa hôm ấy đưa Kim Trân về không phải là Vasili, mà là nhân vật đứng đầu đơn vị 701, đích thân ông Cục trưởng đi đón. Mấy hôm ấy Vasili vì quá sợ hãi, quá mệt mỏi, nên bị ốm, không thể đi nổi. Vị Cục trưởng này mười năm trước đã xa chúng ta, hơn nữa lúc ông còn sống, ông không nhắc gì đến chuyện hôm ấy, hình như nhắc đến lại cảm thấy không phải với Kim Trân. Có người nói, ông Cục trưởng rất đau lòng về chuyện Kim Trân phát điên, trước lúc chết ông còn tự trách mình. Tôi không biết có nên tự trách mình hay không, chỉ cảm thấy ông tự trách mình khiến tôi càng tiếc cho kết cục của Kim Trân.

Trở lại câu chuyện.

Hôm ấy cùng với ông Cục trưởng đi đón Kim Trân ở huyện M về còn có người lái xe cho Cục trưởng, nghe nói người này lái xe rất giỏi nhưng lại mù chữ, vì thế mới có sự mơ hồ không biết đây là xưởng in hay xưởng làm giấy. Xưởng in và xưởng làm giấy bên ngoài cũng hơi giống nhau, đối với người không biết chữ, với lại lúc nhìn cũng không chú ý, lẫn lộn cũng là chuyện bình thường.

Tôi đã hỏi chuyện người lái xe này, muốn để ông ta phân biệt xưởng in và xưởng làm giấy, ví dụ xưởng làm giấy có ống khói cao, xưởng in thì không có, xưởng in có mùi mực in, xưởng làm giấy có nhiều nước bắn chảy ra ngoài, nhưng không có mùi. Tuy vậy người lái xe vẫn không thể xác định nổi, lời lẽ hàm hồ, không chắc chắn.

Có lúc tôi nghĩ, có thể đây là sự phân biệt giữa người có văn hoá và người không có văn hoá. Người không có văn hoá thường khó khăn trong việc phán đoán sự việc đúng sai phải trái, với lại cũng đã mấy chục năm rồi, người lái xe bây giờ là một ông già lẩm cẩm, rượu thuốc quá độ khiến trí nhớ của ông cũng bị thoái hoá nghiêm trọng. Ông nói một cách chắc chắn với tôi, sự việc xảy ra hồi năm 1967, không phải năm 1969. Sai lầm ấy khiến tôi mất tin tưởng vào những tư liệu ông cung cấp. Cho nên cuối câu chuyện thiếu hẳn một người xuất hiện, tôi cứ để nó sai, cho Vasili thay ông Cục trưởng đến huyện M.

Điều ấy phải nói rõ.

Đây cũng là chỗ sai sự thật lớn nhất trong câu chuyện.

Về việc này tôi luôn cảm thấy đáng tiếc.

Có người tỏ ra quan tâm đến cuộc sống sau đây của Kim Trân, đây là ngọn roi thứ hai cổ vũ tôi viết chương này.

Có nghĩa là bảo tôi hãy nói với mọi người rằng, tôi đã hiểu câu chuyện này thế nào.

Tôi rất đồng ý nói.

Thật ra, tôi có thể tiếp xúc với câu chuyện này là do một lần cha tôi gặp hoạ. Mùa xuân năm 1990, cha tôi bảy mươi lăm tuổi vì trúng phong bị liệt, phải nằm viện, sau khi chữa trị không khỏi, phải chuyển sang viện điều dưỡng Linh Sơn. Có thể đây là bệnh viện người chết, nhiệm vụ duy nhất của bệnh nhân ở đây là nằm yên chờ chết.

Sang đông, tôi đến viện điều dưỡng thăm cha, tôi phát hiện cha tôi sau một năm ốm nặng, trở nên hiền từ, thân ái đối với tôi, đồng thời trở nên thích nói chuyện. Có thể thấy, ông muốn lái nhải biểu thị nhiệt tình và tình yêu thương đối với tôi. Thật ra đây là điều không cần thiết, vì tôi và ông đều biết, lúc tôi cần ông yêu thương nhất, hoặc do nguyên nhân nào đó, ông đã không yêu thương tôi đúng mức, có thể ông không ngờ gặp khó khăn như ngày hôm nay. Nhưng không có nghĩa là hôm nay ông phải yêu thương bổ sung. Không có chuyện ấy. Dù sao đi nữa, tôi tin mình không có ý nghĩ hoặc tình cảm nào khác đối với những gì không đúng của ông trong quá khứ, để ảnh hưởng đến tình thương yêu và lòng hiếu thảo của tôi đối với ông.

Nói thật, hồi đầu tôi cực lực phản đối cái viện điều dưỡng này, chỉ vì cha tôi yêu cầu, tôi đành chấp nhận. Tôi biết tại sao cha tôi đòi vào đây, không phải ông lo vợ chồng tôi không tận tình chăm sóc, khiến ông phải

khó xử. Cũng có thể lo con cái bất hiếu với người ốm lâu. Nhưng tôi nghĩ còn có một khả năng khác, trông thấy ông đau ốm có thể chúng tôi đồng tình, thông cảm và càng có hiếu hơn.

Nói thật, thấy cha tôi cứ lải nhải những chuyện xấu hổ và đáng tiếc trong quá khứ, tôi cảm thấy khó chịu. Nhưng khi ông nói chuyện trong viện điều dưỡng, đủ chuyện li kì của bệnh nhân tại đây, tôi nghe rất vào, nhất là nói đến chuyện Dung Kim Trân. Lúc ấy cha tôi biết nhiều chuyện về Kim Trân, vì họ đều là bệnh nhân với nhau, gần nhau, như láng giềng.

Cha tôi nói, Kim Trân ở đây đã hơn chục năm, không ai không biết anh ta, hiểu anh ta. Mỗi bệnh nhân mới vào đều được nhận một món quà đặc biệt, đấy là chuyện của Kim Trân, mọi người truyền nhau câu chuyện về vinh quang và vất vả của Kim Trân trở thành trào lưu. Mọi người thích bàn luận là bởi Kim Trân rất đặc biệt, rất đáng kính. Tôi nhận ra rằng, ở đây ai cũng kính trọng Kim Trân, dù anh xuất hiện ở đâu, hễ trông thấy anh mọi người liền chủ động đứng lại, đưa mắt chào anh, nhường lối cho anh đi, mỉm cười với anh, tuy có thể anh không cảm nhận nổi. Lúc bác sĩ, y tá đến với anh, anh luôn luôn mỉm cười, khẽ nói chuyện, lúc lên xuống bậc thềm, họ rất cẩn thận đỡ anh, không để mọi người nghĩ anh là ông già hay trẻ con hoặc vị thủ trưởng nào đó.

Trong đời tôi chưa bao giờ thấy một người ốm đau được tôn kính như vậy, trên truyền hình đã trông thấy một lần, đấy là nhà khoa học ngồi trên xe lăn người Anh Stephen Hawking.

Tôi ở lại viện điều dưỡng một ngày, phát hiện bệnh nhân ban ngày đều có cách giết thời gian, họ tụ tập dăm ba người, hoặc đánh cờ, hoặc đánh bài, hoặc đi dạo, hoặc nói chuyện, bác sĩ y tá đến phòng bệnh kiểm tra hoặc phát thuốc đều phải thối sáo gọi họ mới về. Chỉ có Kim Trân một mình lặng lẽ ngồi trong phòng, ăn cơm hoặc đi dạo bộ cũng phải có người gọi, nếu không anh không chịu rời buồng bệnh, giống như hồi xưa ở trong phòng giải mã. Vì vậy, viện phải cử một hộ lý chuyên trách, mỗi ngày ba lần đưa Kim Trân đến nhà ăn ăn cơm, cơm xong cùng anh đi dạo bộ nửa tiếng đồng hồ. Cha tôi nói, lúc đầu không ai biết quá khứ của Kim Trân, có những hộ lý cảm thấy phiền hà, không làm tròn trách nhiệm, thậm chí bỏ dối anh. Về sau, có một vị thủ trưởng cỡ lớn đến đây, ngẫu nhiên phát hiện, vậy là ông triệu tập bác sĩ y tá toàn viện để nói chuyện. Ông nói:

“Nếu gia đình các anh chị có người già cả, các anh chị đối xử thế nào với người già cũng phải đối xử với anh ấy như thế; nếu gia đình các anh các chị chỉ có trẻ con không có người già, các anh các chị đối với trẻ con như thế nào thì phải đối xử với anh ấy như thế, nếu gia đình các anh các chị không có người già và trẻ con, các anh các chị đối với bản thân thế nào thì phải đối xử với anh ấy như thế.”

Từ đấy về sau, những chuyện vinh quang và bất hạnh của Kim Trân lan truyền rộng rãi trong viện, đồng thời anh trở thành bảo bối của viện, không ai dám không chu đáo với anh, tỏ ra tận tình hơn với anh. Cha nói, nếu không phải do tính chất công tác quyết định, hoặc anh đã trở thành nhân vật anh hùng, mọi người mọi nhà sẽ biết, sự tích thần kì và vinh quang của anh sẽ được đời đời truyền tụng.

Tôi nói: “Tại sao không cử một người chuyên chăm sóc? Anh ấy rất xứng đáng được đãi ngộ như thế.”

“Đã có.” Cha nói, “nhưng vì thành tích của anh ấy được mọi người biết, mọi người đều tỏ ra tôn kính, muốn dành cho anh chút yêu thương, cho nên người chăm sóc chuyên trách trở nên thừa, phải bỏ đi.”

Cho dù mọi người tận tình quan tâm, chăm sóc đến anh, nhưng tôi thấy anh sống rất khó khăn, vài ba lần qua cửa sổ thấy anh ngồi ngơ ngác ở sofa, có mắt nhưng không thấy, ngồi bất động, giống như một pho tượng, nhưng hai tay như bị kích thích, cứ run lẩy bẩy. Buổi tối, qua bức tường trắng của bệnh viện, tôi vẫn nghe thấy tiếng ho già nua, có cảm giác như có vật gì đánh vào anh. Vào lúc đêm khuya thanh vắng, phòng bên vang lên tiếng kêu nghe như tiếng kèn đồng. Cha nói, đấy là tiếng khóc của anh trong lúc mơ.

Một buổi tối, trong nhà ăn của viện, tôi bất ngờ gặp Kim Trân, anh ngồi đối diện với tôi, ngồi co ro, cúi đầu, bất động, trông như một vật gì đó hoặc như một đồng áo quần. Trông anh rất đáng thương, những biểu hiện trên nét mặt đều là dấu tích đáng ghét của thời gian đã mất. Tôi vừa lặng lẽ nhìn anh vừa nhớ đến lời cha nói. Tôi nghĩ, con người này đã có một thời trai trẻ, hăng say tài giỏi, là công thần của đơn vị 701 đặc biệt, có cống hiến to lớn cho sự nghiệp của đơn vị 701. Nhưng bây giờ đã già, lại mang bệnh thần kinh khá nặng, thời gian vô tình đã dồn ép anh, chỉ còn lại bộ xương (anh gầy gò xương), giống như nước chảy chỉ còn tro đá, ngàn đời nhân loại để lại câu thành ngữ càng ngày càng hay. Trong bóng tối, tôi thấy Kim Trân rất già, già đến kinh người, người già rất có thể xa người đời bất cứ lúc nào.

Anh cúi đầu, không phát hiện tôi nhìn lên, anh ăn xong, đứng dậy đang chuẩn bị đi, vô tình chạm vào ánh mắt tôi. Tôi phát hiện ánh mắt anh rất sáng, tưởng như sống lại, chậm bước về phía tôi, giống như người máy, nổi đau và bóng tối hiện lên khuôn mặt, giống như một người ăn xin. Đến trước mặt tôi, anh nhìn tôi bằng cặp mắt cá vàng, đồng thời đưa hai tay ra cho tôi, giống như muốn xin gì, đôi môi mấp máy, khó lòng lắm mới nói nổi một câu:

“Sổ tay, sổ tay, sổ tay...”

Tôi giật mình hốt hoảng vì cử chỉ bất ngờ của anh, rất may cô y tá trực ban đến giải thích cho tôi. Cô khuyên giải và dìu anh, anh ngược lên nhìn cô y tá, lại quay đầu nhìn tôi, rồi đi một bước lại dừng, cứ thế ra cửa, biến mất trong bóng tối.

Sau đấy cha tôi nói, bất kể là ai, nếu anh ta trông thấy đều đi tới, hỏi cuốn sổ tay, hình như trong ánh mắt khách có giấu cuốn sổ. Tôi hỏi: “Anh ấy vẫn tìm sổ tay cơ à?”

Cha nói: “Đúng, anh ấy vẫn tìm sổ tay.”

Tôi hỏi: “Cha bảo tìm thấy rồi cơ mà?”

“Đúng là đã tìm thấy. Nhưng anh ấy làm sao biết được?”

Hôm ấy tôi thật sự ngạc nhiên.

Tôi nghĩ, một người bình thường sẽ không nghi ngờ người bị bệnh tâm thần đã mất hẳn trí nhớ, nhưng kì lạ là, mất cuốn sổ tay mà anh vẫn nhớ, vẫn ghi nhớ trong lòng. Anh không biết đã tìm thấy cuốn sổ, không biết thời gian vô tình trôi bên anh. Bây giờ Kim Trân không còn gì, chỉ còn bộ xương, với lòng kiên nhẫn vốn có, vẫn kiên nhẫn đi tìm cuốn sổ tay suốt hai mươi năm.

Đây là hiện tại và tương lai của Kim Trân.

Sau này sẽ thế nào?

Liệu có xuất hiện kì tích không?

Tôi buồn rầu nghĩ, có thể, có thể.

Tôi biết, nếu bạn là người theo chủ nghĩa thần bí theo đuổi mục tiêu cao xa, nhất định còn hi vọng, thậm chí yêu cầu tôi treo bút. Vấn đề ở chỗ còn nhiều người, họ đều là những người thích hỏi đến tận cùng, thích rõ ràng, không quên sổ phạn hắc mặt sau đó, vẫn chưa thoả mãn, khiến tôi phải viết chương này.

Vậy là mùa hè năm thứ hai, tôi tìm đến đơn vị 701 tại thành phố A.

30. Chương 5-2

Giống như thời gian để lại vết sơn đỏ loang lổ trên cổng lớn của đơn vị 701, thời gian cũng xâm thực cái thần bí, uy nghiêm và yên tĩnh của đơn vị 701. Tôi vẫn nghĩ vào đơn vị 701 là chuyện phức tạp lắm, nhưng người lính gác xem xong thẻ nhà báo và chứng minh thư của tôi, rồi bảo tôi đăng kí vào một cuốn sổ đã quăn mép, thế rồi cho tôi vào. Thật đơn giản, tôi vô cùng ngạc nhiên, tưởng rằng người lính gác xem thường nhiệm vụ. Nhưng đi sâu vào trong, tôi hết nghi ngờ khi trông thấy có những người bán rau và những người dân đi chơi, trông họ rất thoải mái như vào chỗ không người, lại giống như về một làng quê nào đó.

Tôi không thích đơn vị 701 như trong tin đồn, cũng không thích đơn vị 701 như hiện tại, điều này khiến tôi có cảm giác hẫng hụt ghê gớm. Về sau tôi hỏi thăm, nơi tôi đến là khu tập thể mới xây dựng, đây là khu vực trong khu vực, giống như hang động trong hang động, không những không dễ phát hiện, mà có phát hiện được thì cũng dừng hòng vào nổi. Lính gác ở đây giống như hồn ma, bất ngờ xuất hiện trước mặt khách, toàn thân lính gác như toả khí lạnh giống như người được làm bằng băng. Họ không cho anh đến gần, sợ đến gần nhiệt độ cơ thể anh làm tan chảy họ.

Tôi ở đơn vị 701 mười hôm, có thể hình dung, tôi gặp Vasili, tên thật của anh là Triệu Kỳ Vinh. Tôi cũng được gặp chị Cù Lợi, vợ Kim Trân, chị không còn trẻ nữa, vẫn làm công việc cũ. Người chị cao lớn, thời gian cũng làm chị nhỏ bớt, nhưng so với người bình thường vẫn cao lớn. Chị không có con, cũng không có bố mẹ, chị bảo Kim Trân là con, mà cũng là bố mẹ của chị. Chị nói với tôi, điều buồn nhất đối với chị hiện nay là không được về hưu sớm, là bởi tính chất công việc của chị. Chị nói, sau này về hưu chị sẽ đến viện điều dưỡng Linh Sơn sống với chồng, nhưng bây giờ chị chỉ có thể đến với chồng vào kì nghỉ hàng năm, mỗi năm chỉ có hai tháng. Không hiểu có phải do làm công tác bí mật lâu ngày, ấn tượng về chị còn lạnh lùng, trầm mặc ít nói hơn cả Kim Trân như người ta vẫn thường nói. Nói thẳng ra, dù là Vasili hay vợ Kim Trân không giúp gì cho tôi, họ giống như những người khác trong đơn vị 701, không muốn nhắc lại những chuyện buồn của Kim Trân. Trước đây, dù có nhắc lại cũng rất mâu thuẫn, tưởng chừng những chuyện buồn khiến họ mất hẳn kí ức, họ không muốn nói, cũng không có cách nào nói ra. Dùng cách nói không có cách nói ra để đạt mục đích không muốn nói, có thể đây là phương thức hữu hiệu nhất, được lòng nhất.

Tôi đến thăm vợ Kim Trân vào buổi tối, vì không nói được gì nhiều nên tôi về nhà khách sớm. Về đến nhà khách được một lúc, tôi đang ghi chép những điều nghe và thấy ở vợ Kim Trân, bỗng có một anh chừng ba mươi tuổi đến tìm, anh ta tự giới thiệu là cán bộ của phòng bảo vệ đơn vị 701, gọi là Lâm, kiểm tra tôi một lần nữa. Nói thật, cậu ta không hữu hảo với tôi, thậm chí còn kiểm tra hành lí và căn phòng tôi ở. Tôi biết, sau khi kiểm tra, cậu ta càng tin lời tôi nói, tôi muốn viết về tấm gương người anh hùng Dung Kim Trân của họ, cho nên tôi không quan tâm đến việc kiểm tra vô lí của anh ta. Vấn đề là như thế, nhưng anh không tin tôi, cứ vặn hỏi, làm khó đối với tôi, cuối cùng anh bảo thu mọi giấy tờ của tôi gồm thẻ nhà báo, chứng minh thư, giấy giới thiệu công tác và thẻ hội viên Hội nhà văn cùng cuốn sổ tay tôi đang ghi chép, bảo là để kiểm tra kĩ tôi một lần nữa. Tôi hỏi, bao giờ trả lại, anh ta bảo còn phải xem kết quả kiểm tra.

Cả đêm hôm ấy tôi không sao ngủ được.

Sáng hôm sau, vẫn là anh ta đến tìm tôi, nhưng thái độ khác hẳn, vừa thấy tôi anh tỏ ra khiêm tốn, không mạo muội như hôm qua, rồi rất khách khí trả lại giấy tờ và sổ tay cho tôi. Rõ ràng, anh rất thoả mãn với kết quả kiểm tra, tôi đoán là vậy. Nhưng thật bất ngờ, anh đưa đến cho tôi một tin tốt lành: ông Cục trưởng muốn gặp tôi.

Được sự hộ tống của anh, tôi đành hoảng đi qua ba vọng gác, bước vào chốn thâm nghiêm.

Đi qua ba vọng gác, vọng gác thứ nhất là cảnh sát vũ trang có hai người, người gác bên hông đeo súng lục và dùi cui; vọng gác thứ hai của bộ đội, cũng hai người, trên người khoác tiểu liên bóng loáng, chung quanh tường chằng dây thép gai, ngay trước cổng vào là một lô cốt tròn xoay xây bằng đá, bên trong có máy điện thoại, hình như còn có một khẩu súng máy; vọng gác thứ ba người gác mặc thường phục, chỉ có một người, anh ta đi đi lại lại, tay không vũ khí, chỉ cầm bộ đàm.

Thật ra, cho đến nay tôi vẫn chưa biết đơn vị 701 là thế nào, thuộc quân đội hay công an, hoặc của địa phương? Theo tôi quan sát, những người làm việc ở đây phần lớn mặc thường phục, một số ít mặc quân phục, xe cộ đậu trong sân có biển số địa phương, có biển số quân đội, biển số quân đội ít hơn xe biển số địa phương. Tôi hỏi thăm, mọi người cùng trả lời giống nhau, đầu tiên họ nhắc nhở tôi không nên hỏi, sau đây nói không biết, chỉ biết đây là một đơn vị cơ mật của nhà nước, dù là quân đội hay địa phương cũng đều là của nhà nước.

Tất nhiên đều là nhà nước, nói như thế còn có gì để hỏi nữa? Không nói hay nói đều như không, dù sao thì cũng là một cơ quan trọng yếu của nhà nước. Mỗi quốc gia đều có một cơ quan trọng yếu như thế, giống như mỗi gia đình đều có những biện pháp an toàn nhất định. Đây là sự cần thiết. Không có gì kì lạ. Không có những cơ cấu như thế mới là lạ.

Sau khi qua vọng gác thứ ba, trước mặt chúng tôi là hai con đường nhỏ âm u thẳng tắp, cây trồng hai bên đường cao to, cành lá um tùm, chim chóc nhảy nhót trên cành, ríu ra ríu rít, có rất nhiều tổ chim, cảm giác như đi vào nơi hoang vắng, tưởng chừng đi nữa cũng khó trông thấy bóng người.

Nhưng rất nhanh chóng, tôi thấy trước mặt là một toà nhà sáu tầng, rất đẹp, tường ngoài ốp gạch men màu nâu, trông rất trang nghiêm, vững chắc, phía trước là khoảng đất trống rộng chừng nửa sân bóng đá, hai bên là hai thảm cỏ chạy dài, ở giữa là một bồn hoa hình vuông, trồng rất nhiều hoa, giữa những khóm hoa là bức tượng đá, tạo hình giống như tượng “Nhà tư tưởng” của Rodin[4]. Lúc đầu tôi nghĩ đây là tượng

“Nhà tư tưởng” được phục chế, nhưng đến gần thì thấy tượng có đeo kính, dưới chân tượng khắc chữ, nét khắc mạnh mẽ, mới nghĩ là không phải.

Nhìn kỹ lại, tôi giật mình, thấy khuôn mặt bức tượng quen quen, nhưng không nghĩ ra đây là ai, hỏi Lâm đi bên cạnh, mới biết đây là tượng.

Dung Kim Trân.

Tôi đứng ngắm bức tượng hồi lâu. Dưới nắng, bức tượng Kim Trân một tay nâng cằm, nhìn thẳng vào tôi, cặp mắt rất có thần, giống mà cũng không giống với Kim Trân trong viện điều dưỡng, giống người thời tráng niên và đã về già.

Tạm biệt Kim Trân, không như tôi tưởng, Lâm không đưa tôi vào bên trong toà nhà, mà đi vòng ra phía sau, vào toà nhà hai tầng nhỏ hơn, tường ốp gạch men xanh có mạch vữa trắng, cụ thể là vào phòng tiếp khách rộng rãi ngay dưới tầng một. Lâm mời tôi ngồi rồi đi ra, lát sau, tôi nghe thấy ngoài hành lang có những âm thanh thật vang, sau đây một ông già chống gậy tập tễnh bước vào, thấy tôi liền hồ hởi chào:

“Chào, chào đồng chí nhà báo, nào, chúng ta bắt tay...”

Tôi vội đi tới bắt tay ông, mời ông ngồi xuống sofa.

Ông vừa ngồi xuống, vừa nói: “Lẽ ra tôi phải đến gặp anh, vì tôi chủ động muốn gặp, nhưng anh thấy đấy, tôi đi lại không tiện một chút nào, đành phải mời anh vào đây.”

Tôi nói: “Nếu tôi không nhầm, hồi xưa ông đến Đại học N đón Kim Trân, ông họ Trịnh.”

Ông cười hà hà, cầm cái gậy chỉ vào chân mình: “Nó bảo với anh phải không? Các anh là nhà báo thì không thể. Ôi, đúng, đúng, chính tôi, xin hỏi anh là ai nhỉ?”

Tôi nghĩ, bốn thứ giấy tờ của tôi ông đã rõ, hà tất phải hỏi.

Nhưng để tôn trọng ông, tôi giới thiệu ngắn gọn về mình.

Nghe xong tôi giới thiệu, ông phẩy phẩy tập giấy photo cầm trên tay, hỏi: “Những tư liệu này anh lấy ở đâu?”

Tập tài liệu trong tay ông rõ ràng là bản photo sổ tay của tôi.

Tôi nói: “Chưa được tôi đồng ý, tại sao ông lại photo sổ tay của tôi?”

Ông nói: “Anh đừng lấy đấy làm lạ, chúng tôi buộc phải làm thế này là bởi chúng tôi có năm người cùng chịu trách nhiệm về những gì anh ghi chép, nếu mỗi người chuyển tay nhau xem, sợ mất dăm ba ngày không thể trả lại sổ tay của anh. Bây giờ thì được rồi, năm người chúng tôi đã xem, cho nên sổ tay vẫn là của anh, nếu không nó sẽ là của tôi.”

Ông cười, lại nói: “Điều tôi cần hỏi là, từ tối hôm qua giờ tôi vẫn nghĩ, tại sao anh lại biết những chuyện này, xin hỏi đồng chí nhà báo, đồng chí có thể nói với tôi được không?”

Tôi nói tóm tắt với ông những gì tôi được nghe và thấy ở viện điều dưỡng Linh Sơn.

Ông như hiểu ra, cười nói: “Thế này nhé, anh cũng là con em của hệ thống chúng tôi.”

Tôi nói: “Không, cha tôi làm thiết kế công trình.”

Ông nói: “Tại sao không, cha anh là ai nhỉ? Chưa biết chừng tôi cũng quen.”

Tôi nói với ông, rồi hỏi: “Ông có quen không?”

Ông nói: “Không quen.”

Tôi nói: “Vậy đấy, không thể, cha tôi không thuộc hệ thống của ông.”

Ông nói: “Những người được vào viện điều dưỡng Linh Sơn đều là thuộc hệ thống công tác của chúng tôi.”

Đây là một tin quan trọng đối với tôi, cha tôi sắp chết, rõ ràng tôi chưa biết cha tôi là ai. Khỏi phải nói, nếu không phải là ngẫu nhiên, tôi sẽ không bao giờ biết được sự thật về cha tôi, giống như thầy Dung đến

nay vẫn không biết Kim Trân là ai. Bây giờ tôi đủ lí do để tin rằng, cha tôi tại sao hồi ấy không dành đủ yêu thương cho tôi và mẹ, nhưng vấn đề không ở đây, vấn đề là cha tôi dù phải chịu đựng oan ức nhưng vẫn không giải thích. Như thế gọi là gì? Là tín ngưỡng hay là cổ hủ? Là đáng kính hay là đáng buồn? Bỗng tôi cảm thấy khó hiểu, mãi đến sáu tháng sau, thầy Dung nói với tôi về nhận thức của mình đối với chuyện này, tôi mới hiểu, đồng thời tin rằng đây là chuyện rất đáng kính trọng hơn là buồn.

Thầy Dung nói, vì một chuyện bí mật mà phải giấu người thân mấy chục năm hoặc cả đời là không công bằng, nhưng nếu không như thế đất nước chúng ta có thể không tồn tại, ít nhất có nguy cơ không tồn tại, không công bằng đành phải không công bằng.

Thầy Dung đã làm tôi yêu quý cha tôi.

Trở lại câu chuyện. Đánh giá đầu tiên của ông Cục trưởng đối với sổ tay của tôi là, không lộ bí mật, tất nhiên tôi vui mừng như trút được gánh nặng, nếu không sổ tay của tôi không còn là của tôi nữa. Lời đánh giá tiếp theo của ông đã đưa tôi vào lãnh cung, ông nói:

“Tôi nghĩ rằng, những tư liệu anh lấy được đều nghe hơi nôi chõ, cho nên có nhiều chuyện đáng tiếc.”

“Thưa Cục trưởng, lẽ nào những gì tôi ghi đều không thật?” Tôi vội hỏi.

“Không!” Ông lắc đầu: “Đều thật cả... nhưng, biết nói thế nào nhỉ, tôi cho rằng, anh hiểu Kim Trân quá ít, đúng, quá ít.”

Nói đến đây ông châm thuốc, rít một hơi, suy nghĩ, rồi ngược lên, rất nghiêm túc nói với tôi: “Đọc những ghi chép trong sổ tay của anh, tuy vụn vặt, thậm chí phần nhiều là những chuyện nghe kể lại, nhưng làm tôi nhớ những chuyện cũ. Tôi rất hiểu Kim Trân, ít nhất là người hiểu cậu ta nhất. Anh có muốn nghe tôi nói những chuyện của cậu ta không?”

Trời đất ơi, thật may mắn, không cầu mà được!

Vậy là, mấy nghìn chữ ngẫu nhiên trong chốc lát nảy mầm lớn mạnh. Trong thời gian tôi ở đơn vị 701 được gặp ông Cục trưởng vài lần, được hiểu sâu về lịch sử của Kim Trân, “Ghi theo lời kể của Cục trưởng Trịnh” bắt đầu từ đây. Tất nhiên ý nghĩa của chúng không phải chỉ có thế, ở một ý nghĩa nhất định, trước khi quen biết ông Cục trưởng, đối với tôi những chuyện về Kim Trân chỉ là truyền thuyết không đầu không cuối, bây giờ những chuyện ấy đã trở thành một đoạn lịch sử không còn gì nghi ngờ, mà ông Cục trưởng là người thúc đẩy chúng đổi thay và liên kết chúng lại với nhau. Ông không ngần ngại nhớ lại và kể với tôi những gì về Kim Trân, hơn nữa còn cho tôi một danh sách dài những người chí tình đối với Kim Trân trong một thời điểm nào đó, chỉ một số ít đã qua đời.

Điều đáng tiếc nhất đối với tôi là, trước khi rời khỏi đơn vị 701, tôi cứ luôn mồm Cục trưởng, Cục trưởng nhưng lại quên hỏi tên ông, thậm chí cho đến lúc này tôi vẫn chưa biết tên ông. Là quan chức của một cơ quan bí mật, tên là cái vô dụng nhất, thông thường tên bị che lấp bởi mã hiệu và chức vụ, thêm vào đây là quá trình vinh quang của ông khiến ông bị thọt chân nên cái tên đã bị che khuất. Che khuất nhưng không phải không có, chẳng qua chỉ vùi xuống dưới. Tôi tin, nếu hỏi, ông sẽ nói với tôi, chẳng qua vì tôi rối trí, quên hỏi. Đến lúc này cái tên gọi của ông bỗng loạn cả lên, Tập Tễnh, Trịnh Thọt, Trưởng phòng Trịnh, Cục trưởng chống gậy, Cục trưởng Trịnh, Thủ trưởng... Ở Trường Đại học N vẫn gọi ông là ông Thọt, ông trưởng phòng Trịnh, ông tự gọi mình là Cục trưởng Chống gậy, tôi thường gọi ông là Thủ trưởng hoặc Cục trưởng Trịnh.

31. Chương 5-3

Cục trưởng Trịnh nói với tôi, quan hệ giữa ông và gia đình họ Dung kế thừa từ đời ông ngoại. Năm thứ hai sau Cách mạng Tân Hợi, ông ngoại của ông kết thân với ông Lily cha, hai người trở thành bạn thân. Ông lớn lên trong gia đình ông ngoại, từ nhỏ đã biết ông Lily cha. Lúc ông Lily cha qua đời, ông ngoại đưa ông đến trường đại học N dự lễ tang của ông Lily cha, lại biết ông Lily con. Lúc ấy ông mười bốn tuổi, đang học

năm thứ hai trung học. Khuôn viên Trường Đại học N rất đẹp đã để lại ấn tượng sâu sắc trong ông. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, ông cầm bằng thành tích học tập đến tìm ông Lily con, xin được vào học trung học phổ thông ở Trường Đại học N. Vậy là ông được vào học, thầy dạy ngữ văn là Đảng viên Cộng sản, đưa ông vào đảng. Chiến tranh chống Nhật bùng nổ, ông và thầy giáo cùng bỏ học để lên Diên An, bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng.

Sau khi vào Trường Đại học N, ông và Kim Trân hứa sẽ có ngày gặp nhau trong một cơ quan.

Nhưng, như ông Cục trưởng nói, cơ quan này chưa thành lập ngay từ đầu mà mãi mười lăm năm sau, ông thay mặt đơn vị 701 về Trường Đại học N tìm người làm công tác phá khoá mật mã, tiện thể đến thăm ông Hiệu trưởng và cũng tiện thể nói ông muốn tìm người thế nào, ông Hiệu trưởng cười vui giới thiệu Kim Trân.

Ông Cục trưởng nói: “Tôi không dám nói rõ với ông Hiệu trưởng cần người làm việc gì, nhưng tôi cần người có khả năng về mặt nào, điểm ấy thì tôi nói rõ. Ông Hiệu trưởng nói vậy, tôi liền để ý, vì tôi tin cậy mắt của ông Hiệu trưởng, và tôi cũng biết con người đó. Ông Hiệu trưởng không phải là người thích nói đùa, ông nói đùa với tôi ấy là muốn nói, Kim Trân là người có thể thoả mãn yêu cầu của tôi.

Sự thật là như thế, sau khi gặp Kim Trân chừng như ông quyết định ngay.

Ông Cục trưởng nói: “Anh nghĩ thử xem, một thiên tài toán học, từ nhỏ đã kết bạn với giấc mơ, quen với phương Tây, học xong sẽ đi sâu nghiên cứu bí mật của đại não con người, đúng là nhân tài trời sinh ra để làm công việc phá khoá mật mã, liệu tôi thờ ơ được hay sao?”

Còn việc ông Hiệu trưởng đồng ý cho người như thế nào, ông Cục trưởng bày tỏ, đây là bí mật giữa ông với ông Hiệu trưởng cũ, ông không nói với ai. Tôi nghĩ, điều này có thể khẳng định, nhất định lúc ấy ông rất bức thiết, đành vi phạm kỉ luật của tổ chức, nói thật với ông Hiệu trưởng, nếu không tại sao đến nay ông vẫn kín như miệng vò?

Trong lúc nói chuyện với tôi, nhiều lần ông bày tỏ, việc phát hiện Kim Trân là cống hiến lớn nhất của ông đối với đơn vị 701, không ai ngờ cuối cùng Kim Trân có cái kết cục đầy bất hạnh. Cứ mỗi lần nhắc đến, ông đều đau khổ lắc đầu, thở dài thườn thượt, luôn miệng nói:

“Kim Trân!”

“Kim Trân.”

“Kim Trân ơi!”

(Ghi theo lời kể của ông Cục trưởng Trịnh)

Nếu nói, trước khi phá được khoá mã tử mật, hình ảnh Kim Trân trong tim tôi còn mờ nhạt, chuyển động bất định giữa người điên và thiên tài, nhưng sau khi phá được khoá tử mật, hình ảnh cậu ta trở nên rõ ràng, đẹp và đáng nể, giống như con hổ già tĩnh lặng. Nói thật, tôi rất phục, rất tôn sùng cậu ta, nhưng lại không dám đến gần. Tôi sợ cậu ta làm tôi bỏng, giết mình, đó là cảm giác đối với một con hổ. Tôi dám nói, trong linh hồn cậu ta là một con hổ. Cậu ta cần xé khó khăn như hổ cổ chấp nhưng rất ngon lành ngấu nghiến miếng thịt, cậu ta nghiêng răng ngậm nghĩ giống như con hổ lặng lẽ để rồi xông lên vồ mồi.

Một con hổ!

Chúa tể của muôn loài!

Thiên vương của giới mật mã!

Nói về tuổi tác, tôi là đàn anh của cậu ta, nói về tư cách tôi là nguyên lão của giới phá khoá mật mã, lúc cậu ta mới đến, tôi là trưởng phòng, trưởng phòng một, trong thâm tâm tôi coi cậu ta là anh cả, việc gì cũng muốn nghe ý kiến cậu ta. Tôi càng hiểu cậu ta, gần cậu ta, kết quả tôi trở thành nô lệ tinh thần của cậu ta, quỳ dưới chân cậu ta, quỳ mà không hề oán thán, ân hận.

Trên đây tôi đã nói, giới mật mã không cho phép xuất hiện hai tâm linh tương tự, tâm linh tương tự chỉ là đồng rác. Vì thế, giới mật mã có một quy định bất thành văn, đây là kỉ luật thép: một người chỉ có thể phá được khoá của một bộ mật mã. Bởi vì, tâm linh của người tạo dựng hoặc phá khoá mã đã bị quá khứ của

anh ta hút chặt, tâm linh ấy coi như vứt đi. Nói về nguyên tắc, lẽ ra Kim Trân sau đây không nên nhận nhiệm vụ phá khoá hắc mật, vì linh hồn cậu ta đã thuộc về tử mật, nếu phá khoá hắc mật, trừ phi cậu ta vô nát tâm linh để rồi tái tạo tâm linh.

Nhưng đối với Kim Trân, chúng tôi không tin quy luật khách quan tồn tại, càng tin cậu ta là một thiên tài. Nói một cách khác, tôi tin rằng, vô nát tâm linh để tái tạo, điều ấy ở Kim Trân không phải không thể. Chúng tôi có thể không tin bản thân, không tin quy luật khách quan, nhưng không có cách nào để không tin Kim Trân. Điều chúng tôi không tin có thể làm được, nhưng đến với cậu ta đều biến thành hiện thực, hiện thức sống động. Như vậy, nhiệm vụ phá khoá hắc mật vô cùng nặng nề cuối cùng đè nặng lên đôi vai cậu ta.

Điều ấy có nghĩa là cậu ta phải xông vào khu vực cấm. Khác với lần trước, lần này cậu bị người khác - cũng là bị tên tuổi chói sáng của bản thân - ném vào khu vực cấm. Không như lần trước, việc thâm nhập vào khu cấm của cánh rừng mật mã là do cậu chủ động...

Tôi không thăm dò nghiên cứu tâm trạng Kim Trân khi tiếp nhận hắc mật, nhưng tôi biết rõ việc cậu gặp nạn và sự bất công. Nếu nói lúc phá khoá tử mật Kim Trân không có một sức ép nào, thanh thoi lâm trận, đến giờ đi làm, hết giờ ra về, bạn bè và đồng nghiệp bảo cậu ta như đi chơi, nhưng khi phá khoá hắc mật cảm giác ấy ở cậu ta hoàn toàn biến mất. Trên lưng cậu phải cồng cả nghìn cân ánh mắt, ánh mắt đè gãy lưng cậu ta. Trong những năm tháng ấy, mắt tôi trông thấy mái tóc xanh của Kim Trân bạc dần, người gầy quắt, tướng chừng như vậy để cậu ta dễ bề lên vào mê cung hắc mật. Có thể tưởng tượng hắc mật hút hết máu và nước trên người Kim Trân, tuy cậu gặm nhấm hắc mật lại như bóp nát tâm linh mình, gian nan và khổ đau như hai cánh tay ma quỷ đè nặng lên đôi vai. Một con người vốn không liên quan gì đến hắc mật (vì đã phá được khoá tử mật) lúc này lại cồng toàn bộ áp lực của hắc mật, đây là cái khó của Kim Trân, nỗi buồn của anh cũng là nỗi buồn chung của đơn vị 701.

Nói thẳng ra, tôi không nghi ngờ gì về tài năng và sự cần cù của Kim Trân, nhưng cậu ta không thể một lần nữa sáng tạo kì tích, phá khoá hắc mật. Trong giới phá khoá mật mã mỗi người chỉ phá khoá một bộ mật mã là quy luật thép, tôi không nghi ngờ gì điều ấy. Phải tin rằng, thiên tài cũng là con người, cũng có lúc hồ đồ, cũng phạm sai lầm, hơn nữa, một khi thiên tài phạm sai lầm tất nhiên là rất lớn. Sự thật, hiện tại giới mật mã nhất trí cho rằng, hắc mật không phải là một bộ mật mã cao cấp với ý nghĩa nghiêm túc nhất, trong quá trình lắp đặt khoá có hành động bốn cột làm kinh hãi người đời. Chính vì vậy, về sau có người của chúng ta phá được hắc mật, người ấy về tài năng không thể bằng Kim Trân, sau khi người này tiếp tay phá khoá hắc mật, giống như Kim Trân hồi xưa phá khoá tử mật, chỉ cần ba tháng, phá khoá hắc mật rất nhẹ nhàng.

Khoá hắc mật đã bị phá.

Người đó là ai?

Anh (chị) ấy còn sống không?

Cục trưởng Trịnh nói với tôi, người ấy tên là Nghiêm Thực, vẫn còn sống, ông đề nghị tôi đến thăm, sau đây sẽ quay lại gặp ông, ông bảo vẫn còn tư liệu cho tôi. Hai hôm sau tôi quay lại gặp Cục trưởng Trịnh, câu đầu tiên ông hỏi:

“Anh có thích con người đó không?”

Ông nói con người đó tức là Nghiêm Thực, người phá khoá mật mã hắc mật, ông hỏi khiến tôi không hiểu.

Ông lại nói: “Đừng lấy làm lạ, anh em ở đây không ai thích con người ấy.”

“Tại sao vậy?” Tôi lấy làm lạ.

“Vì ông ta được quá nhiều.”

“Ông ấy phá khoá hắc mật, tất nhiên phải được nhiều chứ!” Tôi nói.

“Nhưng mọi người cho rằng ông ta dựa vào sổ tay của Kim Trân để có được linh cảm phá khoá hắc mật.”

“Đúng vậy, ông ấy cũng nói với tôi như thế.”

“Có chuyện ấy à? Không, ông ta không nói thế đâu.”

“Tại sao không? Chính tai tôi nghe ông ấy nói.”

“Ông ta nói gì?”

“Ông ấy nói, thật ra là Kim Trân phá khoá hắc mật, ông ấy chỉ được tiếng lầy.”

“Đúng là một tin mới.” Ông Trịnh ngạc nhiên nhìn tôi. “Trước đây ông ấy tránh nhắc đến Kim Trân, nhưng tại sao với anh, ông ấy lại nói ra? Có thể vì anh là người ngoài chăng?”

Ngừng lại giây lát, ông nói tiếp: “Ông ấy không nhắc đến Kim Trân là để nâng cao mình, cho mọi người cảm giác một mình ông ta phá khoá hắc mật. Có thể thế được không? Sống với nhau mấy chục năm trời, liệu ai không hiểu, tưởng đâu chỉ qua một đêm ông ta trở thành đại thiên tài, liệu có ai tin? Cho nên, cuối cùng xem ra một mình ông ta độc chiếm vinh quang phá khoá hắc mật, ở đây không ai tin nổi, nhiều chuyện dị nghị lắm, tất cả đều bất bình thay cho Kim Trân.”

Tôi nghĩ, nên chẳng nói với ông những chuyện ông Thực đã nói? Thật ra, ông Thực không dặn mà cũng không có ý bảo tôi đừng nói lại với ai những gì ông đã nói.

Lặng đi một lúc, ông Cục trưởng nhìn tôi, lại tiếp tục: “Từ trong sổ tay của Kim Trân, ông ta có được linh cảm phá khoá hắc mật, điều ấy không thể nghi ngờ, ai cũng biết, vừa rồi anh nói, bản thân ông ta cũng thừa nhận. Tại sao ông ấy không thừa nhận với chúng tôi? Như tôi vừa nói, trừ phi ông ấy muốn đề cao mình, điều này thì ai cũng hiểu, vì mọi người đều nghĩ như thế. Ông ấy một mực phủ nhận khiến mọi người phản cảm, không tin. Cho nên sự tính toán nhỏ nhen ấy tôi nghĩ không cao tay. Nhưng đây là chuyện khác, tạm thời không nói đến. Bây giờ tôi có thể hỏi, anh có thể suy nghĩ, tại sao ông Thực lại có được linh cảm qua sổ tay của Kim Trân, mà Kim Trân lại không thể? Đúng lí ra, những gì mà ông Thực có được, Kim Trân phải có từ lâu, vì đây là của cậu ta, là sổ tay của cậu ta. Ví dụ, cuốn sổ tay như một căn phòng, trong đó có chìa khoá mở hắc mật, chủ nhân không tìm thấy, nhưng một người khác đến không cố ý tìm lại tìm thấy, anh bảo có lạ không?”

Ông đưa ra một ví dụ rất đat, hình tượng hoá sự thật mà ông hiểu, nói ra một cách rõ ràng nhất, thấu triệt nhất, nhưng tôi nói đây không phải là sự thật. Nói một cách khác, ví dụ của ông không có vấn đề gì, vấn đề ở sự thật mà ông nhận định. Có lúc tôi thậm chí quyết định nói lại những gì ông Thực đã nói với tôi, đây mới là sự thật. Nhưng ông không cho tôi nói chen vào mà cứ tiếp tục.

“Cũng chính từ đây tôi càng tin rằng, trong quá trình phá khoá hắc mật cậu Trân đã phạm sai lầm cực lớn của một thiên tài, sai lầm này một khi rơi xuống đầu thiên tài sẽ biến thành kẻ ngốc. Mà sai lầm xuất hiện, nói cho cùng chỉ là tác dụng của quy luật thép mỗi người chỉ có thể phá được khoá của một bộ mật mã, là di chứng phá khoá từ mật tác yếu tác quái.”

Nói đến đây ông Cục trưởng trầm mặc hồi lâu, tôi có cảm giác như ông đang rơi vào nỗi buồn. Chờ cho ông nói tiếp, nhưng ông nói lời cáo từ. Vậy là tôi muốn nói nhưng không có cơ hội để nói. Không nói cũng chẳng sao, tôi nghĩ, vì lúc đầu tôi không định nói lại những gì ông Thực nói với tôi, cho dù có cơ hội mà không nói ra cũng tốt, nói ra sợ rằng tôi chỉ thêm gánh nặng tâm lí.

Lúc chia tay, tôi không quên nhắc nhở ông: “Ông bảo còn tư liệu cho tôi cơ mà?”

Ông “ồ” lên một tiếng rồi đến trước cái tủ sắt, mở ngăn kéo, lấy ra một tập hồ sơ, hỏi tôi: “Ồ đại học, một thời gian cậu Trân có tên là Lâm, ông giáo sư người Tây tên là Hinsh, anh đã nghe thấy bao giờ chưa?”

Tôi nói: “Chưa.”

Ông nói: “Con người này đã từng cản trở cậu Trân phá khoá từ mật, những lá thư này là bằng chứng. Anh cầm lấy mà xem, nếu cần, anh photo.” Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với Hinsh.

Cục trưởng thừa nhận, ông không hiểu Hinsh lắm, biết được tí gì cũng chỉ là nghe nói. Ông nói:

“Hồi ấy Hinsh liên lạc với chúng ta, tôi đang ở nước Y để học hỏi kinh nghiệm, lúc về tôi cũng không được biết, chỉ có tổ phá khoá từ mật được tiếp xúc, lúc ấy do Tổng cục trực tiếp chỉ đạo, có thể họ sợ tôi cướp công, cho nên giữ bí mật cả với tôi. Những thư này tôi xin được của một vị lãnh đạo Tổng cục, nguyên văn bằng tiếng Anh, nhưng đều được dịch sang tiếng Trung Quốc.”

Nói đến đây, ông Trịnh như sức nhớ ra: “Tôi phải giữ lại nguyên bản tiếng Anh.” Tôi lập tức mở ra, chuẩn bị chọn lấy bản tiếng Trung Quốc. Ngay lúc ấy tôi đọc được một bản ghi chép cuộc nói chuyện điện thoại: “Bản ghi điện thoại của Tiền Tổng Nam” giống như lời dẫn truyện, để ngay trên đầu tập thư, tất cả chỉ mấy câu như sau.

Hinsh là nhà quan sát tình báo quân sự cao cấp làm thuê cho quân đội nước X, tôi gặp ông ta bốn lần, lần cuối cùng vào mùa hè năm 1970, về sau nghe nói ông ta và Phạm Lệ Lệ bị giam lỏng tại căn cứ PP. Không rõ nguyên nhân. Năm 1978 Hinsh chết ở căn cứ PP. Năm 1981 quân đội nước X kết thúc giam lỏng bà Lệ. Năm 1983 bà Lệ đến Hồng Công tìm tôi, mong tôi giúp làm thủ tục để bà ta về nước, tôi không đồng ý. Năm 1986, qua báo chí tôi biết bà Lệ đã về quê, quyền góp xây dựng một công trình nhân đạo tại huyện Lâm Thủy. Nghe nói, hiện tại bà định cư ở Lâm Thủy.

Ông Cục trưởng nói với tôi, Tiền Tổng Nam là đồng chí của chúng ta làm nhiệm vụ trung chuyển thư từ cho Hinsh ở nước X, là người được tuyển chọn rất tốt để tôi hiểu Hinsh, nhưng đáng tiếc, anh này vừa qua đời năm trước. Phạm Lệ Lệ nói trong lá thư là bà vợ người Trung Quốc của Hinsh, muốn tìm hiểu Hinsh bà ta sẽ là người tốt nhất.

Sự xuất hiện của nhân vật Lệ Lệ khiến tôi vui mừng khôn xiết.

32. Chương 5-4

Vì không có địa chỉ cụ thể, tôi nghĩ muốn tìm bà Lệ Lệ có thể rất khó, nhưng khi về huyện Lâm Thủy, hỏi thăm những người ở phòng giáo dục thì hầu như ai cũng biết bà. Trong mấy năm vừa qua, bà ta đã quyền góp xây được ba ngôi trường tiểu học, ngoài ra còn tặng hàng trăm nghìn đồng tiền sách cho thư viện mấy trường trung học trong huyện. Có thể nói, những người làm công tác giáo dục ở huyện Lâm Thủy không ai không biết bà, kính trọng bà. Nhưng khi tôi đến bệnh viện Kim Hào của thành phố C thì lòng tôi bỗng lặng đi. Vì người tôi cần gặp cổ họng đã bị cắt, cổ của bà vẫn bị băng bó, cảm giác như bà có hai cái đầu. Bà bị ung thư họng, bác sĩ cho biết, tuy vết mổ đã thành công, nhưng bà không còn nói được nữa, trừ phi luyện nói bằng phổi. Nhưng vì mới mổ, người bà rất yếu, không thể trả lời phỏng vấn của tôi. Cho nên tôi không nói gì, chỉ như mọi bậc phụ huynh học sinh trong huyện Lâm Thủy để lại bó hoa tươi và lời thăm hỏi rồi ra về. Suốt hơn mười ngày sau đây tôi đến bệnh viện ba lần, ba lần cộng lại bà dùng bút chì viết cho tôi mấy nghìn chữ, tưởng chừng mỗi chữ của bà đều làm tôi kinh ngạc.

Nói thật, không có mấy nghìn chữ của bà, tôi sẽ không bao giờ biết được thực chất con người Hinsh, biết được thân phận, hoàn cảnh, nguyện vọng, nỗi khó xử, nỗi khổ khó, đau thương của ông ta. Với một ý nghĩa nào đó, sau khi ông Hinsh sang nước X ông không còn xứng đáng được gì khác. Mọi thứ của ông đều sai lầm.

Thật ra, mấy nghìn chữ ấy đáng được kiên nhẫn nghiên cứu và coi trọng. Bây giờ xin được chép ra đây.

Lần thứ nhất.

1. Ông ấy (Hinsh) không phải là người phá khoá mật mã.
2. Tuy ông biết mục đích ông ấy (Hinsh) viết nhiều thư như thế là muốn đưa người khác vào mê hồn trận, tại sao vẫn tin lời ông ấy? Đây là sự lừa dối, ông ấy đâu phải là người chuyên phá khoá mật mã? Ông ấy chỉ tạo dựng mật mã, oan gia của người phá khoá mật mã.
3. Tử mật là do ông ấy tạo lập.
4. Chuyện này nói ra dài lắm. Ấy là năm 1946 có người tìm ông, người đến tìm là bạn học hồi học Cambridge. Hình như ông bạn này đang giữ một chức vụ quan trọng trong ủy ban trừ bị thành lập nhà nước Israel, đưa ông (Hinsh) đến nhà thờ phố cổ Lầu, trước mặt Thượng đế, với danh nghĩa mấy trăm nghìn đồng bào Do Thái cầu mong ông Hinsh tạo lập cho nhà nước Israel một bộ mật mã. Ông mất nửa năm để tạo dựng bộ mật mã ấy, phía đối phương rất thoả mãn. Sự việc là vậy, nhưng ông ấy sợ mật mã bị người khác phá khoá.

Từ thuở nhỏ ông lớn lên trong vinh quang, có lòng tự trọng, không cho phép mình thất bại. Do thời gian quá gấp, sau khi tạo lập mật mã, ông thấy còn nhiều khiếm khuyết, vậy là ông tạo dựng một bộ khác để thay thế. Ông say mê lao vào công việc, cuối cùng mất ba năm mới hoàn thành và ông lấy làm vừa ý. Đây là mật mã tử mật. Ông yêu cầu phía Israel dùng bộ tử mật để thay thế mật mã trước đó. Kết quả sau khi dùng thử đã chứng minh tử mật quá khó, mọi người không sử dụng nổi. Hồi ấy chuyên gia phá mã Englert còn sống nghe nói có mật điện dùng tử mật, đã nói một câu: tôi phải xem ba nghìn bức điện mật này mới tiếp nhận phá khoá, nhưng tình thế này tôi chỉ còn đủ một nghìn bức[5], ý nói đời ông không còn đủ thời gian để phá khoá tử mật. Nhưng lúc bấy giờ chúng tôi không định rời khỏi đại học N để sang nước X tạo nên căng thẳng với Trung Quốc. Tình hình sau đây như anh nói, để cứu cha tôi, chúng tôi lấy tử mật để giao dịch với nước X.

5. Đúng vậy, ông ấy nhận định Kim Trân sớm muộn gì rồi cũng phá được khoá mật mã tử mật, cho nên mới cố gắng cản trở Kim Trân.

6. Ở đời ông ấy chỉ khâm phục một người đó là Kim Trân. Ông ấy cho rằng Kim Trân là kết tinh trí tuệ của người Tây, trăm năm mới gặp một người như thế.

7. Tôi mệt rồi, hôm sau nói chuyện tiếp.

Lần thứ hai.

1. Thật ra ông ấy (Hinsh) vẫn đang nghiên cứu tạo dựng mật mã.

2. Mật mã cao cấp giống như nhân vật chính trong một vở kịch, cần có bổ sung thay đổi. Nghiên cứu tạo dựng mật mã cao cấp nói chung đều phải đồng thời nghiên cứu tạo ra hai bộ, một bộ dùng, một bộ dự phòng. Nhưng tử mật là việc của ông Hinsh, một mình ông không thể cùng lúc làm ra hai bộ mật mã. Hơn nữa, lúc ông nghiên cứu không nghĩ nó sẽ trở thành mật mã cao cấp, ông làm giống như nghiên cứu ngôn ngữ, chỉ cần tinh xác tỉ mỉ. Khi nước X coi đây là mật mã cao cấp, đồng thời quyết định nghiên cứu ngay một bộ tử mật dự phòng, đây là mật mã hắc mật sau đây.

3. Đúng vậy, khi ông sang nước X liền bắt tay vào nghiên cứu hắc mật, chính xác là giúp nghiên cứu.

4. Nói một cách nghiêm túc, mỗi người chỉ có thể làm được một bộ mật mã. Ông tham gia nghiên cứu hắc mật, không phải trực tiếp nghiên cứu cụ thể, mà là chỉ ra đặc điểm, đường hướng, giúp họ tránh được sự tương đồng, giao thoa, ông tựa như người hoa tiêu. Ví dụ tử mật bay lên trời, ông yêu cầu hắc mật phải chui xuống đất, còn làm thế nào để chui xuống là việc nghiên cứu cụ thể.

5. Được biết, trước khi Kim Trân phá khoá tử mật, công việc nghiên cứu tạo dựng hắc mật đã cơ bản kết thúc, độ khó không giống với mật mã tử mật. Lấy khó để chiến thắng là nguyên tắc trong tạo lập mật mã cao cấp, tại sao phải tập trung nhiều người có trí tuệ cao để nghiên cứu hắc mật là bởi mọi người nghĩ rằng cái khó sẽ làm nản lòng đối phương. Nhưng được biết Kim Trân sau khi đã phá được khoá mã tử mật, một mặt ông kiên quyết yêu cầu sửa lại hắc mật, mặt khác ông dự cảm Kim Trân đã phá được khoá tử mật cũng có thể phá được khoá hắc mật. Bởi ông biết Kim Trân là một thiên tài đặc biệt, việc đi sâu giải quyết khó khăn sẽ kích thích tài năng thần bí của cậu ta mà không thể làm cậu ta nản lòng. Không thể làm nản lòng đành phải tìm cách đưa vào mê hồn trận, dùng những quái chiêu để đưa tâm trí cậu ta vào mê loạn mới có thể hạ gục cậu ta. Nghe nói, về sau hắc mật được cải tiến rất nhiều, một mặt rất khó, một mặt rất dễ, không ra ngô cũng chẳng ra khoai, nói như ông Hinsh, giống như một người bề ngoài mặc như một nhà nghiên cứu nhưng trong lại không mặc quần lót, không đi tất.

6. Anh nói đúng, giới mật mã có quy định không thành văn, mỗi người chỉ có thể tạo lập hoặc phá khoá một bộ mật mã, bởi tâm linh của người tạo lập hoặc phá khoá mã đã bị quá khứ ám ảnh, tâm linh ấy coi như bỏ đi. Bởi vì không cho phép hai bộ mật mã gần giống nhau. Nhưng Kim Trân quá hiểu ông Hinsh, cậu ấy phá khoá tử mật giống như đánh cờ với ông Hinsh, tâm linh của cậu không thể vì thế mà bị ông Hinsh hút mất. Không bị hút, anh ấy có thể phá được khoá mật mã của người khác. Hắc mật không bị phá theo cách như vẫn thấy.

7. Tôi nghi ngờ điều anh nói hắc mật không phải do Kim Trân phá. Thứ hai, có thể có một người như thế, tôi tin rằng người ấy không dựa vào bản thân, mà là do Kim Trân để lại ghi chép cách phá khoá hắc mật.

8. Nếu có thể, anh nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra với Kim Trân?

9. Như vậy ông Hinsh không sai.

10. Ông Hinsh nói, đời chúng ta bị Kim Trân bóp nát, cuối cùng cậu ấy cũng tự bóp nát mình.

11. Loại người như Kim Trân chỉ có thể tự mình diệt mình, còn không ai có thể diệt nổi. Thật ra, hai người (Hinsh và Kim Trân) đều bị số phận tiêu diệt, có điều khác là, Kim Trân là một phần của số phận Hinsh, nhưng đối với Kim Trân, ông Hinsh chỉ là một ông thầy biết tài năng của học trò.

12. Hẹn anh hôm khác. Lần sau đến anh cho tôi xem những lá thư của ông Hinsh gửi cho Kim Trân.

Lần thứ ba.

1. Đúng vậy, Weinak chính là Hinsh.

2. Điều ấy đã rõ. Hồi ấy, ông Hinsh là nhân vật bí mật của một cơ quan bí mật, liệu có thể dùng tên thật để làm một nhà khoa học được không? Nhà khoa học là người của công chúng, tính chất nghề nghiệp không cho phép. Đạo đức nghề nghiệp cũng không cho phép. Ông ấy là một nhân vật cao cấp lại làm một việc bí mật, liệu cơ quan nào, tổ chức nào cho phép?

3. Bởi vì lúc bấy giờ ông Hinsh chỉ là người trợ giúp nghiên cứu hắc mật, cho nên có thời gian và công sức nghiên cứu chuyên đề. Thật ra, ông ấy muốn tiếp tục nghiên cứu trí năng nhân tạo. Phải nói rằng, lý thuyết toán học song hướng ông ấy đề xuất về sau có tác dụng quan trọng trong việc nghiên cứu phát triển máy tính. Tại sao ông ấy rất muốn Kim Trân ra nước ngoài? Không giấu gì anh, ông ấy có mục đích riêng, muốn đề Kim Trân ở nước ngoài hợp tác với ông ấy nghiên cứu trí năng nhân tạo.

4. Tại sao ông Hinsh lại lao vào con đường chính trị cực đoan, anh hãy tự suy nghĩ, tôi không trả lời được. Nói tóm lại, ông Hinsh là một nhà khoa học, rất ấu trĩ về chính trị, cho nên rất dễ bị tổn thương, mà cũng dễ bị lợi dụng. Những điều anh vừa nói về hành vi chống Cộng của ông Hinsh là sự bôi nhọ, tôi bảo đảm việc ấy không có.

5. Việc này (nước X giam lỏng vợ chồng ông Hinsh) cũng rõ ràng, hai bộ mật mã cao cấp tử mật và hắc mật đều lần lượt bị phá khoá, một bộ do chính tay ông Hinsh tạo dựng, một bộ nữa ông ấy tham gia tạo dựng. Mà phá khoá là do học trò của ông ấy, tôi lại là người của phía bên này, ông ấy viết nhiều thư - tuy bề ngoài là để tạo nên mê hồn trận, nhưng thực tế ai biết có thật mê hồn trận hay không? Hiệu suất phá khoá mật mã cao cấp là rất thấp, nhưng một người liên tiếp phá hai bộ mật mã, mà phá rất nhanh, bình thường mà nói là không thể, khả năng duy nhất là tiết lộ. Ai tiết lộ? Nghi ngờ lớn nhất là ông Hinsh.

6. Chính thức bị giam lỏng từ sau ngày mật mã hắc mật bị phá, cụ thể từ nửa cuối năm 1970. Nhưng trước đó (sau khi tử mật bị phá) hành động của chúng tôi luôn luôn có người theo dõi, thư từ điện báo đều bị giám sát, còn rất nhiều hạn chế khác, sự thật cũng đã bị nửa giam lỏng.

7. Ông Hinsh qua đời năm 1979 là bởi ông ốm.

8. Đúng vậy, lúc bị giam lỏng ngày nào chúng tôi cũng ở bên nhau, ngày nào cũng có chuyện để nói, tại sao tôi biết nhiều như thế, là do ông Hinsh nói chuyện trong thời gian bị giam lỏng, trước đây tôi không biết một chút gì.

9. Tôi nghĩ, tại sao Thượng đế bắt tôi bị cái bệnh này, hình như vì tôi biết quá nhiều. Kì thật, không có miệng vẫn có thể nói, lúc có miệng tôi chưa bao giờ nói ra.

10. Tôi không muốn đem theo bí mật để ra đi, tôi muốn ra đi thật nhẹ nhàng. Đến với cuộc đời tôi không cần vinh quang, không cần bí mật, không cần bạn bè và kẻ thù.

11. Đừng nói dối tôi, tôi biết bệnh của mình, tế bào ung thư đã di căn, có thể tôi chỉ còn sống thêm vài tháng nữa thôi.

12. Xin đừng nói tạm biệt với người sắp chết, tôi rất bất hạnh. Anh về nhé, chúc anh bình an!

Mấy tháng sau, tôi nghe nói bà ấy mổ sọ não, mấy tháng sau nữa lại được tin bà ấy đã qua đời. Nghe nói, trong lời dặn lại bà ấy còn nhắc đến tôi, mong trong sách không viết tên thật của bà, vì “tôi và chồng tôi muốn được yên tĩnh.” Bây giờ, trong sách hai cái tên Phạm Lệ Lệ và Hinsh đều được đổi tên, cho dù điều ấy đã vi phạm chuẩn mực khi tôi viết cuốn sách này, nhưng biết làm sao được? Một người già số phận long

đông lạnh đậm nhưng có trái tim yêu thương, lời di chúc vẫn muốn được yên tĩnh, vì sinh thời không được yên tĩnh!

33. Chương 5-5

Cũng cần phải nói đến Nghiêm Thực.

Có thể vì Nghiêm Thực vứt bỏ Kim Trân để nâng mình lên, nên đã tạo ra sự ngăn cách, ông ta trở nên nhàn rỗi, không còn ở đơn vị nữa mà cùng với cô con gái lên tỉnh G ở. Đường cao tốc khiến cho tỉnh G và thành phố A gần nhau hơn, tôi xuất phát từ đơn vị 701 chỉ mất ba tiếng đồng hồ là lên đến tỉnh G và cũng không mất nhiều thì giờ để tìm được chỗ ở của con gái của ông, gặp được ông Thực đã già.

Trong tưởng tượng của tôi, ông Thực đeo kính cận thị nặng, hơn bảy mươi, gần tám mươi tuổi, mái tóc bạc trắng, ánh mắt giảo hoạt và bí ẩn, cho nên nhìn ông không hiền từ và nho nhã như một ông già. Lần đầu tiên gặp ông, ông đang ngồi trước bàn cờ vây, tay phải đang nắm hai quả bi rèn luyện sức khỏe màu vàng, tay trái cầm quân cờ trắng, đang suy nghĩ. Nhưng trước mặt ông không có đối thủ, ông đánh cờ một mình. Đúng vậy, ông đang chơi cờ với mình, giống như mình nói chuyện với mình, có cảm giác buồn và cô đơn của người già nhưng chí chưa già.

Cháu gái của ông mười lăm tuổi, học sinh trung học, nói với tôi, ông nội của cháu sau khi về hưu kết duyên với cờ vây, ngày nào cũng đánh cờ, ngồi ngắm bàn cờ tiêu khiển thời gian, ông rất cao cờ, rất khó tìm được đối thủ, cho nên đánh cờ với sách cho đã thêm.

Ông ta đánh cờ một mình, nghĩa là đánh cờ với người giỏi cờ.

Câu chuyện của chúng tôi bắt đầu từ bàn cờ. Ông tự hào nói với tôi, cờ vây rất hay, có thể xua đi nỗi cô đơn, rèn luyện trí óc, di dưỡng tinh thần, kéo dài tuổi thọ, vân vân. Sau khi nói cái lợi của cờ vây, ông tỏ ra tâm đắc, nói chơi cờ vây là bệnh nghề nghiệp của ông.

“Cho nên, người làm công tác phá khoá mật mã, sổ phạn và chơi cờ có mối liên hệ tự nhiên, nhất là những người có cuộc đời bình dị, cuối cùng không gì khác hơn là mê cờ, giống như cưỡi biển, thuốc phiện, những năm cuối đời muốn làm từ thiện.

Ông giải thích.

Ví dụ của ông khiến tôi tiếp cận với một sự thật nào đó, nhưng...

Tôi hỏi ông: “Tại sao ông cứ nhấn mạnh đến cuộc đời bình dị?”

Ông suy nghĩ rồi nói: “Đối với những thiên tài phá khoá mật mã, nhiệt tình và trí tuệ của họ có thể phát huy trong công việc. Nói một cách khác, tài năng của họ được sử dụng thường xuyên, được sử dụng cho công việc, tinh thần phấn chấn và được phát huy nên cũng được yên tĩnh, sâu xa và không bị áp lực, cũng không bị khô cằn. Không bị áp lực nên cũng không cần xả áp lực, không bị khô cằn nên cũng không cần khát khao yêu cầu tái sinh. Cho nên, đã là thiên tài những năm cuối đời của họ, trong quá trình tổng kết và nhớ lại, họ sẽ lắng nghe được những hồi âm đẹp của bản thân.

“Còn như tôi một cuộc đời bình dị - những người trong cuộc gọi những người như chúng tôi là nửa bầu trời, ý nói có một phần của thiên tài nhưng chưa có sự nghiệp của thiên tài, mấy chục năm sống trong tìm kiếm và áp lực, tài năng chưa được toả sáng, những người như thế về cuối đời không có gì để nhớ lại, cũng chẳng có gì để tổng kết, vậy thì, cuối đời họ làm gì? Hay là vẫn bận bịu, vô thức bận bịu kiếm tìm đất dụng võ, cố gắng giằng giụa trước khi chết? Say mê cờ chính là như thế, là một phần trong đó.

“Thứ hai, xét từ một góc độ khác, các thiên tài một đời khắc khổ đào sâu nghiên cứu, ý đồ sâu xa, đôi chân tư tưởng đi thật xa trên con đường nhỏ hẹp, cho dù lòng có ý nghĩ khác, muốn làm việc khác, nhưng đầu óc đã cố định một hướng, không thể rút ra nổi (ông dùng chữ rút ra khiến tôi thấy gai cả người, cho dù tôi cố nâng tinh thần lên rồi). Nỗ lực của họ, lưỡi gươm tư tưởng của họ không có cách nào vung vẩy múa võ,

chỉ có thể đâm chọc như một mũi kim, chọc thẳng. Anh có biết nguồn gốc căn bệnh của người điên không? Thiên tài thất thường và điên cờ cùng một con đường, đều do quá say mê. Anh mời họ đánh cờ vào những năm cuối đời? Không thể được, không còn đánh được nữa.”

Ông nói thêm như để chuẩn bị kết thúc: “Tôi vẫn cho rằng, thiên tài và điên là một cặp đối lập cao độ, thiên tài và điên như hai cánh tay bên phải và bên trái, là hai đầu vươn ra ngoài của cơ thể con người, chẳng qua hai chi khác nhau ở hai hướng. Trong toán học có khái niệm cực đại và cực tiểu, với một ý nghĩa nào đó, thiên tài là cực đại, điên là cực tiểu. Mà trong toán học cực đại và cực tiểu được coi là đồng nhất, đồng nhất vô cực. Cho nên, tôi vẫn thường nghĩ, một ngày nào đó nhân loại phát triển đến một trình độ nhất định, biết đâu điên cũng giống như thiên tài kiệt xuất, tạo sự nghiệp to lớn cho chúng ta. Không nói những chuyện khác, chỉ nói mật mã thôi nhé. Anh nghĩ, nếu chúng ta có thể tư duy như một người điên (tức là không tư duy gì) để suy nghĩ về một bộ mật mã, vậy bộ mật mã ấy không có người phá. Thật ra, sự nghiệp nghiên cứu mật mã là sự nghiệp gần với người điên, càng tiếp cận người điên tức là càng tiếp cận với thiên tài, ngược lại, càng là thiên tài lại càng gần với người điên, về mặt cấu tạo, thiên tài và người điên tương hô tương ứng, thật sự đáng ngạc nhiên. Cho nên tôi không kì thị người điên, là bởi tôi cảm thấy trong con người họ biết đâu ẩn chứa bảo bối, chẳng qua chúng ta chưa phát hiện mà thôi. Họ giống như một khu mỏ mật mã, chờ chúng ta khai thác.”

Nghe ông nói, tinh thần tôi như được tắm gội, có cảm giác tâm linh như được đánh bóng, tưởng như nơi sâu thẳm tâm hồn chất chứa bụi đất, từng lời nói của ông cứ thao thao tẩy rửa bụi trần, khiến tâm linh âm u của tôi như được bừng sáng. Khoan khoan quá, sung sướng quá! Tôi lắng nghe, tận hưởng, đắm say, tưởng như mất hẳn mạch suy tư, cho đến khi ánh mắt chạm vào những quân cờ đen trắng trên mặt bàn mới sực nhớ câu hỏi:

“Vậy ông đã mê cờ như thế nào?”

Ông đặt mình lên cái ghế mây, giọng nói vừa vui vừa tự trào: “Đây là cuộc đời bình dị của tôi.”

“Không!” Tôi hỏi lại: “Ông phá được mật mã hắc mật, làm sao có thể nói là bình thường?”

Ánh mắt của ông trở nên đờ đẫn, toàn thân co rúm lại, cái ghế kêu cọt két, tưởng như suy nghĩ làm cơ thể ông nặng thêm. Lặng đi một lúc lâu, ông ngược mắt nhìn tôi, hỏi rất nghiêm túc: “Anh có biết tôi đã phá khoá hắc mật như thế nào không?”

Tôi thành khẩn lắc đầu.

Anh có muốn biết không?”

“Tất nhiên.”

“Vậy tôi nói với anh, ấy là Kim Trân giúp tôi phá hắc mật.” Ông như cầu cứu: “Ôi, không, không, phải nói là Kim Trân phá khoá hắc mật, không phải tôi.”

“Kim Trân?” Tôi giật mình. “Chẳng phải anh ấy đã... gặp tai hoạ?”

Tôi không nói điên.

“Đúng vậy, anh ấy có chuyện, anh ấy điên. Nhưng anh không nghĩ được rằng, từ tai hoạ của anh ấy, tôi trông thấy bí mật của hắc mật.”

“Là như thế nào?” Tâm linh tôi căng thẳng như muốn vỡ đôi.

“Nói ra dài lắm.”

Ông thở dài, ánh mắt nhìn đi chỗ khác, ông như chìm vào quá khứ.

34. Chương 5-6

(Ghi theo lời kể của ông Nghiêm Thực)

Tôi không nhớ rõ thời gian cụ thể, có thể là năm 1969, cũng có thể là năm 1970, dù sao đang là mùa đông, Kim Trân gặp chuyện không may. Trước đây Kim Trân là Trưởng phòng giải mã của chúng tôi, tôi là phó trưởng phòng. Phòng của chúng tôi là một phòng lớn, lúc đông nhất có bảy người, bây giờ ít rồi, ít nhiều rồi. Trước đây có một ông trưởng phòng khác, ông ấy họ Trịnh, bây giờ vẫn tại chức, nghe nói là Cục trưởng. Ông ấy cũng là một người tài giỏi, bắp chân bị đạn, đi bước thấp bước cao, nhưng không ảnh hưởng đến việc ông đứng trong hàng ngũ những người tài giỏi. Kim Trân là do ông phát hiện, ông ấy đến khoa toán của đại học N, quan hệ giữa hai người rất tốt, nghe nói có quan hệ bè bạn thân thích gì đó. Trước đây cũng có một vị trưởng phòng, là sinh viên giỏi của một trường đại học ở trung ương, trong thế chiến thứ hai đã từng tham gia phá khoá mật mã của quân Nhật, sau giải phóng về đơn vị 701 chúng tôi và cũng đã lập công, rất đáng tiếc, sau đây bị mật mã tử mật làm cho phát điên. Phòng giải mã chúng tôi may mà có ba người ấy mới giành được thành tích rực rỡ, tôi nói thành tích rực rỡ hoàn toàn không khoa trương thổi phồng, tất nhiên Kim Trân không xảy ra chuyện gì tôi dám khẳng định chúng tôi còn giành được những thành tích to lớn hơn nữa, càng vinh quang hơn, không ngờ... Ôi, không ngờ, việc đời không biết đâu mà ngờ!

Sau khi Kim Trân có chuyện, cấp trên quyết định tôi làm trưởng phòng, đồng thời tôi gánh trách nhiệm phá khoá mã hắc mật. Cuốn sổ tay kia, sổ tay của Kim Trân là tư liệu bảo bối để phá khoá mã hắc mật, tất nhiên cũng đến tay tôi. Anh biết không, cuốn sổ tay ấy là bình chứa tư tưởng của Kim Trân, cũng có thể nói, là bộ óc suy nghĩ về hắc mật, trong đó là những suy nghĩ của anh ấy về mật mã hắc mật, toàn những suy nghĩ kì lạ. Khi tôi đọc từng chữ từng câu, từng trang sổ tay cảm thấy từng chữ một đều rất quý, thật sự ngạc nhiên, mỗi chữ đều có hơi thở đặc biệt, kích thích tôi rất mạnh. Tôi không phát hiện được tài năng nhưng có năng lực nhận biết tài năng, ghi chép trong sổ tay bảo với tôi đường hướng phá khoá hắc mật. Kim Trân đã đi được chín mươi chín bước, chỉ còn bước cuối cùng.

Bước cuối cùng quan trọng nhất, ấy là tìm khoá mã.

Khái niệm khoá mã là thế này, nói ví dụ, hắc mật là cái nhà phải đốt, muốn đốt được nhà trước hết phải có diêm để có lửa, mà số diêm Kim Trân tích góp to như núi, có thể phủ kín ngôi nhà, chỉ còn mỗi lửa cuối cùng. Khoá mã là mỗi lửa cuối cùng, là điểm nổ.

Những gì có trong sổ tay đã phản ánh đây là bước cuối cùng để tìm khoá mã, một năm trước Kim Trân đã bắt đầu đi. Ấy là nói, chín mươi chín bước trước đây Kim Trân đã đi trong hai năm, nhưng bước cuối cùng anh còn chần chừ chưa bước. Điều này thật kì lạ. Theo một ý nghĩa nào đó, một người đi chín mươi chín bước trong hai năm, bước cuối cùng dù khó đến đâu cũng không cần đến một năm vậy mà vẫn chưa bước đi. Đây là điều kì lạ.

Còn một điều kì lạ nữa là, không hiểu anh có lí giải nổi không, tức là, hắc mật là một bộ mật mã cao cấp đã sử dụng trước đó ba năm, nhưng chúng tôi vẫn không thấy bất cứ một sai sót nào của nó, ba năm không đánh rơi một giọt nước nào, không lộ dấu tích thật của nó, hiện tượng này rất hiếm thấy trong lịch sử mật mã. Điều này Kim Trân đã từng thảo luận với chúng tôi, cho rằng rất không bình thường, anh nhiều lần nghi ngờ, thậm chí nghi ngờ hắc mật là sự sao chép bộ mật mã cũ nào đó. Bởi vì chỉ có đã qua sử dụng tức là mật mã đã qua sửa chữa mới có thể hoàn mĩ đến vậy, nếu không, người tạo ra mật mã trừ phi là một ông thánh, là một đại thiên tài không thể tưởng tượng nổi.

Hai điều kì lạ là hai vấn đề buộc chúng ta phải suy nghĩ. Cứ theo cuốn sổ tay thì biết, Kim Trân đã suy nghĩ nhiều lắm, rất sâu và rất sắc sảo, sổ tay khiến tôi một lần nữa chạm vào linh hồn Kim Trân, đó là cái vô cùng cao đẹp và thật dễ sợ. Khi tôi vừa cầm cuốn sổ tay, tôi đã từng nghĩ để mình đứng lên vai Kim Trân, vậy là tôi suy nghĩ theo những suy nghĩ đã ghi trong sổ tay của anh ấy, nhưng tôi phát hiện mình đang bước vào một tâm linh vô cùng mạnh mẽ, mỗi hơi thở của tâm linh ấy đều gây chấn động và xung động đối với tôi.

Tâm linh ấy đang nuốt chửng tôi.

Tâm linh ấy bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng nuốt chửng tôi.

Có thể nói thế này, sổ tay tức là Kim Trân, tôi càng đối diện với nó, càng gần nó, càng cảm thấy nó lớn mạnh, sâu sắc, kì diệu, càng cảm thấy mình yếu đuối, nhỏ bé, tưởng như càng nhỏ hơn. Trong những ngày đó, qua từng câu từng chữ trong sổ tay, tôi càng cảm thấy thật rõ ràng Kim Trân là một thiên tài, tư tưởng của anh ấy thật kì lạ, càng đi sâu càng thấy sắc sảo, khí thế, sát khí đằng đằng... Tôi càng đọc càng cảm thấy tất cả nhân loại, sự sáng tạo và chết chóc cùng hiện lên, tất cả tạo nên cái mỹ cảm kì dị cực điểm, hiện rõ trí tuệ và tài năng kiệt xuất của loài người.

Cuốn sổ tay tạo cho tôi một nhân vật giống như một vị thánh, sáng tạo nên tất cả, lại giống như ma quỷ bóp nát tất cả, gồm cả trật tự tâm linh. Trước con người ấy tôi cảm thấy nồng nhiệt, sùng kính, sợ hãi, cảm thấy phải quỳ lạy. Sau ba tháng, tôi không đứng lên vai Kim Trân, tôi không đứng lên nổi! Chỉ là rất hạnh phúc và yếu ớt leo lên người anh ấy, giống như đứa trẻ bị lạc nhiều năm nay trườn vào lòng mẹ nó, lại giống như giọt mưa rơi lên mặt đất, ngấm vào lòng đất.

Anh có thể tưởng tượng cứ như vậy nhiều lắm tôi chỉ là người bước ra khỏi bước thứ chín mươi chín của Kim Trân, bước cuối cùng chôn vùi trong đen tối vĩnh viễn. Thời gian cũng có thể để Kim Trân bước nốt bước chân cuối cùng, nhưng tôi không thể, là bởi như tôi vừa nói, tôi chỉ là một hài đồng trên người anh ấy. Bây giờ anh ấy đã ngã xuống tôi mới phát hiện, Kim Trân để lại cho tôi cuốn sổ tay thật ra đã để lại cho tôi nỗi buồn đau, để tôi đứng trước thắng lợi, một thắng lợi hiếm hoi nhưng không có cách nào sờ thấy, nắm bắt được. Thật đáng thương, đáng buồn! Tâm trạng tôi lúc bấy giờ vô cùng khủng hoảng và khó xử.

Nhưng Kim Trân ra viện.

Đúng vậy, anh ra viện, không phải ra viện vì đã bình phục, mà là... nói thế nào nhỉ? Không thể chữa khỏi bệnh, ở mãi trong bệnh viện cũng thật vô nghĩa, phải về.

Cũng là ý trời, từ lúc Kim Trân ốm, tôi không gặp anh ấy. Lúc xảy ra chuyện, tôi ốm phải nằm viện, lúc tôi ra viện Kim Trân đã chuyển về tỉnh, tức là nơi này, để điều trị. Đến thăm anh ấy cũng bất tiện. Với lại tôi ra viện phải bắt tay ngay vào công việc phá khoá hắc mật, cũng không có thời gian đi thăm anh ấy. Tôi cũng phải đọc sổ tay của anh ấy. Cho nên Kim Trân bị điên, mãi đến khi anh ấy ra viện tôi mới được gặp.

Đây là ý trời.

Tôi dám nói, nếu tôi gặp anh ấy trước đây một tháng, rất có thể không có chuyện gì. Tại sao tôi nói vậy? Có hai nguyên nhân: thứ nhất, trong thời gian Kim Trân nằm viện tôi đọc sổ tay của anh ấy, khiến hình ảnh anh ấy trong tim tôi càng vĩ đại, càng mạnh mẽ; thứ hai, qua đọc sổ tay của anh ấy và sau một thời gian suy nghĩ, những khó khăn của hắc mật chỉ còn nhỏ như một mũi kim. Đây là bước đệm, là cơ sở phát sinh những gì sau đó.

Buổi chiều hôm ấy, tôi nghe nói Kim Trân về, liền đi thăm, đến nơi mới biết anh ấy chưa về, vậy là tôi chờ ở dưới sân. Chỉ một lúc sau tôi trông thấy một chiếc xe jeep cũ dừng lại, từ phía sau xe hai người chui ra, đây là ông Hoàng cán bộ của phòng chúng tôi và vợ Kim Trân. Tôi đi tới, hai người gật đầu hờ hững với tôi, rồi chui vào xe, bắt đầu đỡ Kim Trân từng bước chui ra. Hình như anh ấy không muốn ra, lại giống như một vật phẩm bị vỡ, không thể lôi ra ngay, chỉ có thể chậm chậm, cẩn thận đưa ra.

Một lúc sau đã đưa được Kim Trân từ trong xe ra, nhưng tôi trông thấy một người...

Anh ấy khom lưng, toàn thân run rẩy, cái đầu cứng đờ giống như vừa được đặt lên và chưa được chỉnh ngay ngắn, bị nghiêng, đôi mắt mở to tròn xoe, sợ hãi, nhưng lại như không trông thấy gì, miệng há, tưởng chừng không mím lại nổi, thỉnh thoảng nước miếng chảy ra...

Đây là Kim Trân ư?

Tim tôi như bị bóp nát, thần trí hỗn loạn. Anh ấy làm tôi sợ hãi... Tôi đứng ngây ra, không dám đi tới chào hỏi, tưởng chừng như anh ấy làm tôi bị bóng. Được vợ dìu, Kim Trân như nổi sợ hãi biến mất trước mắt tôi nhưng không thể biến mất trong lòng tôi.

Về đến văn phòng, tôi ngồi vật xuống sofa, phải đến một tiếng đồng hồ không dám thở mạnh, vô tri vô giác giống như một xác chết. Khỏi phải nói, tôi bị kích thích quá lớn, mức độ chả khác gì cuốn sổ tay đã kích thích tôi. Về sau bớt dần, nhưng trước mắt vẫn hiện rõ cái cảnh Kim Trân xuống xe, nó nằm ngang lòng tôi như một ý nghĩ độc ác hiếm thấy, không tài nào xua đi nổi, cứ ỳ ra. Hình ảnh Kim Trân sau khi điên

cứ bám chặt lấy tôi, giày vò tôi, càng nhìn anh ấy càng thấy thương, thê thảm quá, sợ hãi. Tôi tự hỏi, ai đã làm anh ấy đến nông nổi này? Tôi nghĩ đến tai hoạ của anh ấy, nghĩ đến kẻ gây ra tai hoạ cho anh...

Chính là tên ăn cắp!

Không ai ngờ một thiên tài, một con người mạnh mẽ và đáng nể như vậy (cuốn sổ tay khiến tôi cảm thấy Kim Trân thật lớn mạnh và đáng sợ), một con người vừa có tầm cao vừa có độ sâu, là tinh hoa của loài người, là anh hùng của giới phá khoá mật mã, cuối cùng bị một cái gỗ nhẹ của tên ăn cắp đập vỡ tan tành. Điều ấy khiến tôi cảm thấy bí ẩn và hoang đường, cái hoang đường gây chấn động mạnh cho tôi.

Mọi cảm giác gây chấn động đối với con người dễ làm anh phải suy nghĩ, nhưng suy nghĩ có lúc vô thức, cho nên rất có thể có kết quả, cho dù có cũng không nhất thiết có ý thức ngay được. Trong cuộc sống có lúc bỗng nhiên cảm nhận một cách vô cớ một tư tưởng nào đó, cảm thấy quái dị vô cớ, thậm chí ngỡ rằng thần linh ban thưởng, thật ra từ lâu đã có trong người, chẳng qua nó lắng đọng quá sâu trong vô thức, lúc này chỉ nổi lên chút ít, giống như cá dưới đáy nước ngẫu nhiên ngoi lên.

Lúc bấy giờ suy nghĩ của tôi hoàn toàn có ý thức, hình ảnh nhỏ nhen của tên ăn cắp và hình ảnh cao đẹp của Kim Trân - hai người chèn nhau một trời một vực, khiến suy nghĩ của tôi có ngay định hướng, không nghi ngờ gì nữa, khi bạn trừu tượng hoá hai hình ảnh đó, so sánh đối chiếu về tinh thần hay thực chất đây là sự chênh lệch giữa cái đẹp và xấu, nặng và nhẹ, to lớn và nhỏ bé. Tôi nghĩ, Kim Trân không bị mật mã cao cấp hoặc người tạo lập mật mã cao cấp quật ngã, nhưng bị một tên kẻ cắp gỗ nhẹ đã quật ngã anh. Kim Trân suốt một thời gian dài chịu đựng giày vò, khắc khổ trước tử mật và hắc mật, nhưng trước bóng tối và khó khăn của tên kẻ cắp đưa lại, chỉ cần vài ba ngày là anh không chịu nổi.

Tại sao anh ấy không chịu đựng nổi chỉ một cái gỗ nhẹ?

Lẽ nào tên kẻ cắp lại lớn mạnh thế hay sao?

Tất nhiên là không.

Tại Kim Trân yếu đuối?

Đúng vậy!

Vì kẻ cắp đã lấy đi cuốn sổ tay thiêng liêng nhất và bí hiểm nhất của Kim Trân, cuốn sổ tay là thứ quan trọng nhất và cũng là điểm yếu nhất của anh, giống như trái tim con người chỉ chạm nhẹ, chạm thật nhẹ cũng đủ làm chết người.

Anh biết đấy, trong những trường hợp bình thường anh phải cất giữ cái thiêng liêng nhất, quý báu nhất vào nơi an toàn nhất. Ví dụ cuốn sổ tay ấy Kim Trân phải cất vào cặp an toàn, để vào cái cặp da nhỏ là một sai lầm, là chỉ một sơ ý nhỏ. Nhưng ngược lại, nếu nghĩ tên ăn cắp là kẻ địch thực sự, là đặc công của nước X, mục đích gây án của nó là đánh cắp cuốn sổ tay, nếu là một đặc công, nó rất khó tưởng tượng Kim Trân lại có thể sơ ý đối với cuốn sổ tay, để nó vào cái cặp không an toàn, cho nên đối tượng ăn cắp của nó sẽ không phải là cái cặp da mà là cặp an toàn kia.

Điều ấy muốn nói, nếu tên ăn cắp là một đặc vụ chỉ nhằm đánh cắp sổ tay, vậy cuốn sổ để trong cặp da, ngược lại sẽ là khéo léo tránh được nạn cướp đoạt.

Chúng ta đưa thêm giả thuyết, nếu Kim Trân để sổ tay vào cặp da không phải là vô ý, mà là cố tình, nhưng anh ấy gặp một đặc vụ chính cống chứ không phải là tên ăn cắp, thử nghĩ xem, âm mưu của Kim Trân để sổ tay vào cặp da quả là cao siêu, nó đưa tên đặc vụ vào mê hồn trận, có phải không?

Điều ấy khiến tôi nghĩ đến hắc mật. Tôi ngỡ rằng, phải chăng người tạo lập hắc mật không cố tình cất giấu khoá mã vào két bảo hiểm? Cái lí thông thường là phải cất thật kĩ, giấu thật kín, nhưng lại cố tình không bỏ vào két sắt, mà để ở cặp da? Nhưng liệu Kim Trân, một người vất vả mò mẫm với cái khoá mật mã có sắm vai một đặc vụ tìm sổ tay trong két bảo hiểm hay không?

Suy nghĩ ấy loé lên làm tôi vô cùng kích động.

Lúc ấy suy nghĩ của tôi hoàn toàn vỡ vụn, nhưng nó vỡ vụn lại trùng khớp với hai điều kì lạ tôi nói ở trên. Điều kì lạ thứ nhất nói về sự sâu sắc của hắc mật, thậm chí Kim Trân đã đi được chín mươi chín bước và khó bước nổi bước cuối cùng; điều kì lạ thứ hai vô cùng đơn giản, thậm chí liên tục sử dụng trong ba năm

cũng không có sai sót. Như anh biết đấy, chỉ có cái đơn giản mới có thể tự nó vận hành hoàn mỹ như mong muốn.

Tất nhiên, nghiêm khắc mà nói, có hai khả năng đơn giản, thứ nhất giả đơn giản, tức người tạo lập hắc mật là một thiên tài hiếm có, anh ta tạo lập một bộ mật mã đối với anh ta là rất đơn giản và dễ dàng, nhưng với chúng ta là vô cùng sâu sắc. Khả năng thứ hai là đơn giản thật, tức là dùng cái khéo léo để thay cho cái sâu sắc, lấy cái siêu đơn giản để làm mê hoặc chúng ta, cài bẫy chúng ta, hãm hại chúng ta. Ví dụ, để khoá mã trong cặp da.

Sau đấy có thể tưởng tượng, nếu nói đấy là giả đơn giản, vậy hắc mật đối với chúng ta không thể phá nổi, vì chúng ta đối diện với một đại thiên tài hiếm có. Về sau tôi nghĩ, thoát đầu Kim Trân cố chấp sa vào cái giả đơn giản. Nói một cách khác, anh ấy bị cái đơn giản giả đánh lừa, làm mê hoặc, hãm hại. Nhưng mà, anh ấy rơi vào cái giả đơn giản cũng là bình thường, chừng như tất nhiên, một mặt... nói thế nào nhỉ? Thế này nhé, anh và tôi là hai phía trên võ đài, anh đánh tôi gục xuống võ đài, sau đấy có một người của phe tôi nhảy lên đánh với anh, về tình cảm hay cảm giác đều dễ bị anh cho rằng con người này là cao thủ, ít nhất phải cao hơn tôi, đúng không? Kim Trân là như thế, anh ấy đã phá được khoá mã tử mật, là người chiến thắng trên võ đài, rất phần khởi, nói về tâm trạng, từ lâu anh ấy đã chuẩn bị chiến thắng một cao thủ hơn thế. Thứ hai, nói về đạo lý, chỉ có giả đơn giản mới thống nhất được hai điều kì lạ, nếu không nó sẽ mâu thuẫn, đối lập nhau. Ở đây Kim Trân đã phạm phải sai lầm của một thiên tài. Bởi vì, theo anh ấy, một bộ mật mã cao cấp không thể có mâu thuẫn rõ ràng như thế. Kim Trân đã từng phá khoá mã tử mật, đã từng quen với cái kết cấu bí mật và tương thích với nhau, cho nên, đối diện với hai điều kì lạ, ý niệm của anh ấy không phải là kéo nó ra theo thói quen, mà là cố nén nó lại. Muốn nén nó lại thì đơn giản giả là sức mạnh duy nhất.

Tóm lại, thiên tài Kim Trân đã bị cái thiên tài của mình làm hại, khiến anh miên man trong cái giả đơn giản mà không thoát ra nổi. Điều này nói lên anh ấy có đủ dũng khí và thực lực để thách thức đại thiên tài. Tâm linh khát vọng và đại thiên tài chém giết lẫn nhau.

Tôi không như Kim Trân. Với tôi, giả đơn giản chỉ có thể làm tôi sợ hãi, tuyệt vọng, bịt lối thoát, bịt kín con đường này một con đường khác cũng sẽ tự nhiên mở ra dưới chân tôi. Cho nên, đơn giản thật, ý nghĩ khoá mã có khả năng để trong cặp da loé lên, tôi cảm thấy vui mừng chưa từng có, có cảm giác một cánh tay đưa tôi đến bên một cánh cửa, cánh cửa ấy chỉ cần đập nhẹ là mở toang.

Đúng vậy, tôi rất kích động, nghĩ đến đấy tôi rất kích động, đấy là điều vĩ đại nhất đời tôi, vào khoảnh khắc thần kì nhất, chính vì có khoảnh khắc ấy trong đời mới có được sự thần nhiên, yên tĩnh ngày nay, thậm chí trường thọ. Phong thuỷ xoay vần, vào thời khắc ấy ông trời đem vận may đến ân thưởng cho tôi, tôi mơ hồ và hạnh phúc như được thu nhỏ lại, đưa trả về bụng mẹ, tất cả như được người khác chủ động đưa đến, khỏi phải đi lấy, khỏi phải trả ơn, giống như một cái cây.

Ôi, tâm trạng tôi trong khoảnh khắc ấy thật khó nắm bắt, cho nên nhớ lại cũng chỉ là khoảng trống. Tôi còn nhớ, tôi không lên máy ngay để tìm cách chứng thực suy nghĩ của tôi, có thể tôi sợ suy nghĩ của mình bị lộ, mặt khác vì tôi mê tín thời điểm ba giờ đêm. Tôi nghe nói, sau ba giờ đêm lúc ấy vừa có người, vừa có ma, thần khí và linh khí rất sung mãn, thích hợp cho mọi suy nghĩ. Vậy là tôi cứ đi đi lại lại trong phòng đầy tử khí giống như một phạm nhân, vừa lắng nghe nhịp tim mình đập dồn dập, vừa cố gắng kiềm chế xúc động mãnh liệt, chờ cho đến ba giờ đêm, sau đấy đến ngay bên máy tính (bộ máy tính bốn trăm ngàn phép tính của ông Tổng cục trưởng tặng Kim Trân) bắt đầu tìm cách chứng thực giấc mơ hoang đường của hoang đường, và ý nghĩ kì lạ về những bí mật của bí mật. Tôi không biết mình tính toán trong bao lâu, chỉ nhớ tôi đã phá được khoá mã hắc mật, điên cuồng chạy ra khỏi hang (hồi ấy chúng tôi vẫn làm việc trong hang đá), quỳ trên mặt đất, vãi trời vãi đất. Trời chưa sáng, vẫn còn bóng tối.

Ôi, nhanh quá ư? Tất nhiên là quá nhanh, anh không biết đấy, chìa khoá của hắc mật ở ngay trong cái cặp da!

Ôi, không ngờ, hắc mật không có khoá!

Chìa khoá là không!

Không có khoá!

Không có gì sắt!

Ồi, tôi không biết phải giải thích với anh thế nào, ví dụ thế này nhé. Ví dụ, hắc mật cất trong một ngôi nhà rất xa, một ngôi nhà ở nơi vô hạn trên bầu trời, ngôi nhà có vô số cửa, các cửa đều giống nhau, đều có khoá, nhưng chỉ có một cánh cửa mở được, nó lẫn lộn trong vô số cửa, các cửa giả đều không mở nổi.

Muốn vào trong đó trước hết phải giữa vô biên vũ trụ tìm được ngôi nhà kín đáo, sau đấy giữa vô số ô cửa giống nhau tìm thấy một cánh cửa có thể mở. Tìm thấy rồi, anh mới có thể tìm ra chìa khoá để mở cửa. Kim Trân chưa tìm thấy chìa khoá, nhưng anh đã giải quyết tất cả từ một năm trước đấy, tìm thấy ngôi nhà, tìm thấy cánh cửa thật, nhưng chưa thấy chìa khoá.

Cái chìa khoá, như tôi vừa nói, thật ra lấy một xâu chìa khoá cho vào lỗ khoá và thử. Xâu chìa khoá này đều do người phá mã căn cứ vào trí tuệ và sự tưởng tượng của mình để làm ra, cái này không mở được đối cái khác, lại không được, lại đối cái khác... Cứ như vậy Kim Trân bận suốt một năm, có thể biết anh ấy đã đổi bao nhiêu cái rồi. Nói đến đây, anh nên nghĩ rằng một người phá mã thành công cần có trí năng thiên tài cũng cần có vận may thiên tài. Vì theo lí thuyết, một nhân tài phá khoá mật mã trong bụng anh ta có vô số chìa khoá, nhất định sẽ có một chiếc mở được. Vấn đề ở chỗ chiếc chìa khoá ấy xuất hiện lúc nào, là bắt đầu, là khoảng giữa hay cuối cùng, trong đó có yếu tố ngẫu nhiên.

Yếu tố ngẫu nhiên này nguy hiểm đến mức có thể huỷ diệt.

Yếu tố ngẫu nhiên này thần kì đến độ có thể sáng tạo tất cả.

Nhưng đối với tôi, tính ngẫu nhiên gồm cả nguy hiểm và vận may đều không tồn tại, bởi trong tôi không có chìa khoá, tôi không đủ khả năng rèn chìa khoá, cũng không thể tìm đau khổ hoặc vận may trong số hàng triệu. Nếu cánh cửa có khoá, vậy có thể tưởng tượng tôi không thể lọt qua cánh cửa ấy. Nhưng lúc này, điều hoang đường là, cánh cửa như có khoá, thực tế lại không khoá, chỉ khép hờ, anh chỉ cần khẽ đẩy cửa sẽ mở ra. Khoá cửa hắc mật vớ vẩn đến khó tin, không dám tin, tất cả đều bày ra trước mắt, tôi vẫn không tin ở mắt mình, cho rằng mọi chuyện đều giả, đều là chuyện trong mơ.

Ồi, ma quỷ, đúng là ma quỷ tạo lập mật mã!

Chỉ có ma quỷ mới đủ dũng khí dấn thân và gian tà đến vậy!

Chỉ có ma quỷ mới có trí tuệ hoang đường và độc ác đến vậy!

Ma quỷ né tránh thiên tài Kim Trân, nhưng lại gặp con người tôi ngang ngược đón đầu. Nhưng có trời mới biết, tôi mới biết, tất cả đều là sáng tạo của Kim Trân, anh ấy dùng sở tay của mình để nâng tôi lên tận trời cao, lại thông qua tai hoạ của mình chỉ rõ những điều bí mật của hắc mật được giấu kín. Có thể anh sẽ bảo điều ấy là vô tình, nhưng ở đời này có mật mã nào không phá bằng sự cố ý hay vô tình? Tất cả đều được phá bởi cố ý hoặc vô tình, nếu không tại sao chúng ta cần vận may từ bầu trời sao, cần mộ tổ bốc khói xanh?

Đúng vậy, mật mã trên đời này đều được phá trong cố ý hay vô tình!

Ha ha, thằng nhỏ, hôm nay mày không chú ý đã phá được mật mã của ta? Không giấu gì anh, những điều tôi nói với anh đều là bí mật, là mật mã của tôi, tôi chưa nói với ai bao giờ. Chắc chắn anh sẽ nghĩ, tại sao tôi chỉ nói với anh về những bí mật của tôi, những bí mật không đẹp đẽ của tôi? Nói với anh nhé, là bởi tôi sắp thành ông lão tám mươi, một ngày nào đấy có thể chết, tôi không muốn sống trong vinh quang hào...

Cuối cùng ông nói với tôi, sở dĩ đối phương làm ra một bộ mật mã không có khoá mã là bởi từ trong số phận bi thảm của mật mã tử mật nhận ra bước đường cùng của mình. Họ biết, chỉ một lần giao đấu họ hiểu được thiên tài của Kim Trân, nếu giao đấu chính diện chắc chắn họ sẽ chết, vậy là mạo hiểm làm chuyện sai trái, điên cuồng sử dụng quái chiêu xa lạ.

Nhưng họ không hiểu được rằng, Kim Trân còn có tuyệt chiêu, nói như lời ông già, Kim Trân thông qua tai hoạ của mình, phương thức thần kì của thần kì, nói với đồng nghiệp cái bí mật quái đản của hắc mật, đấy là ngón đòn có một không hai trong lịch sử phá khoá mật mã. Bây giờ tôi nhớ lại mọi điều, nhớ lại Kim Trân trong quá khứ và hiện tại, nhớ lại những điều thần bí và thiên tài của anh, lòng cảm thấy vô cùng kính trọng, vô cùng buồn thương, vô cùng thần bí!

35. Chương 5-7: Chương Ngoài: Sổ Tay Của Kim Trân

Chương này, với tên gọi “Sổ tay của Kim Trân” đã có thể biết nội dung, chỉ là trích lại những ghi chép trong sổ tay để làm chút tư liệu tham khảo có tính độc lập, không liên quan đến chuyện công khai hoặc bí mật của năm chương trước, bạn đọc có thể đọc có thể không, đọc có thể có thêm chút bổ sung, không đọc cũng chẳng sao, không ảnh hưởng gì đến việc nhận thức đối với Kim Trân. Nói một cách khác, chương này giống như mẩu ruột thừa trong cơ thể, có nó hay không có nó không ảnh hưởng gì lắm, chính vì vậy tôi gọi nó là chương ngoài, thực chất là lời bạt hoặc là phần ghi chép thêm.

Theo tôi được biết, trong thời gian (1956 -1970) Kim Trân công tác tại đơn vị 701 đã để lại hai mươi lăm cuốn sổ tay, hiện chúng nằm trong tay chị Cù Lợi, vợ anh ấy quản lí, nhưng trong đó có một cuốn chị được giữ lại với danh nghĩa là vợ, còn hai mươi bốn cuốn khác do nhân viên bảo mật của đơn vị nắm giữ, cất trong két bảo hiểm, khoá bằng ổ khoá hai chìa, tức là phải có hai chìa khoá đồng thời mở. Chị Lợi nắm giữ một chìa, một chìa nữa do trưởng phòng của chị giữ. Những sổ tay ấy chị Lợi giữ, nhưng một mình chị không được phép xem, càng không thể là của riêng mình.

Lúc nào có thể xem?

Theo chị Lợi nói lại, có cuốn mấy năm sau có thể xem, có cuốn phải mấy chục năm sau mới được xem, vì độ bí mật của mỗi cuốn khác nhau, thời gian giải mật cũng khác. Hai mươi bốn cuốn sổ tay ấy đối với chúng ta có như không, giống như Kim Trân trong viện điều dưỡng Linh Sơn, tồn tại đấy, nhưng thực tế cách tồn tại coi như không tồn tại, không còn ý nghĩa, có như không, coi như không tồn tại. Như vậy, tôi rất muốn được đọc cuốn sổ tay thứ hai mươi lăm do chị Lợi nắm giữ. Nghe nói, chị cũng chưa cho ai xem, nhưng ai cũng biết cuốn sổ ấy trong tay chị. Bởi khi chị nhận cuốn sổ đó từ đơn vị về có ghi vào sổ, có chữ kí của chị đã nhận. Chính vì vậy chị không thể giấu tôi, chị thừa nhận cuốn sổ tay chị giữ. Nhưng mỗi khi tôi nghĩ muốn mượn đọc, chị luôn luôn nói: anh đi đi! Lần nào tôi cũng bị chị đuổi như vậy, không do dự, không giải thích, không quanh co lẩn lữa. Cho đến mấy tháng sau, năm chương trước đã hoàn thành, tôi đưa đến nhờ phòng chính trị và những người có liên quan trong đơn vị 701 thẩm tra lại sự thật. Chị Lợi là một trong những người được thẩm tra, đọc xong tôi hỏi ý kiến chị, bỗng chị chủ động hỏi, có muốn xem cuốn sổ tay ấy nữa không? Tôi nói tất nhiên. Chị hẹn tôi ngày mai đến. Nhưng ngay tối hôm ấy chị đến nhà khách của đơn vị, đưa đến cho tôi cuốn sổ tay ấy, nói chính xác là bản photo của cuốn sổ tay.

Cần phải nói thêm ba điểm.

Thứ nhất, bản photo của chị đưa cho tôi không hoàn chỉnh. Theo tôi được biết, sổ tay của Kim Trân và những người khác trong đơn vị 701 đều được thống nhất cấp phát, khuôn khổ giống nhau, có loại bìa cứng, loại bìa bọc ni lông, có hai màu đỏ và xanh lam. Nghe nói, Kim Trân mê tín màu sắc, anh chỉ dùng một loại sổ bìa ni lông màu xanh lam. Tôi đã được thấy loại sổ tay ấy rồi, phía trên và phía dưới của trang đầu tiên in rõ “Tuyệt mật” và “Chú ý nộp lại, không được đánh mất”, chữ in màu đỏ, khoảng giữa trang có các dòng:

Số:.....

Kí hiệu:.....

Thời gian sử dụng:.....

“Số” là số thứ tự của sổ tay, “Thời gian sử dụng” là ngày lĩnh sổ và ngày giao nộp lại sổ; “Kí hiệu” là tên họ người sử dụng được thay thế bằng mã số, kí hiệu của Kim Trân là 5603K, người ngoài sẽ không biết đây là ai, nhưng người trong đơn vị nhìn vào là biết ngay: anh vào đơn vị 701 công tác năm 1956, “03” là người thứ ba vào làm việc tại phòng giải mã trong năm đó. Góc trên bên phải của mỗi trang sổ tay đều đóng dấu “Tuyệt mật” và ghi rõ số trang, chữ “Tuyệt mật” ở trên, số trang ở dưới, mực dấu đỏ tươi.

Tôi để ý, chị Lợi đưa tôi bản photo, chữ tuyệt mật và số trang đã bị xoá. Tôi nghĩ, xoá chữ tuyệt mật thì có thể hiểu, vì nó sẽ là của tôi, không còn tuyệt mật nữa, nhưng tại sao lại xoá số trang? Lúc đầu tôi không hiểu, về sau tôi đếm tổng số trang, phát hiện chỉ có 72 trang, vậy là đã rõ. Theo tôi được biết, cuốn sổ có

99 trang, tức là chị Lợi photo cho tôi không đủ. Chị giải thích: thứ nhất, cuốn sổ vẫn chưa dùng hết, còn hơn chục trang trắng; thứ hai, trong đó có những bí mật thuộc về hai vợ chồng, không tiện cho tôi xem, cho nên chị tước bỏ. Nhưng tôi lại rất muốn đọc những điều đó.

Thứ hai, nhìn vào thời gian và nội dung ghi trên sổ tay, đây chỉ là “trích ghi lúc ốm” của Kim Trân. Đó là một ngày trung tuần tháng sáu năm 1966, Kim Trân ăn sáng xong, từ nhà ăn ra về, bỗng ngất ngay trong sảnh lớn, trán đập vào một góc cái ghế dài, máu chảy như xối. Đưa vào bệnh viện kiểm tra mới biết, anh bị chảy máu dạ dày, đây cũng là nguyên nhân làm anh bị ngất. Kết quả chẩn đoán bác sĩ cho biết, anh đau dạ dày rất nặng, phải vào điều trị.

Bệnh viện là nơi người “điên cờ” hồi xưa điều trị, bệnh viện riêng của đơn vị 701, kế bên căn cứ huấn luyện khu nam, thiết bị và trình độ bác sĩ không thua kém một bệnh viện cấp thành phố, chữa trị bệnh chảy máu dạ dày rất bình thường, không có gì khó khăn, sẽ không xảy ra sự cố như điều trị cho người “điên cờ”. Tuy là bệnh viện nội bộ, nhưng vì địa điểm ở khu nam, có thể hình dung mức độ bí mật không như khu bắc. Một ví dụ có thể không thích hợp lắm, quan hệ giữa khu bắc và khu nam giống như quan hệ chủ tớ, tớ bận toàn những việc của chủ, nhưng chủ bận gì thì tớ không có quyền biết, dù có ngẫu nhiên biết tí chút cũng chỉ là chuyện bên ngoài. Nói một cách nghiêm túc, thân phận của Kim Trân cũng không thể công khai, nhưng việc ấy bây giờ cũng khó giữ, vì anh là người nổi tiếng, mọi người đã chính thức hoặc không chính thức biết địa vị và thân phận trọng yếu của anh. Tất nhiên thân phận công khai đấy, nói đi cũng phải nói lại, tất cả đều là người nhà, công khai cũng không có vấn đề gì lớn. Nhưng chuyện công tác, nghiệp vụ là tuyệt đối không được tiết lộ.

Chúng ta đều biết, Kim Trân lúc nào cũng đem theo sổ tay, lúc ấy do sự việc quá gấp, anh bị chảy nhiều máu, lại bất tỉnh nhân sự, sổ tay cũng được đưa vào viện theo người. Điều này là không cho phép, nhân viên bảo mật biết anh vào viện (ra khỏi khu bắc), nhưng không đến ngay bệnh viện để thu hồi sổ tay, cho đến tối hôm ấy Kim Trân chủ động đưa nộp lại. Về sau người của bộ phận bảo mật biết chuyện, không chút do dự ghi tên nhân viên bảo mật kia và bị chuyển, bổ trí một nhân viên bảo mật khác, đây là chị Lợi. Cứ đọc sổ tay thì biết, đây là ba bốn hôm sau, tức là bốn năm ngày sau khi Kim Trân vào viện.

Cuốn sổ tay này tất nhiên không phải cuốn sổ tay kia.

Sự thật thì, khi Kim Trân giao nộp cuốn sổ tay của mình, anh không quên nhận một cuốn khác, vì anh quá biết thói quen của mình, thói quen đem theo sổ tay bên mình. Đây là cách sống của anh, có thể nói từ nhỏ ông Lily đã cho anh cây bút máy Water, từ đấy anh tạo cho mình một thói quen, cho dù nằm trên giường bệnh vẫn giữ thói quen ấy, không sao thay đổi nổi. Tất nhiên, hoàn cảnh anh lúc bấy giờ không thể ghi chép vào sổ tay những gì thuộc về công tác, đây là nguyên nhân để sổ tay này của anh lọt ra ngoài. Theo tôi, trong sổ tay này anh chỉ ghi chép những ý nghĩ trong thời gian nằm viện.

Thứ ba, lối xưng hô trong sổ tay vô cùng lộn xộn.

Lối xưng hô thường gặp nhất trong sổ tay là “mi”, sau đấy là “anh ta”, sau nữa là “cô ấy”. Có thể nhận thấy, những lối xưng hô ấy không chỉ rõ ai, không biết có chỉ riêng một người nào đó không. Nói theo nhà ngôn ngữ học, công năng ngôn ngữ rất lộn xộn. Ví dụ “mi” có lúc chỉ bản thân có lúc tưởng như chỉ ông Hinsh hoặc ông Lily con hoặc bà vợ ông ta, hoặc thầy Dung, có lúc hình như muốn chỉ chị Lợi, hoặc anh chàng điên cờ, hoặc Thượng đế, thậm chí là cái cây, hoặc con chó, tóm lại rất phức tạp, sợ rằng chính Kim Trân cũng không phân biệt nổi. Tôi nghĩ, rất lung tung, cho nên lúc muốn hiểu cũng chỉ có thể tự hiểu mà thôi. Tại sao tôi cho rằng bạn đọc có thể không đọc, hoặc vì chuyện này mà không thể nhận định, không thể lí giải lời lẽ ấy, chỉ có thể dựa vào cảm giác. Dẫu là thế, không xem cũng chẳng sao, nếu xem, nó ở ngay dưới đây. Sổ thứ tự là tôi thêm vào, những đoạn ghi bằng tiếng Anh do tôi dịch ra và gạch chân.

1

Anh ta yêu cầu tôi sống như một cây nấm, do trời đất mây mưa nuôi dưỡng, do trời đất mây mưa tiêu diệt, nhưng không thể làm nổi, ví dụ lúc này, anh ta biến thành một thứ được cưng chiều,

Một thứ long vật đáng ghét!

2

Anh ta có cảm giác thế này, sợ hãi nhất là bệnh viện.

Con người sau khi vào viện, người lớn nhất cũng sẽ trở nên đáng thương, yếu đuối, giống như đứa trẻ con hoặc ông già, phải có người chăm sóc yêu thương... giống như được cưng chiều.

3

Mọi tồn tại đều hợp lí, nhưng không nhất thiết hợp tình. Tôi nghe anh ta nói vậy. Đúng lắm!

4

Qua kính cửa sổ mi thấy đầu bị quán băng, giống như vừa từ mặt trận trở về.

5

Giả thiết dạ dày chảy máu là A, trán chảy máu là B, con ma bệnh là X, vậy thì rất rõ ràng, giữa A và B sẽ tạo thành quan hệ hai chiều dưới X, A là trong, B là ngoài, hoặc A là tối, B là sáng; cũng có thể hiểu A là trên, hoặc chính, hoặc đây, B là dưới, hoặc âm, hoặc quan hệ đối xứng hai chiều, quan hệ hai chiều này không xây dựng trên cơ sở tất nhiên, mà là ngẫu nhiên, nhưng một khi ngẫu nhiên xuất hiện, ngẫu nhiên sẽ biến thành tất nhiên, tức không có A mà phải có B, giữa A và B có cái tất nhiên, quan hệ hai chiều này có đặc trưng giống với thuyết song hướng của Wemak... Chả nhẽ Wemak cũng như mi, trong đó có khởi đầu và phát minh lí thuyết toán học song hướng?

6

Trán bị sứt có những cách nói khác nhau.

Phao-lô nói: “Tại sao ông không tranh thủ đi cày mà ngồi trên chiếu này khóc làm gì?”

Nông phu nói: “Vừa có con lừa bậy ra đây, nó đá tôi gãy hai cái răng cửa.”

Phao-lô nói: “Vậy bác phải cười chứ, tại sao lại khóc?”

Nông phu nói: “Tôi khóc vì đau và buồn, có gì đáng cười đâu?”

Phao-lô nói: “Thánh nói, răng cửa của đàn ông rụng và vỡ trán là mở cửa sổ trời, tốt lắm, chứng tỏ chuyện vui sắp rơi xuống đầu anh đấy.”

Nông phu nói: “Vậy tôi lạy thần lạy thánh cho tôi sinh một đứa con.”

Quả nhiên năm ấy bác nông phu sinh một đứa con.

Bây giờ trán mi cũng vỡ, liệu có chuyện vui gì không? Sự việc chắc phải có, nhưng tốt xấu khó nói lắm, là bởi mi không biết tốt là gì.

7

Tôi thấy vạn vật dưới ánh sáng đều là hư vô, đều là bất bóng. Cái cong không thể uốn thẳng, thiếu hụt không thể bù đắp. Tôi thâm nhủ, tôi có đại trí tuệ vượt cả đám người ở Jerusalem, hơn nữa trí tuệ và trí thức trong tim tôi đã qua từng trải, tôi chuyên tâm lau sạch trí tuệ, cuồng vọng và ngu muội, vẫn biết đây là chuyện bất bóng, bởi có bao nhiêu trí tuệ có bấy nhiêu buồn phiền, gia tăng trí thức cũng tức là gia tăng ưu phiền. (Kính thánh)

8

Anh ta rất giàu, càng ngày càng giàu.

Anh ta rất cùng khổ, càng ngày càng cùng khổ.

Anh ta là anh ta.

Anh ta là anh ta.

9

Bác sĩ nói, một cái dạ dày lành mạnh bên ngoài phải sáng, bên trong phải thô, nếu lật bên trong, phơi mặt thô ra ngoài, vậy cái dạ dày lành mạnh sẽ như một con nhím, toàn thân gai góc, gai góc rất đều. Dạ dày của tôi lật ra giống như cái đầu chóc, cái thứ gai góc bị lửa thiêu, chỗ nào cũng thấy lở loét, chảy mủ chảy

máu, bác sĩ còn nói, mọi người cho rằng bệnh dạ dày là do ăn uống không tốt, bệnh dạ dày thật sự là do thần kinh yếu. Tức là nói, bệnh dạ dày không phải do ăn uống bữa bãi, mà do suy nghĩ nhiều...

Có thể, tôi đâu có phạm ăn tục uống?

Cái dạ dày của tôi giống như một thứ dị vật, một kẻ địch (gián điệp), chẳng bao giờ nó cười với tôi.

10

Mi nên ghét cái dạ dày của mi.

Nhưng lại không thể.

Vì trên đây có dấu ấn của mi.

Mi đã làm cho cái dạ dày trở nên như thế, trời sinh ra đã yếu, yếu không chịu nổi gió, giống như một đoá hoa lê.

Dạ dày của mi ăn không biết bao nhiêu hoa lê.

Mi đau dạ dày sẽ nghĩ đến hoa lê, nghĩ đến ông già.

Ông ơi, ông chưa chết, không những ông sống trong dạ dày cháu.

11

Mi đi thẳng một mạch, không thích nhìn lại phía sau.

Vì không thích nhìn lại phía sau, nên mi yêu cầu mình đi thẳng về phía trước.

12

Dưới trời này mọi việc đều do Thượng đế an bài.

Nếu để mi an bài, có thể mi sẽ an bài mình thành một ẩn sĩ xa lánh người đời hoặc thành một tù nhân. Tốt nhất là một tên tù vô tội, hoặc tên tù không người cứu, dù sao không có cảm giác tội ác.

13

Một cái bóng tóm lấy mi.

Vì mi đứng lại.

14

Lại một cái bóng nữa tóm lấy mi.

15

Englert nói, ngủ một chút, vì phải ngủ mê.

Tôi nói không làm việc mệt nhất, vì tâm lí trống trải, rất nhiều thứ giống như giấc mơ trôi qua chỉ còn lại sự trống rỗng.

Làm việc sẽ quên hết quá khứ, cũng là lí do để tự giải thoát.

16

Giống như một con chim bay ra khỏi tổ.

Giống như trốn chạy...

17

Mi là người vong ơn bội nghĩa, mi chạy đi đâu?

Tôi ở bên dòng suối cách... cây số, phía tây của các người. Tại sao mi không trở lại thăm chúng tôi?

Không thể về nổi...

Chỉ có người tù mới không thể về.

Tôi giống như một tên tù.

Anh ta là tù nhân của anh ta.

18

Các người cho anh ta quá nhiều, nhiều đến mức anh ta không dám nhớ lại, nhớ lại lòng những không đành, cảm thấy có lỗi và tự ti, may mắn nhưng buồn, giống như anh ta dùng cái thân thể đáng thương chèn ép tấm lòng từ thiện của mọi người.

Cổ nhân nói, nhiều sẽ ít, đầy ắt vơi.

Thánh nói, dưới trời này không có gì đầy đủ.

19

Có người được người khác yêu bỗng trở nên hạnh phúc, có người được người khác yêu mà trở nên đau khổ.

Vì hạnh phúc, anh ta phải về.

Vì đau khổ anh ta bỏ đi.

Không phải anh ta biết những điều đó mới bỏ đi, mà bỏ đi rồi mới biết.

20

Kẻ vô tri không biết sợ hãi.

Sợ hãi giống như sợi dây quần lầy anh ta, kéo chân anh ta lại, hình như ở đây có cái bí mật riêng tư không thể cho ai biết.

21

Mẹ, mẹ có khoẻ không?

Mẹ, mẹ, mẹ thân yêu!

22

Tối hôm qua trước khi đi ngủ, mi cổ vũ mình cố gắng nằm mơ, nhưng đã mơ thấy gì bây giờ không còn ấn tượng. Nên là sự việc chuyên nghiệp, bởi đây là mục đích mi cổ vũ mình nằm mơ, phải thoát khỏi nỗi buồn phiền không làm việc.

23

Englert giơ ngón tay trở nói với tôi, ông là đại ca trong cái nghề chúng ta đang làm và tôi là anh hai. Đồng thời ông chỉ trích tôi hiện tại phạm phải hai sai lầm lớn, thứ nhất là làm quan, thứ hai, phá cả những khoá mật mã cấp thấp mà mọi người có thể phá. Sai lầm thứ hai sinh ra từ sai lầm thứ nhất. Điều này khẳng định, làm trưởng phòng cho nên phải tham gia phá tất cả các khoá mã khác. Ông Englert nói: kết quả làm tôi càng ngày càng xa rời anh chứ không phải càng gần hơn. Tôi nói, hiện tại đối phương chưa sử dụng bộ mật mã cao cấp mới, tôi không làm những việc ấy thì làm việc gì? Englert nói, ông ấy vừa viết xong một cuốn sách, bản thân cuốn sách là bộ mật mã cao cấp nhất thế giới, làm ông ngộ ra rằng mật mã cao cấp nhất hoặc thấp nhất thế giới đều rất khó phá khoá, nhưng ai muốn phá nó hãy đọc và hiểu nội dung cuốn sách, suốt ba mươi năm ông đã phá được tất cả mật mã cao cấp, ông đề nghị tôi giải mã cuốn sách này, đồng thời giơ ngón tay cái lên nói với tôi, nếu tôi giải mã được cuốn sách này, thì ngón tay cái sẽ là đại diện cho tôi.

Đúng là một sự uỷ nhiệm.

Nhưng cuốn sách ấy ở đâu?

Trong giấc mơ của tôi.

Không, trong giấc mơ của Englert bên trong mơ của tôi.

24

Nếu ở đời có cuốn sách ấy, nhất định nó ra đời từ tay ông Englert.

Chỉ có thể là của ông ta.

Sự thật thì, bộ óc ông là cuốn sách ấy.

25

Đúng là ông Englert sinh thời có để lại một cuốn sách, tên sách là “Chữ của thánh nhân”, có người nói đã trông thấy ở hiệu sách, nhưng không chắc lắm, bởi vì tôi đã huy động mọi lực lượng của tổ chức đi tìm nhưng không thấy cuốn sách ấy.

Trên đời này không có gì mà tổ chức của tôi không tìm ra, mà chỉ có thể không có sự việc ấy.

26

Mi là một con chuột.

Hiện thời mi đang ở trong kho thóc.

Nhưng mi không ăn nổi thóc.

Bởi mỗi hạt thóc đều bọc một lớp bảo vệ mà răng mi không cắn nổi.

Đây là mật mã.

27

Phát minh ra mật mã, một mặt để những tin tình báo trước mặt anh, chỉ cần giơ tay ra với tới, mặt khác lại làm cho mắt mi mù tịt, không trông thấy gì.

28

MacArthur đứng trên bán đảo Triều Tiên, tay giơ lên trời nắm bắt, sau đấy nắm chặt bàn tay nói với viên sĩ quan phá khoá mật mã: đây là tin tình báo tôi cần, có khắp trời, chỉ cần giơ tay ra là nắm được nó, nhưng tôi không làm sao đọc được nó, bởi vì lúc này tôi bị mù, xem anh có thể khôi phục thị lực của tôi được không.

Mấy năm sau, trong hồi kí ông ta viết, viên sĩ quan phá khoá mật mã không cho tôi mở mắt, cho dù chỉ một mắt, và tôi sống để trở về là tốt rồi.

29

Làm lại động tác của MacArthur giơ tay lên trời nắm bắt, nhưng lúc này mi chỉ bắt được không phải là không khí, mà là một con chim. Bầu trời đầy chim, nhưng khả năng tay không muốn bắt được một con chim là tuyệt đối rất nhỏ, tuyệt đối rất nhỏ không có nghĩa là tuyệt đối không, có người tỏ ra rất thần kì cũng bắt được một con.

Như thế gọi là phá khoá mật mã.

Nhưng đa số cả đời không bắt được con chim nào, mà chỉ bắt được cái lông chim.

30

Người như thế nào thì bắt được chim?

Có thể chỉ có ông John Fobes Nahs[6].

Nhưng ông Hinsh không thể, tuy tài năng không kém J. Nahs bao nhiêu.

31

Tuy ông Nahs có thể tay không bắt chim, nhưng trong lòng lại không biết bao giờ mới bắt được. Còn ông Hinsh chỉ cần chú ý quan sát ánh mắt, động tác ra tay, tư thế, độ nhạy cảm, tính chính xác, sức bật... của

ông ta, ngửa đầu lên xem có bao nhiêu chim, tốc độ bay, đường bay, đặc điểm, sự thay đổi của chúng... có thể dự đoán được bao giờ ông Nahs bắt được chim.

Cũng là thiên tài như nhau, thiên tài của ông Hinsh nghiêm cẩn hơn, đẹp hơn, đẹp như thiên sứ, như một vị thần linh. Thiên tài của ông Nahs càng xa lạ, xa lạ gần đến mức quái dị và dã man, có cảm giác người và ma hợp nhất. Mật mã là nghề ma quỷ hoá con người, con người gian tà, thâm hiểm, độc ác, ma giáo... đến mức không thể hơn, cho nên, ông Nahs người ma không phân biệt càng dễ tiếp cận nó.

32

Ngủ và chết cùng tên, nhưng khác họ.

Ngủ là bước tập sự của chết, giấc mơ là cảnh ma của con người.

Ai cũng bảo tính hồn mi quá lớn nhưng thân xác quá nhỏ, đầu quá to đấy là đặc trưng cơ bản của lũ yêu quái.

Họ còn nói, từ nhỏ mi đã làm bạn với giấc mơ, vì thế tiềm năng yêu khí và tà khí, cho nên càng dễ bắt được chim bằng tay không.

33

Mọi bí mật ở đời đều có trong mộng.

34

Mi chỉ chứng minh bản thân mi.

Khi mi chứng minh mi, đối phương cũng sẽ giúp mi chứng minh.

Khi mi không có cách nào chứng minh nổi mi, nhưng lại chứng minh được cho đối phương.

35

Mi khát khao một người tài giỏi hơn để mi khỏi phải khen, nhưng vì vậy cần mi nói không ngừng.

36

Lại thay nhân viên bảo mật của tôi, lí do cô ta không kịp thời thu sổ tay của tôi.

Cô ta không phải là người đầu tiên mà cũng chưa phải là người cuối cùng.

37

Nhân viên bảo mật mới chắc chắn cũng là nữ...[7]

38

Cô ấy là ai?

Mi biết cô ấy không?

Mi mong biết hay là không?

Cô ta tự nguyện hay cấp trên phải làm công tác tư tưởng?

Ngày mai đã đến chưa?

Đồ quý! Chuyện đau đầu quá chừng!

39

Ma quỷ không ngừng sinh con đẻ cái là để ăn chúng.

40

Bác sĩ bảo dạ dày tôi vẫn còn chảy máu, ông ấy lấy làm lạ là, đã dùng nhiều thuốc tốt rồi mà vẫn không thấy hiệu quả. Tôi nói với bác sĩ, nguyên nhân tôi bị bệnh là do hơn chục năm trước tôi uống thuốc đau dạ dày như ăn cơm vậy, uống quá nhiều, nay bệnh bị nhờn thuốc. Ông đổi thuốc, tôi bảo đổi thuốc gì cũng

không mới, quan trọng là gia tăng liều lượng. Ông bảo, như thế rất nguy hiểm, ông không dám. Xem ra, tôi phải chuẩn bị ở đây lâu.

41

Cái thứ cứng chiều đáng ghét.

42

Cô ta đã đến.

Cô ấy rất dũng cảm đến đây chịu khổ.

43

Cô ấy vào phòng bệnh, căn phòng trở nên chật chội.

Lúc cô ấy đi, nhìn theo từ phía sau, mi chừng như quên mất cô ấy là nữ.

Cô ấy cần chừng bảy cái bánh mới đủ no.

44

Cô ấy không thích trang điểm - một bộ mặt mã thô! Thậm chí mi cảm thấy trước mặt người khác cô ấy cũng không tỏ ra thoải mái hơn mi. Đã như thế còn đến đây làm gì? Nên biết, đây mới chỉ là bắt đầu, mi biết từ nay về sau hàng ngày mi đều cảm thấy lúng túng và bất buộc, dù sao tôi biết anh ta không đồng tình với một người đi nhầm đường.

45

Ý nghĩ muốn giúp đỡ tôi là một thứ bệnh tật, chỉ có nằm xuống mới khỏi bệnh.

46

Nhiều ý nghĩ cũng là một chứng bệnh.

47

Trời xanh, mây trắng, cảnh liễu, gió thổi, đung đưa, cửa sổ, một con chim vút qua, giống như giấc mơ... một ngày mới, thời gian như gió, ngày tháng như nước chảy... những kí ức, những thở than, những ngờ vực, những điều khó quên, những ngẫu nhiên, những chuyện buồn cười... mi trông thấy hai điểm, thứ nhất là không gian, thứ hai là thời gian, hoặc có thể nói, thứ nhất là ngày, thứ hai là đêm...

48

Bác sĩ coi nằm mơ cũng là một thứ tiêu hao sức khỏe, một thứ bệnh.

49

Cô ấy đưa đến cho tôi thuốc lá Đại Tiền Môn, mực viết Quốc Quang, trà Ngân Quân, đồng hồ, dầu cao, đài bán dẫn, quạt lông, truyện Tam quốc diễn nghĩa... Hình như cô ta nghiên cứu... sai về tôi, tôi không nghe đài, linh hồn tôi là cái đài bán dẫn rồi, ngày nào nó cũng kêu không ngừng, giống như cái đồng hồ quả lắc chần động dưới chân sẽ làm nó lắc dài dài.

50

Một lần anh ta nằm mơ thấy mình hút thuốc, sau đấy anh mới bắt đầu hút thuốc.

51

Hút thuốc Đại Tiền Môn là do cô Tường, nhân viên bảo mật đầu tiên tập cho mi, cô ta là người Thượng Hải, có lần cô về nhà đem đến cho anh ta một cây thuốc, anh khen thuốc ngon, vậy là cô bảo gia đình tháng nào cũng gửi lên một cây. Anh còn thích cô nói tiếng Thượng Hải nghe riu rít như tiếng chim, có thể hình dung đầu lưỡi vừa nhọn vừa mềm. Chừng như anh đã thích cô, nhưng không qua nổi thời gian thử thách. Vấn đề của cô ta là đi rất nặng chân, có tiết tấu, về sau giày còn đóng cá sắt, khiến anh không thể nào chịu

nổi. Nói thật, không phải là vấn đề tiếng động, mà là linh hồn anh thỉnh thoảng lại bay đi, trong quá trình bay, thường thường bị níu lại, từ trên không rơi xuống.

52

Nếu để lựa chọn ngày và đêm, anh ta sẽ chọn đêm.

Nếu để lựa chọn núi sông, anh ta chọn núi.

Nếu để chọn hoa cỏ, anh sẽ chọn cỏ.

Nếu chọn người và ma, anh ta chọn ma.

Nếu chọn người sống và người chết, anh ấy chọn người chết.

Nếu chọn mù và câm, anh ấy chọn câm.

Tóm lại, anh ta ghét tiếng động và những thứ phát ra âm thanh.

Đây là một thứ bệnh, giống như mù màu, trời sinh ra thừa một cơ quan công năng.

53

Thầy cúng không đạt mục đích...

54

Trông thật hung dữ.

Cô ta gọi đây là con ba ba đá, dân gian bảo là cóc hủi và rắn tạp giao với nhau đẻ ra nó, rất hiệu nghiệm đối với bệnh đau dạ dày. Điều này thì tôi tin, thứ nhất vì phương thuốc dân gian chữa bệnh rất tốt, thứ hai, bệnh dạ dày của tôi hung dữ như ác quỷ, có thể dựa vào cái hung dữ này để chế phục cái hung dữ kia. Nghe nói, cô ấy phải lặn lội một ngày trong núi mới tìm được nó, thật vất vả cho cô. Tôi phải đi tới núi Mai Dục và đồi Nhũ Hương, cho đến khi trời nổi gió lạnh, tắt nắng mới quay về... (Kính Thánh)

55

Rừng cây thở dưới ánh trăng, một lúc sau nó thu lại thành đồng rất nhỏ, tán cây cao to lát sau lại xoè rộng, trải xuống triền núi, trở thành những bụi cây lúp xúp, thậm chí biến thành bóng mờ, bóng mờ xa xôi...

56

Bỗng tôi cảm thấy dạ dày trống rỗng, nhẹ tênh, giống như biến mất, bao năm nay không có cảm giác ấy. Từ lâu rồi tôi cảm thấy dạ dày mình biến thành bể phân, đầy mùi hôi thối, lúc này đang bốc mùi, xẹp lép, mềm nhũn, lỏng lẻo. Ai cũng bảo uống thuốc ta phải hai mươi bốn tiếng đồng hồ mới có tác dụng, nhưng lúc này mới hơn mười tiếng, thánh thật!

Chả nhẽ đây là linh đơn thần dược?

57

Lần đầu tiên thấy cô ta cười.

Cái cười gò bó, không tự nhiên, không thành tiếng, rất ngắn, chỉ trong chớp mắt, giống như cái cười của người trong tranh.

Cái cười chứng minh cô ta không thích cười.

Có đúng cô ta không thích cười? Hay là...

58

Anh luôn hành động như ngạn ngữ của ông già đánh cá, ngạn ngữ đại ý: thịt của con cá thông minh chắc hơn thịt của con cá ngu xuẩn, hơn nữa có hại, là bởi cá ngu xuẩn ăn không lựa chọn, cá thông minh thì luôn luôn chọn cá ngu xuẩn để ăn...

59

Bác sĩ điều trị cho tôi thực đơn như cho thuốc: một tô canh, một cái bánh bao chay, một bìa đậu phụ và dặn chỉ ăn thế thôi, không ai được thay đổi thực đơn và số lượng. Sau đấy, theo kinh nghiệm của tôi, lúc ấy tôi nên ăn một tô mì, mì làm hơi sũng một chút.

60

Quan niệm về sai lầm cứ chặn ngang cuộc sống chúng ta, so với quan niệm chính xác luôn luôn tỏ ra chính xác. Bởi vì quan niệm sai lầm luôn luôn là bộ mặt trong nghề, tỏ ra quyền uy xuất hiện ngay trước mắt chúng ta.

Trong chuyện phá khoá mật mã, mi là bác sĩ, còn họ là bệnh nhân.

61

Mi đưa họ lên cùng một con đường, con đường ấy có thể dẫn đến thiên đường, có thể xuống địa ngục. Phần sáng tạo của mi không nhiều bằng phá...

62

Phúc đi, hoạ ở lại.

63

Giống như cái đồng hồ, đến và đi đều chính xác.

Đến không tiếng, đi không động.

Đây là sự trùng hợp cô ta hiểu mi hay là bản tính như thế? Tôi cho rằng... tôi không biết...

64

Bỗng mong cô ta hôm nay không đến, thật ra là lo cô ta không đến.

65

Cô ta làm nhiều hơn nói, làm gì cũng lặng lẽ. Giống như cái đồng hồ, nhưng như vậy cô ta tạo nên chút quyền uy trên con người mi.

Sự trầm mặc của cô ta có thể luyện thành vàng.

66

Thần thánh ở trên trời, mi ở dưới đất, cho nên lời lẽ của mi phải ít. Nhiều việc, khiến có nhiều giấc mơ. Lầm lờ, tỏ ra ngu xuẩn... Nhiều giấc mơ, nhiều lời, trong đó có nhiều hư ảo. (Kinh Thánh)

67

Cô ấy đã đọc kinh thánh chưa nhỉ?

68

Cô ấy cô đơn!

Cô ấy bất hạnh hơn mi.

Cô ấy lớn lên bằng cơm của trăm nhà!

Cô ấy đúng là cô đơn!

Cô đơn là cái từ nhạy cảm trong tim mi!

69

Bỗng tìm được lời giải đáp.

Cô ấy cô đơn, đấy là câu trả lời.

Thế nào gọi là cô đơn? Cô đơn có hai bộ răng, nhưng không có cái lưỡi hoàn chỉnh. Cô đơn dùng ánh mắt để nói chuyện. Cô đơn làm bằng đất (người làm bằng nước). Cô đơn trong lòng có vết sẹo.

70

Nói với cô ấy mi cũng cô đơn... Không, tại sao phải nói với cô ấy? Mi muốn nói ư? Tại sao mi phải dựa vào cô ấy? Vì cô ấy cô đơn ư? Hay là vì... vì... Tại sao lòng mi bỗng chốc có nhiều vấn đề đến vậy? Vấn đề là hình bóng của nguyện vọng... Thiên tài và cô đơn không có vấn đề, họ chỉ có yêu cầu.

71

Do dự cũng là sức mạnh, nhưng là sức mạnh của người bình thường.

Người bình thường rất thích phức tạp hoá quá trình của mọi chuyện. Đây là bản lĩnh của những người tạo lập mật mã, không phải của người chuyên phá khoá mật mã.

72

Hôm nay cô ấy ra về muộn hơn mọi khi nửa tiếng đồng hồ, vì đọc “Pa-ven Coóc-sa-ghin” cho tôi nghe, cô ấy nói đây là cuốn truyện mà cô ấy thích nhất, lần nào đến cũng đem theo, lúc rảnh rỗi lại đọc. Hôm nay tôi cầm cuốn sách lên lật giở vài trang, cô ấy hỏi tôi đã đọc chưa, tôi bảo chưa, cô ấy đòi đọc cho tôi nghe. Tiếng phổ thông của cô ấy rất chuẩn. Cô ấy bảo, hồi làm nhân viên tổng đài điện thoại trên tổng cục, mấy năm trước qua điện thoại đã nghe thấy tiếng tôi...

73

Phân biệt ở chỗ, có người việc gì cũng chuẩn bị đầy đủ, có người không, cũng không vì thế mà tự trách mình.

74

Anh ta nằm mơ thấy để nước sông ngập ngang thắt lưng, cứ thế vừa đi vừa đọc sách, sách không có chữ... lúc có sóng to, anh ta giơ cuốn sách lên đầu để không bị ướt. Sóng qua đi, anh ấy phát hiện áo quần của mình bị sóng cuốn trôi, toàn thân trần truồng...

75

Trên đời này, mọi giấc mơ đều đã có người mơ!

76/77

Anh ta đồng thời mơ hai giấc mơ, một giấc mơ hướng lên, một giấc mơ nữa hướng xuống dưới... Lúc tỉnh lại, giấc mơ làm anh ta mệt mỏi, tưởng như giấc mơ biến anh ta thành cát sạn.

78

Một lần không may qua đi có thể xoá đi một lần lên đến đỉnh cao.

Nhưng cũng không nhất định.

79

Hãy nghĩ đến những sự việc mà mi cho rằng cả đời mi sẽ không nghĩ đến.

80

Chỉ có một cách xoá bỏ là, tận mắt trông thấy mi.

81

Hãy nghe... cái... mi... trong mắt... nhất... trên... mi...[8]

82

Có hai loại bệnh. Một loại đau đớn là chính, một loại nữa nằm mơ là chính. Loại thứ nhất có thể chữa trị bằng thuốc, loại sau cũng có thể có thuốc chữa, nhưng thuốc ở trong mơ. Loại thứ nhất đang thuyên giảm, loại thứ hai đang sốt cao.

83

Giấc mơ, mi tỉnh lại đi!

Giấc mơ, mi đừng tỉnh lại!

84/85

Nghe đây, lần này anh ta sẽ không viết rồi xoá đi, anh ta...

... Trái tim rung động, giống như cành táo trong rừng, giống như hoa bách hợp giữa bụi gai! (Kinh Thánh)

88

Dấu hiệu trong cuộc sống của mi đang tiêu tan, giống như con sâu bị một con sâu khác nuốt chửng.

87

Một cái lồng đang chờ một con chim...

88

Đây là con đường mọi người vẫn đi, cho nên rất dễ nhận ra.

89

Chim ơi!

90

Lẽ nào anh ấy đấu tranh vẫn chưa đủ? Một cái lồng đang chờ đợi một con chim, cho dù...

Nội dung trong sổ tay tuy rất lộn xộn khó hiểu, nhưng vẫn có thể nhận ra trong tim Kim Trân, ẩn tượng về Cù Lợi cứ đậm dần, cho đến cảm giác yêu, về sau cảm giác ấy hiện rõ hơn. Tôi đoán chừng, những trang sổ tay chị Lợi lấy đi rất tình cảm, hơn nữa có thể khẳng định quá nửa là mơ màng. Bởi vì, tôi đã từng hỏi chị, trong sổ tay Kim Trân có những thần bày tỏ những câu đại loại như “anh yêu em” hay không, chị Lợi bảo không. Nhưng chị lại nói, cũng có những câu gần như thế, có một câu với ý ấy.

Tôi cứ hỏi mãi, chị Lợi do dự rồi nói, câu nói không phải là nguyên văn của anh ấy, mà anh dẫn từ trong Kinh thánh, chi tiết cuối cùng của chương bốn trong “Nhã ca”. Tôi tìm đọc Kinh thánh, có thể khẳng định câu chị Lợi nói ra là thế này:

Gió bắc ơi, thổi lên! Gió nam ơi, thổi lên! Thổi vào vườn của tôi, để hương thơm toả ngát, mong người hiền của tôi bước vào khu vườn của tôi, ăn trái ngon của vườn nhà tôi!

Là một phần tình cảm riêng, rút bỏ là không thể chỉ trích. Có điều đối với chúng ta, như thế sẽ khó hiểu hơn quá trình diễn biến tình cảm của hai người. Bởi vì có bảo lưu, có bản gốc, có bí mật. Cho nên tôi nghĩ, có thể xem cuốn sổ tay này là mật mã tình yêu của hai người.

Nên nói rằng, Kim Trân là thiên tài phá khoá mật mã, nhưng về mặt tình cảm nam nữ, tôi không hiểu, cho dù đã có tài liệu trong tay, cũng bị rút bỏ một cách gượng ép, cố tình. Tôi có cảm giác, mọi người không muốn cho phép người ngoài có ẩn tượng về tình yêu của Kim Trân, cảm thấy có như thế mới không làm tổn hại đến hình ảnh đẹp đẽ của anh. Lẽ nào với một người như Kim Trân, những tình cảm riêng tư, tình thân, tình bạn... đều không nên tồn tại? Bởi không nên tồn tại, cho nên trước hết bản thân anh phải ra sức rút bỏ, tiếp theo, nếu bản thân khó rút bỏ người khác cũng tìm cách rút bỏ cho anh. Chuyện là thế.

Chị Lợi nói với tôi, buổi chiều sau ngày thứ ba Kim Trân ra viện, vào lúc sắp hết giờ làm việc, anh đến phòng làm việc của chị, trao sổ tay cho chị như thực thi công vụ. Là một nhân viên bảo mật, phải mở những cuốn sổ tay vừa được giao nộp ra kiểm tra có thiếu trang nào hay không, nếu thiếu phải truy hỏi trách nhiệm. Cho nên, Kim Trân giao nộp sổ tay, chị Lợi cũng phải thực thi công vụ, mở ra kiểm tra. Lúc ấy, Kim Trân nói với chị câu này:

“Trên đây không có bí mật thuộc công tác, chỉ có bí mật của cá nhân tôi, nếu cô cảm thấy hiếu kì, nếu không có gì trở ngại thì cứ đọc, tôi mong cô đọc và mong được hồi âm.”

Chị Lợi nói, lúc chị đọc thì trời đã tối, chị về phòng mình, kết quả như ma quỷ sai khiến, chị đi vào phòng Kim Trân. Thật ra, lúc bấy giờ chị ở nhà ba tầng, Kim Trân ở nhà của chuyên viên, hai hướng khác nhau.

Hai toà nhà đến nay vẫn còn, toà nhà của nữ xây gạch đỏ, toà nhà này xây gạch xanh, chỉ có hai tầng. Tôi còn đứng chụp ảnh kỉ niệm trước toà nhà xây gạch xanh, tôi nhìn bức ảnh, lập tức trong lòng nghe rõ tiếng chị Lợi.

Chị Lợi nói: “Tôi bước vào, anh nhìn tôi không nói gì, thậm chí cũng không mời ngồi. Tôi đứng nói với anh, em đã đọc sổ tay rồi. Anh ấy nói, nói đi, tôi nghe đây. Tôi nói, cho em làm vợ anh. Anh nói, được thôi. Ba hôm sau chúng tôi làm lễ cưới.”

Chuyện đơn giản đến khó tin.

Nói thật, khi chị Lợi kể lại, chị không tỏ ra bất cứ biểu hiện nào, không buồn, không vui, không kinh ngạc, không kì lạ, ngay cả cảm giác hồi tưởng cũng không, giống như đã nhiều lần kể lại giấc mơ của mình, khiến tôi hoàn toàn hiểu tình cảm của chị lúc ấy và bây giờ. Vậy là, tôi mạo muội hỏi, vậy chị có yêu Kim Trần không? Câu trả lời là:

“Tôi yêu anh ấy như yêu đất nước tôi.”

Tôi lại hỏi:

“Nghe nói sau ngày cưới không lâu, anh ấy bắt đầu nghiên cứu mật mã hắc mật?”

“Đúng vậy.”

“Rồi anh ấy ít khi về nhà?”

“Đúng vậy.”

“Thậm chí anh ấy hồi hận vì đã lấy vợ?”

“Đúng vậy.”

“Chị có hối hận không?”

Tôi chú ý nhìn, chị như bình tĩnh, mở to mắt nhìn thẳng vào tôi, rất kích động, nói:

“Hối hận? Tôi yêu nước, anh có thể nói hối hận được không? Không, không bao giờ!”

Tôi nhìn chị, bỗng nước mắt trào ra, sống mũi cay cay, muốn khóc.

Bắt đầu viết tại làng Ngụ Công, Bắc Kinh, tháng 7/1991

Viết xong tại La Gia Niễn, Thành Đô, tháng 8/2002

Dịch Giả: Sơn Lê

Chú thích

[1] Đại bách khoa toàn thư. ND

[2] Biểu thức đúng là: $S = [(A1 + A2) \times n] : 2$

[3] Giải thưởng toán học quốc tế mang tên J.C>Fields (1863 – 1932), nhà toán học người Canada. ND

[4] Auguste Rodin (1840 – 1917) điêu khắc gia người Pháp. ND

[5] Lúc này thế chiến thứ hai đã kết thúc, số lượng mật điện không nhiều.

[6] Nhà toán học, nhà kinh tế học người Mỹ, giải thưởng Nobel năm 1994.

[7] Trong những năm 70 của thế kỉ hai mươi, hôn nhân ở đơn vị 701 có yêu cầu vô cùng nghiêm ngặt, nữ cấm không được lấy chồng ngoài đơn vị, nam chọn nữ ngoài đơn vị phải báo cáo với tổ chức, để tổ chức cử người đi thẩm tra, nếu được đồng ý mới được lấy nhau. Nếu người ấy không muốn hoặc vấn đề khó giải quyết, đề nghị tổ chức đứng ra giải quyết. Chuyện hôn nhân của Kim Trần một độ tổ chức cảm thấy khó khăn, bởi anh lớn tuổi, mà anh thì không động tĩnh nói năng gì, bản thân không chủ động mà cũng không đề nghị tổ chức giúp đỡ. Anh ngoài ba mươi tuổi, tổ chức khéo léo bí mật xếp đặt chuyện hôn nhân cho anh, trước hết chọn lựa người, sau đấy bố trí làm nhân viên bảo mật cho anh. Người ấy quyết tâm gánh trọng trách của tổ chức và cá nhân đến làm việc với anh, mong sẽ là vợ anh, nếu không thành sẽ thay đổi,

trao cơ hội cho người đến sau, người đến sau đây có thể xoay chuyển được tình hình. Chính vì vậy mà nhân viên bảo mật của anh phải thay đổi nhiều lần. Đây là lần thứ tư.

[8] Đoạn này bị nước làm nhòe, chỉ đọc được vài chữ.

HẾT.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/giai-mat>